NĂM THỨ MƯỜI MỘT • #126 • OCTOBER 1999

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 USA • TEL & FAX: (714) 839-8746

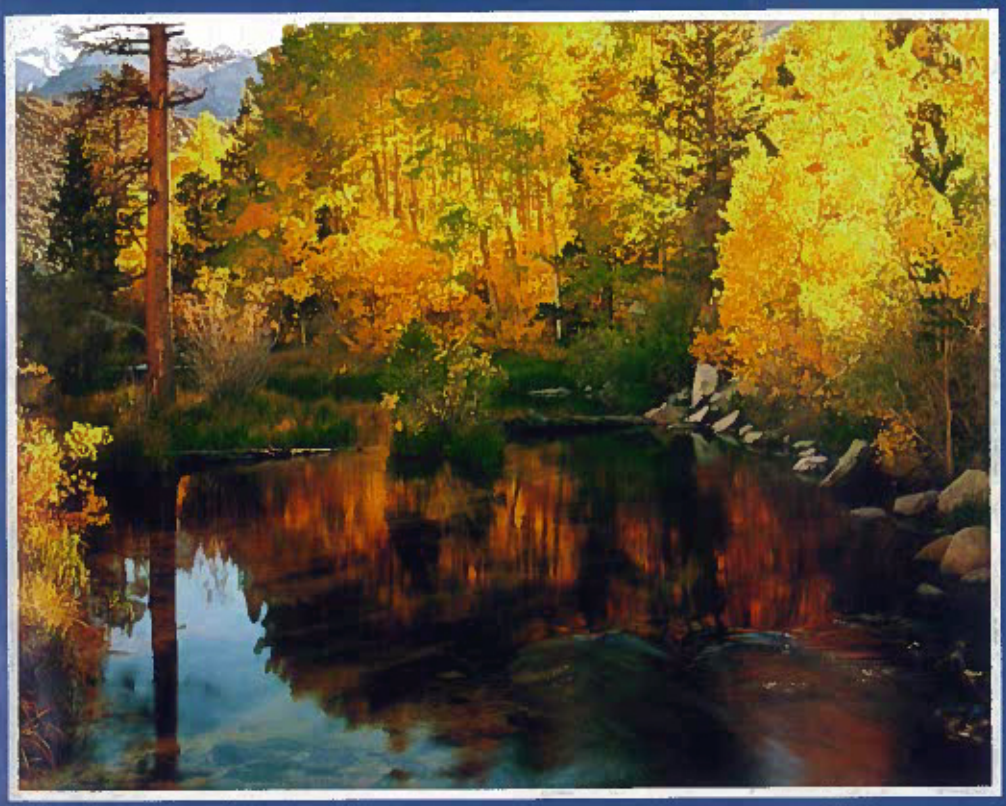

NGUYỄN MẠNH TƯỜNG,
"KẺ BỊ VẠ TUYỆT THÔNG"

MINH VÕ

KHUÔN MẶT CỦA BẠN TRƯỚC KHI SONG THÂN CỦA BẠN CHÀO ĐỜI

PHAN THỊ ĐỖ QUYÊN

THẰNG RUỘNG

ĐẶNG PHÚ PHONG

TRUNG TÂM

THÚY NGA

PARIS

Xin hân hạnh giới thiệu
bộ Cassettes đọc truyện dài "Audio Book"
đặc sắc của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn

AUDIO BOOK 54

XÓM ĐẠO

TRUYỆN DÀI 6 CASSETTES

Với hai giọng đọc truyền cảm
Nguyễn Ngọc Ngạn và Hồng Đào

Độc quyền sản xuất và phát hành:

THÚY NGA

9295 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 893-2860 Fax: (714) 891-9673
Internet: www.thuynga.net
Email: thuynga@thuynga.net

design: Thien Luyen

Đã Phát Hành
Những Băng Đọc Truyện Hay

01. Ai Cũng Cần Có Một Bà Mẹ
02. Lạ Giường
03. Người Đàn Bà Đi Bên Tôi
04. Một Lần Rồi Thôi
05. Dấu Chân Xưa
06. Tấm Vé Số - Thầy Thanh
07. Ven Rừng
08. Chung Quanh Tôi
09. Bước Chân Người Tình
10. Qua Đường
11. Vách Tường Cũ
12. Phòng Mạch
13. Ánh Mắt Vô Tình
14. Biển Vẫn Đợi Chờ
15. Tâm Bệnh
16. Tình Muộn
17. Dấu Vết Ân Tình
18. Dốc Cao Vời Vợi
19. Phòng Tắm
20. Rồi Đến Một Ngày
21. Cây Trứng Cá
22. Nhịp Cầu
23. Đi Thêm Một Bước
24. Kể Một Chuyện Tình
25. Một Lần Hạnh Phúc
26. Ngoại Tình
27. Cõi Đêm (truyện dài 6 cassettes)
28. Người Đàn Bà Đi Trước
29. Dòng Đời Lặng Lẽ
30. Chút Kỷ Niệm Xưa
31. Đếm Những Mảnh Tình (truyện dài 6 cassettes)
32. Mưa Trong Bóng Đêm
33. Dốc Đứng
34. Sau Lần Cửa Khép (truyện dài 6 cassettes)
35. Gặp Gỡ Lần Đầu
36. Giã Từ Sân Khấu
37. Tàu Về Miền Xuôi
38. Mây Đen
39. Trong Quan Tài Buồn (truyện dài 6 cassettes)
40. Món Quà Đầu Năm
41. Ngày Trở Lại
42. Thời Vận
43. Bên Hành Lang Tòa Án
44. Màu Cỏ Úa (truyện dài 6 cassettes)
45. Dòng Sông Hờ Hững
46. Trong Sân Trường Ngày Ấy
47. Khu Phố Chợ Trời
48. Nỗi Mong Đợi Khốn Cùng
49. Ngày Buồn Cũng Qua Mau
50. Tiếng Quạ Réo Vong Hồn
51. Đêm Trong Căn Nhà Hoang
52. Bãi Đất Hoang Sau Nhà
53. Ngôi Mộ Mới Đắp

THÚY NGA 9295 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683.
USA/ P.O.Box 2174 Westminster, CA 92683 - USA - Tel (714) 891-5665
Fax (714) 891-9673 / Internet: www.thuynga.net / E-mail: thuynga @ thuynga.net
Copyright 1999 THUY NGA. All rights reserved.

BACK TO SCHOOL BIG SALE

Bộ Giường ngủ đẹp tuyệt vời. Giá chỉ có

5 Piece Black Lacquer Bedroom Set

Đèn included
(không có nệm) Chỉ có
Bộ giường ngủ 5 miếng đẹp tuyệt vời.

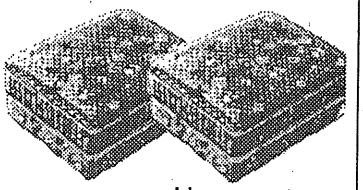

MATRESSES ON SALE
Up To 50% Off from $59/set

3 pcs leather match Sofa + Loveseat + Chair. Any color

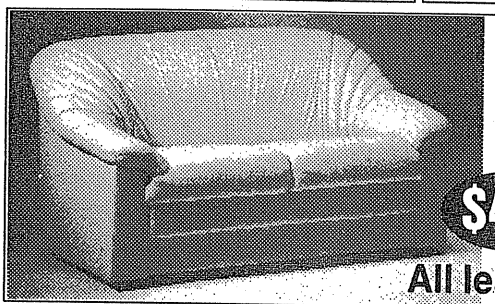

All leather

Leather Match

3 Pcs Sofa Love Seat
Chair Leather
$2199
Now $1399

CLEARANCE SALE FOR BACK TO SCHOOL

Để bà con có đồ dùng như bàn ghế tủ nệm để dùng trong gia đình, KT FURNITURE quyết định giảm giá như sau: 5 bộ Sofa (Sofa Loveseat): $250/bộ
- 5 bộ giường ngủ (5 miếng 1 bộ) $199/bộ - 10 nệm $39/miếng twin size regular
- 5 bộ bàn (6 ghế + 1 bàn) cherry color $399/bộ - 2 bộ Sofa da (3pcs) $2,199 now $1,399/bộ - 10 đèn Halogen $18.99 Now còn $9.99/cái.

Hàng có giới hạn - "First Come First Serve"

MATRESSES ON SALE
Up To 50% Off from $59/set

KT FURNITURE GALLERY

"Where Furniture is a Work of Art"

2775 W. LINCOLN AVE. ANAHEIM

(714) 821-4989

Mon.-Sat. 10 AM - 8 PM | Sun. 10 AM - 6PM

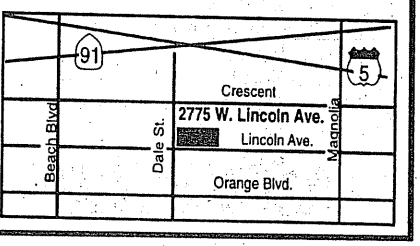

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....

Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.

Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....

Địa chỉ / *Address:*.....

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:

□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998:*

(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*

(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*

(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*

(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL: (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

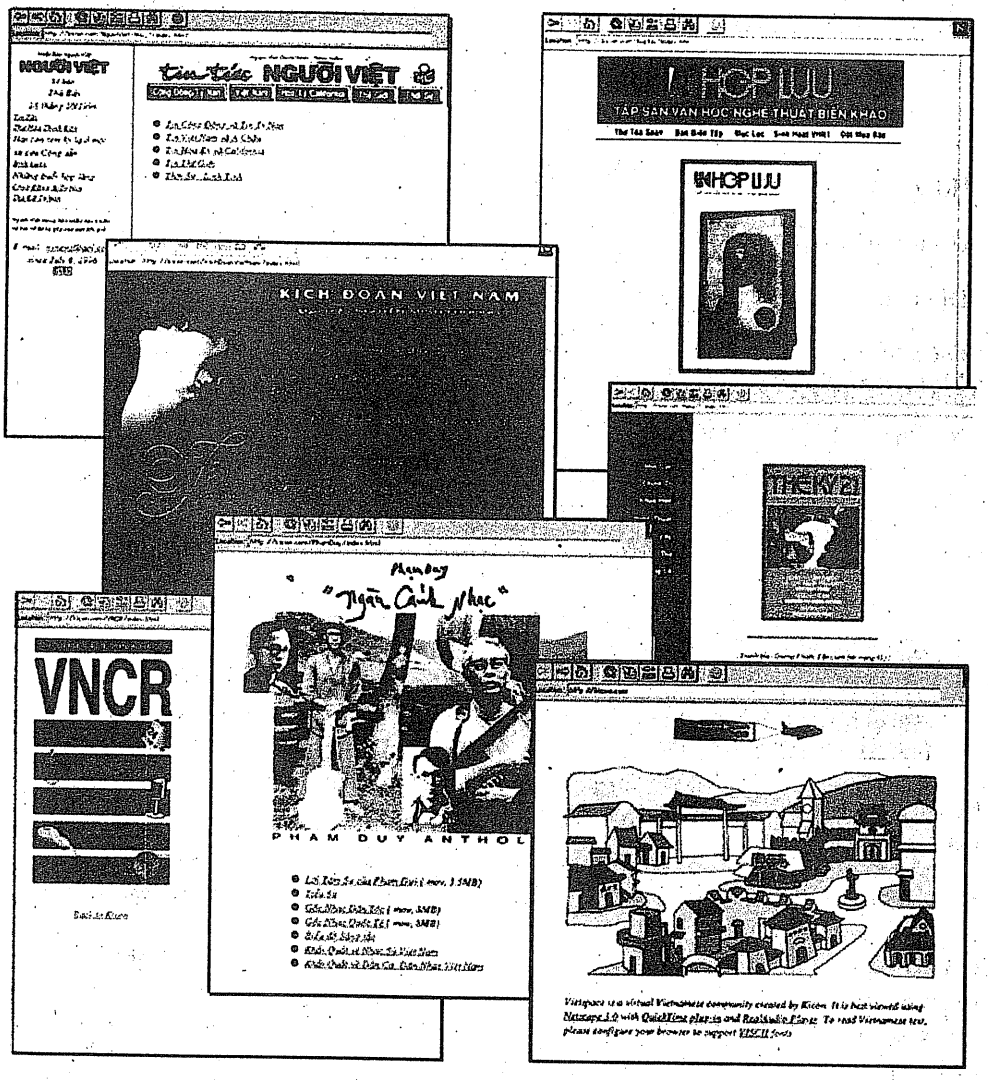

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI

* NHA KHOA THẨM MỸ

* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

ACS ADVANCED COMPUTERS

Fountain Valley location: 18659 Brookhurst St. Fountain Valley, CA 92708
Tel. (714) 965-4631 * Fax (714) 965-4641
South Bay location: 21164 Hawthorn Blvd. Torrance, CA 90503
Tel. (310) 214-8125 * Fax (310) 371-7388

* InTel Pentium III 450MHz/512Kc $728
* InTel Pentium III 500MHz/512Kc $807
* InTel Pentium III 550MHz/512Kc $1079
* InTel Pentium III 600MHz/512Kc $1297

Systems Include:
* InTel Processor with heatsink & fan
* PC100Mhz Bus mainboard
* SHARE 8Mb Video Card
* 64 MB PC100Mhz Bus memory
* 6.4GB ULTRA IDE Hard Drive
* Built-in high speed 16550 UART Serial port
* Built-in Bi-Directional ECP/EPP printer & USB ports
* 1.44Mb Floppy Drive & 104 Keyboard PS2 / Mouse
* ATX Mid-Mini tower case, 235W P.S.UL Approved
* 44X CDROM / WINDOWS 98
* 3D PCI SOUND CARD/SPEAKER
* 56K Fax/Modem

- Monitor Sold separately -
You can also have a custom made machine *

* see store for details
All Systems 2 years LABOR & 1 year PARTS limited warranty
CUSTOM NETWORK INSTALLATION, SETUP AND SERVICE AVAILABLE
Price and stock subject to change without notice

Sẽ phát hành trong tháng 11/1999:

NÚI VẪN XANH

Tập Truyện Mới của
HÀ KỲ LAM

Với 11 truyện ngắn được tác giả cho là đắc ý nhất, **NÚI VẪN XANH** sẽ đem lại cho người đọc những rung cảm và suy ngẫm kéo dài sau khi đã gấp sách lại... *Tình yêu, chiến tranh, những mẫu đời tỵ nạn, các băn khoăn siêu hình, cái dũng, cái hèn của thế nhân v.v...*, tất cả được diễn tả dưới ngòi bút sắc bén, tinh tế của **HÀ KỲ LAM** mà quý vị đã từng mến mộ qua các truyện ngắn đó đây trên các báo.

Sách dày 180 trang, giá 12 mỹ kim, **THẾ KỶ** xuất bản

Hỏi mua tại các nhà sách, hoặc liên lạc:
NGUYỄN ĐÌNH HÀ
5005 Madison Avenue
Pennsauken, NJ 08110
Tel (609) 488-4564 * Fax (609) 488-5619
E-Mail: hakylam@aol.com

Bìa: ảnh Tôn Nữ Thu Nga
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường
Hí họa: Babui, Etcetera
Ảnh: Lý Kiến Trúc, Anh Thành, Tôn Nữ Thu Nga, tư liệu

MỤC LỤC

Số 126 . Tháng Mười 1999

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

12 Xây dựng một cộng đồng Đông Nam Á mới - **Tôn Thất Thiện**
15 Cuộc cách mạng mười năm trước - **Vương Hữu Bột**
20 Ủng hộ hay không ủng hộ quan hệ thương mại bình thường - **Hoàng Quế**
26 Đời sống quanh ta - **Trần Quán Niệm, Thu Thảo**

KHẢO LUẬN - TÀI LIỆU

31 Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ (1975-1999) - **Trần Anh Tuấn**
38 Nguyễn Mạnh Tường, "kẻ bị vạ tuyệt thông" - **Minh Võ**
47 Khuôn mặt của bạn trước khi song thân của bạn chào đời - **Phan Thị Đỗ Quyên**
87 Những mươi năm ấy biết bao nhiêu tình - **Phan Thị Trọng Tuyến**

NHÂN VẬT - VĂN HÓA

44 Nguyễn Đăng Thục và chủ trương duy nhất - **Lê Đình Thông**
66 Đi tìm bản sắc - **Nguyễn Công Khanh**
108 Một vài nhận định về cuốn sách truyện Kiều... - **Đàm Trung Pháp**

TIẾNG VỌNG - NGÔN NGỮ

56 Một vài trao đổi với LM Trần Cao Tường - **Nguyễn Hùng Vũ**
80 Thử đi tìm cái tương đương trong phiên dịch - **Trịnh Nhật**
95 Trở lại hồ sơ Ngũ Phụng - **Trần Gia Phụng**
104 Cuốn từ điển tái bản tám lần - **Đặng Trần Huân**

VĂN

61 Trăng thu - **Mai Hiền Lương**
73 Thằng Ruộng - **Đặng Phú Phong**
84 Bên bờ thác Yaly - **Hà Kỳ Lam**
98 Màu quan san - **Tôn Nữ Thu Nga**

THƠ

59. Còn nguyên - **Trần Mộng Tú.** 63. Mùa chớm vào thu - **Trần Quán Niệm.** 75. Hậu cứ bây giờ đã xa xôi - **Nguyễn Nam An.** 82. Tuyết ngoài song cửa - **Thân Thị Ngọc Quế, Bùi Giáng.** 86. Chiều nghe tiếng gọi - **Đặng Hiền.** 89. Thê noa - **Hà Nguyên Du.** 97. Người lên ngựa kẻ chia bào - **Lê Nhiên Hạo.** 106. Đối diện - **Hồ Trường An**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Thư trong tháng: Trong khi chờ đợi thế kỷ 21 - **Vương Hữu Bột**
8 Bạn đọc viết
10 Tòa soạn và bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
51 Sổ tay
111 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành**
114 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoằng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Văn phòng trưởng & Phát hành:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiêu Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

TRONG KHI CHỜ ĐỢI THẾ KỶ 21

VƯƠNG HỮU BỘT

Quý vị sẽ liên tưởng đến cảnh hai nhân vật loay hoay trên sân khấu trong khi đang chờ đợi Godot mà Godot chẳng bao giờ thấy tới. Nhưng chắc chắn thế nào Thế Kỷ thứ 21 cũng tới, vào năm 2001 (hay năm 2000, nếu sốt ruột.) Tạp chí này đề nghị trong năm 2000 chúng ta cùng suy nghĩ về tương lai đó.

Sang thế kỷ 21, loài người sẽ sống ra sao, người Việt Nam mình sẽ sống ra sao? Làm cách nào để người Việt mình đuổi theo kịp sự tiến bộ của nhân loại, và tránh những sai lầm mà loài người ở những nơi khác đã phạm trong quá trình đó? Xin mời quý vị cùng suy nghĩ, góp ý kiến về hai câu hỏi này.

Mỗi người chúng ta không thể trả lời rốt ráo cả hai câu hỏi đó. Tốt nhất là mỗi người, trong khả năng chuyên môn của mình sẽ tìm thử các câu trả lời trong một lãnh vực mà mình quen thuộc.

Nền kinh tế toàn cầu hóa sẽ ảnh hưởng đến mức sống các nước giầu và nước nghèo ra sao? Kỹ thuật tin học thay đổi cách con người ăn ở với nhau như thế nào, trong gia đình, trong xã hội? Kỹ thuật y khoa di truyền học sẽ ngừa được thêm những bệnh nào và tạo ra những tật nào mới? Chế độ dân chủ đại diện còn thích hợp trong thế kỷ tới hay không? Học sinh có cần đến trường 12 năm trước khi vào đại học, hay chỉ cần 8 hay 10 năm cũng đủ? Tiểu thuyết còn tồn tại như một bộ môn văn nghệ hay không? Và hàng trăm câu hỏi tương tự, từ những chuyện thiết thực đến các vấn đề lý thuyết.

Trước các câu hỏi đó, tự mỗi người không đủ kiến thức để mà trả lời, thế nào cũng phải tìm học nơi các nhà chuyên môn ở khắp nơi. Những thức giả ở Á châu, Mỹ và Âu châu được đào tạo khác nhau, họ có các thông tin khác nhau. Người Việt Nam đang cư ngụ khắp thế giới sẽ có dịp trao đổi những gì mình học hỏi được, bắt đầu từ nơi mình đang sống.

Chắc lịch sử chưa tới chương kết thúc, như Hegel hy vọng từ cuối thế kỷ 18, và nhiều người bây giờ đang lập lại. Loài người vẫn còn nhiều ý kiến bất đồng, dù chỉ là các chi tiết. Những cuộc tranh chấp vẫn còn, không nhân danh ý thức hệ nữa mà có thể nhân danh các tình tự, ràng buộc từ cổ xưa như dân tộc, tôn giáo, địa phương, v.v.. Ngay trong mỗi quốc gia, mọi người có thể đều đồng ý phải sống theo luật chơi dân chủ, nhưng mối tương quan của các công dân với nhà nước, tương quan giữa các định chế tài chánh toàn cầu và những mục tiêu quốc gia, quyền lợi xung khắc giữa thế hệ già về hưu và các người trẻ đang làm việc, trong mỗi vấn đề đó còn rất nhiều bất đồng ý kiến.

Tất nhiên chúng ta sẽ bàn đến những vấn đề của người Việt Nam, nước Việt Nam trong một tương lai gần, hơn là những chuyện của cả loài người trong một thế kỷ. Nhưng chúng ta cũng không nên nhìn gần quá đến nỗi quên mất những viễn tượng lâu dài. Chắc chúng ta đều đồng ý rằng sớm hay muộn thế nào dân ta cũng sống trong một thể chế dân chủ, nhưng con đường tiến tới đó ra sao và thể chế tương lai xếp đặt như thế nào là điều vẫn phải bàn luận.

Những người Việt Nam ở nước ngoài có thể học hỏi qua các cuộc thảo luận của người ta để đoán trước 30 hay 50 năm nữa nước mình sẽ phải đối phó với vấn đề nào. Các người Việt Nam ở trong nước có lợi thế là biết rõ thực trạng của đất nước hơn để giúp chúng ta tránh được những cuộc bàn luận viển vông. Chúng tôi hy vọng trong năm 2000 sắp tới tạp chí này sẽ được tiếp đón những người yêu nước và lo cho tương lai thế hệ trẻ, dùng diễn đàn chung này trình bầy các hiểu biết và ý kiến của mình. Chúng ta cùng chuẩn bị cho dân Việt Nam bước vào Thế Kỷ 21.●

BẠN ĐỌC VIẾT

Trăm-quan-sáu-cô và "Thằng Kình"

Trong mục Bạn Đọc Viết, TK 21 số 123, ông Trần Thanh Bình có hỏi về nguyên ủy từ ngữ Trăm-quan-sáu-cô, và Tòa soạn đã thuật lại câu trả lời của ông Lý Số, tác giả một bài viết có từ ngữ kể trên, với ý kiến của Tòa soạn: không biết được chuyện đó thực hay bịa.

Tôi xin nói ngay: Câu trả lời của ông Lý Số có ba phần thực và bảy phần bịa.

Các học sinh Hà Nội hay các tỉnh lân cận của thời đó, nghĩa là thời của những người năm nay đã về hưu hay đang chuẩn bị về hưu, đều biết Trăm-quan-sáu-cô là San Francisco. Đó là phần thực. Nhưng câu chuyện trong kỳ thi vấn đáp của ông Lý Số là bảy phần bịa cho vui, và vừa để tránh né vì chính ông cũng không biết xuất xứ chính thức của từ ngữ đó, vừa để gián tiếp nhận vơ mình là tác giả.

Chuyện thực về sự phát sinh ra từ ngữ Trăm-quan-sáu-cô để gọi thành phố San Francisco đã được nhà văn Nguyễn Đức Quỳnh thuật lại trong tiểu thuyết mang tên *Thằng Kình*, xuất bản tại Hà Nội khoảng cuối thập niên 1930, đầu thập niên 40, nghĩa là cách đây độ 60 năm. Hồi đó quyển *Thằng Kình* của Nguyễn Đức Quỳnh và quyển *Lan Hữu* của Nhượng Tống là sách gối đầu giường của những thiếu niên mới nhớn. Kẻ viết những dòng này được hân hạnh đọc hai quyển đó từ hồi nhỏ, trước khi đọc Tự Lực Văn Đoàn, và còn giữ được tới khi di cư 1954.

Nhân vật chính trong truyện của Nguyễn Đức Quỳnh tên là Kình học chung lớp với sáu nữ sinh xinh đẹp. Trong lúc bàn tán về các cô, và có lẽ trong giờ Địa lý, Kình và các bạn đã khám phá ra rằng chỉ với trăm quan mà mua được những sáu cô bạn xinh đẹp, tính ra mỗi cố có mấy chục quan thôi, Kình than: Chao ôi, rẻ quá!

Những ai chưa đọc *Thằng Kình*, không biết xuất xứ này. Nhưng tôi tin là ông Lý Số đã đọc, ông chỉ giả vờ không biết để gián tiếp cho độc giả hiểu rằng chính ông là người sáng chế.

Nhưng không phải chỉ thế hệ già hiện nay mới biết vụ Trăm-quan-sáu-cô. Học sinh trung học từ 1954 đến 1975 tại miền Nam, nhiều người biết chữ đó vì nhiều giáo sư Sử Địa cũng như sinh ngữ đã truyền cho đệ tử của mình bí quyết để nhớ nhân danh và địa danh ngoại ngữ bằng những cách tương tự. Như vậy, người biết thì chắc nhiều nhưng rõ xuất xứ từ cuốn *Thằng Kình* thì rất ít, vì cuốn đó không thấy tái bản tại miền Nam sau 1954. Vậy xin quý vị nào đã đọc *Thằng Kình* vui lòng lên tiếng để chứng tỏ sự cảm thông của những người đồng thanh tương ứng. Hy vọng với phương tiện truyền thông bây giờ, nhất là thông qua diễn đàn chung là tờ *Thế Kỷ 21*, chúng ta sẽ đến được với nhau.

Nguyễn Tường Vân *(College Park, MD)*

Số báo Xuân Chu Văn An năm Kỷ Hợi 1959

Tôi không quen nhưng biết anh Lê Đình Điểu từ khi còn học Chu Văn An và khi đi lính ở Quang Trung. Tôi vẫn có lòng quý mến anh qua nhiều sinh hoạt, và rất đau buồn khi anh mất đi trong lứa tuổi chín chắn và đầy kinh nghiệm. Bài viết "Nhớ Bạn Xưa" của Thụy Lữ (TK 21 số 123) và "Bạn Hiền" của Lê Tất Điều (TK 21 số 124) rất hay, chân tình và đầy xúc động.

Bài viết của Thụy Lữ có nhắc đến số báo Xuân Kỷ Hợi 1959 của trường Chu Văn An. Số báo này là một kỷ niệm vô giá của học sinh CVA năm đó. Niên khóa 1958-59 tôi đang học lớp Đệ Nhất B7, và có góp một bài ngắn trong đó. Tôi đã giữ số báo CVA Xuân Kỷ Hợi đó, số báo của tuổi vừa mới lớn và lòng yêu thích văn nghệ, cho mãi tới tháng 4/1975. Tôi đi cải tạo về thì mới hay bà xã tôi đã cho toàn bộ 3000 cuốn sách và cỡ 2000 tạp chí vào thùng phuy và châm lửa... đốt.

Thụy Lữ đã đem tôi trở về những ngày CVA xưa cũ, và tôi mong muốn được nhìn thấy mặt lại số báo Xuân 1959 đó. Kính nhờ quý báo hỏi giùm tác giả Thụy Lữ, hay bất cứ một bạn cũ CVA nào khác, nếu còn giữ được số báo Xuân 1959 đó, xin vui lòng chụp lại cho tôi một bản, tôi xin hoàn lại tất cả mọi phí tổn.

Xin chân thành cám ơn quý báo và cầu chúc *Thế Kỷ 21* ngày càng vững mạnh, giữ được và nâng cao trình độ và nội dung tờ báo

như hiện nay.

Thuan C. Nguyen *(Vestal, NY)*

Chúng tôi xin chuyển lời của bạn Thuan C. Nguyen đến tất cả các bạn CVA cũ, và xin thêm: nếu bạn nào còn số báo Xuân CVA năm 1960 thì cũng xin sao cho một bản luôn. Mọi việc xin liên lạc với Tòa soạn Thế Kỷ 21.

Hác Thú: Thừa Thiên chứ không phải Quảng Trị

Đọc *Thế Kỷ 21* số 122, về tiểu sử Phạm Quỳnh, gia đình học giả đã sơ ý nói không đúng địa danh nơi nạn nhân bị bức tử. Đúng ra quý ông Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi và Ngô Đình Huân bị hạ sát tại Hác Thú (một vùng thung lũng) thuộc địa phận làng Hiền Sĩ (cách thành phố Huế khoảng 20 cây số về hướng Tây Bắc), huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên chứ không phải Quảng Trị. Vì tôi không biết địa chỉ của thân nhân cố học giả nên xin quý báo vui lòng liên lạc để đính chính lại.

Nhân đây, xin quý vị vui lòng giúp cho cá nhân tôi tìm đọc và biết được tên tác giả một bài thơ trong báo Nam Phong mà trước đây khi còn nhỏ tôi thường nghe nội tôi ngâm nga đưa cháu vào giấc ngủ. Bài thơ này tôi chỉ nhớ lõm bõm và không biết đầu đề tên gì. Nay nhớ câu nào tôi ghi câu đó để xin quý vị tra cứu hộ. Nhớ lời thơ như vầy:

Trời thăm thẳm bóng chiều đã xế,
Gương thềm thừ đã hé đầu non,
Gập ghềnh đường hẻm con con,
Nước khe réo rắt chảy mòn đá xanh.
Giọt gieo nặng đầu cành sương rũ,
Gió rừng ru chim ngủ giấc mơ,
Lơ thơ lá rụng đầu khe
Nỉ non tiếng dế bốn bề khóc than.
Cầu nho nhỏ bắc nghiêng khe dốc
Bên chòm lau một nóc nhà tranh...

Đại khái một số câu là như vậy, quý vị nào có điều kiện tra cứu được báo Nam Phong và cho tôi biết toàn bài và tên tác giả, tôi xin hết lòng đa tạ.

Hoàng Thanh Tâm
(Bad Nauheim, Deutschland)

Kho tàng ẩn dấu

Bài "Đạo kính tổ tiên, điểm gặp gỡ chung cho tín ngưỡng Việt" của LM Trần Cao Tường trong TK 21 số 125 đối với tôi là một bài thú vị vì đem đến cho tôi nhiều cách nhìn mới lạ. Trước hết, lối viết giản dị không cầu kỳ, rất giàu hình tượng nhờ nhiều ví dụ và trích dẫn văn học, dẫn dắt tâm trí người đọc đi vào một thế giới ngoạn mục. Với phương pháp ấy, tác giả đã đề cập một cách sáng sủa và dễ hiểu đến những chuyện khá trừu tượng.

Điều mới lạ mà bài viết đã mang lại là giải thích ý nghĩa sâu xa của việc thờ cúng ông bà, một tục lệ thông thường của xã hội Việt Nam, có lẽ quá thông thường nên hầu như chẳng có ai nhìn thấy trong đó một ý nghĩa triết học nào. Từ bao nhiêu đời, cứ "xưa bày nay làm," nhà nào cũng có bàn thờ ông bà tổ tiên để cúng kiến, giỗ chạp, tỏ lòng tôn kính người đã khuất, và nhất là xem khu vực thờ cúng ấy như là một nơi cư ngụ cho ông bà mỗi khi ông bà "về" với con cháu. Lâu nay tôi và chắc là nhiều người khác nữa vẫn nghĩ thờ cúng như thế chẳng qua chỉ là một động tác tình cảm bắt nguồn từ những người cùng giòng dõi huyết thống. Thử lắng lòng nhớ lại cảm giác khi tham dự lễ giỗ ông bà cha mẹ mà xem: trước bàn thờ khói hương nghi ngút, con cháu tề tựu, sự tập trung tinh thần lúc ấy là "tưởng nhớ." Nếu cúng người mình đã từng sống cùng như ông bà nội, ngoại, cha mẹ v.v... thì nhớ tưởng sẽ nghiêng về tình cảm, nhớ về các kỷ niệm thời các người còn sống với mình, những sự việc và hình ảnh rất cụ thể. Nếu cúng những bậc xa hơn, từ bốn năm đời trở lên, và nhất là vào những dịp chung chung như tết nguyên đán chẳng hạn, thì sự tưởng nhớ trở nên ít cụ thể, thường quy về ý niệm "tổ tiên," một ý niệm rộng và xa hơn là "ông bà" nhưng vẫn không ra khỏi tình cảm huyết thống và lòng biết ơn công đức gầy dựng của tiền nhân. Gầy dựng ở đây mang một ý nghĩa rất cụ thể: lập nên làng xã, gia tộc, tổ chức kinh tế, lập ra phép tắc, gia phong v.v..., nói chung là những lợi lạc vật chất và tinh thần mà con cháu hiện tại đang được thụ hưởng.

Đại khái tinh thần, tâm lý của việc thờ cúng ông bà trong bao nhiêu đời chúng tôi nghĩ chỉ có bấy nhiêu thôi.

Bài viết của LM Trần Cao Tường đã mở ra cho tôi một chân trời rất mới lạ, tôi giống như một người lâu nay quanh quẩn trong lũy tre xanh nay được dẫn đến với thế giới bao la rộng lớn bên ngoài. Đạo Ông Bà của người Việt Nam theo tác giả là:

...Nằm ở chỗ niềm tin vào nhân tính hồn thiêng bất tử từ một cội linh thiêng, con người là tụ đức của trời đất (thiên địa chi đức), vượt qua hộp vuông xác thân không thời mà tham dự

được vào thiên tính.

Té ra mình có nhiều của cải quý báu đến thế mà lâu nay không biết. Sự thờ cúng ông bà của tôi thừa kế từ các đời trước ví như một kẻ mặc áo quần bằng vải thô giản dị, nay với lý giải mới tôi bỗng như được khoác một cái áo nhung thêu kim tuyến lóng lánh, trở thành sang cả hẳn lên.

So sánh, tỷ giảo đặc tính của các nền văn minh, các loại tín ngưỡng cổ kim đông tây giúp chúng ta hiểu rõ mình và hiểu rõ người hơn. Việc ấy rất cần cho một nhân loại hài hòa. Tôi rất biết ơn những nhà nghiên cứu đem lại cho tôi những công trình ấy, mà cụ thể như bài nói về tục lệ thờ cúng ông bà của LM Trần Cao Tường vừa rồi.

Trần Công Chín *(Washington DC)*

Tháng Tư Áo Lụa

On one occasion I read about a short story by Nguyen Tiêu Dao titled "Tháng Tư Áo Lụa."

It was a tribute to Professor and poet Trần Bích Lan/Nguyên Sa. The story was very touching, and I wonder if the characters in the story are real life people. I would like to have contact with Mr Nguyen Tieu Dao if you can forward or send my hello to him and ask him to contact me if he chooses so.

Thank you very much and wish the magazine great progress for future endeavour.

BT *(Internet)*

Thà chết sướng hơn

Đọc bài của ông Trần Quán Niệm nói về nền thể thao của nữ giới trong TK21 số 124, sao tôi thấy lo quá. Lo vì nếu các môn thể thao mạnh bạo và phong trào thể dục bắp thịt lan tràn rộng rãi trong giới đàn bà con gái thì ôi thôi, còn đâu là vẻ đẹp của cuộc đời! Tưởng tượng một ngày kia dáng vẻ bình thường của phụ nữ sẽ là *thân hình ô dề vạm vỡ, tiếng nói ồ ề, râu mép lún phún, ngực lép kẹp* hay là *thân hình bôi dầu bóng loáng, da đỏ như đồng hun, bắp thịt cuồn cuộn, bụng có múi ... thân thể u nần, rắn chắc như sành* thì chắc là tôi phải... lánh khỏi thế giới này quá! Vì đó sẽ là một thế giới không những không còn vẻ đẹp mà còn ghê rợn, thà chết sướng hơn.

Nữ tánh là một tổng hợp vừa yếu tố dịu dàng của tinh thần cộng với sự mềm mại xinh đẹp của thể xác. Tranh đấu cho nữ quyền chỉ là tranh đấu quyền lợi về mặt xã hội, chớ không phải phá hủy nữ tánh đi. Xin các bà các cô nghĩ lại cho chúng tôi nhờ!

Cánh Đàn Ông *(Internet)*

Đời sống quanh ta

Trong hai số *Thế Kỷ 21* vừa qua, chúng tôi nhận thấy hình như có một mục mới vừa ra đời, đó là "Đời sống quanh ta." Độc giả đón nhận mục đó một cách thích thú, tuy nhiên cũng xin có vài ý kiến xây dựng.

Đã gọi là *đời sống quanh ta* thì hẳn nhiên mục này phải có tính cách thời sự, tường thuật lại những gì đáng chú ý vừa xảy ra. Nhưng *Thế Kỷ 21* là báo hàng tháng, thời sự dưới dạng tin tức thì dĩ nhiên là không được vì đến với người đọc quá muộn, sau biết bao nhật báo, tuần báo, bán nguyệt san, đó là chưa kể TV và radio. Cho nên một nguyệt san chỉ có thể chọn những *sự kiện* nổi bật để đăng tải, và phải viết làm sao làm sao để khi đọc người ta cảm thấy có một cái gì hơn là một bản tin thông thường.

Tác giả Trần Quán Niệm đã tương đối làm đầy đủ nhiệm vụ ấy trong các bản tường trình của ông. Ví dụ nhân có sự kiện đội bóng tròn nữ Hoa Kỳ đoạt chức vô địch thế giới vào đầu tháng Bảy vừa qua, ông đã tìm tòi thêm để cống hiến cho độc giả đôi nét về lịch sử thể thao nữ giới, về bản chất thể lực của phụ nữ..., hoặc nhân trận động đất lớn ở Thổ Nhĩ Kỳ mà "tán" thêm về những dư luận về ngày tận thế v.v... Đó là những hiểu biết bổ ích mà các bản tin hằng ngày không thể có được. Và mục "Đời sống quanh ta" chỉ nên tồn tại nếu khai thác sâu được nhiều điều như thế từ những bản tin thời sự. Chứ nếu lại làm một "Thời sự đó đây..." với những mẩu tin ngắn chép lại của báo hàng ngày thì... (xin lỗi) vô duyên quá, ai mà đọc!

Chúng tôi đề nghị nên mở mục này một cách rộng rãi hơn nữa, cho đúng với tên "đời sống quanh ta." Một người chỉ có thể nhìn đời sống chung quanh ông ta hoặc bà ta, tại một địa phương, trong khi "đời sống" đối với nguyệt san *Thế Kỷ 21* có độc giả khắp nơi thì phải có nghĩa là vòng quanh địa cầu. Làm sao một mình ông Trần Quán Niệm, một người ở Mỹ, có thể cùng lúc thấy hết những chuyện xảy ra ở Nhật Bản, Việt Nam, Nga, Úc, Pháp, Anh v.v..., do đó những gì ông viết về "đời sống quanh ta" chỉ có nghĩa là "đời sống quanh tôi," tức là quanh ông ấy. Cần có nhiều người ở nhiều nơi khác nhau cùng đóng góp vào mục này. Được thế, đây sẽ là một mục rất

có giá trị, độc giả sẽ trông đợi hàng tháng.

Đỗ Lăng *(Sydney, Úc châu)*

Quý văn hữu khắp nơi xa gần nghĩ sao về đề nghị này của ông Đỗ Lăng?

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Trịnh Nhật, Hà Nguyên Du, Phạm Xuân Hy, Đặng Trần Huân, Lâm Lễ Trinh, Nguyễn Minh Cần, Thichongthinh, Bùi Ngọc, Trần Vấn Lệ, Thái Uyển, nhất Uyên, Võ Doãn Nhẫn, Nguyễn Xuân Quang, Phan Mạnh Lương, Nhược Trần, Trần Gia Phụng, Babui, Minh Hân, Lê Đình Thông, Trần Quán Niệm, Nguyễn Đức Hòa, Đoàn Xuân Kiên, Phan Thị Đỗ Quyên, Hoàng Tường Anh, Trần Mộng Tú, Hoàng Hương Trang, Hồng Khắc Kim Mai, Hạ Đỏ, Phạm Hồng Ân.

Lê Tứ *(Orange County, CA)*: Thắc mắc của ông đã được nêu lên và thảo luận trong các số báo TK 21 cuối năm 1989 và đầu năm 1999. Năm 2000 là năm cuối thế kỷ 20, năm 2001 là năm đầu thế kỷ 21. Nếu ông cần biết các ý kiến trao đổi về vấn đề này, xin tìm đọc lại các số Thế Kỷ 21 số 116 (Dec.98) và 117 (Jan.99), mục Bạn Đọc Viết. Kính.

Trần Thế Tiếu *(Wichita, KS)*: Đọc thư ông chúng tôi rất cảm kích sự thẳng thắn và chân tình của ông đối với tờ *Thế Kỷ 21* của chúng ta. Thật ra đó đâu phải hoàn toàn lỗi của ông, mà phải nói phần lớn là do sự lầm lẫn của nhân viên trị sự khi đưa data vào trong máy computer. Thế nhưng cách xử sự của ông rất đẹp, chúng tôi rất cảm động và xin gửi đến ông lời cám ơn chân thành. Chúc ông mọi điều may mắn. Thân kính.

Hộp thư trị sự

Độc giả gia hạn và độc giả mới

Trần Lợi (Thousand Oaks CA), Thái Thị Mai (Tampa FL), Nguyễn Kim Liên (Safari MN), Ngô Bảo (Los Angeles CA), Hoàng Tổng (San Diego CA), DWC Library (Epworth IA), Ô.B. Quản Văn Toản (Austin TX), Nguyễn Tấn Vinh (Paradis NORWAY), Lê Văn Tứ (Garden Grove CA), Nguyễn Tường Vân (College Park MD), Quinn Nguyen (Oceanside CA), David To (Milpitas CA), Huy Tran (Dove Canyon CA), Lê Văn Đức (Van Nuys CA), Dan K. Nguyen (Tustin CA), SBS Radio Sydney (Artarmon AUSTRALIA), Trần Ngọc Du (Austin TX), Tran The Tieu (Wichita KS), Nguyễn Viết Lang (Alberta CANADA), Đào Đức Hoàng (Montreal CANADA), Mai Liem (Missis. CANADA), Trịnh Như Hoa (Houston TX), Phan Văn Quang (Fairfax VA), Nguyễn Quý Bổng (Ottawa CANADA), Thái Thanh (Winter Haven FL), Trần Trung Hòa (Copenhagen DENMARK), Diep Van Phan (San Francisco CA), Nguyễn Công Thuần (Vestal NY), Nguyễn Cao Hoàng (Pasadena CA), Nguyễn Hoàng Hải (San Jose CA), Tạ Anh Tuyết (Miami Fl), Hoa Nguyen (Garden Grove CA), Nguyễn Đức Tường (Indianapolis IN), Huỳnh Xuân (Salem OR), Nghiêm Xuân Khuyến (Irvine CA), Tú Xuân (Torrington CT), Hoàng Tâm Hilton (Mclean VA), Nguyễn Đăng Võ (Olympia WA), Trần Thanh Hải (Mountain View CA), Lê Văn Xe (Tokyo JAPAN), Trần Minh Tú (Seattle WA).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Elston Thuận Lê (Falls Church VA), Trinh Huu Dinh (Brossard CANADA), Lê Văn Đức (Van Nuys CA), Do Van Thu (Chicago IL), Phạm Thị Hảo (Arlington VA), Nguyễn Ngọc Thanh (Phoenix AZ), Huỳnh Xuân (Salem OR). Thu Doan (Plano TX), Phí Ích Bành (San Francisco CA), To Cao Hoan (San Jose CA).

THÔNG BÁO VỀ VIỆC THAY ĐỔI SỐ ĐIỆN THOẠI VÀ FAX

Kể từ tháng Chín năm 1999, báo Thế Kỷ 21 thay đổi số Điện thoại và số Fax như sau:

Dùng chung cho Telephone và Fax: (714) 839-8746

Địa chỉ vẫn như cũ.

MỘT SÁNG KIẾN ĐÁNG HOAN NGHÊNH:

XÂY DỰNG MỘT CỘNG ĐỒNG ĐÔNG NAM Á MỚI

TÔN THẤT THIỆN

Trong những vấn đề lớn mà chúng ta, người Việt, cần phải để ý đến có những vấn đề khu vực, đặc biệt là khu vực Đông Nam Á. Vì, nhìn từ bất cứ khía cạnh nào — địa lý, lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị — chúng ta cũng phải công nhận rằng Việt Nam là một bộ phận khăng khít của khu vực này, và số phận của chúng ta dính liền với số phận của nó.

Trong thời gian qua, vì quá bận tâm về những vấn đề của xứ sở, cho nên tuy rằng qua báo chí, TV, chúng ta biết ít nhiều về những gì xảy ra trong khu vực, chúng ta vẫn không thấy thật rõ mối liên quan mật thiết giữa các nước Đông Nam Á và Việt Nam. Một lý do lớn là từ 1975 những mối liên lạc của chúng ta với những giới quen biết ở các nước trong khu vực bị gián đoạn, và sau một thời gian quá dài — 25 năm — , những liên lạc đó bị mất hẳn. Hai là người ngay trong khu vực không thấy có nhu cầu thiết lập một tổ chức liên kết các cá nhân và đoàn thể tranh đấu cho những mục tiêu chung.

Tình hình trên đây ngày nay đã thay đổi: những chuyển biến ở Inđônêxi-a, và nhất là ở Malaysi-a, gần đây đã làm nổi bật nhu cầu có một tổ chức xuyên khu vực để đi đến một sự đồng thuận, tương trợ và phối hợp hành động, nhằm gây nên một phong trào đấu tranh rộng lớn và mạnh mẽ cho những mục tiêu chung có tính cách xuyên khu vực.

Một tổ chức mang tên là ASCENT (Asian Center for Civil Society/ Trung Tâm Á Đông Tranh Đấu Cho Xã Hội Dân Sự - TTAĐTDCXHDS) đã được thành lập vào tháng Ba năm nay tại Manila, Philippin, với một văn phòng ở Bali, Inđônêxi-a.

ASCENT được yểm trợ mạnh

Ở đây, tôi xin nhấn mạnh rằng một tổ chức như vậy chỉ thành hình được nếu có sự yểm trợ chính trị và tài chính mạnh của một số nhân vật quan trọng trong khu vực. Những nhân vật này là ai? Một người chủ chốt trong sự vận động thành lập tổ chức này, bạn thân của nhiều người có uy thế trong và ngoài chính quyền của các quốc gia trong vùng, đã cho tôi biết riêng về điểm này nhân dịp tôi thăm viếng khu vực trong tháng Tư năm nay, nhưng dặn tôi rằng hiện nay danh tánh của họ chưa tiện công khai hóa. Tuy vậy, chúng ta cũng có thể đoán được là họ phải có nhiều uy thế và quyền lực mới làm được một việc như vậy.

Một khía cạnh khác mà tôi thấy cần nhấn mạnh là: tổ chức này là một tổ chức tranh đấu cho nhân dân toàn khu vực Đông Nam Á. Nó được thành lập để yểm trợ các cuộc tranh đấu

ở Malaysi-a và Indônêsi-a, nhưng nó cũng sẽ lo đến những quốc gia như Việt Nam và Miến Điện. Như vậy, nay chúng ta đã có một tổ chức để tranh đấu mạnh hơn, hữu hiệu hơn cho những mục tiêu mà chúng ta, người Việt, có thể coi những những mục tiêu của chính chúng ta.

Một điều nữa cần nhấn mạnh ở đây là một điểm chính, nếu không nói là điểm quan trọng nhất, trong chủ trương của tổ chức TTAĐCXHDS/ASCENT là: bác bỏ chủ thuyết không can thiệp vào nội bộ của các nước khác, chủ thuyết căn bản của Liên Minh Đông Nam Á/ASEAN được các chính phủ độc tài xử dụng để thẳng tay đàn áp dân của họ mà không sợ bị phản ứng chống đối của các chính phủ khác.

Đây là một cơ may rất lớn cho chúng ta: từ nay ta có thể ghép cuộc tranh đấu của chúng ta vào cuộc tranh đấu của một tổ chức lớn, có tính cách quốc tế, có thế lực và phương tiện dồi dào, mà ta phải thú nhận là người Việt chúng ta, trong tình cảnh hiện tại, không thể dựng lên được, vì ta không có thế chính trị, và nhất là khả năng tài chính.

Dưới đây, tôi xin dịch ghi nguyên văn phần chính của tuyên cáo của tổ chức đã được gởi đến cho tôi:

TRUNG TÂM Á ĐÔNG CHO XÃ HỘI DÂN SỰ (Asian Center For Civil Society) Một tổ chức khu vực để suy cứu (A Regional Think Tank)

Dẫn Nhập

Sau khi được hưởng phát triển kinh tế ngoạn mục trong một thời gian dài, cọng đồng Đông Nam Á đã bị một cuộc khủng khoảng tiền tệ lay động mạnh và thức tỉnh vào giữa năm 1997. Nhưng những khốn đốn kinh tế chỉ là mở đầu cho một thảm kịch lớn hơn đang diễn ra trên mặt trận chính trị. Những tiếng nói chủ trương cải cách bị dẹp bít trong một thời gian dài đã nổi lên cung cấp tư tưởng hướng dẫn xã hội và đe dọa những chế độ tập trung cao độ và những tư tưởng phản tự do của họ. Trước ngưỡng cửa thiên niên mới, khu vực đứng ở giao điểm của một trận chiến mới giữa những thế lực chủ động và những thế lực phản động, một cuộc đấu tranh thực sự về tư tưởng và giá trị.

Những chủ trương cải cách và thay đổi cần được nói rõ hơn và mạnh hơn vì thiện ích chung. Quyền thế chính trị cần dựa trên một số ý niệm có thể dùng để phục vụ tự do hoặc chuyên chế. Có những người thiện chí chủ trương cải cách đã bị lạc hướng vì tư tưởng không được mạch lạc. Nhiều khi họ đã vô tình gây hậu quả không tốt trong khi áp dụng chính sách của họ.

Trong tư thế của một tổ chức khu vực, Liên Minh Đông Nam Á (ASEAN) đã chậm chạp trong sự bảo vệ và hỗ trợ tự do kinh tế và chính trị trong khu vực Đông Nam Á. Để bảo vệ đoàn kết theo họ hiểu, các quốc gia thành viên đã chấp nhận nguyên tắc căn bản: không can thiệp vào nội bộ của một quốc gia khác. Nhưng thời thế đã đổi thay. Những tranh chấp cũ giữa các quốc gia vì xung khắc về ý thức hệ nay đã nhường chỗ cho hợp tác và thi đua trong hòa khí. Dân chúng đã tiến bộ về tư tưởng đến mức họ không thể chấp nhận một thái độ trung lập về phương thức chính trị nữa.

Liên Minh Đông Nam Á (ASEAN) phải thay đổi, nếu không muốn hết thích hợp cho xã hội dân sự nữa trong khu vực và trên thế giới nói chung. Nó phải xét lại nguyên tắc đồng thuận cũ và thực hiện một đồng thuận mới dựa trên quyền của nhân dân được hưởng một sự cai trị tốt, một chế độ pháp trị, và một môi trường sạch sẽ. Sự đồng thuận mới này sẽ làm nền tảng cho một Liên Minh Đông Nam Á (ASEAN) liên kết và hòa hợp, một cọng đồng mới có khả năng đối phó với những thách đố của tương lai.

Thành lập

Trung Tâm Á Đông Cho Xã Hội Dân Sự (ASCENT/TTAĐCXHDS) được thành lập vào tháng Ba năm 1999. Nó là một tổ chức không gọi cổ phần, không nhằm kiếm lợi nhuận, không thuộc chính phủ. Nó có văn phòng tại Bacolod, Philíppin, và tại Bali, Indônêsi-a.

Sứ mạng

Sứ mạng của TTAĐCXHDS/ASCENT là vận động nhằm thực hiện Xã Hội Dân Sự, được coi như một quan niệm về đa nguyên trên lãnh vực cơ chế và ý thức, và ngăn trở sự thiết lập các độc quyền về quyền thế và về sự thực dưới hình thức một quốc gia chuyên quyền. Xã Hội Dân Sự phải là hiện thân của những nguyên tắc tự do lựa chọn; công bằng xã hội, kinh tế, chính trị; dung thứ tôn giáo và chủng tộc; minh bạch về hành chánh, cai trị có

đạo đức, và theo chế độ pháp trị. Cuối cùng, cộng đồng Đông Nam Á mới này, kết ghép vào nhau bởi những giá trị nhân bản toàn cầu, phải tìm ra những phương thức mới và sáng tạo trong sự giao dịch với nhau, và với các quốc gia khác, cùng theo kịp những biến chuyển mạnh mẽ trong thế giới không ngừng biến đổi ngày nay.

Mục tiêu

TTAĐCXHDS/ASCENT nhằm những mục tiêu tổng quát dưới đây:

1. Ủng hộ sự thiết lập xã hội dân sự ở Á Đông;

2. Quảng bá những ý niệm làm nền tảng cho một xã hội dân sự sống động ở Á đông bằng cách cổ động cho những nguyên tắc tự do, đa nguyên trong các lãnh vực kinh tế và chính trị, và giới hạn tối đa quyền hành của nhà nước;

3. Cứu xét những phương cách, tiến trình và thể chế thể hiện những giá trị công bằng xã hội, tự do cá nhân, pháp trị, và cai trị có đạo đức và minh bạch;

4. Nghiên cứu vai trò của cá biệt tính về văn hóa trong công dụng xúc tác cải cách;

5. Cố thực hiện một sự tổng hợp của những ý niệm về xã hội dân sự trong bối cảnh của những truyền thống dị biệt của Á Đông;

6. Xét lại chủ thuyết không can thiệp vào nội bộ của nhau đang áp dụng trong Liên Minh Đông Nam Á (ASEAN), và thực hiện một đồng thuận mới giữa những thành viên của cộng đồng Đông Nam Á có năng cơ xúc tiến một tiếp cận tập thể mềm dẻo và linh động hơn để giải quyết những vấn đề xã hội, kinh tế, và nhân đạo của khu vực.

7. Thiết lập một mạng lưới xã hội dân sự cá nhân và tổ chức chuyên nghiệp toàn bộ để thực hiện thay đổi sáng suốt trong tương lai; và

8. Cung cấp một diễn đàn cho sự trao đổi ý kiến, quan điểm, kinh nghiệm một cách tự do.

TTAĐCXHDS/ASCENT sẽ áp dụng nhiều hoạt động đa diện để vận động thực hiện các mục tiêu của nó. Những hoạt động này gồm có sưu tầm, hội thảo và sách báo. Các hoạt động này có tác động tổng hợp tạo ở thế hệ lãnh tụ và quyết định của Á đông sắp đến phải đương đầu với những thách đố của thế kỷ mới tinh thần kiên định và đoàn kết. Những hoạt động đó sẽ giúp cho chúng ta hiểu rõ hơn những xáo động của thời đại, nhận thấy dễ dàng hơn những xu hướng tương lai, và góp phần hữu hiệu hơn vào sự điều hướng tương lai.

[Về phương thức hoạt động, Tổ chức dự định nhiều hình thức: hội thảo, sách báo..., không thể mô tả chi tiết trong khung cảnh bài này được. Chỉ cần nói rằng những hoạt động này đa diện, và đòi hỏi không những khả năng tổ chức lớn, mà nhất là phương tiện dồi dào, phong phú. Điều này chứng tỏ rằng Tổ chức có những sự yểm trợ rất mạnh mẽ.]

Một viễn ảnh mới

Chỉ đọc sơ qua những mục tiêu trên đây của tổ chức TTAĐCXHDS/ASCENT chúng ta cũng thấy ngay rằng nó hoàn toàn đáp ứng nguyện vọng của người Việt. Và quan trọng hơn nữa, tổ chức này ra đời vào ngay thời điểm mà chúng ta thấy rõ rằng chúng ta phải có những mục tiêu thực tế, hướng về tương lai, và có khả năng thực hiện được. Điểm chót này đòi hỏi một sự yểm trợ thực tình và hết mình của những giới ngoại quốc, đặc biệt là của những phần tử trong các nước lân bang. Nay, rõ ràng rằng trong các nước này có người đồng tình, đồng cảnh với chúng ta, và sẵn sàng dấn thân tranh đấu, không những cho riêng dân nước họ, mà cho toàn thể dân các nước đông Nam Á.

Thật là một tình trạng lý tưởng! Vì về tình cũng như về lý, nó mở cho chúng ta một con đường mới, với triển vọng thật là đẹp và thích hợp trong việc kết hợp một phong trào đấu tranh cho dân chủ bao gồm toàn thể Đông Nam Á, và xây dựng một cộng đồng Đông Nam Á hòa hợp, tiến bộ, và với nhiều khả năng phát triển về mọi phương diện, trong đó có một chổ đứng tự nhiên cho một Việt Nam mới.

Ta có thể thấy ngay khả năng rất lớn của một tổ chức như TTAĐCXHDS/ASCENT trong việc tiếp tay với chúng ta trong công cuộc vận động cho tự do dân chủ trong tương lai. Do đó, chúng ta nên tìm hiểu thêm về tổ chức này, theo dõi những hoạt động của nó, và xem ta có thể đóng góp gì vào sự phát triển của nó, vì nó càng lớn mạnh bao nhiêu thì khả năng nó giúp đở chúng ta càng lớn bấy nhiêu.

TTAĐCXHDA/ASCENT là một tổ chức rất hợp thời, hợp cảnh, đối với Việt Nam trong tình thế hiện tại. Nó cần được người Việt ủng hộ triệt để.●

Ottawa
Đầu tháng 9, 1999

CUỘC CÁCH MẠNG MƯỜI NĂM TRƯỚC

VƯƠNG HỮU BỘT

Mười năm trước, vào khoảng thời gian này, hàng trăm ngàn người ở Đông Đức tìm đường sang Tây Đức tị nạn. Dân Đông Dức Đức đã tìm cách vượt bức tường Berlin dài 45 cây số từ nhiều năm trước, nhưng lần này những thanh niên 20 đến 30 tuổi đã đi xe lửa, xe hơi qua Ba Lan, Hungary, rồi Tiệp Khắc, từ đó thong thả vào Tây Đức. Dân Hungary, Tiệp Khắc vẫy tay chào hoan nghênh khi đoàn người Đức đi qua, và lính biên cảnh hai nước này cũng không ngăn cản. Dân Đông Đức có mức sống cao nhất trong số các nước đã thí nghiệm chế độ cộng sản. Họ báo hiệu một hệ thống xã hội chi phối đời sống của một nửa nhân loại bắt đầu sụp đổ. Nhưng không ai ngờ nó đổ nhanh như vậy.

Nhiều năm trước, giáo sư Ljubo Sirc đã tiên đoán rằng các nước Đông Âu "đang đứng bên bờ vực thẳm." Ông Sirc sáng lập Trung tâm Nghiên cứu các nền Kinh tế Cộng sản ở đại học Glasgow bên Anh. Mùa Xuân năm 1989 chúng tôi đi Thụy Điển, Na Uy, gặp một số bạn bè ở Oslo. Trong câu chuyện, tôi nhắc đến mấy bài nghiên cứu của các tác giả Nam Tư, Hungary và Balan viết trong tạp chí của Trung tâm trên, kết luận rằng hệ thống kinh tế cộng sản không thể tồn tại lâu được. Đến Tháng Mười Một, khi các đài truyền hình khắp thế giới chiếu cảnh tượng Bức Tường Berlin bị phá, một người bạn từ Na Uy điện thoại qua. Anh Lưu, bây giờ đã sang ở bên Úc, hân hoan chia sẻ với tôi niềm vui chung. Như hàng trăm triệu con người khắp thế giới chảy nước mắt trước cảnh Rostropovich kéo hồ cầm nhạc Bach bên bức tường Berlin đã vỡ. Ít khi người ta cảm thấy nhân loại có thể chia sẻ với nhau một niềm vui như vậy.

Cuộc cách mạng nhung năm 1989 cũng là thành tựu của nhiều năm tranh đấu, với các cuộc nổi dậy ở Đông Bá Linh, ở Poznan, Ba Lan, ở Budapest, Hungary, và mùa xuân 1968 ở Praha. Các phong trào trí thức như Hiến chương 77 ở Tiệp Khắc, phong trào công nhân Solidarnos ở Ba Lan mở cửa cho những khát vọng mới, chờ ngày bùng nổ. Người dân xuống đường ở Leipzig, ở Praha, ở Gdansk,v.v. các đảng Cộng Sản Đông Âu chấp nhận họ thất bại.

Thất bại hiển nhiên nhất của hệ thống cộng sản là tổ chức kinh tế thiếu hiệu năng. Vào khoảng thời gian này, mười năm trước, cả thế giới coi trên truyền hình cảnh những cánh đồng ở Liên xô không có người gặt. Hàng đống khoai chất dọc đường xe lửa để cho hư thối, vì bộ máy chỉ huy tập trung không thể bắt nền kinh tế chạy như họ tưởng tượng. Các nước cộng sản Đông Âu đã tự thay đổi từ những năm 80, trước hết vì thất bại kinh tế quá hiển nhiên. Các đảng Cộng Sản ở Hung, Ba Lan, rồi Tiệp Khắc, Đông Đức trả lại tự do cho người dân nước họ, vì biết rằng lý thuyết của họ là sai lạc, viển vông, và chế độ của họ chỉ khiến người dân thiếu thốn, đói khổ. Cuộc cách mạng nhung ở các nước Đông Âu diễn ra khi chính giới lãnh đạo cộng sản ở các nước đó ý thức rằng trước trách nhiệm đối với tương lai dân tộc họ, họ phải rút lui.

Khi các nước Cộng Sản Đông Âu sụp đổ, cuối năm 1989, một nhà kinh tế vùng đó đã báo trước rằng sự thay đổi từng phần không đủ, mà Đông Âu phải đi qua một sự đảo lộn toàn diện về cơ cấu, bắt đầu với việc xóa bỏ các độc quyền, tư hữu hóa các xí nghiệp. Điều đó đã diễn ra trong mười năm qua, và chúng ta đã thấy các kết quả tốt hơn cả những điều hy vọng hồi 1989. Những nước cải tổ cơ cấu mạnh bạo và toàn diện nhất như Ba Lan, Hungary, Cộng Hòa Tiệp ngày nay là những nước tiến xa nhất.

Nước Nga không may mắn như các nước Đông Âu vì chế độ cộng sản thành lập ở đó sớm hơn 30 năm. Mức độ tập trung chỉ huy

kinh tế ở Nga đã vượt xa các nước Đông Âu, và sau hai thế hệ sống dưới chế độ vừa khắc nghiệt vừa giả dối thì các thói quen của người thợ cho đến cấp quản lý khó thay đổi. Chúng tôi sẽ bàn về trường hợp Nga trong một bài sau.

1989: Chiến thắng của thị trường

Người tiên đoán sự sụp đổ của chế độ cộng sản sớm nhất, căn cứ trên sự thật kinh tế, có lẽ là Friedrich A. von Hayek, và ông may mắn còn sống năm 90 tuổi để nhìn thấy cảnh tượng đó. Friedich Hayek phân tích vai trò của thông tin trong sinh hoạt kinh tế. Đời sống kinh tế chạy không phải chỉ bằng công tác lao động, mà bằng hiểu biết, thông tin. Von Hayek thấy rằng không một cơ quan trung ương nào có khả năng thâu lượm đầy đủ tin tức và đủ sức phân tích, giải thích các tin tức để từ đó điều khiển một nền kinh tế phức tạp vào thời đại công nghiệp. Trong thị trường tự do, hàng triệu cá nhân quan sát giá cả để suy ra tin tức về cung cầu rồi quyết định mua, bán, sản xuất, nhờ thế hiệu năng của nền kinh tế cao hơn, bớt phí phạm tài nguyên hơn. Khi thế giới bước vào thời kỳ hậu công nghiệp thì các nhược điểm của hệ thống cộng sản càng lộ rõ hơn.

Những ý kiến của von Hayek nghĩ lại, thật là giản dị, không cần phải dùng toán học vi phân, tích phân mới hiểu được. Tại sao các người trí thức lỗi lạc ở Liên xô, Đông Đức không nghĩ đến những lý luận giản dị như vậy? Thật ra nhiều người đã nghĩ, nhưng không được nói. Vì thế mà hàng ngàn triệu con người bị đem ra làm vật thí nghiệm cho các tư tưởng viển vông, 40 năm, 70 năm, chết hàng chục triệu người, bỏ phí mấy thế hệ. Tự do tư tưởng, tự do ngôn luận ngẫm ra không phải là những nhân quyền trừu tượng, mà là những điều kiện cần thiết để xã hội sống no ấm và hạnh phúc hơn.

Như Ljubo Sirc nhận xét, vì Karl Marx không cho biết khi chế độ tư bản sụp đổ, như ông tiên đoán, thì xã hội mới gọi là cộng sản sẽ tổ chức ra sao, nên muốn lấp khoảng trống lý thuyết đó, Lênin và Stalin đã xây dựng ba cột trụ của nền kinh tế cộng sản: thứ nhất là quốc doanh hóa các phương tiện sản xuất (mà Marx chỉ tiên đoán sẽ xã hội hóa, không rõ từ ngữ đó nghĩa cụ thể là gì,) thứ nhì là một cơ quan hoạch định, chỉ huy từ trung ương, và thứ ba là đề cao công nghiệp nặng. Hai cây cột sau, Marx không nghĩ tới, chính Stalin đã đặt ra khi muốn củng cố chế độ độc tài và phát triển công nghiệp phục vụ chiến tranh.

Karl Marx cũng tiên đoán rằng khi các phương tiện sản xuất được xã hội hóa, năng suất lao động sẽ tăng lên, vượt xa sản năng trong chế độ tư bản. Từ những năm 1950 người ta thấy sự thật ngược lại. Khi ba cột trụ kinh tế của Stalin thất bại trong việc cạnh tranh với các nước tư bản vì năng suất quá thấp kém, thì cả chế độ sụp đổ, hậu quả đương nhiên. Ngày nay, các nước cộng sản còn lại như Bắc Hàn, Cuba vẫn cố ôm lấy cả ba cây cột trên, riêng Việt Nam vẫn cố duy trì lãnh vực quốc doanh và hệ thống thư lại kinh tế, còn Trung Quốc thì đang dần dần và cương quyết tháo gỡ hệ thống chỉ huy tập trung và các xí nghiệp quốc doanh.

Cuộc cách mạng năm 1989 xảy ra không phải vì các lực lượng chống cộng thành công, mà vì chính các đảng Cộng Sản thấy họ đã thất bại về kinh tế, chính họ muốn thay đổi trước trách nhiệm với lịch sử. Bắt đầu từ Liên xô.

Hiệu năng kinh tế tại Liên xô rất thấp: Khi sản xuất một món hàng họ phải dùng đến số nhân lực và nguyên liệu trung bình cao gấp năm lần số lượng dùng ở các nước tư bản. Nói chung, các nông trường và nhà máy đều kém hiệu năng vì thói quen thư lại, vô trách nhiệm. Nhà nước giả bộ phát lương, và nhân viên giả bộ làm việc. Nhưng đó chưa phải là nỗi khó khăn chính yếu. Tai họa lớn nhất là mối liên hệ nối giữa các đơn vị sản xuất, tức là cơ cấu của cả nền kinh tế dựa trên sự chỉ huy tập trung với những xí nghiệp quốc doanh độc quyền. Năm 1990 khi Cộng Sản Liên xô vẫn còn, một ủy ban do nhà kinh tế Nga Shatalin đứng đầu báo cáo rằng trong số 180 xí nghiệp quốc doanh chế dụng cụ máy móc thì có 160 xí nghiệp độc quyền. Tất cả các đường rầy xe lửa đều làm ở một xí nghiệp tại Kuznetsk, tất cả các máy may đều sản xuất tại một nhà máy ở Podolsk.

Thử lấy một thí dụ, khi nhà máy kim loại chậm giao thép cuốn cho một xí nghiệp chế tạo bộ phận xe hơi, thì không những xí nghiệp đó phải ngưng hoạt động, mà cả công ty ráp xe cũng phải ngưng, rồi các xí nghiệp khác cung cấp bộ phận cho nhà máy ráp xe cũng phải chất hàng vào kho đề chờ. Trong thế giới tư bản, nếu một nhà cung cấp trễ hẹn, họ tất nhiên phải đền tiền, nhưng đồng thời người ta

có thể đặt mua đồ phụ tùng ở một xí nghiệp khác ngay lập tức, nếu cần thì nhập cảng. Nhưng ở Liên xô thì không, một xí nghiệp bê trễ gây ra một dây chuyền bao nhiêu xí nghiệp khác ngưng sản xuất. Tình trạng đó lan tràn khắp các lãnh vực. Cho đến năm 1990 thì người dân Mascova phải xếp hàng 3 giờ mới mua được bao thuốc lá, và đến tháng Chín thì số bánh mì sản xuất giảm bớt một phần ba. Thị trưởng Mascova ra lệnh hạn chế chỉ bán hàng cho dân có hộ khẩu trong thủ đô. Các vùng chung quanh phản đối bằng cách nhưng cung cấp thực phẩm để trả đũa.

Thất bại kinh tế làm cho các đảng viên cộng sản cho đến người dân bình thường đều thấy phải thay đổi, đó là lý do lớn nhất gây ra cuộc cách mạng 1989. Điều đáng ngạc nhiên là đến bây giờ đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn ôm lấy hệ thống kinh tế quốc doanh và thói quen tập trung hoạch định. Trong một cuộc họp của các Tổng công ty, các đại diện còn phải "kiến nghị xin thủ tướng sửa lại giá cả." Chỉ tiêu sản xuất lương thực hàng năm vẫn còn do quốc hội thông qua. Các ngân hàng quốc doanh vẫn tiếp tục cấp tiền cho các doanh nghiệp thua lỗ. Những "đổi mới" bề ngoài vá víu, cục bộ không che dấu được tính chất Stalin của cơ cấu kinh tế.

Những người cộng sản Nga thời 1930 có thể lầm lẫn vì ảo tưởng về hiệu năng của một nền kinh tế chỉ huy tập trung. Nhưng đến năm 1999, mười năm sau khi Cộng Sản Âu châu thú nhận sự thất bại của họ, mà còn tiếp tục đem 78 triệu người dân ra làm thí nghiệm thì không thể coi là lầm lẫn nữa, phải gọi đó là tội ác.

1989: Chiến thắng của Dân Chủ

Là một triết gia về chính trị, Friedrich von Hayek cũng cảnh báo từ năm 1944 rằng khi một chính quyền thấy mình bất lực không thể điều khiển nền kinh tế theo lối hoạch định tập trung thì nó sẽ phải tìm cách chiếm thêm nhiều quyền hành và kiểm soát dân chặt chẽ hơn, đó là con đường dẫn mọi người dân vào vòng nô lệ. Cuốn sách "The Road to Serfdom" của von Hayek đã được dịch sang tiếng Trung Hoa từ mười năm, tại Bắc Kinh đã có nhiều cuộc hội thảo về tư tưởng của ông. Trong thế kỷ 20 này, một nửa loài người bị dẫn vào con đường đi tới chế độ nô lệ. Nhưng trong khi đó, một nửa kia vẫn tiếp tục thí nghiệm cách tổ chức xã hội đã đem thử từ thời Thượng cổ ở Hy Lạp, rồi đem thử lại ở Âu châu qua nhiều thế kỷ, tức là thể chế Dân Chủ. Năm 1989 đánh dấu sự thắng lợi của phương án dân chủ.

Chủ nghĩa Xã hội đã phát khởi ở Âu châu từ thời cách mạng Pháp, Cộng Sản Bôn sơ vích đã làm cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa lần đầu tiên trên một quy mô lớn. Họ đem thí

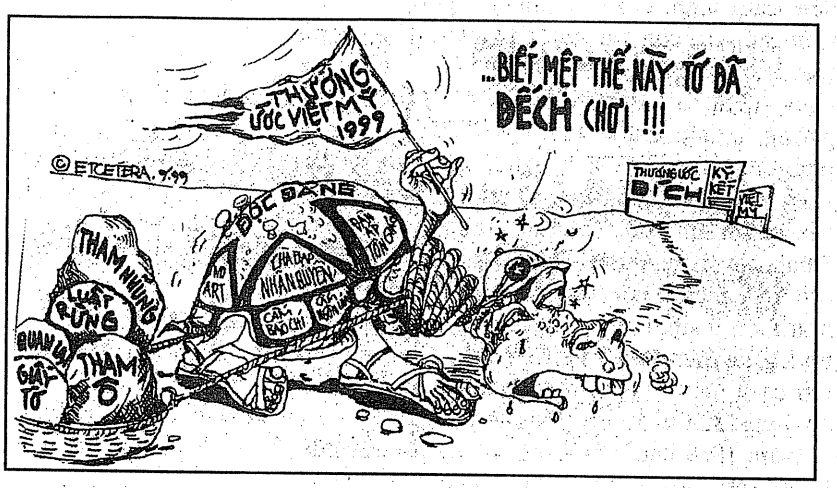

nghiệm mô hình xã hội mới một cách có ý thức và đầy cao vọng, vượt ra ngoài những tư tưởng của Karl Marx. Mô hình của Lênin giả thiết có một nhóm người ưu tú trong xã hội, nhóm người này biết con đường mà lịch sử sẽ tiến tới, họ tự đóng vai lãnh đạo xã hội loài người đi theo hướng lịch sử đó.

Lãnh đạo, nghĩa là họ sẽ quyết định hộ tất cả mọi người, từ chuyện mỗi năm được mấy mét vải, may mấy bộ quần áo, cho đến cuốn phim nào đáng đem chiếu cho dân coi. Sau đảng Bôn sơ vích còn có những đảng Quốc gia Xã hội ở Đức, Phát xít ở Ý cũng tự coi họ là nhóm người ưu tú quyết định thay cho cả dân tộc họ. Các lý thuyết đó, trong một thời gian, cũng có nhiều người tin tưởng một cách nhiệt thành. Nhưng không phải khi có nhiều người tin tưởng nhiệt thành và sẵn sàng tuẫn tiết vì niềm tin đó thì một lý thuyết là có giá trị. Giá trị của lý thuyết chỉ được thử thách khi nhìn vào kết quả, coi khi áp dụng có mang lại hạnh phúc cho loài người hay không.

Biến cố năm 1989 đánh dấu một bước

ngoặt trong lịch không khác gì những cuộc cách mạng dân quyền ở Mỹ và Pháp những năm 1776 và 1789. Không những nó thay đổi chính quyền ở nhiều quốc gia, nó bắt loài người phải suy nghĩ lại về cách tổ chức đời sống chung với nhau sao cho hạnh phúc hơn.

Từ năm 1989 trên thế giới này không còn nước nào muốn có một nền kinh tế hoạch định tập trung với các xí nghiệp quốc doanh độc quyền nữa - hiện nay chỉ còn Bắc Hàn, với hàng triệu người dân đang lo chết đói. Về mặt chính trị, không ai còn tin rằng trong xã hội có thể trao quyền cho một nhóm người nào đó đóng vai "đạo quân tiên phong" độc quyền quyết định thay cho tất cả mọi người nữa. Cho đến thập niên 1960-70, nhiều người trí thức trên thế giới còn tin như vậy. Nay thì ai cũng thấy niềm tin đó không những sai lầm mà còn nguy hiểm. Sự tỉnh ngộ đó bắt đầu từ tấm gương ở Đức Quốc xã và ở Liên xô, nhưng phải đến năm 1989 loài người mới dứt khoát. Điều đáng chú ý là ngay trong thời cực thịnh của những nhà độc tài như Stalin, Mao Trạch Đông hay Kim Nhật Thành, họ cũng vẫn đề cao khái niệm Dân Chủ. Họ giữ các hình thức như hiến pháp, bầu cử, quốc hội, v.v.. Nghĩa là họ không dám bác bỏ giá trị Dân Chủ, mà chỉ tìm cách đánh lừa người dân khi giải thích và áp dụng khái niệm đó trong thực tế.

Năm 1989 báo hiệu sang thế kỷ tới, các dân tộc sẽ sống với một hình thức nào đó của kinh tế thị trường, với một trong những thể chế dân chủ đã đem thí nghiệm. Từ năm 1989 loài người nói chung thấy phải dứt khoát chọn lối sống dân chủ thật sự. Từ đó, người ta không mất thời giờ bàn về những câu hỏi tổng quát gọi là ý thức hệ nữa. Những cuộc thảo luận chính trị bây giờ là bàn các chi tiết thực tế, xem xã hội làm cách nào sống một các dân chủ.

Vậy Dân Chủ thực sự có nghĩa là gì? Dân chủ là đồng ý rằng mọi người, mỗi cá nhân trưởng thành, đều được chia sẻ quyền quyết định về đời sống của họ trong cộng đồng xã hội. Cụ thể, người dân được tham gia việc soạn ra những luật pháp, thủ tục ràng buộc đời sống của họ, từ cách tổ chức xí nghiệp, cách lập gia đình, đến việc thờ phượng, việc thưởng ngoạn nghệ thuật, v.v.. Dân chủ gồm các thủ tục công bằng và tự do để cụ thể hóa quyền tham dự đó, qua việc bầu cử những người làm ra luật và thi hành luật pháp. Những khẩu hiệu như "của dân, do dân và vì dân" chỉ mô tả đặc tính của các chính quyền dân chủ chứ không hề cho biết cách thực hiện như thế nào. Muốn thể hiện các đặc tính đó thì cần các thủ tục để những người cầm quyền phải chịu trách nhiệm với dân. Nếu không có các thủ tục hữu hiệu, như bầu cử tự do, tư tưởng và ngôn luận tự do, hội họp và sinh hoạt đảng phái tự do, thì các khẩu hiệu đều trống rỗng. Chỉ hô to những khẩu hiệu trống rỗng mà không thực hiện các thủ tục cụ thể thì đúng là lừa dối, bịp bợm.

Trong các bài phát biểu tại cuộc hội nghị Trung ương Đảng Cộng Sản hồi Tháng Tám 1999, ông Lê Khả Phiêu hay nói đến "trách nhiệm của Đảng ta do lịch sử trao cho." Hai chữ "lịch sử" trong các câu đó vẫn biểu lộ tinh thần cố hữu của người Bôn sơ vích: họ tự cho là chỉ có họ mới biết lịch sử đi về đâu. Nhưng thực chất hai chữ "lịch sử" rất trừu tượng, không khác gì các vua chúa đời xưa nói họ được trao "Thiên mệnh" để cai trị dân. Hai chữ "nhân dân" cũng mơ hồ, trừu tượng và dễ bị lạm dụng như vậy. Không ai biết Nhân dân muốn gì nếu không có các thủ tục tự do và công bằng để nhân dân có dịp cho biết họ lựa chọn cái gì.

Dân chủ có nghĩa là nhà cầm quyền không chịu trách nhiệm với những thần linh như Thiên mệnh, như lịch sử. Người cai trị chịu trách nhiệm đối với người dân bị trị. Chịu trách nhiệm thì phải có các thủ tục để người dân thường xuyên theo dõi, kiểm soát, thay thế người cầm quyền. Đó là những ý tưởng hết sức giản dị. Ai né tránh không hiểu những điều giản dị đó, mà còn cố ẩn nấp đằng sau các khái niệm trừu tượng, là cố tình gian dối.

Chúng ta thử đọc những lời tố cáo chế độ cai trị ở Việt Nam: "Chúng tôi không có quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận, ngay cả quyền tự do hội họp và lập hội cũng không có. Chúng tôi không có quyền sống hoặc đi du lịch ở nước ngoài." Nhiều vị sẽ đoán đó là lời của Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Kỹ sư Nguyễn Thanh Giang hay Hòa thượng Thích Quảng Độ đang nói ở Việt Nam. Nhưng thật ra đó là một câu tố cáo thực dân Pháp trong bài phát biểu của Hồ Chí Minh trong hội nghị Đảng Xã hội Pháp ở Tours năm 1920 (trích *Tuyển Tập* in năm 1960 ở Hà Nội, trang 9.) Đọc lại câu đó để chúng ta thấy sau 80 năm, bây giờ nước Việt Nam có tự do hơn thời Pháp thuộc hay không. Ngày nay chỉ có một tiến bộ, tiến bộ về ngôn ngữ. Khi đảng Cộng Sản Việt Nam

cho nhiều thanh niên đi bán sức lao động ở Ba Lan hay Iraq, họ gọi là chính sách "xuất cảng lao động," chứ không dùng chữ "mộ phu" đi Tân thế giới như thời Pháp thuộc. Thời thực dân Pháp không có các nhà tù như Trại Cổng Trời mà Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Chí Thiện đã bị giam, nhưng ngày nay nơi đó được gọi là trại cải tạo.

Mười năm là thời gian ngắn hay dài?

Năm 1989 khi nhìn thấy các chế độ cộng sản Âu châu tan rã, chúng ta hy vọng rằng không bao lâu nữa người dân Việt Nam, Trung Quốc, Bắc Hàn cũng sẽ được sống tự do. Nhưng mười năm đã qua, các chế độ cộng sản ở Á châu vẫn còn đó. Phải chăng là người dân các nước Á châu có sức chịu đựng cao hơn? Hay họ không đủ can đảm, quật cường để đứng lên đòi tự làm chủ đời mình, làm chủ mình trong đời sống kinh tế đến chính trị? Phải chăng vì văn hóa các xứ Á châu tập cho người dân ở đó thói quen chịu đựng, sợ hãi kẻ cường quyền? Hay là các chế độ cộng sản ở Á châu tài giỏi hơn các chế độ đàn anh ở Đông Âu trong nghề công an, mật vụ?

Chắc mỗi giả thuyết trên đều chứa một phần sự thật, nhưng không hoàn toàn đúng và không phải phải là những lý do độc nhất. Các tổ chức mật vụ ở Đông Đức, Tiệp Khắc nổi tiếng là giỏi. Người dân Việt hay dân Trung Hoa xưa nay vẫn nổi tiếng quật cường, trong lịch sử đã nhiều lần đứng dậy đòi tự do.

Một nguyên nhân chính khiến các nước cộng sản Á châu vẫn chưa thay đổi, là trình độ hiểu biết và ý thức trách nhiệm của giới lãnh đạo những đảng cộng sản ở Á châu rất thấp so với các đồng nghiệp Đông Âu của họ những năm 1980. Ở Ba Lan, Hungary, chính các lãnh tụ cộng sản tự ý thay đổi hoặc trao quyền cho phe đối lập. Tại Tiệp Khắc, Đông Đức, các lãnh tụ đảng Cộng Sản tự ý từ chức sau khi dân chúng xuống đường. Các lãnh tụ cộng sản ở Đông Âu mười năm trước thuộc thành phần có học nhiều hơn, trình độ chuyên môn cũng cao hơn, nên họ hiểu rõ lý do thất bại của hệ thống kinh tế cộng sản một cách dễ dàng hơn. Và nhờ hiểu biết đó, họ ý thức rằng nếu không chấp nhận thay đổi thì họ sẽ chịu trách nhiệm với lịch sử. Tại Trung Quốc ngày nay những cải tổ kinh tế đi xa hơn Việt Nam và Bắc Hàn, mà các cuộc bầu cử ở hương thôn đã được thí nghiệm trên toàn quốc, cũng vì giới lãnh đạo ở Trung Quốc có trình độ cao hơn. Hơn nữa, những người cầm quyền ở Bắc Kinh cho phép giới trí thức được thảo luận các vấn đề thể chế, hiến pháp từ nhiều năm qua, cũng vì họ đã từng là nạn nhân của chế độ độc tài thời Mao Trạch Đông. Họ hiểu giá trị của kiến thức và biết kính trọng những người có ý kiến độc lập, vì họ đã từng thuộc lớp người đó.

Những người như Kim Chính Nhật ở Bắc Hàn, hay Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu ở Việt Nam không biết trách nhiệm của họ cũng vì họ thiếu kiến thức, không biết giá trị của sự hiểu biết, chưa từng bị hạ tầng công tác hay đi lao cải vì có ý kiến độc lập với cấp trên như Đặng Tiểu Bình hoặc Chu Dung Cơ. Nhưng khi các lãnh tụ cộng sản ở Việt Nam hay Bắc Hàn trì hoãn sự thay đổi, sự thay đổi sớm muộn sẽ tới không thể nào tránh được, họ đã bắt cả dân tộc của họ đi chậm lại nếu không nói là thụt lùi, trong khi cả nhân loại tiến lên.

Biến một nền kinh tế cộng sản sang kinh tế thị trường đòi hỏi thời gian, khó nhất là thay đổi tác phong các người làm kinh tế. Người dân sống càng lâu dưới chế độ cộng sản thì càng khó thay đổi những thói quen tập thành. Các nước Đông Âu thay đổi năm 1989 nhưng phải mười năm đời sống mới được cải thiện. Nước Nga thay đổi từ năm 1991, nhưng chế độ cộng sản mọc rễ ở đó trước Đông Âu 30 năm, cả một thế hệ, nên sự chuyển hóa cũng khó khăn và chậm chạp hơn. Vì thế, thay đổi chậm ngày nào là khiến sự thay đổi khó khăn hơn, làm hại dân tộc hơn ngày đó. Đối với các nước cộng sản đã thay đổi thì mười năm còn là quá ngắn để thấy kết quả ngoạn mục. Nhưng với các nước chưa thay đổi thì mười năm lại là quá lâu, vì khiến việc thay đổi sau này càng khó khăn hơn.

Đối với một đời người thì mười năm có thể rất dài. Trong cuộc đời một người, mười năm trong lúc ở tuổi 20, 30 là những năm quý giá nhất. Nếu họ được tự do sớm hơn, được lựa chọn cho cuộc đời họ sớm hơn, tập thói quen sống tự do, tự quyết định và tự chịu trách nhiệm sớm hơn, thì cả tương lai của họ sau này sẽ khác. Những lãnh tụ cộng sản sẽ phải chịu trách nhiệm với lịch sử vì đã bỏ lỡ cơ hội thay đổi năm 1989, họ đã để cho cả một thế hệ thanh niên bị phí phạm. Hơn một nửa dân Việt Nam bây giờ sinh sau năm 1975, thế hệ đó là tương lai của dân tộc. Các bạn trẻ đó sẽ sống như thế nào? Nhìn tương lai, quả thấy đầy lo lắng.●

(tháng Chín 1999)

ỦNG HỘ HAY KHÔNG ỦNG HỘ QUAN HỆ THƯƠNG MẠI BÌNH THƯỜNG?

HOÀNG QUẾ

Chuyến viếng thăm Việt Nam vừa rồi của ngoại trưởng Madeleine Albright đã gây nhiều dư luận khác nhau trong các cộng đồng VN tại hải ngoại. BS Nguyễn Đan Quế, một người tranh đấu nhân quyền tại VN, đã ủng hộ việc VN ký kết Hiệp ước thương mại (Normal trade relation) bình thường hoá buôn bán với Hoa kỳ. Việc này đã gây nhiều tranh luận với nhiều lập trường và quan điểm khác nhau.

Một phần dư luận trong cộng đồng cho là không nên có bất cứ một liên lạc nào hay một hiệp ước nào khi CS còn nắm chính quyền tại VN. VN đang gặp nhiều khó khăn kinh tế và giao dịch thương mại sẽ giúp các Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) vững mạnh, sẽ kéo dài thời gian VN phải nằm dưới ách CS. Quan điểm này cho là khi buôn bán, giao dịch với VN thì chính quyền CS được lợi và việc này chẳng khác nào giúp củng cố chính quyền cộng sản.

Một thành phần khác cho là nếu không có quan hệ bình thường, nếu không có thương mại với bên ngoài, nếu không mở cửa, giao dịch thì VN tiếp tục có tâm lý "bị bao vây." Việc đóng cửa sẽ mang đến nghèo khó. Dân nghèo, không có dịp tiếp xúc với bên ngoài sẽ giúp cho CS tiếp tục duy trì ảnh hưởng độc tôn trong xã hội VN.

Ngoài hai thái độ vừa nêu, có một quan điểm thứ ba là nên có bang giao và quan hệ buôn bán với Việt Nam, nhưng phải với điều kiện về nhân quyền và dân chủ đi kèm theo. Vì vậy Hiệp ước mậu dịch cần phải đi song song với một số điều kiện về nhân quyền và dân chủ.

Trong 20 năm qua, đã có nhiều ý kiến trong cộng đồng VN hải ngoại về các quan hệ với VN: Gởi tiền hay không gởi tiền về nước? Về VN thăm nhà hay không thăm nhà? Quan hệ thương mại hay tiếp tục cấm vận? Nên có thái độ thế nào đối với du học sinh VN? Có mua hàng của Việt Nam hay không? v.v... Bài này sẽ cố gắng phân tích các quan điểm vừa kể dựa trên các kinh nghiệm quốc tế, trong đó có bối cảnh chính trị, kinh tế mới tại Á châu và một số nơi trên thế giới. Nếu tìm hiểu được các quy luật phát triển thì cách tranh đấu của chúng ta sẽ hữu hiệu và có ảnh hưởng sâu xa hơn.

I. Bối cảnh

Cuối thập niên 80 bước sang thập niên 90 đã có nhiều thay đổi trên thế giới. Chiến tranh lạnh không còn nữa, bức tường Bá Linh đã sụp đổ, các nước Đông Âu đã lấy lại nền độc lập và chính Liên xô đã từ bỏ chủ nghĩa CS. Chủ nghĩa CS chỉ còn tại năm nước "gọi là" còn theo xã hội chủ nghĩa: Trung Quốc, VN, Lào, Bắc Triều Tiên và Cuba.

Tuy gọi là xã hội chủ nghĩa, các nước này cũng đã thay đổi rất nhiều. Trung Quốc, dưới sự chỉ đạo của Đặng tiểu Bình (ĐTB), đã phát huy cái gọi là "Kinh tế thị trường theo định hướng TQ." Với chiêu bài này họ Đặng đã gởi cả trăm ngàn sinh viên TQ du học nhằm mở mang xứ sở về kinh tế, vãn hồi chỗ đứng cường quốc của TQ trên quốc tế. Nhưng họ Đặng mở về kinh tế để củng cố vai trò lãnh đạo của đảng CSTQ, để đảng CS tiếp tục nhận được sứ mệnh (không phải của Trời như các

ông vua ngày xưa) mà trong việc nâng cao mức sống của dân chúng.

Sau khi Đông Âu bị sụp đổ và chủ nghĩa CS đã biến mất trên "đất nước Lênin," VN hốt hoảng và cũng bắt buộc theo TQ "đổi mới." VN đã mở cửa cho ngoại thương, cho đầu tư ngoại quốc (FDI) và viện trợ quốc tế (ODA). VN đã có những quan hệ bình thường với Hoa Kỳ từ 1995 và quan hệ với ASEAN và APEC từ ít năm nay. Từ tình hình đó, có thể có một số nhận xét như sau:

1. Trong bối cảnh thế giới thay đổi mau chóng, ngày càng toàn cầu hóa, các nước Đông Âu hay cả Liên xô cũ đã sụp đổ không phải vì cái gì khác hơn là dân chúng và đảng viên đảng CS không còn tin tưởng và tán thành chế độ CS, đã đứng lên lật đổ chế độ. Họ đã không còn sợ guồng máy cảnh sát công an hay KGB nữa.

2. Vì quá nghe lời hay nghe một cách mù quáng các chuyên gia quốc tế, vì thiếu ổn định chính trị qua việc thay đổi chính phủ liên miên, các công cuộc thay đổi kinh tế (thị trường hóa kinh tế) tại Nga và Đông âu đã thất bại. Hậu quả là tình trạng bất ổn trong nhiều năm mà hiện giờ Nga vẫn chưa phục hồi. Điều tệ hơn là kinh tế Nga đã rơi vào tay của một số "tư bản đỏ" có nhiều cách làm ăn kiểu Mafia trong khi guồng máy chính quyền vẫn còn suy nghĩ kiểu bao cấp cũ và luật lệ mới thì chưa có.

3. TQ cải cách từng bước do đó đã thành công tốt hơn trong quy trình chuyển cơ cấu từ kinh tế chỉ huy qua kinh tế thị trường. Đời sống dân chúng có tăng và được cởi mở hơn. Vì thành công đưa kinh tế tăng trưởng cao, TQ nay đã có tham vọng cường quốc. Nhưng vì các thay đổi kinh tế không đi song song với các thay đổi thể chế cho nên tự do tín ngưỡng, tự do đi lại, nhân quyền còn bị rất hạn chế tại TQ. Vì xã hội TQ còn nhiều thiếu sót về luật lệ, một số doanh nghiệp TQ còn bị đảng CS ảnh hưởng rất nhiều nhưng cũng có một số doanh nghiệp khu vực tư làm ăn thành công.

4. VN bắt chước TQ cải cách từng bước, tránh được các hậu quả xấu của một sự thay đổi quá đột ngột mà không được quy hoạch trước như trường hợp Nga. Tăng trưởng GDP trung bình là 8.40%/năm trong nhiều năm qua - nông nghiệp tăng 4%/năm, công nghiệp 13-14%/năm và dịch vụ (10-12%/năm). VN nhận nhiều vốn đầu tư là do từ nguồn ngoại quốc (FDI) hay viện trợ (ODA). Tăng trưởng của Việt Nam là dựa trên một chính sách phát triển do ngoại quốc tài trợ. Chính sách này cho thấy nhiều lầm lỗi và yếu kém.

Tăng trưởng kinh tế năm 1998 (5.8%) là tỷ lệ tăng trưởng thấp nhất từ tám năm nay. Tăng trưởng nông nghiệp giảm còn 3.6%, dịch vụ giảm mạnh còn 5% và tăng trưởng công nghiệp là 12.1% so với 13.1 % trong năm 1997. Đầu tư trực tiếp FDI ngoại quốc sụt mạnh. VN còn thành công trong việc dành được sự hỗ trợ của các cơ quan quốc tế và các nước tài trợ nhưng ngày càng có nhiều khuyến cáo thay đổi. Úc, Nhật là các nước viện trợ lớn cho VN cũng phải than là đầu tư tại VN gặp quá nhiều "phiền hà." Trên 19 văn phòng đại diện ngân hàng hay ngân hàng ngoại quốc đã đóng cửa trong năm 1998. (1)

Năm 1998 có nhiều thiên tai: hạn hán, mưa lũ, lụt ảnh hưởng đến nông nghiệp. Miền cao nguyên trung phần bị hạn hán, miền trung bị bão và lụt liên miên. Thiên tai ảnh hưởng đến các nông phẩm VN như hạt điều, cafê, hạt tiêu, vv. Nói tóm, kinh tế VN đang trì trệ và gặp nhiều khó khăn.

5. Theo nghiên cứu của J. Haughton (2), mỗi năm trên bốn triệu gia đình tại VN nhận được tiền từ ngoại quốc. Năm 1996, VN nhận được US$ 400 triệu qua ngã chính thức và cứ có 1 đôla qua ngân hàng thì 2 đôla được trao thẳng qua tiền mặt. Số tiền Việt kiều mang về này được ước lượng trên US$ 1 tỷ/năm (5% GDP) hay 11% tiền xuất khẩu hay tương đương với số tiền đầu tư ngoại quốc được giải ngân trong 1998. Miền nam nhận được nhiều nhất vì số Việt kiều về thăm hàng năm. Đây là một số tiền lớn so với người Hoa gởi cho lục địa. Tiền này được dùng nuôi dưỡng cha mẹ già, giúp gia đình chi tiêu hay đầu tư làm ăn. Đây là một nguồn viện trợ cho Việt Nam, nhưng là một nguồn viện trợ đến thẳng tay dân chúng, ít mất mát, qua đó người ta thấy được sức mạnh kinh tế của các cộng đồng người Việt tại hải ngoại.

II. Các lập trường khác nhau tại hải ngoại

Sau đây ta sẽ phân tích ba lập trường chính đã nêu ở trên:

1. *Nhất định không bang giao*:

Sau 1975, dân miền Nam đã nếm mùi hộ khẩu và chính sách kiểm soát dân chúng qua bao tử. Việc này đã có thể làm được khi dân chúng không được làm kinh tế, mọi việc làm là do nhà nước điều động và VN có chính sách

"bế quan tỏa cảng." Vì thế, *càng tẩy chay thì CS càng có điều kiện để kiểm soát và đàn áp dân chúng.* Miền Bắc trước đây vì bị bưng bít hoàn toàn nên dân chúng không biết những gì xẩy ra bên ngoài và họ đã "té ngửa" sau khi được tiếp xúc với dân chúng miền Nam. Vì dân chúng bị hoàn toàn lệ thuộc chính quyền về kinh tế, cùng với chế độ hộ khẩu và công an siết chặt, mọi chống đối đều bị bóp nát dễ dàng. Ngay các giới trí thức, nghệ sĩ là những người có thể có sinh hoạt tương đối tự do cũng đều lệ thuộc vào đảng, không thể tự ý phát huy năng lực trí óc cũng như tài năng của mình.

Từ tình trạng cô lập bưng bít như thế bước sang cơ chế thị trường, người dân có quyền làm ăn và dần dần độc lập về kinh tế thì sự kiểm soát không còn có thể hoàn toàn chặt chẽ như trước được nữa. Ví dụ trường hợp ông Nguyễn Thanh Giang bị đàn áp vừa rồi, nếu thời trước thì gia đình ông sẽ bị nguy khốn ngay, nhưng bây giờ, sau khi ông bị bắt, con gái ông bị đuổi khỏi chỗ làm ở bộ Lao Động Thương Binh Xã Hội thì cô ấy có thể kiếm ngay một việc làm tốt hơn ở một tổ chức ngoại quốc.

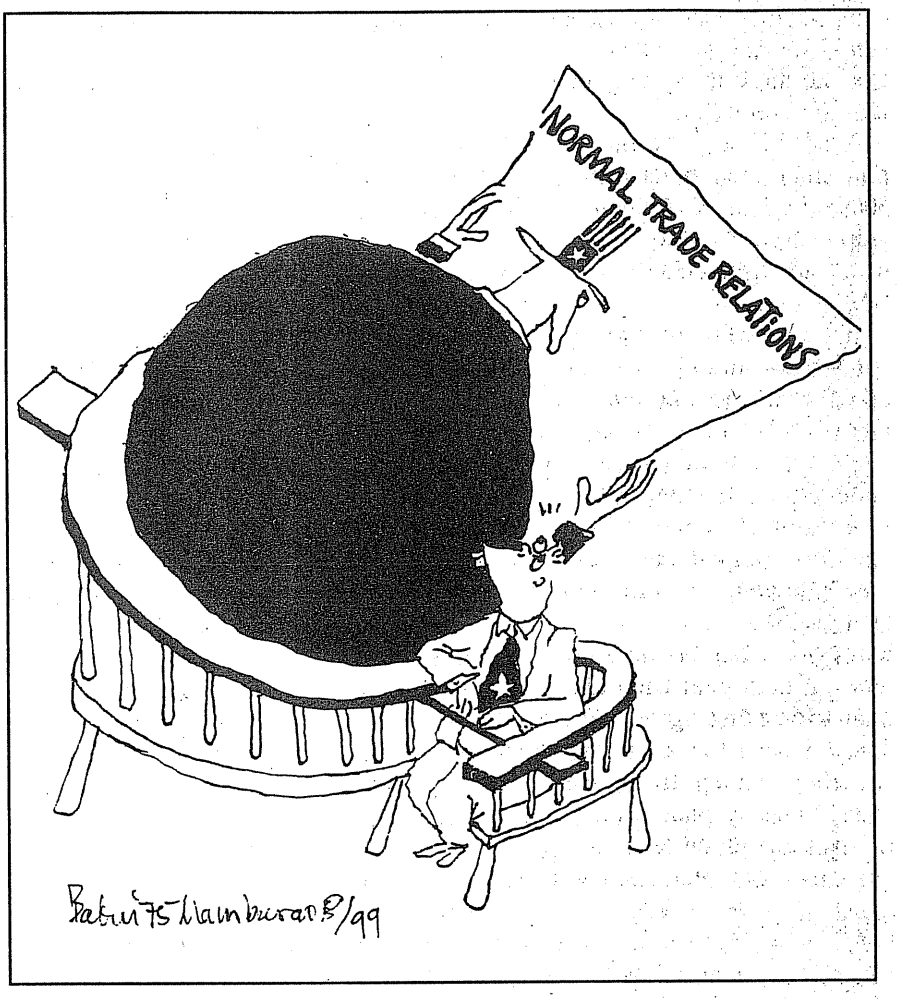

Khi một nước CS bị cô lập một mình không ai dòm ngó, họ sẽ tha hồ kềm kẹp dân chúng, như trường hợp Bắc Hàn. Khi VN bắt đầu đổi mới thì ngay trong nội bộ đảng cũng chia làm hai phe bảo thủ và cải cách, và ngay vấn đề doanh nghiệp nhà nước nên đóng vai trò chủ đạo trong chính sách phát triển hay không đã là mục tiêu tranh đấu giữa hai phe này rồi. Mặt khác, nếu bị tẩy chay và chìm vào tình trạng bế môn tỏa cảng, đất nước Việt Nam sẽ ngày càng tụt hậu và chậm tiến, mà nạn nhân trực tiếp nhất không ai khác hơn là dân chúng Việt Nam (và lúc bấy giờ người Việt hải ngoại lại càng phải đổ tiền về để giúp đỡ thân nhân!)

Việc "tẩy chay" VN còn tỏ ra không thiết thực. Hiện nay những người chống đối chế độ như Trần Độ, Nguyễn Thanh Giang v.v. là đảng viên hay cựu đảng viên CS. Nhưng chính sách tẩy chay hay có khuynh hướng "vơ đũa cả nắm" và nạn nhân sẽ là 76 triệu người Việt Nam. Khi không buôn bán, không trao đổi kinh tế, không mở cửa thì những người thiệt thòi nhất là dân chúng, nhất là dân nghèo. Việc tẩy chay còn nhắm vào các du học sinh VN tại các nước Tây phương, một cách dồn họ vào chỗ không thể chọn con đường nào khác,

trong khi họ là những người sẽ mang lại thay đổi cho Việt Nam nếu ngày nay họ được chỉ rõ thế nào là dân chủ, tự do.

Về kinh tế, việc tẩy chay thiếu thực tế. Hàng VN hiện có mặt trên nhiều thị trường quốc tế (Nhật, Âu châu...), và nó sẽ được mua nếu tốt, rẻ, hợp khẩu vị. Hàng bán được sẽ giúp dân chúng có công ăn việc làm, tình trạng xã hội sẽ được nâng lên. Khi công ty Nike cho đại diện đến VN kiểm soát, đòi hỏi thay đổi môi trường làm việc cho công nhân VN, thì công nhân sẽ thấy không phải các công đoàn cộng sản bảo vệ cho họ, mà chính là luật lệ của các nước mua hàng, của xã hội văn minh tân tiến làm việc đó.

Việc "tẩy chay" bị thực tế chính trị, kinh tế phủ nhận. Hoa kỳ đã bang giao với VN. Trên 300,000 người đã về thăm nhà hàng năm và họ giúp cho gia đình họ. Mỗi năm người Việt hải ngoại gởi trên US$ 1 tỷ về giúp gia đình tại VN.

2. Lập trường dựa trên quan hệ thương mại với VN tốt nhưng thiếu thực tế. Nhiều người đã cổ động cho việc bình thường hoá thương mại với VN và theo họ khi có tiếp xúc với bên ngoài thì VN không còn bưng bít, và sẽ bị quốc tế thúc dục thay đổi.

Về kinh tế, VN đã "đổi mới" và chính sách này được chấp thuận sau khi có nhiều tranh luận giữa đảng và chính phủ về vai trò của các Doanh nghiệp nhà nước. VN cũng chọn mô hình phát triển hướng ngoại qua các DNNN, một mô hình phát triển không để ý nhiều đến phát triển nông nghiệp để nâng lợi tức đa số dân, rồi dùng tiết kiệm dân chúng đầu tư vào các công nghiệp trong khu vực tư để xuất khẩu. Quản lý phát triển còn dựa trên chính trị (cán bộ) nhiều hơn chuyên nghiệp. Thành quả chính sách phát triển VN còn kém và tỷ lệ nghèo là 51% và 90% số người nghèo là ở nông thôn (3). Chính sách phát triển "thị trường kiểu XHCN" đã bỏ quên nông thôn và khác biệt lợi thức nông thôn-thành thị càng ngày càng tăng, càng gây nhiều chia rẽ. Chính sách đặt trên độc quyền gây nhiều tham nhũng. Phe đổi mới trong đảng CS kêu gọi phát triển các xí nghiệp trung và nhỏ (small and medium enterprises) và kinh tế nhiều thành phần để giảm độc quyền của DNNN, có hiệu quả kinh tế cao hơn.

Việc thương mại gặp nhiều khó khăn vì trên thực tế, những người ủng hộ ngoại thương phải chấp nhận làm ăn trong một môi trường hối lộ đầy rẫy, quyền lợi cá nhân được đặt lên trên tất cả. Bao nhiêu người đã phải lì xì khi về thăm nhà? Bao nhiêu người đã bị hỏi chia sẻ phần trăm trước khi làm ăn? Phải qua các công ty dịch vụ để làm dự án tại VN? Trong môi trường VN, thiếu luật lệ, thiếu chữ tín, ít người có thể làm ăn một cách thẳng thắn, vì phải hối lộ, phải chạy tiền công an, vv. cho nên rốt cuộc sau 10 năm đổi mới, rất nhiều người có thể nói là họ không thể thành công nếu làm ăn một cách lương thiện. Các nhà đầu tư quốc tế cũng "bật ngửa" vì theo ĐS Hoa kỳ tại VN (4) chưa có một công ty Hoa Kỳ nào đã có lời từ khi họ đầu tư vào VN năm 1995. Làm ăn tại VN khó vì không được bảo vệ, không có luật lệ, không minh bạch. Theo ông Lý Quang Diệu thì VN không nên *"dụ đầu tư vào rồi mai phục họ"* (giựt tài sản)." Thực tế cho thấy là đây là một môi trường làm ăn không luật lệ, theo kiểu "wild west," cá lớn nuốt cá bé. Khi nước đục thì kẻ có quyền (CS) có lợi.

Nhưng lịch sử cho thấy là nhưng người quá tin tưởng vào thương mại như trường hợp Hoa Kỳ đối với Nga cũng thường bị thất vọng. Về kỹ thuật, nền kinh tế thị trường chỉ có thể có hiệu quả tốt khi các cấu trúc, cách tổ chức, luật lệ và con người được huấn luyện tốt. Hiện nay ta biết nhiều về các si-căn-đan tại Nga, hệ thống tư bản đỏ kiểu Mafia, vv. Vậy không thể áp dụng các định chế dân chủ-thị trường trong một môi trường CS cũ một cách quá mau chóng. Cần phải có thời gian mới thay đổi cách suy nghĩ và cơ cấu của xã hội này. Sau 1975, người Sài Gòn vẫn coi quân CS là người rừng. Muốn thay đổi từ người rừng trở thành người văn minh cần phải có thời gian.

Lịch sử cũng cho thấy là Nam Hàn và Đài Loan, hai nước thành công về kinh tế cũng mất trên 40 năm mới mở ra cho một chế độ dân chủ với sự tranh đấu của dân chúng. Trong 40 năm Nam Hàn đã phát triển kinh tế trong một chế độ quân phiệt gần như độc tài. Tại Nam Hàn, Indonesia, sinh viên và dân chúng phải xuống đường mới dành được dân chủ. Chính tại Hoa Kỳ trong những thập niên 60, mục sư King và số người ủng hộ dân chủ phải tranh đấu mới được bình đẳng, và được bỏ kỳ thị chủng tộc. Muốn có dân chủ, tự do, nhân quyền, cần phải tranh đấu.

Lịch sử kinh tế thế giới cho thấy là khi thay đổi chính sách thương mại mà không thay đổi cấu trúc chính trị thì kết quả sẽ rất ít oi. Các

cơ quan viện trợ quốc tế như Ngân Hàng Thế Giới (World Bank), chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) và các cơ quan khác cũng đồng ý là không thể có thương mại bình thường trong một môi trường không tốt. Họ đặt ta các mục vay gọi là *Structural Adjustment Loans* (cho vay để thay đổi cơ cấu). Như vậy, chỉ trông vào thương mại để thay đổi chế độ cũng là thiếu thiết thực.

3. *Ủng hộ quan hệ thương mại nhưng với điều kiện.*

Thương mại phải đi song song với nhiều điều kiện nhân quyền, luật lệ, bỏ độc quyền về kinh tế. VN có đổi mới cấu trúc kinh tế vĩ mô nhưng vẫn còn muốn kiểm soát thị trường để giữ độc quyền kinh tế và vẫn tiếp tục đè nén dân chúng, kiểm soát tin tức..., vậy cần phải có nhiều điều kiện đi kèm với thương mại thì họ mới thay đổi mau chóng. Theo nhóm này thì khi có đổi mới và làm ăn với ngoại quốc thì VN phải đổi cách làm ăn, cách tiếp xúc với bên ngoài.

Thật vậy, khi có hiệp ước mậu dịch với Hoa Kỳ, Việt Nam phải bãi bỏ dần dần các độc quyền về kinh tế và phải cạnh tranh với các công ty Hoa Kỳ. Các DNNN, doanh nghiệp của quân đội, của công an cũng sẽ dần dần mất độc quyền và phải làm ăn có hiệu quả hơn. Sức ép chính trị sẽ giảm, một số người thân cận với đảng cũng sẽ bị sa thải. Họ sẽ thấy là đảng viên cũng không có nhiều quyền lợi. Qua tiếp xúc với bên ngoài, VN sẽ dần dần có bộ mặt "văn minh" hơn, và người dân sẽ được tự do hơn về mặt kinh tế.

Nhưng đây là một phương thức đòi hỏi nhiều thời gian, vì chính dân trong nước đổi mới, có khả năng kinh tế độc lập với nhà nước thì mới thành công. Theo họ thì không thể áp dụng mau chóng các định chế dân chủ trong môi trường VN quá khác biệt, cần phải có thời gian mới thay đổi cách suy nghĩ, cư xử và cách làm ăn được.

Trong một thế giới thay đổi mau chóng, một khi đã vào cơ chế thị trường, nếu bị đặt điều kiện thì VN sẽ có nhiều triển vọng thay đổi mau chóng theo. Trong tình hình như thế, mặc dù còn bị công an kiểm soát nghiêm ngặt, các nhà chống đối về tư tưởng, các nhà tranh đấu cho nhân quyền có dịp nói lên tiếng nói của mình, họ sẽ được thế giới bên ngoài biết đến và sự đàn áp bắt buộc phải chừng mực hơn. Dân biết quyền lợi của mình, trong khi người cầm quyền không còn có thể theo lối bưng bít và đàn áp thẳng tay như kiểu ngày xưa.

Khi được bình thường hóa mậu dịch ngoại thương, VN sẽ phải để ý đến dư luận thế giới, phải chịu làm ăn theo tiêu chuẩn quốc tế. Vì vậy đầu tư trực tiếp (foreign direct investment) tại VN sẽ giảm nhiều. Nếu có tố cáo của quốc tế, ví dụ bản phúc trình về VN đàn áp tôn giáo của LHQ hay của Hoa Kỳ, CS phải lên tiếng vì sợ công luận thế giới đả kích, do đó sẽ bị các nhà đầu tư tránh né. Sự có mặt của báo chí ngoại quốc cũng là một sức mạnh khiến CS phải e dè khi muốn giở những ngón đàn áp thô bạo sở trường của họ. Các vụ như Thái Bình hay ông Nguyễn Thanh Giang bị bắt được thế giới biết ngay, kéo theo nhiều thông tin và phản ứng thích đáng có lợi cho kẻ bị đàn áp.

Sinh hoạt kinh tế của VN, dưới sức ép của quốc tế đã dần trở nên "trong suốt" hơn, ví dụ phải công bố ngân sách quốc gia hằng năm, cải thiện môi trường làm việc, tham nhũng bị phanh phui như vụ lạm dụng viện trợ ngoại quốc tại tỉnh Quảng Bình đã sớm được đưa lên mặt báo.

Mặc dù chưa được mau chóng như chúng ta mong muốn, xã hội công dân đang thành hình, và đất nước từ chỗ không luật lệ đi dần tới chỗ có luật lệ, mặc dù còn nhiều chỗ hở. Những người chống đối như Nguyễn Đan Quế, Trần Độ, Nguyễn Thanh Giang v.v... có nhiều dịp lên tiếng mà không bị hành hạ quá đáng vì biết dựa vào quyền công dân để đương đầu với công an. Đây là bước thay đổi quan trọng. Những vị này đang đa nguyên hóa đời sống chính trị, tước bỏ độc quyền chính trị của đảng CS. Được sự yểm trợ tích cực của thế giới, hiện tượng này có thể được nhân rộng nhanh chóng.

Việc thương thuyết hiệp ước mậu dịch với Hoa Kỳ đã kéo dài trong nhiều năm vì có nhiều chia rẽ, tranh luận trong nội bộ đảng giữa phe đổi mới và phe bảo thủ. Cuối cùng đã đến kết quả vì tăng trưởng kinh tế VN lệ thuộc vào đầu tư và giao dịch thương mại với bên ngoài, mà Hoa Kỳ là cái chìa khóa then chốt.

Ngoài ra, một khi đã gia nhập các tổ chức quốc tế như ASEAN, APEC, v.v. CSVN phải tỏ ra có trách nhiệm hơn, không thể không để ý đến công luận và đi vào các mẫu mực quốc tế. Điều quan trọng khi ký hiệp ước bình thường hóa mậu dịch với Hoa Kỳ là CSVN phải chấp nhận cạnh tranh về kinh tế, chấp

nhận có nhiều thành phần kinh tế, nghĩa là phải đa dạng hóa đời sống kinh tế.

Kết luận

CSVN đã thay đổi kinh tế nhưng vẫn còn muốn giữ độc quyền. Càng độc quyền càng nhũng lạm. Họ đang mắc vào cái lý luận tranh đấu giai cấp của chính họ, là sự rạn nứt giữa người có quyền bóc lột và kẻ bị bóc lột, mà vụ Thái Bình là một điển hình. Vì tham nhũng, bội tín, cửa quyền, nền kinh tế VN đang "hạ cánh" vì các nhà đầu tư đang bỏ đi. Thất nghiệp lan tràn, cách biệt ngày càng lớn giữa nông thôn và thành thị, tham nhũng gia tăng trong khi phát triển kinh tế giảm..., các hậu quả của độc quyền đang lộ rõ.

Làm sao cho VN thay đổi mau chóng? Làm sao thay đổi mà không gây thêm tổn thất cho dân VN? Trong cuộc đấu tranh lâu dài cho một VN thịnh vượng và nhân bản, trong giai đoạn này, giải pháp "mậu dịch với điều kiện" (Trade-normanization with conditions) là một giải pháp *tương đối* thích hợp và thực tiễn. Phải giải thể mọi hình thức độc quyền. Tại Hoa Kỳ, nơi độc quyền được coi là cách thức thiếu hiệu quả nhất, dân chúng tự do chọn công ty điện thoại, cửa hàng cung cấp hàng hóa, công ty bưu điện, công ty cung cấp điện v.v.. cùng lúc với việc chọn đảng chính trị thay mặt họ. Người Việt đang sống khắp nơi trên thế giới cần bắt tay chống những thứ độc quyền chính trị, kinh tế, xã hội tại Việt Nam bằng các cố gắng của từng cá nhân, bằng mạng lưới Internet, đến các tổ chức chuyên nghiệp rộng lớn cũng như qua các định chế các nước họ đang cư trú. Mục đích của chúng ta là đa nguyên hóa, đa dạng hóa đời sống chính trị kinh tế, tín ngưỡng, nhân quyền cho người dân Việt Nam. Để làm điều đó, chúng ta cần có một cái nhìn cân bằng và không mặc cảm.●

09/99

Chú thích

1. Reuters, 29 January 1999
2. Jonathan Haughton, *Money trasfer*, VN Business Journal, Jan. 1999
3. Ủy ban Thống kê, bộ Kế Hoạch, Hà Nội 1993
4. Los Angeles Times, Dec. 27, 1998

PHÂN ƯU

Được tin buồn
Thân phụ của họa sĩ Lê Tài Điển
Cụ LÊ TÀI TRUNG
Đã từ trần tại Pháp ngày 31 tháng Bảy 1999
Thọ 93 tuổi
Chân thành chia buồn cùng
anh Lê Tài Điển và tang quyến
Cầu chúc hương hồn Cụ
sớm tiêu diêu miền Lạc Cảnh.

Đinh Cường . Nguyễn Đồng . Nguyễn Thị Hợp
Nguyễn Cầm . Nguyễn Quỳnh . Nguyên Khai
Đỗ Ngọc Yến . Phạm Phú Minh

ĐỜI SỐNG QUANH TA

TRẦN QUÁN NIỆM,
THANH THẢO

CÂU CHUYỆN MÙA TỰU TRƯỜNG

Trần Quán Niệm

Nữ sinh viên Heidi Tallentire, thuộc đại học Pennsylvania, ép sát bàn tay trên màn ảnh một máy điện tử gắn ngay tại cửa ra vào. Trong vài giây, máy đọc những đường chỉ tay của cô, rồi so sánh với mẫu đã ghi sẵn trong bộ nhớ, thấy đúng nên đốm xanh trên máy bật lên, báo hiệu khoá cửa đã mở. Cô xoay nắm đấm, mở cửa và bước vào bên trong hành lang của đại học xá.

Chắc có nhiều bạn đọc tưởng chừng như đang đọc một đoạn trong phim gián điệp Jame Bond. Không, đây là một cảnh thực sẽ xẩy ra rất nhiều lần trong ngày và đêm tại ký túc xá đại học Pennsylvania, thành phố Philadelphia, thuộc tiểu bang Pennsylvania vào niên khoá muà Thu 1999. Đã từ vài năm nay, kỹ thuật nhận diện này đã được áp dụng tại các cơ quan an ninh quốc phòng có độ mật cao, nhưng trong vòng năm năm tới, nó sẽ rất phổ thông, các nhà ngân hàng cũng áp dụng kỹ thuật này để nhận diện khách hàng rút tiền.

Sở dĩ trường Penn đi tiên phong trong lãnh vực này, vì lý do an ninh và muốn phụ huynh hoàn toàn tin tưởng khi gửi con em vào đại học xá (số sinh viên có phần sút giảm gần đây). Nguyên do là vài năm trước một nữ sinh viên ngoại quốc theo chương trình tiến sĩ, trong kỳ nghỉ dài cuối năm cô không về thăm nhà và bị hung thủ lẻn vào, hãm hiếp và đâm chết. Vì ở giữa khu vực bất an ninh của thành phố nên năm nào cũng có những vụ đả thương hay cố sát các sinh viên học đêm hay vui chơi giải trí tại các quán quanh trường, đó là không kể các vụ giựt bóp, ẩu đả nho nhỏ.

Ngăn ngừa kẻ gian manh lọt vào ký túc xá, nhà trường đã lo được phần an ninh trên mặt nổi. Đối với các bậc phụ huynh Việt Nam, thì ngay trong đời sống tại đại học xá cũng đã ngầm chứa những tai hại khôn lường cho con em.

Lửa gần rơm

Sinh viên năm đầu tiên bao giờ cũng phải chung phòng với một bạn học khác. Nhà trường cho rằng đây là dịp để người sinh viên chập chững vào đời học cách sống chung, nhường nhịn, hoà đồng với một người bạn xa lạ, nhiều khi tính nết và thói quen khác biệt hẳn. Đó là một khía cạnh tốt, nhưng cũng có những trường hợp, người bạn kia quá ồn ào, mở nhạc lớn, tiếp đón bạn bè, thậm chí còn dắt bồ vào du dương, khiến người bạn chung phòng không có giây phút yên tĩnh để học hành, nhiều khi phải trốn ra thư viện cho bạn có chỗ riêng tư vui thú với bồ bịch. Nếp sống buông thả của một bên có thể lôi kéo người kia học đòi theo theo con đường bồ bịch, party, uống rượu say sưa, mà các bậc phụ huynh không có ở bên để ngăn cản và khuyên bảo.

Khoảng vài chục năm trước đây, các đại học xá được phân chia nam nữ ở riêng từng building. Ban ngày bạn trai có thể đến thăm bạn gái bên building con gái, nhưng phải ghi tên tại bàn kiểm soát đặt ngay cửa ra vào. Khách ngồi đợi nơi phòng khách và nữ sinh viên được gọi đến để tiếp chuyện với bạn mình. Sau bảy hay tám giờ tối, khách khác phái không được thăm viếng các nữ sinh viên. Những điều lệ trên cũng áp dụng cho các đại học xá nam sinh viên. Nhưng càng ngày những

luật lệ này càng lỏng lẻo, cho đến những năm gần đây tại đại học xá, nam, nữ sống chung đụng (khác phòng). Thay vì tiếp khách thăm viếng tại phòng khách, sinh viên có thể tiếp ngay tại phòng ngủ.

Các cụ ta đã nói, nam nữ thụ thụ bất thân, là để tránh những tiếp xúc quá thân mật, đưa đến luyến ái quá sớm, ngoài vòng nghi lễ của hôn nhân, vì lửa gần rơm sẽ bén, chơi dao có ngày đứt tay.

Một hôm tác giả bài này đi thăm con gái, trong khi đứng ngoài hành lang, bất chợt thấy một nam sinh viên từ trong phòng vệ sinh bước ra. Rất lạ lùng tác giả nói chuyện với con gái thì nó cho hay, năm nay, nam nữ được dùng chung phòng vệ sinh. Nó than phiền, vì thế mà nó mất cả thoải mái. Trước đây, building chỉ có con gái, nhiều khi chỉ cần mặc áo ngủ mỏng manh từ phòng ngủ phóng ra phòng vệ sinh để tắm giặt, hoặc các nhu cầu vệ sinh khác, nay đi ra đi vào đều phải giữ gìn.

Ở lớp tuổi còn chưa đủ khôn ngoan, khí khái hão, hoặc dễ phục tùng (cả nể) đối với bạn có cá tính mạnh hơn, các cô thiếu nữ, các cậu con trai vừa bước ra khỏi sự kiểm soát cuả cha mẹ nơi mái gia đình, dễ dàng đua theo bạn bè, học tập những thói hư tật xấu, xao lãng học hành, uổng phí tiền bạc của phụ huynh, cũng như làm hỏng cuộc đời tươi đẹp.

Đời sống riêng biệt tại đại học xá cũng khiến trẻ xa dần ảnh hưởng của gia đình, trở nên ương bướng trước lời khuyên bảo đầy kinh nghiệm sống của bậc phụ huynh.

Nhập gia tùy tục, chúng ta sinh sống tại xã hội này, đành phải chấp nhận những thói tục mà đa số đặt để ra. Chỉ trông mong con mình không hư. Nhiều bậc cha mẹ cẩn thận, tìm trường gần nhà để con em khỏi phải sống trong trường.

Nhậu xả láng, đến sáng mới về

Tin mới nhất từ New Brunswick, tiểu bang New Jersey cho hay, thân nhân của sinh viên năm thứ nhất Jason Greco 20 tuổi, quyết định rút ống thở và ống dinh dưỡng nhân tạo đã nuôi sống anh này một thời gian ngắn. Greco ở trong tình trạng hôn mê, sau khi say rượu và té cầu thang tại trường đại học Rutgers, NJ. Bác sĩ chứng nhận anh qua đời ngày 17 tháng 10, 1998.

Tên anh nối tiếp vào danh sách của những sinh viên đại học chết vì say rượu, và khiến nhà chức trách, dư luận cũng như phụ huynh lại bàn tán, quan tâm và lo ngại về nạn uống rượu của sinh viên.

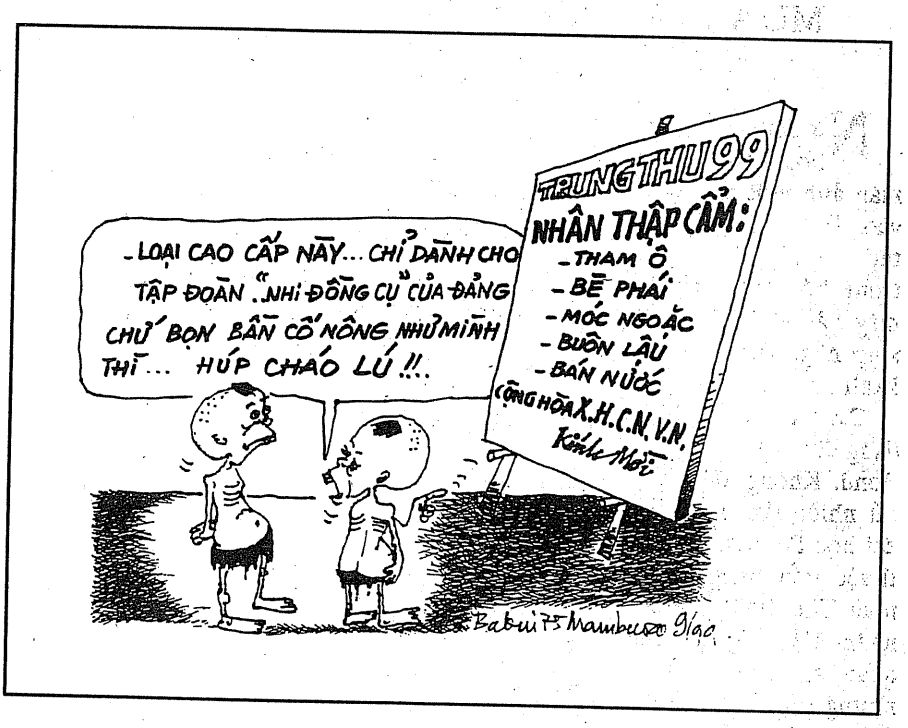

Sở dĩ sinh viên uống rượu quá độ cho đến say mèm vì họ coi đó là truyền thống của đời sống đại học. Hầu như mọi sinh viên đều ngầm chấp nhận rằng, đã gia nhập các nhóm sinh hoạt tại đại học (fraternity) là phải uống rượu và uống cho tới khi hết chịu nổi, mới hào hùng. Đã bao lâu nay, truyền thống này được duy trì từ lớp sinh viên này đến lớp sinh viên kế tiếp. Lại thêm yếu tố tâm lý là khi từ giã trung học, bước chân vào ngưỡng cửa đại học, sinh viên tự coi như mình đã trưởng thành, và để đánh dấu cho sự đổi khác đó, họ tập tành

thói hư tật xấu của người lớn, mà từ trước đến nay họ bị cha mẹ cấm đoán, trong đó có hút thuốc, uống rượu, sống buông thả trong tình dục. Sinh viên năm thứ nhất, hầu hết bị bắt buộc ở nội trú trong đại học xá của nhà trường, xa hẳn sự nhòm ngó cấm cản của phụ huynh do thế đây là môi trường thuận lợi để bị lôi cuốn theo ảnh hưởng của thói hư tật xấu của bạn bè và nhượng bộ trước áp lực cũng như sự chế diễu của bạn bè để đi đến sự thái quá, mà họ không dè ảnh hưởng tai hại trên sức khỏe và ngay cả mạng sống của họ.

Nhân cái chết cuả Greco, tưởng cũng nên nhắc lại vài biến cố thương tâm xẩy ra trong năm qua.

Tin thứ nhất:

Khoảng hai giờ sáng, Mindy về tới phòng. Người bạn cùng phòng cho biết, Mindy để nguyên quần áo leo lên giường ngủ. 6:45 sáng, người đưa báo thấy xác Mindy nằm trên bãi cỏ, cách cửa sổ lầu nơi phòng ngủ 90 feet (30 thước) phía dưới.

Mindy là ai? Cô là sinh viên năm thứ nhì trường Virginia Tech, mới 18 tuổi, ngoan ngoãn, học giỏi. Đêm Halloween 1997, Mindy ghé mấy tiệc nhậu của bạn bè cùng trường, uống bia, rồi nhờ bạn trai lái xe đưa về đại học xá. Lượng rượu trong máu của cô cao gấp hai lần mức độ tiểu bang Virginia ấn định là say rượu. Nhà chức trách phỏng đoán có thể vì quá say, Mindy thức dậy, không định được phương hướng, mở cửa sổ (ngay cạnh giường) chui ra và ngã xuống đất.

Tuổi được phép uống rượu tại tiểu bang Virginia là 21 tuổi.

Tin thứ nhì:

Ngày 1 tháng 10, 1997 nam sinh viên năm thứ nhất trường MIT, tiểu bang Massachusets, Scott Krueger, 18 tuổi, nhậu nhẹt với bạn bè trong một tiệc mừng tại hầm một nhà thuê ở gần trường, đã bất tỉnh, nôn mửa, và chết sau ba ngày hôn mê vì lượng rượu trong máu cao gấp năm lần độ rượu được tiểu bang Massachsets ấn định là say. Cảnh sát cho biết ở nồng độ rượu đó anh ta phải uống liên tiếp ít nhất 16 lon bia.

Tin thứ ba:

Tháng 8, 1997, một nam sinh viên tại đại học tiểu bang Louisiana cũng chết với lý do tương tự.

Tin thứ tư:

Tại trường đại học công lập tiểu bang Colorado, sinh viên có truyền thống uống rượu thả cửa mỗi khi cần ăn mừng một chuyện vui. Ngày khai trường năm 1997, cả ngàn sinh viên say sưa, tràn ra đường, đập phá đồ đạc và nổi lửa đốt các vật dụng (sô pha, bàn, tủ, quần áo v.v.) trên đường phố. Cảnh sát phải dùng hơi cay để giải tán.

Cũng tại trường này, hồi tháng Năm 1997, sinh viên nổi loạn ba đêm liền, đập cửa kiếng các tiệm hàng và ném đá cảnh sát. Người ta cho là vì say rượu mà ra.

Trên đây là những tin đọc được qua báo chí hàng ngày trong khoảng từ tháng 8, 1997 đến nay. Tệ trạng uống rượu bất hợp pháp tại các trường đại học đã lên tới mức báo động.

Mặc dù tuổi hợp pháp để uống rượu là 21, nhưng tại các đại học, party được tổ chức liên miên, mỗi cuối tuần, nhiều khi cả những tối trong tuần. Rượu, bia được cung cấp ê hề, bất chấp tuổi luật định được uống rượu.

Những sinh viên chăm chỉ cần cù, sống đời lành mạnh, lo học bài, bị chế riễu, khinh khi. Muốn hoà đồng, muốn có bạn bè, họ bắt buộc phải nhập cuộc như mọi người và lấy đó làm điều hãnh diện, tự hào.

Trai cũng như gái bị lôi cuốn, không tự chủ được. Tại các party, khi đã say ngà ngà, bia không uống bằng lon mà bằng vòi cao su như uống nước. Bạn bè ép nhau, đổ rượu vào miệng nhau. Nhậu đã mềm môi, không lượng định được sức chịu đựng cuả mình, ráng uống như bạn bè khích bác. Nốc rượu ừng ực, say lăn lộn, ói mửa, mới là "chịu chơi." Thật không khác nào cảnh tượng say sưa trong đời sống quân ngũ, sống nay, chết mai.

Sinh viên đủ tuổi uống rượu theo luật định, tiếp tục ra tiệm quanh khuôn viên trường mua bia rượu đem về tổ chức party. Tiệc tại tư gia, ai biết đấy là đâu, cho đến khi tai nạn hay chết chóc xẩy ra.

Thành thử các bậc phụ huynh học sinh người Việt có con lên đại học, luôn luôn lo ngại, sợ con em mình bị lôi cuốn hư hỏng, uổng cả một đời. Nhưng lo thì lo vậy, "nhập gia tùy tục," cũng phải đành nhắm mắt, tặc lưỡi, gửi con vào trường, với hy vọng con mình không hư. Đành tin tưởng vào phước đức ông bà để lại thôi.

Trước cái chết của các sinh viên vừa kể, giới chức đại học bị áp lực của phụ huynh đã có những nỗ lực đáng kể để thay đổi nếp sống truyền thống của sinh viên từ trước đến nay.

Bắt đầu trước hết và quan trọng hơn cả là lo chữa chạy từ gốc rễ. Đó là thay đổi quan

niệm mà sinh viên coi là "truyền thống" tại các nhóm sinh hoạt fraternity. Nếu các nhóm này không tạo áp lực bắt các sinh viên uống rượu quá độ, ắt là sinh viên sẽ xa lánh dần sự say sưa không cần thiết có ảnh hưởng tai hại đến việc học và sức khoẻ.

Tuy nhiên sự thay đổi một truyền thống có gốc rễ khoảng gần nửa thế kỷ nay (1) không thể xẩy ra một sớm, một chiều. Tuy đã có một số ít trường cấm uống rượu (tuy khó mà kiểm soát cho nổi), nhưng trên bình diện rộng hơn, biện pháp ngăn ngừa uống rượu tại các nhóm fraternity Beta, Gamma, Phi chỉ có hiệu lực từ sau năm 2000. Nhưng tuy muộn còn hơn không.

Hy vọng trong tương lai, phụ huynh có thể tương đối yên tâm khi gửi con vào các đại học xá. Trong khi chờ đợi các bậc phụ huynh chỉ biết khuyến cáo con em mình để chúng đề cao cảnh giác mà thôi.

1. Sau đệ nhị thế chiến, quốc gia Hoa Kỳ muốn đền bù các quân nhân đã tham chiến, bỏ lỡ việc học, nên ban hành sắc luật GI Bill, cho phép các quân nhân trở lại học đường, học miễn phí, do đó đại học đầy nhóc các quân nhân, đem theo thói quen nhậu nhẹt của đời lính. Từ từ sinh viên trẻ tuổi đua theo, và sau một thời gian tạo thành truyền thống đại học.

NỮ CHỈ HUY PHI HÀNH ĐẦU TIÊN

Thanh Thảo

Vào ngày 28 tháng Tám năm 1999, thế giới chú ý đến một tin quan trọng, đó là tin phi hành đoàn Nga trên trạm không gian MIR đã trở về địa cầu, trạm không gian này cuối cùng đã bị bỏ rơi, không người điều khiển, vì kỹ thuật và trang bị quá cũ kỹ, mà lại không có ngân khoản bảo trì. Theo dự liệu của chính quyền Nga, nếu vào phút chót không thu hút được nguồn tài trợ nào, vào tháng hai hoặc tháng ba năm 2000, trạm MIR sẽ bị phế bỏ, bằng cách tự thiêu hủy, sau 13 năm hoạt động. Nhắc đến trạm không gian MIR và kỹ thuật không gian của Nga, chúng ta cũng không thể không nhắc đến biến cố lịch sử khi những phi hành đoàn Hoa Kỳ đã lên trạm không gian MIR kể từ năm 1995, để phụ bảo trì hệ thống điện toán, và để có những cộng tác thử thách trước khi hai quốc gia sẽ cùng lập một trạm không gian tối tân vào đầu thiên niên kỷ mới. Và nhắc đến những phi vụ đáp

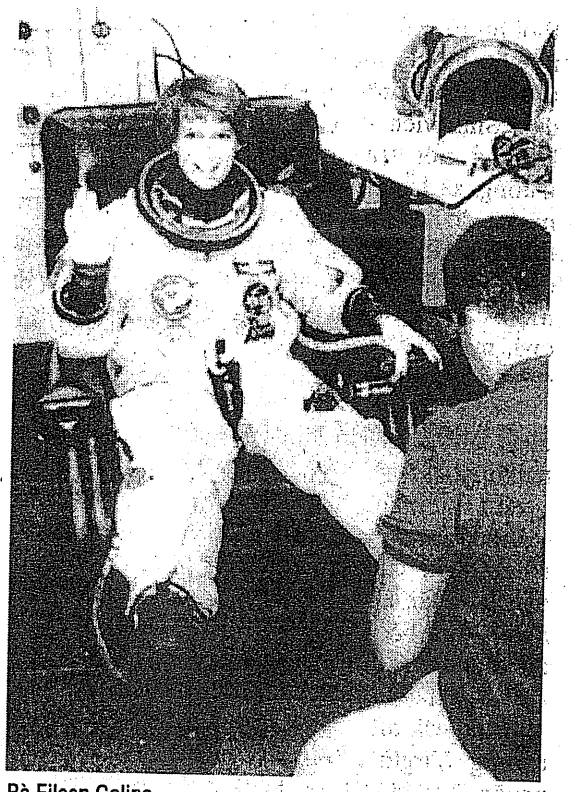

Bà Eileen Colins

vào trạm MIR, chúng ta cũng không thể bỏ qua một nhân vật đi vào lịch sử, đó là nữ đại tá phi hành Eileen Marie Collins, người phụ nữ đầu tiên trên thế giới chỉ huy một phi thuyền.

Theo tài liệu của cơ quan NASA, bà Eileen Marie Collins, một phụ nữ Hoa Kỳ 42 tuổi, là một người đàn bà có dáng người khá mảnh mai nhưng đầy năng lực, với đôi mắt nâu thân thiện, và một mái tóc quăn ngắn, thoạt nhìn bà chúng ta có thể lầm tưởng bà là một giáo viên. Sinh trưởng trong một gia đình trung lưu, có hai anh em trai và một em gái, bà thích sống hòa đồng cùng người khác, và có tâm hồn cao thượng. Theo lời song thân của bà, ông bà Jim và Rose Collins, từ thuở thiếu thời, bà Eileen Collins đã không dựa vào cha mẹ hay anh chị em về bất cứ điều gì, mà lúc nào cũng có tinh thần tự lực, và tất cả những thành quả có được ngày nay là do bà tự tạo. Khi được phỏng vấn, bà Eillen Collins cho biết rằng thời còn ở Trung học, bà bắt đầu có ý tưởng tìm hiểu về những phi công phụ nữ nổi tiếng thời Đệ Nhị Thế chiến, từ bà Amelia Earhart cho đến những nữ phi công quân đội. Những gương dũng cảm của các anh thư này đã hun đúc lòng say mê và quyết tâm theo đuổi

nghiệp phi hành của bà. Thế nhưng bà làm thế nào để thực hiện một ước mơ có vẻ xa vời thực tế, và đòi hỏi không những chỉ khả năng, ý chí, mà còn cả phương tiện tài chánh nữa?

Câu trả lời của bà Eileen Collins là sự kiên nhẫn. Năm 1977, bà đã cật lực dành dụm đủ tiền để thi lấy bằng lái máy bay trước khi tốt nghiệp đại học Syracuse một năm sau đó. Do điểm ra trường cao, do kinh nghiệm có được từ những phi vụ đều đặn, và thư giới thiệu đầy thiện cảm của giám thị, bà đã trở thành người phụ nữ đầu tiên được nhận trực tiếp từ trường Đại học vào chương trình huấn luyện phi công của Không Quân Hoa Kỳ. Trong một cuộc phỏng vấn dành cho NASA bà đã nhấn mạnh rằng: "Sự việc được nhận vào chương trình huấn luyện phi công của Không Quân Hoa Kỳ là cơ hội thuận lợi đáng kể nhất trong đời tôi!" Từ thời điểm này trở về sau, bà đã quyết chí giữ vững ý thức đua tranh để đạt được mộng ước chung cuộc của mình, đó là trở thành một phi hành gia xuất sắc.

Trong những phi vụ công tác thuộc Không Quân Hoa Kỳ, thời gian lái phi cơ C-141, bà đã cùng làm việc với một đồng nghiệp sau này trở thành chồng bà. Hai người hiện có một bé gái khoảng ba tuổi. Trong Không Quân, với kinh nghiệm điều khiển hơn 30 loại máy bay khác nhau, và trên 5,000 giờ bay, bà chuyên huấn luyện phi công cho phi cơ T-38, và là chỉ huy trưởng loại phi cơ C-141. Là một nữ phi công, là vợ, là mẹ, với thời khóa biểu rất bận rộn, bà vẫn không lãng quên mơ ước của mình. Sự hăng hái làm việc và tinh thần tranh đua của bà có lẽ đã gây sự chú ý nơi thượng cấp, vào năm 1990 bà đã đạt mục tiêu: được chọn làm phi hành gia cho Cơ Quan Hàng Không và Vũ Trụ Quốc Gia Hoa Kỳ, hay NASA (*National Aeronautics and Space Administration*). Nhưng bà đã không ngừng nghỉ sau thành công đầu này, mà vẫn tiếp tục cố gắng tiến xa hơn nữa.

Vào tháng Hai năm 1995, bà đã được chọn là một phi hành gia trong phi vụ STS-63 của phi thuyền Discovery, trong công tác đáp thử vào trạm không gian MIR, cách trạm 30 feet. Rồi vào tháng Năm năm 1997, bà đã đặt chân lên trạm MIR trong phi vụ thứ sáu đáp vào trạm không gian này để gửi phi hành gia Mike Foale lên trạm và đưa phi hành gia Jerry Linenger trở về trái đất.

Thế rồi vào một ngày đẹp trời tháng 12 năm 1998, ước mơ ấp ủ nhiều năm của bà Eileen Collins đã trở thành sự thật. Tại phòng Roosevelt trong tòa Bạch Ốc, Đệ Nhất Phu Nhân Hillary Rodham Clinton đã chính thức giới thiệu và vinh danh người phụ nữ đầu tiên trên thế giới sẽ chỉ huy một phi hành đoàn không gian, đó là nữ đại tá Eileen Marie Collins, người sẽ điều khiển phi thuyền Columbia trong phi vụ STS-93, dự định được phóng lên quỹ đạo vào ngày 23 tháng 7 năm 1999 từ Trung tâm không gian Kennedy. Phi vụ này nhằm mục đích đặt vào không gian hệ thống viễn vọng kính quan sát xử dụng tia tử ngoại X-Ray, mang tên Chandra. Đây là hệ thống viễn vọng kính tối tân nhất trên thế giới mà theo NASA, độ chính xác có thể cho phép con người đọc một trang báo từ khoảng cách nửa dặm. Các khoa học gia không gian dự kiến dùng hệ thống này để theo dõi biến chuyển của các hành tinh trong không gian, trong Thái Dương hệ, hiện tượng tự hủy của những vì sao lớn gọi là SuperNovae, sự hình thành của những lỗ hổng đen khổng lồ, hay Black holes, và những vật lạ trong vũ trụ, gọi là Quasar để có thể biết thêm về vũ trụ nhằm phục vụ nhân loại. Ngày phi thuyền Columbia rời khỏi bệ phóng, các phóng viên đã nhận xét rằng phi vụ STS-93 này đánh dấu sự tiến xa vượt bực của phụ nữ, và danh từ "History" (Lịch sử) đúng ra phải được đổi thành "Herstory" (Truyện của nàng).

Trong cuộc họp báo tại tòa Bạch Ốc tháng Ba năm 1998 khi được chính thức công bố là phụ nữ phi hành đoàn trưởng đầu tiên của một phi thuyền không gian, bà Eileen Marie Collins đã cho biết như sau: "Khi còn bé tôi đã yêu thích không gian. Tôi ngưỡng mộ những phi công, phi hành gia, và những nhà thám hiểm thuộc mọi lãnh vực. Trở thành một trong những người này thật ra chỉ là mơ ước xa vời của tôi mà thôi. Và sự thành công của tôi mong rằng sẽ tạo cảm hứng cho tất cả thiếu niên, cả nam lẫn nữ, để nuôi những ước mơ, vì mơ ước rồi sẽ thành sự thật." Lời tuyên bố của bà Eileen Collins đã được dùng làm tiêu đề cho nhiều buổi diễn thuyết và được đăng trên nhiều tạp chí trong tháng Bảy vừa qua. Bằng những thành quả của mình, bà Eileen Collins đã thật sự chứng tỏ câu danh ngôn của Hoa Kỳ: *"If you can think it, you can achieve it; if you can dream it, you can become it,"* xin tạm dịch:" Nếu dám nghĩ đến, bạn có thể đạt được điều mong ước; nếu dám mơ đến, bạn có thể trở thành nhân vật trong mơ."

CÔNG CUỘC NGHIÊN CỨU VIỆT SỬ TẠI BẮC MỸ (1975 - 1999)

TRẦN ANH TUẤN

Riêng gửi giáo sư Đặng Phương Nghi (Paris). Bài viết này được hoàn tất là do đề nghị của Chị. Nhưng nội dung của nó, dĩ nhiên do tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn. TAT

Dẫn Nhập

Loạt bài này nhằm phân tích khoảng hơn hai trăm (200) quyển sách về lịch sử Việt Nam được xuất bản từ năm 1975 đến năm 1999 tại hai quốc gia Hoa Kỳ và Gia Nã Đại. Vì khuôn khổ của một nguyệt san, sự phân tích này sẽ được đăng tải làm nhiều kỳ trên *Thế Kỷ 21* theo dàn bài sau đây:

I. Dẫn nhập
II. Giới thiệu các tác giả:
  a) Nhóm sử gia
  b) Nhóm biên khảo
  c) Nhóm chứng nhân
III. Phân tích nội dung các sử phẩm:
  a) Tổng quát
  b) Về các thời kỳ trong lịch sử
  c) Về cộng đồng Việt Nam tại Bắc Mỹ.
IV. Kết luận

Bài đầu tiên, tức Phần Dẫn Nhập và Nhóm Sử Gia, được hoàn tất vào tháng 8 năm 1999. Bản thảo đã được chúng tôi gửi tới một số quí vị cựu giáo sư Đại Học Văn Khoa và Đại Học Sư Phạm Sài Gòn hiện đang phụ trách tạp chí Dòng Việt. Tất cả đều có ý kiến là không nên đề cập đến những trường hợp đạo văn của một số tác giả. Vì thế, chúng tôi đã suy nghĩ lại, và cuối cùng đã phải viết lại - theo hảo ý của quí vị giáo sư ấy - để xóa bỏ những trường hợp đạo văn trong loạt bài này.

Quyết định của chúng tôi không phải vì không dám trình bày sự thật, nhưng chính vì nơi một số quí vị độc giả, rằng mục đích của loạt bài này chỉ nhắm vào một số cá nhân, đề cao người này và hạ nhục người kia, vân vân.

Thật ra, mục đích của chúng tôi không đến nỗi thấp như thế: chúng tôi muốn cung hiến cho độc giả một hệ thống những công trình của các tác giả tại Bắc Mỹ nghiên cứu về lịch sử Việt Nam trong hai mươi lăm năm cuối cùng của thiên niên kỷ thứ hai này (1).

Vì thế, dàn bài có tính cách cổ điển nêu trên chỉ là cái khung cho chúng tôi phân tích - có khi rất tổng quát, có khi chi tiết - nội dung các sử phẩm như một mách bảo thư-tịch-học cho những ai có nhu cầu: những người học sử, các thanh niên thành nhân tại hải ngoại, phụ huynh nào muốn thiết lập một tủ sách gia đình, những người muốn tìm hiểu sinh hoạt văn hóa của cộng đồng người Việt tại Bắc Mỹ, và các ban giảng huấn của những trung tâm Việt ngữ.

Loạt bài này có hai giới hạn. Giới hạn thứ nhất là chúng tôi chỉ điểm những ấn phẩm dưới dạng sách, chúng tôi chưa khai thác các tạp chí định kỳ vốn cũng có rất nhiều bài viết giá trị về lịch sử Việt Nam. Giới hạn thứ hai là chúng tôi chỉ bàn về những tác giả gốc Việt,

chúng tôi chưa khai thác các tác giả địa phương người Hoa Kỳ và Gia Nã Đại, kể cả những tác giả có tác phẩm đã được dịch sang Việt ngữ như McNamara, Westmoreland...

Cuối cùng, loạt bài này cũng chính là tiếng vang vọng - thay vì lời cám ơn suông - của một độc giả gửi đến tất cả những tác giả đã và đang tích cực góp phần duy trì và phát triển văn hóa Việt Nam tại hải ngoại.

*

Giới Thiệu Các Tác Giả

Thành phần những người viết về Việt Sử từ năm 1975 đến nay tại Bắc Mỹ rất phong phú và phức tạp. Nhưng nhìn chung, chúng tôi tạm chia những người viết thành ba thành phần, căn cứ vào bản thân các tác giả:

1) Nhóm thứ nhất là những sử gia. Danh từ sử gia được chúng tôi sử dụng ở đây hoàn toàn với ý nghĩa kỹ thuật: gọi sử gia, những người được huấn luyện trên cấp đại học để nghiên cứu lịch sử.

Dĩ nhiên, một người dẫu được huấn luyện chuyên môn cũng không phải đương nhiên trở thành một sử gia với những sử phẩm giá trị. Nhưng ít nhất, họ đã nắm được *những kỹ thuật căn bản* trong nghề và nhận thức được *những giới hạn* của việc họ làm. Một người được gọi là sử gia thì trách nhiệm của họ càng nặng là vì thế!

2) Nhóm thứ hai là những người có chủ tâm viết sử, nhưng không được huấn luyện chuyên môn về sử.

Vì nhiều lý do và nguyên nhân khác nhau, hầu như người Việt nào cũng thích viết sử, nhất là những người đã dính dáng ít nhiều vào đời sống công.

Lịch sử là chuyện kể về quá khứ. Mấy ngàn năm nay, suốt dòng sử Việt, lúc nào mà chẳng có chuyện cần kể. Chuyện lớn có rất nhiều. Xin chỉ kể một số: nguồn gốc dân tộc, văn minh Việt Nam, văn hóa dân tộc, ảnh hưởng văn hóa ngoại lai, các sinh hoạt trong xã hội, các triều đại, chế độ ngoại thuộc, phong trào giành độc lập... Và chuyện quan trọng cũng chẳng hiếm: đất nước và con người Việt Nam ngày nay, công cuộc xây dựng đất nước, những anh hùng liệt nữ, những thảm cảnh xã hội, công cuộc bảo tồn văn hóa, cộng đồng Việt tại hải ngoại...

Hơn nữa, trong thế kỷ XX này, mỗi cá nhân người Việt sống sót đều trải qua biết bao những biến cố long trời lở đất. Do đó mà ai cũng có chuyện để kể và muốn kể, nhất là khi đã sống trong hoàn cảnh tương đối đầy đủ, có cơ hội và phương tiện như những tác giả người Việt sống tại Bắc Mỹ.

Các tác giả trong nhóm thứ hai này, vì muốn nâng tín lực của những gì họ kể, đã tham khảo sách báo và thăm hỏi những người chung quanh. Do đó, chúng tôi xếp họ vào nhóm biên khảo.

3) Nhóm thứ ba chính là nhân chứng của những gì họ kể lại trong sách. Họ là những người tham chính trong các chính phủ VNCH từ Ngô Đình Diệm đến Nguyễn Văn Thiệu. Họ là những thể tháo gia từng đem vinh quang về cho xứ sở. Họ sinh hoạt cả đời trong giới ca nhạc kịch và điện ảnh. Họ là những kẻ tay trắng làm nên cơ nghiệp. Họ là quân nhân thời chiến. Họ là công chức VNCH. Họ cũng là những người vì lý tưởng kháng chiến giành độc lập mà bị đồng hóa vào hệ thống Cộng Sản độc tài nay phản tỉnh. Họ vẫn còn ở lại trong nước nhưng đã có can đảm cho phổ biến những công trình tinh thần của họ nơi hải ngoại. Và đông nhất, họ là tù nhân trong các nhà tù và trại tập trung của Cộng Sản, đã sống sót và được ra hải ngoại sinh sống.

Vì là những chứng nhân, sách của họ là những hồi ức kể lại những gì họ đã kinh qua chứ không trích dẫn hay tham khảo sách báo nào khác. Trên nguyên tắc, những gì họ kể lại là những tài liệu quí cho các sử gia mà trong nghề gọi là những *tài liệu đầu tay*.

Tuy nhiên, ngoài tư cách chứng nhân, rất nhiều tác giả của các hồi ký, tâm bút, tản văn... mà chúng tôi khai thác trong loạt bài này còn là *những nạn nhân* nữa, nhất là trường hợp của các cựu tù nhân chính trị của Cộng Sản. Là nạn nhân, những người này đã sống trong tận cùng đau khổ vì tù tội, tra tấn, nhục nhã, và mất mát. Hẳn quí độc giả còn nhớ lời tuyên bố của Nguyễn Hộ, một lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam trong buổi Đại Hội Chiến Thắng được tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17 tháng 7 năm 1975, nguyên văn... *Bọn ngụy, nhà cửa, tiền tài, ruộng vườn của chúng nó, ta tịch thu, vợ của chúng nó ta sài, con của chúng nó ta sai, chồng của chúng nó ta đày đi tù rục xương nơi rừng sâu nước độc để chúng nó trả nợ máu nhân dân!...*

Viết, vì thế, là cơ hội cho nhóm thứ ba báo ân, báo oán, biện minh, kể cả việc đánh bóng cá nhân và nhóm đảng của họ. Thành ra, hồi ký bình thường được coi là viên gạch để xây

dựng tòa nhà lịch sử trong trường hợp này không thể sử dụng bừa bãi trong việc tái tạo lại quá khứ. Ai mà sử dụng những viên gạch chưa nung, quá lửa hay bể nát làm vật liệu xây dựng bao giờ!

Do đó những gì họ cung hiến cho sử gia cần được đãi lọc nhiều lắm, nhưng sử gia nào khai thác tài liệu chắc cũng không quên lời cám ơn gửi tới mỗi cá nhân những người cầm bút

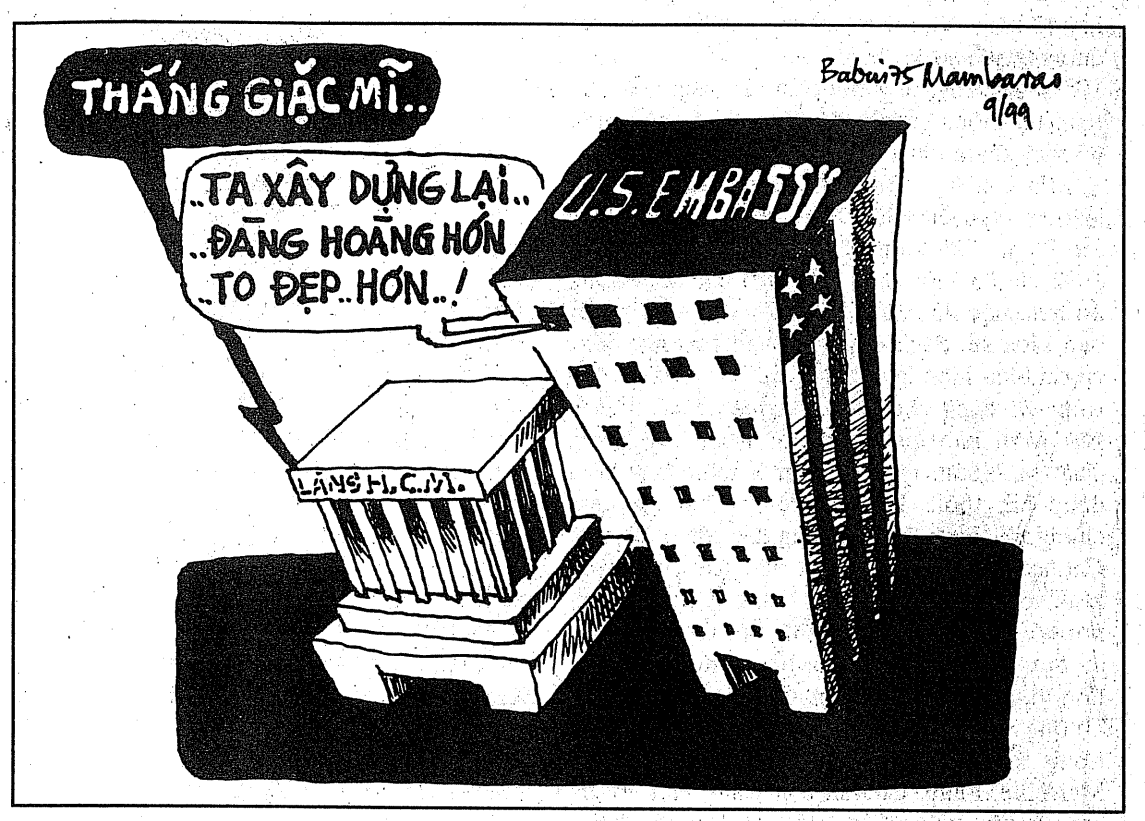

nhân chứng ấy!

Việc phân loại các tác giả thành ba nhóm gồm sử gia, nhà biên khảo, và người viết hồi ký phản ánh cách nhìn của một cá nhân. Trong thực tế và ở những quốc gia tự do như Hoa Kỳ và Gia Nã Đại, ai muốn tự xưng thế nào mà chẳng được! Mặt khác, độc giả của các sách báo xuất bản tại hải ngoại hẳn cũng đã quá quen thuộc với tình trạng bằng giả, cấp bậc giả, và chức vụ giả. Cho nên, cách tốt nhất để đánh giá một tác giả là xét chính những tác phẩm của họ!

A. Nhóm Sử Gia

Trong số các tác giả trong khoảng 1975 - 1999 tại Bắc Mỹ, chúng tôi nhận thấy có tám người đã được huấn luyện để viết sử. Đó là những người tốt nghiệp đại học ngành Sử với bốn tiến sĩ, một chuẩn tiến sĩ, và ba cao học.

Đầu tiên là giáo sư Phạm Cao Dương. Ông tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Sài Gòn ngành Giáo Sư Trung Học Đệ Nhị Cấp, Ban Sử Địa, khóa đầu tiên năm 1960, cao học Sử Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, và tiến sĩ Sử tại Đại Học Sorbonne, Pháp. Đề tài, *Nông Dân Việt Nam Dưới Thời Pháp Thuộc* của ông có một số phận vô cùng may mắn. Nó đem lại cho tác giả văn bằng cao học tại đại học Việt Nam năm 1964, tiến sĩ tại đại học Pháp năm 1974, và là tác phẩm được giới nghiên cứu Hoa Kỳ (Alexander Wooside, Douglas Pike, Samuel Popkin...) hoan nghênh từ năm 1985.

Là một nhà giáo tận tâm và kiên nhẫn tại Đại Học Sư Phạm Sài Gòn, ông trực tiếp góp phần đào tạo một tầng lớp những người trẻ biết nghiên cứu Sử một cách khoa học và sinh động trong hai thập niên 60 và 70 tại Việt Nam. Ông còn có nhiều ý kiến đóng góp quí báu vào những sinh hoạt tập thể và *nhà nghề* của họ. Tầng lớp ấy, tức các giáo sư Sử Địa trung học tốt nghiệp Đại Học Sài Gòn Huế..., đã tỏa ra khắp các tỉnh tại VNCH để đến lượt họ, tác động mạnh vào trí óc non nớt nhưng ham hiểu biết và cần cù hiếu học của hàng hàng lớp lớp những thanh thiếu niên VN về

nguồn gốc dân tộc, về những vĩ nghiệp của tiền nhân, cũng như về những thăng trầm của dòng giống hầu rút ra cho mỗi cá nhân một sức mạnh tinh thần trong cuộc sống.

Thiên hướng của ông là những vấn đề tổng quát, như *Nhập Môn Lịch Sử Các Nền Văn Minh Thế Giới*, 3 tập (Sài Gòn, 1971 - 74), *Thượng Cổ Sử Tây Phương* (Sài Gòn, 1967), *Phi Châu Da Đen* (Sài Gòn, 1968), và bộ *Lịch Sử Dân Tộc Việt Nam* soạn tại hải ngoại cách nay 12 năm. Nhưng bộ sử này mới chỉ hoàn tất được *Quyển Một: Thời Lập Quốc* (California, 1987). Hy vọng ông chú tâm vào việc hoàn tất toàn bộ thông sử này để độc giả có thêm một bộ sách tham khảo đứng đắn về Việt Sử.

Một bạn học cùng ban cùng lớp với ông là giáo sư Nguyễn Khắc Ngữ, cũng dạy Đại Học Sư Phạm Sài Gòn. Giáo sư Ngữ mất năm 1992, để lại một cháu trai mới bốn tuổi. Ông bỏ hết cuộc đời vào công cuộc viết sử và xuất bản sách sử. Sách ông xuất bản bao giờ cũng có cái biểu hiện là quả địa cầu nằm trong vòng tròn với hàng chữ *Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa Việt Nam* bao quanh in nơi trang bìa trước. Thật ra, Nhóm này chỉ có một mình ông hoạt động mà thôi! Thời trước 75, hai anh em chúng tôi thỉnh thoảng đụng đầu nhau tại hẻm Catinat, một hẻm nhỏ nối liền đại lộ Nguyễn Huệ với đường Catinat ở trung tâm Sài Gòn, nơi có tiệm sơn mài Thành Lễ. Ông tới đó... ăn bún chả, còn chúng tôi tới đó mua tem sưu tầm ở hiệu Le Mirador Philatelique do cụ Dương Hội Louis làm chủ. Cụ Dương Hội Louis về hưu từ năm 1990, hiện sống tại Marseille, Pháp. Cụ vẫn còn tráng kiện dù đã xấp xỉ cửu tuần. Còn giáo sư Nguyễn Khắc Ngữ, mới 58 tuổi đời, đã ra người thiên cổ! Tiếc thay!

Viết và xuất bản sách sử địa vừa là lẽ sống, vừa là kế sinh nhai của ông. Riêng tác phẩm *Những Ngày Cuối Cùng Của Việt Nam Cộng Hòa* được ông hoàn tất ngay sau khi chế độ miền Nam sụp đổ. Ông viết tác phẩm này vừa như sử gia nắm bắt một sự kiện lịch sử vĩ đại của một dân tộc vừa như nạn nhân phải chịu đựng, một kiếp nạn khủng khiếp một cách khá oan uổng. Tác phẩm ấy, vì thế, làm ông bị nhiều người nắm quyền chức trong chính phủ Nguyễn Văn Thiệu có ác cảm.

Nhưng sử gia đâu phải viết để thiên hạ yêu hay ghét: họ phải và chỉ có bổn phận ghi lại sự thực cho đời sau mà thôi! Chính vì thế, sử gia không chỉ cần những kiến thức chuyên môn và kỹ thuật nhà nghề, họ còn cần một bản lãnh tinh thần vững mạnh. Và ông là một bằng chứng làm hãnh diện những người hành nghề viết sử.

Giáo sư Nguyễn Khắc Ngữ không chỉ nghiên cứu về Sử và Địa. Ông còn viết về nhiều bộ môn khác, như văn chương (kịch, truyện ngắn), ngôn ngữ (Chàm), nhân chủng học (Chàm), mỹ thuật (mộc bản), kinh tế (kỹ nghệ du lịch), chính trị (đảng phái VN, Cách Mạng Nga, Cách Mạng Trung Hoa),...

Công trình nghiên cứu của ông để lại chắc chắn sẽ giúp các thế hệ sau những suy nghiệm về nguồn gốc dân tộc, biết mến yêu đất nước, hiểu biết những hình ảnh xưa, trân trọng mỹ thuật cổ truyền Việt Nam, hay đi vào sinh hoạt chính trị Việt Nam hiện đại... Nơi hải ngoại, những ai muốn thuyết trình cho công chúng hay dạy bảo con cháu về văn hóa lịch sử Việt Nam, thiết tưởng chỉ cần sử dụng sách của ông là đầy đủ lắm rồi.

Giá trị của ông còn là công lao ông đóng góp vào việc phát triển và cải thiện việc giảng dạy Sử và Địa cấp trung học thời VNCH trong giai đoạn 1960 - 1975, khi ông cùng các giáo sư Phạm Cao Dương, Phạm Đình Tiếu, và Lâm Thanh Liêm cải tổ chương trình Sử Địa, san định các danh từ địa lý, và đào tạo các giáo sư Sử Địa trung học tại VNCH.

Một giáo sư khác tại Đại Học Sư Phạm Sài Gòn là Hoàng Ngọc Thành, tiến sĩ Sử từ Hoa Kỳ về. Thực ra, ông không đi vào ngành Sử ngay từ đầu, mãi khi đi du học tại Hoa Kỳ ông mới tìm học về Sử. Ông thích nghiên cứu về lịch sử chính trị và bang giao quốc tế. Năm 1994, ông xuất bản - với Thân Thị Nhân Đức làm đồng tác giả - *Những Ngày Cuối Cùng Của Tổng Thống Ngô Đình Diệm*, một quyển sách đồ sộ với 625 trang nhằm bênh vực tổng thống Ngô Đình Diệm bằng những lời lẽ rất chân phương. Cũng trong sách này, ông có in lại bản câu hỏi để phỏng vấn những người trong cuộc hầu thu thập dữ kiện lịch sử. Kỹ thuật phỏng vấn của ông mới lạ, ông hỏi thẳng người được ông phỏng vấn có là, nguyên văn, *mật thám cho Pháp, tay sai cho Mỹ, cộng tác với CIA, phản bội, tham nhũng, kẻ đánh thuê... hay không.* (2). Với những câu hỏi loại đó, không biết đã xảy ra những chuyện gì đáng tiếc trong những buổi phỏng vấn của ông?! Điểm đặc biệt trong tác phẩm này là tác giả đã cung cấp cho độc giả bản sao bức thư của Jean-Marie Merillon, trong đó vị cựu đại sứ Pháp tại Việt

Nam Cộng Hòa khẳng định không hề viết quyển hồi ký mà nhiều báo chí trong cộng đồng đã đăng tải và người Việt khắp nơi trên thế giới đã bàn tán xôn xao.

Một sử gia khác, có nhiều điểm tương đồng về sức viết và cung cách phổ biến tác phẩm với giáo sư Nguyễn Khắc Ngữ, là Hà Mai Phương. Tính đến năm 1999, Giáo sư Phương đã hoàn tất hơn năm ngàn (5000) trang sách sử và địa. Tuy viết được nhiều, những tác phẩm của ông vẫn còn trong dạng bản thảo, chưa đem in để phổ biến rộng rãi được vì ấn phí quá cao mà những đề tài ông khai thác *không ăn khách,* như *Tự Điển Phật Học, Địa Danh Việt Nam...,*

Giáo sư Hà Mai Phương xuất thân khóa 4, Ban Sử Địa Đại Học Sư Phạm Sài Gòn, tốt nghiệp năm 1964. Ông trình tiểu luận cao học Sử tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn khoảng năm 1966 - 67. Trước năm 75, ông dạy Sử Địa tại trung học Trần Hưng Đạo Đà Lạt và thỉnh giảng tại Đại Học Sư Phạm Đà Lạt. Ông biết chữ nho, một khả năng mà không phải sử gia nào cũng có. Bản thân ông là cả một kho tàng về địa lý học lịch sử Việt Nam. Thừa hưởng những đức tính cao quý của nghề giáo từ thân phụ là cụ Hà Mai Anh, ông sống với anh em bè bạn và môn sinh đầy tình nghĩa.

Giáo sư Tạ Chí Đại Trường có thể gọi là chuẩn tiến sĩ. Nguyên từ năm 1972, trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn thiết lập chương trình tiến sĩ chuyên khoa các môn Triết, Sử, Địa, Việt, Anh, Pháp... Chương trình tiến sĩ chuyên khoa Sử gồm hai phần. Năm thứ nhất thí sinh theo học những buổi giảng thuyết và cuối năm phải thi hai môn: một bài Sử và một bài sinh ngữ (viết và vấn đáp). Đậu cả hai môn mới được cấp *Chứng Chỉ Trúng Tuyển Kỳ Thi Cuối Năm Thứ Nhất Tiến Sĩ Chuyên Khoa.* Có Chứng Chỉ này, từ năm thứ hai, thí sinh mới được viết luận án. Trong niên khóa 1972 - 73, niên khóa đầu tiên của chương trình tiến sĩ chuyên khoa Sử, chỉ có hai thí sinh trúng tuyển là Tạ Chí Đại Trường và Đỗ Phan Hạnh. Và niên khóa thứ nhì, 1973 - 1974, chỉ có một thí sinh trúng tuyển là Trần Anh Tuấn. Biến cố 30/4/75 đã phế bỏ chế độ Việt Nam Cộng Hòa kể cả hệ thống giáo dục, và không một ai trong số ba người kể trên kịp trình luận án tiến sĩ cả.

Bị động viên, ông phải trốn trại khi trình tiểu luận cao học Sử tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn năm 1964. Mãi đến khoảng năm 1973 ông mới được biệt phái về Bộ Quốc Gia Giáo Dục, và dạy tại trung học Tân An, Long An. Ông có thỉnh giảng tại Đại Học Cửu Long, một đại học tư ở Sài Gòn cho đến ngày 30/4/75.

Giáo sư Tạ Chí Đại Trường là một trong những người nghiên cứu sử sang được Hoa Kỳ muộn nhất. Mãi đến tháng 8 năm 1994 ông mới đặt chân đến Hoa Kỳ. Nhưng ngay từ khi còn ở Việt Nam, ông đã có can đảm cho xuất bản tác phẩm của mình ở hải ngoại. Đó là quyển *Việt Nam Nhìn Từ Bên Trong và Bên Ngoài,* viết chung với Nguyễn Xuân Nghĩa (California, Văn Lang, 1994, tr.1-80). Thuộc lớp nghiên cứu Sử được đào tạo tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn trong thập niên 60, ông là một trong những tác giả tích cực cộng tác với *Tập San Sử Địa* (1966 - 1975) của Nhóm Sử Địa Đại Học Sư Phạm Sài Gòn (3).

Vốn quê quán ở Bình Định, đề tài nghiên cứu của ông thường là lịch sử Việt Nam thời cận và hiện đại, nhất là thời Tây Sơn. Ông có những suy luận sâu sắc và độc đáo, nhưng đố ai đọc sách của ông mà không nhức đầu: ông có tật làm dáng khi viết! Văn ông có sự phức tạp cầu kỳ và mất sự trong sáng dễ hiểu, khiến tác phẩm của ông khó phổ biến ngay trong trong số những người có học.

Giáo sư Lê Kim Ngân tốt nghiệp cao học sử tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn năm 1962, và tiến sĩ Luật tại Đại Học Luật Khoa Sài Gòn năm 1969. Tiểu luận cao học Sử của ông tựa đề *Tổ Chức Chính Quyền Trung Ương Tại Việt Nam Thời Lê Thánh Tông* là một thiên nghiên cứu khá công phu, đã được Viện Khảo Cổ xuất bản năm 1963. Trước năm 1975, ông giảng dạy tại nhiều đại học công như Huế, Cần Thơ, và đại học tư như Vạn Hạnh, Long Xuyên, và Cao Đài (Tây Ninh). Ông cũng chuyên xuất bản những sách giáo khoa trung học về các môn Sử, Công Dân Giáo Dục, và Văn Học VN.

Sau biến cố 30/4/75, giáo sư Lê Kim Ngân được nhận vào làm việc tại Viện Sử Học thuộc Ủy Ban Khoa Học Xã Hội TP HCM với tư cách cộng tác viên. Nhưng ông và gia đình là những thuyền nhân thoát khỏi VN rất sớm. Trên một con thuyền đánh cá nhỏ bé vượt đại dương, ông và gia đình đã may mắn vượt thoát đến Nhật Bản hồi tháng 10 năm 1976. Kể từ năm 1977, ông định cư tại Gia Nã Đại.

Từ khi ra sống tại hải ngoại, ông không trở lại ngành giáo dục nữa, nhưng thỉnh thoảng

ông viết những bài ngắn đăng trong các báo Việt ngữ bàn thảo về nhiều vấn đề lớn như Vũ Trụ Quan và Nhân Sinh Quan Người Việt, Ngữ Học VN, Âm Nhạc VN, Y Phục VN, Gia Đình VN, Phụ Nữ VN, Kẻ Sĩ VN, vân vân. Tất cả những bài ấy sau được ông góp lại in trong quyển *Việt Nam: Con Người Và Hành Động* (4). Những bài ông viết thường được dẫn chứng bằng những huyền thoại và văn thơ Đông Tây kim cổ, nhưng thỉnh thoảng chúng tôi vẫn thấy lóe lên những nhận xét tinh tế của một sử gia như bài *Vài Cảm Nghĩ Về Nền Văn Minh Phật Giáo Nhật Bản Và Việt Nam* (5).

Một sử gia khác là tiến sĩ Vũ Ngự Chiêu. Ông xuất thân là một người viết tiểu thuyết, bút hiệu Nguyên Vũ, với chủ đề chiến tranh và sinh hoạt của người lính tác chiến, lấy kinh nghiệm ngay trong cuộc đời quân ngũ thời VNCH của ông. Chính biến cố mất nước tháng Tư năm 1975 đã bứng ông ra khỏi Việt Nam để trở lại cuộc đời cắp sách. Ông học tại Wisconsin, và tốt nghiệp tiến sĩ Sử năm 1984 tại University of Wisconsin-Madison. Ông thường đi khai thác tài liệu tại các thư viện và văn khố Hoa Kỳ và Pháp. Đó là lý do chính tại sao ông có thể xuất bản sách đều đều hàng năm.

Tiến sĩ Vũ Ngự Chiêu có hai tật lạ xuyên suốt trong tất cả các tác phẩm của ông. Tật lạ thứ nhất là ông tạo những danh từ riêng để định danh những nhân vật hay những quốc gia đã quá quen thuộc với người Việt. Sau đây là một số thí dụ: Petrus Ký thì ông gọi là Petrus Key, Anh Quốc thì ông gọi là Bri-tên, Tây-ban-nha hay Y-pha-nho thì ông gọi là Espania. Tật lạ thứ hai là cách ông viết nhân danh Việt Nam. Ông luôn luôn gọi các nhân vật Việt Nam bằng tên trống không: *Chủng* (Nguyễn Chủng, tức Nguyễn Ánh), *Kim* (Trần Trọng Kim), *Diệm* (Ngô Đình Diệm), *Từ* (Lê Hữu Từ), *Luận* (Cao Văn Luận) vân vân.

Việc nghiên cứu Sử tại Bắc Mỹ trong khoảng thời gian 1975 - 1999 còn phải kể đến tác phẩm *Bước Mở Đầu Của Sự Thiết Lập Hệ Thống Thuộc Địa Pháp Ở Việt Nam (1858 - 1897)* của Nguyễn Xuân Thọ do tác giả dịch từ nguyên tác tiếng Pháp và cho xuất bản tại California năm 1995, dày 503 trang (6).

Cụ Nguyễn Xuân Thọ trình luận án tiến sĩ Sử tại Đại Học Sorbonne, Pháp năm 1956 với đề tài *Cuộc Viễn Chinh Pháp-Y pha nho tại Nam Kỳ (1858 - 1862)*. Sau đó, cụ ở lại Pháp và trở thành một viên chức quan trọng trong Bộ Ngoại Giao Pháp. Chính những năm dài tòng sự tại Bộ Ngoại Giao Pháp và sự quảng giao của cụ trong ngoại giao đoàn đã giúp cụ thụ đắc những sử liệu quan trọng từ các quốc gia Pháp, Tây-ban-nha và Trung Quốc để hoàn tất tác phẩm *Bước Mở Đầu Của Sự Thiết Lập Hệ Thống Thuộc Địa Pháp Ở Việt Nam (1858 - 1962)*. Đây là một thiên nghiên cứu, phân tích cặn kẽ những hiệp ước bất bình đẳng mà triều Nguyễn đã phải ký với Pháp trong tiến trình thuộc-địa-hóa Việt Nam của Pháp, căn cứ trên những tài liệu văn khố của bốn phía Việt Nam, Pháp, Tây-ban-nha, và Trung Quốc.

Việc dịch và xuất bản một thiên thâm cứu về lịch sử hệ thống thuộc địa Pháp ở Việt Nam là một hy sinh lớn của tác giả vì chắc chắn số độc giả tìm đọc các sử phẩm loại này rất giới hạn. Chính vì thao thức muốn đóng góp vào sự duy trì và phổ biến văn hóa Việt Nam tại hải ngoại mà cụ Nguyễn Xuân Thọ đã chấp nhận những thiệt thòi vật chất khi cho xuất bản tác phẩm của cụ ở California.●

Alameda, tháng 9 năm 1999

Kỳ tới: B) Nhóm Biên Khảo

Chú Thích:

(1) Phần phân tích *công cuộc nghiên cứu Việt Sử tại Âu Châu 1975 - 2000* hy vọng sẽ được giáo sư Đặng Phương Nghi hoàn tất trong tương lai.

Giáo sư Đặng Phương Nghi là một nhân tài của Việt Nam, xuất thân từ trường cổ-tự-học Ecole Nationale des Chartes ở Pháp. Sau khi tốt nghiệp khoảng năm 1967, giáo sư Nghi về Việt Nam làm Giám Đốc Văn Khố và Thư Viện VNCH, và giảng dạy tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Giáo sư Nghi lúc về nước còn rất trẻ và tích cực trong những hoạt động văn hóa. Chính sự tiếp tay của bà đã khiến cho *Tập San Sử Địa* bước sang một giai đoạn mới với những công trình nghiên cứu giá trị về thế kỷ XVIII - XIX, nhất là thời Nguyễn Tây Sơn, do những tài liệu đầu tay về phía Tây phương, đặc biệt là của các giáo sĩ đương thời, mà bà đem theo về nước.

Sau biến cố 30 tháng 4, giáo sư Đặng Phương Nghi tị cư tại Pháp, và lại tiếp tục tích cực sinh hoạt văn hóa báo chí hơn nữa, làm Chủ Tịch Trung Tâm Nghiên Cứu Việt Học Quốc Tế tại Pháp, và lần lượt làm Chủ Nhiệm các tạp chí *Tự Do* và *Tin Tức*.

Từ lâu, chúng tôi còn nợ giáo sư Nghi một câu trả lời thời bà làm Chủ Nhiệm tạp chí *Tự*

Do, nay xin tính sổ! Năm 1986, chúng tôi có gửi giáo sư Nghi một vài hàng chữ thăm hỏi, nhân đó đề nghị với bà, trong vai trò Chủ Nhiệm, phải cẩn thận. Nguyên có một vị học giả lão thành báo cho chúng tôi biết là tạp chí *Tự Do* của bà có đăng bài của một tác giả đạo văn của người khác ở Hà Nội. Vì chưa kiểm chứng chuyện này nên chúng tôi không thể nói rõ trong thư, mà chỉ đề nghị với bà là chúng ta phải cẩn thận, kẻo mang tiếng đạo văn người khác, và nguyên văn, *hết thảy chúng ta bị mang tiếng và đừng quên chúng ta là đối thủ văn hóa của Hà Nội.* Không ngờ bà cho đăng vài dòng ấy trên *Tự Do,* tức thời có độc giả chê trách chúng tôi có thái độ thù hận, đã để tình riêng làm mờ lý trí và xen vào việc nghiên cứu khoa học. Chúng tôi dạo ấy đã im lặng không trả lời vì lý do dễ hiểu là làm sao chúng tôi có thể nói chuyện văn hóa với một người chưa phân biệt nổi sự khác biệt giữa hai danh từ đối thủ và địch thủ. Tôi viết rõ ràng, và *Tự Do* cũng đăng rõ ràng, là đối thủ mà.

Như quý vị hẳn biết, trong những cuộc tranh tài, hoặc thể thao, hoặc là khoa học, hoặc là nghề nghiệp chuyên môn, chúng ta có những sự ganh đua với mục đích tiến bộ mà hai bên được gọi là những đối thủ. Do đó và theo thiển ý, nếu hai nhóm người nghiên cứu sử, hay văn hóa, hay bất cứ một ngành học thuật nào khác theo hai chính sách hay chủ thuyết khác nhau cùng ganh đua, bên nào thành công hơn sẽ thắng. Đó chẳng qua chỉ là một cách diễn tả trong hoàn cảnh mà ở Hoa Kỳ người ta gọi là *win-win situation* tức là khi ganh đua với mục đích tiến bộ thì cả hai bên đều thắng vì kết quả nghiên cứu của hai bên đều góp phần phát triển tri thức của con người nói chung và người Việt nói riêng.

Còn địch thủ hay kẻ thù mới có nghĩa là loại bỏ nhau, hoặc bằng súng đạn hoặc bằng một thứ võ khi giết người nào khác vì cả hai chỉ muốn trừ khử lẫn nhau vì thù hận!

(2) *Những Ngày Cuối Cùng Của Tổng Thống Ngô Đình Diệm,* California, 1994, tr.576-579.

(3) *Tập San Sử Địa (d)1966-1975) là một quí san do Nhóm Sử Địa Đại Học Sư Phạm Sàigòn chủ trương. Buổi đầu Nhóm này có một tờ nội san quay roneo, tức Nội San Sử Địa* do Hà Mai Phương chịu trách nhiệm năm 1962. Từ năm 1964, tờ nội san do Trần Anh Tuấn chịu trách nhiệm. Phần chính của nội san bao gồm bài của các giáo sư và sinh viên Sử Địa ĐSP và ĐHVK Sài Gòn. Phần phụ của nội san là đăng lại những tài liệu sử quí hiếm từng được in trong những tạp chí xưa như *Tri Tân, Thanh Nghị...* mượn trong các tủ sách của giáo sư Nghiêm Thẩm và ông Thái Văn Kiểm. Từ năm 1966, nội san biến thành một tạp chí định kỳ, nhờ sự tài trợ của ông Nguyễn Hùng Trương, chủ nhà sách Khai Trí. *Tập San* -vẫn do Nhóm Sử Địa ĐHSP Sài Gòn chủ trương- ấn hành mãi cho đến khi VNCH bị sụp đổ, ra được 29 số trong 9 năm (1966 - 1975).

(4) Lê Kim Ngân, *Việt Nam: Con Người Và Hành Động,* Toronto, Lekim Publications, 1966, 194 tr.

(5)Sách dẫn thượng, trang 125 - 132.

(6) Vì rải rác trong sách có những chú thích ký LND, nghĩa là *Lời Người Dịch,* nên chúng tôi tin rằng cụ Nguyễn Xuân Thọ không tự mình dịch tác phẩm này. Nhưng trong *Lời Cám Ơn* và phần *Dẫn Nhập* nơi đầu trang sách, cụ Nguyễn Xuân Thọ không hề lên tiếng cám ơn dịch giả, và tác phẩm cũng không nêu tên người dịch, mà sách lại do chính cụ xuất bản nên chúng tôi đã quy trách bản dịch là của cụ.

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)
TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi dựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

NGUYỄN MẠNH TƯỜNG "KẺ BỊ VẠ TUYỆT THÔNG"

MINH VÕ

"Kẻ Bị Vạ Tuyệt Thông" (Un Excommunié) (1) là nhan đề cuốn hồi ký của luật sư Nguyễn Mạnh Tường viết bằng Pháp văn, được nhà Xuất Bản Quê Mẹ của ông Võ Văn Ái tại Paris phát hành cách đây bảy năm, đánh dấu mấy năm cuối cùng cuộc đời của một trong những đại trí thức đã sống trọn đời trong hất hủi tủi nhục với chính quyền cộng sản Việt Nam.

Nguyễn Mạnh Tường

*

Nguyễn Mạnh Tường sinh ngày 16-9-1909 tại Hà Nội, trong một gia đình giầu có. Là học sinh xuất sắc của trường Albert Sarraut của Pháp, ông đậu tú tài hai, năm 18 tuổi, rồi được học bổng qua Pháp học tại trường đại học Montpellier. Chỉ trong bốn năm ông đã đậu một lúc hai bằng tiến sĩ văn và luật, khi mới có 22 tuổi. Trong thời gian du học ở Pháp, ông thường có dịp lui tới với những người yêu nước lúc đó như Phan Văn Trường và Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh. Về nước ông dạy học một thời gian rồi chuyển sang làm luật sư. Lúc ấy còn là thời Pháp thuộc. Cũng như Trịnh Đình Thảo ở miền Nam sau này đi theo Mặt Trận Giải Phóng miền Nam, Nguyễn Mạnh Tường rất được người Pháp nể phục về tài hùng biện trong các cuộc biện hộ trước tòa án thuộc địa. Nhiều khi ông cãi miễn phí cho những tội phạm chính trị.

Ông đi theo Việt Minh rất sớm, ngay từ 1942. Khi việc thương lượng với Pháp thất bại, năm 1946 chính phủ Hồ Chí Minh ra bưng kháng chiến, NMT cũng đi theo. Nhưng vì xuất thân từ thành phần phi vô sản, lại chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa tư sản, nên ông không được trọng dụng. Khi Hồ Chí Minh thành lập chính phủ liên hiệp năm 1945 người ta thấy có những người như Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Văn Huyên, Hoàng Minh Giám, Tạ Quang Bửu, Trần Đăng Khoa mà không thấy tên Nguyễn Mạnh Tường ai cũng lấy làm lạ. Nhưng không phải vì vậy mà ông tỏ dấu hiệu gì bất mãn. Dầu sao thì hai cái bằng tiến sĩ Pháp của NMT cũng khiến ông Hồ đặt ông phụ tá cho Võ Nguyên Giáp trong hội nghị Đa Lạt năm 1946 để đàm phán với Pháp. Hội nghị đã đi đến thất bại và cho ông cái kinh nghiệm bản thân với chủ trương giáo điều, thiển cận của các nhà lãnh đạo cộng sản. Lập trường ngoại giao mền dẻo của ông trong vấn đề thương lượng với phái đoàn Pháp bị lãnh đạo Hà Nội phê phán là "sợ Pháp."

Trong kháng chiến ông được cử làm "thày cãi" tại tòa án khu ba (Thanh Hóa). Vì giữ lập trường tư pháp độc lập, nên ông lại bị chuyển

sang ngành giáo dục, giữ vai giảng viên, phục vụ tại "đại học dự bị," do Trần Văn Giàu, một trí thức cộng sản miền Nam thất sủng làm giám đốc.

Mặc dù không được trọng dụng, lại còn bị hiểu lầm, bạc đãi, Nguyễn Mạnh Tường vẫn một lòng cúc cung phục vụ kháng chiến, vì ông đã trót theo kháng chiến và nghĩ rằng kháng chiến có chính nghĩa, có công trong việc đánh bại thực dân Pháp. Ông còn hăng hái vận động nhiều trí thức khác ủng hộ Việt Minh nữa.

Ngày 10-10-1954, khi chính phủ Hồ Chí Minh, theo hiệp định Giơ-Ne-Vơ qui định, vào tiếp thu Hà nội, Nguyễn Mạnh Tường cũng từ khu ba về thành phố này là nơi chôn nhau cắt rốn của ông.

Cho mãi đến sau "CCRĐ" ông mới nhìn thấu bản chất của đảng và chế độ. Nhân chính sách sửa sai ban bố sau đó, ông đã đọc một bài tham luận dài tại phiên họp của mặt trận Tổ Quốc ngày 30-10-1956, hùng hồn phê phán những sai lầm của đảng. Một tuần sau người đọc thấy bài tham luận trên được đăng trên tờ báo Nhân Văn tháng 11 năm 1956. Và không biết bằng cách nào nó cũng lọt được ra nước ngoài. Thế là ông bị qui kết là đi theo nhóm Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, những người đứng đầu phong trào chống đảng lúc ấy, mặc dù họ chỉ phê phán những sai lầm hay quá trớn của một số cán bộ, chứ thực ra cũng chẳng dám ngang nhiên chống đối nào. Trường Chinh, nguyên tổng bí thư đảng Lao Động, trưởng ban cải cách ruộng đất, người trực tiếp chịu trách nhiệm về những sai lầm trong CCRĐ, liền coi NMT là kẻ thù. Ông ta sai Lê Đức Thọ mở chiến dịch triệt hạ uy tín và trừng phạt ông cùng với một số trí thức khác cũng có xu hướng phê bình đảng như Trần Đức Thảo, Phan Khôi, Trương Tửu (Nguyễn Bách Khoa), Nguyễn Hữu Đang. Vì không biết để đề phòng, NMT đã nói mạnh hơn nữa tại buổi sinh hoạt do đảng Dân Chủ tổ chức tại câu lạc bộ Đoàn Kết. Ông kêu gọi giới trí thức hướng dẫn quần chúng dấn thân vào công cuộc tranh đấu cho tự do dân chủ. Kêu gọi tranh đấu cho tự do dân chủ chính là kêu gọi chống đảng và chế độ. Vì chế độ là chế độ chuyên chính, tức độc tài, từ định nghĩa của đảng, từ chủ trương của Mác. Có nghĩa là NMT đã phạm pháp quả tang. Vì đang trong thời kỳ sửa sai, nên bộ chính trị không dám để cho đám Lê Đức Thọ và Trần Quốc Hoàn, lúc ấy là bộ trưởng nội vụ (Công An?) bắt giam những người có tên trong danh sách những người trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, mà chúng cho rằng NMT là một tay thủ lãnh. Tuy nhiên gần 200 người đã phải chịu những biện pháp trừng trị bí mật không theo một án lệnh hay văn bản nào. (2) Trong dịp này NMT đã bị đi cải tạo lao động. Cho đến 1960 mới được cho về nhà, chịu sự quản chế. Năm 1964 Phạm Văn Đồng có ý định cử NMT làm phó chủ nhiệm ủy ban khoa học xã hội, dưới quyền Nguyễn Khánh Toàn. Nhưng ông không nhận. Từ đó cho đến cuối đời ông sống ẩn dật, cô quạnh trong cảnh túng thiếu chật vật cho đến khi mất. Có lúc ông đã phải bán sách quý cho người ta gói hàng để có tiền mua gạo. Và cũng có lúc phải đốt bản thảo thay củi. Tuy nhiên ông đã dồn sức tàn hơi kiệt vào tác phẩm "Un Excommunié" để nói lên những điều sai lầm, tội ác và những hành động quái dị của cái gọi là chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Ông mất tại nhà riêng ở Hà Nội, vì bị tai biến mạch máu não, ngày 13-6-1997, thọ 88 tuổi.

Một vài điểm nổi bật trong bài tham luận của NMT đọc ngày 30-10-1956:

Trong cuốn "Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc" của Hoàng Văn Chí, do Văn Hóa xuất bản tại Saigon năm 1959, từ trang 293 (phần phụ lục) có đăng nguyên văn bài tham luận này dài ba chục trang. Diễn giả nêu lên bốn điểm chính:

1. Vấn đề pháp lý trong cải cách ruộng đất.
2. Các nguyên nhân sai lầm.
3. Bất chấp chuyên môn.
4. Phương hướng sửa chữa các sai lầm.

Ngay trong đoạn mở đầu NMT đã thẳng thắn chỉ ra rằng: "Theo ý tôi các sai lầm (trong CCRĐ, MV) chỉ là biểu hiện điển hình và bi đát nhất của những thiếu sót trong sự lãnh đạo của đảng Lao Động. *Do đó tôi xin phép được góp ý kiến xây dựng quan điểm lãnh đạo của đảng Lao Động.*"

Cũng trong đoạn mở đầu NMT đã làm một cuộc so sánh có mãnh lực dìm chế độ Hà Nội xuống đất đen:

"Lắng nghe dư luận đồng bào Hà Nội thôi ta được biết rằng có ít ra một doanh nghiệp quốc gia lãng phí bao nhiêu triệu trong khi dưới chế độ Pháp thuộc cũng doanh nghiệp ấy mang lại cho thực dân đế quốc những số lãi khổng lồ." "Về hộ khẩu thì cán bộ tỏ vẻ không phải là gìn giữ an ninh trật tự, phá vỡ cơ sở của địch, trái lại quấy nhiễu nhân dân, tạo ra một đời sống thành

thị điêu đứng cho tất cả."

Thêm một tiếng nói nữa về đời sống cán bộ tập kết:

"Ta quên thế nào được các đồng bào tập kết ra ngoài Bắc, số phận con cái của họ ở Hà Nội, Hải Phòng, số phận của chính họ, bi đát quá nỗi?"

Về điểm A, tác giả so sánh hai khẩu hiệu một bên của chế độ, một bên của pháp lý:

"Khi đưa ra khẩu hiệu: 'Thà chết mười người oan còn hơn để sót một địch,' thì khẩu hiệu này chẳng những quá tả một cách vô lý mà còn phản lại cách mạng là đàng khác nữa. Khẩu hiệu của pháp lý thì khác hẳn: 'Thà mười địch sót còn hơn một người bị kết án oan.'"

Về điểm B. Những nguyên nhân sai lầm, ông viết:

"Sở dĩ ta không để ý đến giải pháp pháp lý là vì có ba lý do:

1. Quan điểm ta, địch, thù, bạn rất mơ hồ.

2. Ta bất chấp pháp luật, lấy chính trị lấn áp pháp lý.

3. Ta bất chấp chuyên môn."

Sau đây là vài đoạn trong chuyện cộng sản bất chấp chuyên môn:

"Trong 10 năm qua ta thấy một tình trạng quái gở. *Chính trị ám ảnh đầu óc chúng ta đến nỗi hai chữ 'lập trường' làm ta mất ăn mất ngủ. Nếu dùng một hình ảnh duy tâm, tôi ví lập trường như cái oan hồn theo đuổi ngày đêm kẻ nào đã hãm hại chủ nó."*

"Dầu sao ở Việt Nam chúng ta đã xảy ra những việc như sau đây, ta cần ghi lại để con cháu ta cười muôn thuở: Khi chọn một người vặn lái ô tô, ta không hỏi người ấy có bằng vặn lái bao năm, ta chỉ hỏi: 'có lập trường không?' Kết quả là: từ hai năm nay, riêng trong thủ đô Hà Nội, hàng trăm tai nạn xảy ra, do các người vặn lái ô tô có lập trường mà không nắm chuyên môn. Khi đưa tới bệnh viện, một bệnh nhân cấp cứu, vấn đề mang ra thảo luận trước tiên là: "bệnh nhân thành phần giai cấp nào? Chữa cho địa chủ thì 'mất lập trường.' Để nó chết mới chứng minh mình có lập trường" (hiện tượng do bác sĩ Nguyễn Xuân Nguyên đưa ra). Tại sao có những hiện tượng quái gở như vậy? Là vì chính trị chiếm đóng, tất cả các khu vực trong nhận thức của chúng ta, làm chúng ta mất cả cái nhân đạo tối thiểu của con người, làm chúng ta khước từ cả chân lý, chân lý cho chúng ta biết rằng chính trị không thể nào thay thế cho chuyên môn, không làm được việc của chuyên môn."

Về Điểm D, phương hướng sửa chữa sai lầm, NMT đề nghị 1. Một chế độ pháp trị chân chính. 2. Một chế độ thực sự dân chủ. Cho các đoàn thể nhân dân được quyền nói lên ý kiến của quần chúng mà họ tập họp. Và cuối cùng là một chế độ tự do ngôn luận, tự do xuất bản báo chí.

Trong tham luận này NMT cũng có nói đến hiện tượng sau đại hội 3 của đảng Lao Động, có rất nhiều đồng bào muốn bỏ miền Bắc vào Nam.

"Nếu chính thể của ta tốt tại sao lại có người dụng ý xa lánh với trong lòng nỗi đau khổ bi đát? *Nếu cách mạng mang lại ánh sáng và hạnh phúc, sao lại có người lo ngại trước cách mạng, đau đớn vì cách mạng?"*

Xem ra NMT cũng tán thành chủ trương của Khrutshchev, khi ông nói:

"Nếu không có quyết nghị của đại hội lần thứ 20 của đảng cộng sản Liên Xô, nếu không có những sai lầm cực kỳ tai hại trong CCRĐ, ta chưa mở mắt được, ta sẽ còn thấy bao nhiêu máu oan chảy thành suối, thành sông, bao nhiêu người kính yêu cách mạng mà vẫn đau xót rời bỏ cách mạng. *Tuy ta phải trả giá quá cao, nhưng bây giờ ta biết rõ nguyên do của các đau khổ của ta: ta thiếu dân chủ."*

Về tác phẩm "Kẻ bị vạ tuyệt thông"

Tác phẩm này ông viết bằng tiếng Pháp (3), gồm có ba phần chính tổng số 340 trang. Hoàn tất năm 1991. Thoạt tiên ông tính khoan đưa in, nhưng khi bắt liên lạc được với ông Vũ Văn Ái ở bên Pháp thì ông đánh liều nhờ người gửi sang Paris và ủy quyền cho nhà xuất bản Quê Mẹ in. Ông viết cho ông Ái rằng:

"Tôi chờ đợi điều tệ hại nhất đến với tôi, tuy vẫn mong là nó không tới. Nhưng nếu người ta đẩy sự dã man đến độ dành cho tôi cùng sự đối xử như các nhà trí thức khác từng bị cáo buộc là nói xấu chế độ, thì tôi sẽ vững vàng đón nhận những thử thách mà tôi biết sẽ cam go lắm. Tôi đã quyết định, nếu điều đó cuối cùng xảy ra, thì tôi sẽ tuyệt thực tới chết. Ở tuổi 84 này tôi đã trải qua cái tốt nhất và cái xấu nhất của cuộc đời, và tôi không cảm thấy nuối tiếc phải lìa bỏ cõi đời, vì suốt cuộc đời tôi, tôi đã chu toàn bổn phận của một trí thức trước nhân dân và trước lịch sử."

Trong cuốn hồi ký này, ngoài phần nói về việc chính quyền miền Bắc tiếp thu Hà nội năm 1954, ông đã nhắc lại vụ CCRĐ, vụ Nhân Văn Giai Phẩm. Ông cũng thuật lại những cuộc tranh luận của ông với các cán bộ đảng

trong Mặt trận Tổ quốc. Nhất là tình trạng bị cô lập cực khổ tủi nhục của ông trong những năm bị canh chừng theo dõi. Sau đây là một vài đoạn trích từ hai phần cuối:

"Người ta thường giặt quần áo dơ trong nhà và vì có quá nhiều quần áo dơ xem ra ngày nào cũng phải giặt, nên người ta đã cảm thấy cần thiết phải qui định là thế giới VN là thế giới đóng cửa, cũng như toàn thể cái thế giới cộng sản vậy. Ở bên trong người ta tự cho phép làm những việc không thể tưởng tượng được, bách hại dã man, điên rồ bỉ ổi. Không ai dám nhìn vào bên trong cái hỏa ngục trong đó diễn ra những tội ác chỉ có trong thời kỳ thế mạt, làm mất hết nhân phẩm nhân tính." (trang 134)

"Cộng sản sống bằng dối trá, giả hình, nhưng cái sai lầm của nó là đặt sự tàn bạo của nó trên những vẻ bề ngoài hư ảo mà nó giải thích theo ý mình và dùng để tiêu diệt những kẻ mà nó gọi là kẻ thù. Nếu Machiavel (4) đội mồ sống lại, ông ta sẽ phải theo học những lãnh tụ cộng sản. Sự dã man quỷ quyệt mánh lới và sự bất nhân khéo che đậy của họ chưa hề thấy trong lịch sử loài người." (trang 147)

"Trong CCRĐ, người ta động viên con cái tố cáo cha mẹ, tá điền tố cáo chủ điền, trí thức thiên thần tố cáo trí thức quỷ sứ." (trang 150)

"Ở trường học người ta không còn dậy luân lý, đạo đức gì nữa. Và, ngày nay người ta còn khuyến khích học sinh sỉ nhục thầy cô!" (trang 175)

Ông dành nguyên phần cuối cuốn sách để tả cảnh đói khổ và cô độc của ông như một kẻ băng qua sa mạc, có vàng đè nặng trên vai nhưng sức đã kiệt, vì thiếu thức ăn, nhất là nước uống khiến không đứng thẳng lên được, không muốn gì hơn là có ai cho đổi vàng lấy một gáo nước.

Nơi chương 5: bạn đọc đã thấy Vũ Thư Hiên trong cảnh cô đơn ở xà lim một mình, lấy làm sung sướng bắt được con cóc con đưa vào phòng nuôi bằng kiến để có bạn cho bớt cô đơn, thì ở đây bạn cũng thấy NMT đi lang thang ngoài phố vớ được chú mèo con. Ông cho rằng sự tình cờ hay "Chúa Quan Phòng"(?) đã cho ông được gặp con vật bé tí mới sinh được vài ngày này để cho ông có bạn chia sẻ nỗi bất hạnh và khốn cùng với nhau. Khác Vũ Thư Hiên ở chỗ Vũ Thư Hiên thì ở trong lao tù, suốt ngày suốt tháng chỉ có một mình trong mù tối, còn NMT thì được sống với vợ con ở nhà và thỉnh thoảng vẫn được ra đường hay tới cậu lạc bộ nhìn sân Tennis. Thế mà ông lại nói đến cô đơn như người lữ hành đi trong sa mạc một mình. Mấy hàng sau đây sẽ cho độc giả thấy lý do tại sao:

"Ngồi trên chiếc ghế dài (ở sân tennis vắng vẻ. MV) thoạt nhìn tôi thấy có vật gì như một nắm len lăn vào chân. Đó là một con mèo con bé tí teo, mới sinh được vài ngày. Mẹ nó, theo tập quán đã cương quyết xa nó để nó tự khám phá cuộc đời. Tôi nhặt con vật lên, vuốt ve nó và cảm thấy lòng tràn đầy nỗi cảm thương, trìu mến đối với nó. Nó và tôi là hai mảnh đời tan nát, cùng đói, cùng cô đơn. Sau khi đã đi vòng quanh xóm riềng để hỏi xem con mèo con thuộc về ai, mà không tìm được chủ nó, tôi bèn cảm ơn sự tình cờ, hay Đấng Quan Phòng? đã ban cho tôi một kẻ đồng hành trong nỗi bất hạnh và cùng khổ, mà những cuộc truyện trò câm lặng sẽ lấp đầy thì giờ của tôi và hiến dâng cho tôi một sự giao tình mà tôi không dám xin vợ con tôi, để khỏi đào sâu thêm những nỗi đau thương của vợ tôi và con gái tôi. Giữa vợ con tôi và tôi, im lặng còn hùng biện hơn lời nói, và lại không làm cho nước mắt nhỏ xuống. Giữa tôi và con mèo con cũng y như thế: Ngôn ngữ của cặp mắt cũng đủ để trao đổi tâm tình.

"Về nhà, tôi chia cho nó món cơm khô của

tôi! Tôi rất lấy làm hài lòng, vì nó không đòi gì hơn và nó lớn nhanh. Trong khi tôi ngồi suy tư và mơ màng qua cửa sổ, nó ngồi trên đầu gối tôi và đêm đến thì nó nằm bên cạnh tôi. Vậy là tôi đã có thể bắt đầu bước bước đầu để ra khỏi con đường hầm vô tận của nỗi cô đơn, và tự cho mình một lẽ sống bằng cách lấp đầy lỗ trống của cuộc đời tôi. Tôi không còn có thể đi dạo ngoài phố vì những con chó canh luôn luôn theo tôi ở đàng xa. Tôi cũng không thể đi tập đánh tennis ở câu lạc bộ Ba Đình nữa vì vợt với bóng và giầy vải đắt kinh khủng và ngoài tầm tay của tôi. Nhưng điều đau đớn nhất đối với tôi là nhìn thấy những bạn thể thao cũ của tôi tránh né trốn chạy tôi! Những sự trốn chạy đó là những nhát dao găm đâm vào tim tôi, và tôi không thể nào đóng vai tên cùng khổ, hay cùi hủi. Tôi hiểu thái độ của những người bạn quần vợt của tôi. Họ đều là những công chức cao cấp, dĩ nhiên cũng là đảng viên nữa, và trước tiên họ phải lo đến tương lai hành chánh và chính trị của họ, và vì vậy họ sẽ lấy làm kinh sợ phải bắt tay một tên mắc dịch để chơi một ván với nó! Họ là những con người, những người nghèo tội nghiệp, tôi không thể nào trông đợi là họ có thể ít hèn nhát, ít bất xứng và ít sa đọa hơn." (trang 325-327)

Vài cảm nghĩ về trường hợp luật sư Nguyễn Mạnh Tường:

Một con người có thể nói là đại trí thức, cực kỳ thông minh, vì chỉ trong bốn năm đã lấy hai văn bằng tiến sĩ, thế mà hầu suốt đời lận đận, quá nửa đời sống trong tủi nhục cùng khổ, cô đơn, cô đơn ngay bên cạnh vợ con, bạn bè. Tuy trong đau khổ và cô đơn, ông vẫn tự hào là ông đã sống cho quê hương. Nhưng thử hỏi, quê hương được gì ở ông? Chế độ đã không để cho ông phát huy tài năng của mình. Những gì ông làm, họ lên án. Những gì ông nói họ bịt tai, trừ phi ông nói theo họ. Nhưng ông lại không thể nói theo họ. Nếu cái chế độ này qua đi, một chế độ khác sáng suốt hơn, công bình hơn thì ông cũng sẽ được đánh giá công bình về những lới ông nói. Nhưng cứ tưởng tượng, nếu chế độ này cứ tiếp tục thì ai sẽ trả lại danh dự cho ông? Khi ông đi theo Việt Minh cộng sản, chắc ông không ngờ được rằng đó lại là một chế độ tàn bạo, phi nhân đến như vậy. Và ngay sau CCRĐ, ông vẫn còn nghĩ nó có thể tốt hơn nếu chịu nghe ông mà sửa đổi. Chỉ hơn ba chục năm sau, ông mới thấy nó bất trị đến mức nào. Những lời kết án của ông trong cuốn hồi ký đã mãnh liệt hơn những lời phê bình trong bài tham luận năm 1956. Dưới đây chúng tôi xin chép lại nguyên văn lời bình luận của Minh Võ viết cách đây gần 40 năm về bài tham luận nói trên. Những lời bình luận này đã được in trong cuốn "Sách Lược Xâm Lăng của Cộng Sản," xuất bản lần đầu năm 1963:

"(Sau khi trích dẫn nhiều đoạn trong bài tham luận). *Những lời trên đây thốt ra từ của miệng của một nhà trí thức trong chế độ miền Bắc và ngay tại hội nghị mặt trận, trước sự hiện diện của các cấp lãnh đạo của "đảng lãnh đạo" quá đủ để chứng minh một cách hùng hồn rằng CCRĐ đã gây đau thương và đặc biệt là cho nông dân miền Bắc. Những lời trên đây cho ta thấy nhận xét của nhà văn Pháp Gérard Tongas không có gì là quá đáng.*

"Có một điều làm cho các nhà nghiên cứu tình hình miền Bắc phải suy nghĩ nhiều. Đó là việc đảng Lao Động vẫn không ngớt tuyên bố rằng CCRĐ đã thắng lợi, mặc dù những tiếng than van của nhân dân, các lời phẩm bình của các ký giả, các nhà quan sát quốc tế và trí thức Hà Nội.

Tại sao với bao nỗi thống khổ, oan ức, bao xác chết chồng chất, mà CCRĐ lại có thể coi là thành công? Là bởi vì cộng sản không lý luận như chúng ta, cũng không lý luận như luật sư Tường. Luật sư Tường tuy nói rằng "ta là duy vật" nhưng thực ra ông không có ý cho người nghe hay người đọc hiểu rằng chữ "ta" đó gồm cả ông ở trong. Vì lý luận của ông không có mùi duy vật chút nào hết. Sở dĩ ông dùng chữ "ta" ở trong bài diễn văn rất nhiều lần, chỉ là để cho dễ nói với cán bộ cộng sản, coi như một cuộc "tự phê bình" chứ không phải một cuộc phê bình Đảng.

Thực ra đứng trên lập trường cộng sản, duy vật, vô thần, đối với thái độ cho rằng không có gì vĩnh cửu, không có gì tuyệt đối, kể cả các nguyên tắc tinh thần, luân lý, thì mấy nguyên tắc pháp lý hay nhân đạo mà ông Tường nêu lên có đáng gì đối với họ?

Ông Tường có nói đến cách mạng, nhưng cách mạng của ông Tường là thứ cách mạng dân tộc, hay ít ra là cách mạng nhân dân. Còn cách mạng của cộng sản thực chất là cách mạng giai cấp, cách mạng vô sản. Vậy thì những lời ông phê bình là phản cách mạng cái khẩu hiệu qúa tả kia ("thà chết mười còn hơn sót một địch") đâu có giá trị gì theo lập trường của người cộng sản? Vì thế họ sẽ kết án lại ông Tường, cũng như các người khác là phản cách mạng, và rồi ông

Tường sẽ bị quản thúc, bị đưa đi cải huấn cho đến khi chấp nhận lập trường của cộng sản, từ bỏ lập trường dân tộc theo lối "duy tâm," lối "tư sản" của ông.

Cả câu cuối: "Không phân biệt được bạn và thù, đánh cả bạn, giết cả bạn" cũng chỉ làm cho người cộng sản chính cống như Trường Chinh mỉm cười. Vì thực ra trên lập trường giai cấp, ai là bạn, ai là ta, nếu không phải chỉ có kẻ từ bỏ giai cấp của mình để tôn thờ giai cấp của đảng? Trên lập trường lý thuyết Mác xít, duy vật biện chứng, với định luật "biến chuyển," thì bạn ngày hôm nay, ngày mai không là bạn nữa. Còn sống thì gọi là bạn, đánh chết rồi không gọi là bạn nữa, mai kia được phục hồi công quyền, đảng tịch, cương vị, được "tổ quốc ghi tên muôn đời" thì lại là bạn. Và sau hết, theo sách lược cộng sản, kết bạn với cả địch để tiêu diệt một kẻ địch khác cần tiêu diệt sớm hơn, thì khi đã tiêu diệt được kẻ địch này rồi, ắt phải quay ra tiêu diệt kẻ địch kia, tức là "địch-bạn" đó. Vậy phân biệt địch với ta, thù với bạn cùng những người cộng sản thực là khó. Không hiểu luật sư Tường có nghĩ tới điều ấy không? Chỉ biết rằng đối với cộng sản, bạn rất có thể là thù, ta rất có thể là địch, thất bại cũng là thành công." (5)

Để kết thúc, chúng tôi xin ghi nhận là cố luật sư Nguyễn Mạnh Tường là một nhà trí thức có đầy nhiệt huyết, muốn đóng góp tài năng của mình vào việc cứu nước, dựng nước. Nhưng vì ông đồng thời cũng là người xuất thân từ giai cấp tư sản, lại từng hấp thụ nền giáo dục của truyền thống dân chủ tư sản của Pháp, nên vẫn không thể hòa đồng với những người cộng sản. Chẳng những thế, ông còn dũng cảm nói lên lập trường của mình, phê bình lập trường của lãnh đạo đảng. Vì thế ông không được trọng dụng, rồi bị bạc đãi, bị đầy đọa, bị bao vây, quản chế. Sở dĩ cuốn hồi ký xuất bản bên Pháp với những lời đả kích chế độ một cách thậm tệ, gọi nó là một thứ hỏa ngục trần gian, mà Hà Nội không đưa ông ra tòa hay thủ tiêu ông, là vì trước hết ông cũng đã quá già rồi, chẳng còn làm được gì, cuốn sách lại bị cấm ở Việt Nam, nó cũng chẳng gây tai hại lắm về phương diện tuyên truyền. Hơn nữa tiếng tăm ông lại được thế giới kính nể. Đụng đến ông không khỏi có phản ứng bất lợi. Chi bằng cứ giam lỏng ông, cô lập ông để ông chết dần chết mòn.●

(Trích từ cuốn "Phản Tỉnh Phản Kháng, Thực Hay Hư" của Minh Võ, sẽ ra mắt độc giả vào cuối năm 1999.)

Chú Thích

(1) "*Kẻ bị vạ tuyệt thông*" (nguyên văn *Un Excommunié*, có nghĩa bị khai trừ ra khỏi cộng đồng, khỏi đảng), Quê Mẹ xuất bản, Paris, 1997, trang 199.

(2) Trừ Nguyễn Hữu Đang bị án 15 năm tù và bà nhà văn nữ Thụy An cũng bị bắt giam.

(3) Nguyên văn đầy đủ: "Un excommunié Hanoi 1954-1991: Proces d'un intellectuel", ("Kẻ bị khai trừ, Hà nội từ 1954 đến 1991: Vụ án của một trí thức")

(4) Nhà văn và chính khách Ý, thế kỷ 15 (1469-1527). Cuốn *Le Prince (Ông Hoàng)* của ông bị các nhà đạo đức thời ấy lên án là phi luân, vì ông chủ trương dùng mọi biện pháp để đạt mục tiêu chính trị, bất chấp luân thường đạo lý.

(5) *"Sách Lược Xâm Lăng Của Cộng Sản,"* Minh Võ, Saigon 1963, trang 164-166.

MuaSáchNào? **www.tuluc.com**

Nhà Sách TỰ LỰC

Trung Tâm Sách Báo, CD Ca Nhạc, Video trên Internet

e-mail: buybooks@tuluc.com

Tiệm sách Việt Nam đầu tiên bán trên Internet. Hơn 6,000 văn hóa phẩm chọn lọc. Áp dụng kỹ thuật tối tân nhất, dễ sử dụng, an toàn, cẩn mật. Bảo đảm không thất lạc.

Điện thoại: (714) 531-5290. Địa chỉ: 14318 Brookhurst St., Garden Grove, CA

NGUYỄN ĐĂNG THỤC VÀ CHỦ TRƯƠNG DUY NHẤT

LÊ ĐÌNH THÔNG

Trong các mục Bạn Đọc Viết và Hồi Ức, tạp chí Thế Kỷ 21 lần lượt giới thiệu các ý kiến khác nhau về cụ Nguyễn Đăng Thục như một bậc thầy và nhà hoạt động văn hóa. Tiếp nối dòng ký ức tập thể về một "cây đại thụ với tuổi đời trải dài gần suốt thế kỷ," bài báo này nói về cụ Nguyễn Đăng Thục như một nhà tư tưởng. Nếu có thêm bài khác đề cập tới hoạt động báo chí là đã khái quát hết quá trình hoạt động của cụ Nguyễn Đăng Thục.

Tiểu sử của cụ được ghi lại trong bộ Dictionnaire des philosophes do Denis Huisman chủ biên (Paris, P.U.F., 1984, tr. 1916). Cũng như nhiều nhà triết học khác, cụ dạy học suốt một phần tư thế kỷ: từ 1950 (năm thành lập Đại học Văn khoa Hà Nội) tới 1975 (năm Đại học Văn khoa Saigon bị giải thể, thay thế bằng Trường Đại học Tổng hợp, theo mô hình đại học XHCN). Cụ mất ngày 19 tháng Tư năm Kỷ Mão, cùng ngày giỗ Lê Quí Đôn (1726-1784). Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch đã mệnh danh vị khoa trưởng tiền nhiệm của mình là "cây đại thụ." Cây đại thụ đó ra đời năm Mậu Thân đầu tiên của thế kỷ (1908) tại Bắc Ninh. Cây nhân sinh bén rễ đông rễ tây, rễ khoa học và đạo học, triển nở thành một thân cây triết học duy nhất. Phần dạy học được nhận biết nhiều nhất vì là vòm cây cổ thụ, bao phủ nhiều thế hệ học trò.

Tôi vừa nói tới "thân cây duy nhất" của bậc đại lão triết học. Đó không chỉ là một hình ảnh, nhưng thể hiện chủ trương của cụ Thục ngay từ buổi đầu. Sau bẩy năm du học, khi mới về nước (1934), cụ chủ biên tờ *L'Avenir de la Jeunesse*. Hai năm sau (1937) là tờ *Le Travail* và sau một thập niên (1945): tạp chí *Duy Nhất*. Nếu ghép ba tên báo thành một câu, nhà tư tưởng bắt đầu bằng... Jeunesse, tiếp nối bằng Travail (báo tiếng Pháp), sau cùng là Duy Nhất (tạp chí Việt ngữ). Tên báo tóm tắt suốt cuộc hành trình triết học của người chủ trương. Tôi ướm thử hai tờ tạp chí Duy Nhất (vào giữa thế kỷ) và *Thế Kỷ 21* (cuối thế kỷ). Cả hai có khuôn khổ như nhau: mẫu chữ đều là Times khổ 10, trang báo chia làm hai cột. Chỗ khác nhau là phía dưới "manchette" Duy Nhất có tên báo bằng chữ Hán. Ngoài ra, *Duy Nhất* là bán nguyệt san, in trên giấy bản. Tờ *Thế Kỷ 21* không còn dấu vết này của buổi giao thời giữa thế kỷ. Mục "Trong thời gian..." của tờ báo có vài chứng tích lịch sử, có thể chép lại

Trong tờ chiếu công bố vào ngày Việt Nam Thống nhất Đại khánh (2-5 âm lịch nhằm 11-6-1945: kỷ niệm ngày vua Gia Long thống nhất sơn hà), vua Bảo Đại thống nhất ba miền, đổi Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ thành Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ. Ngày 1-7-1945 : thành lập Việt Nam Thông Tấn Xã, lúc đó viết tắt là API. (Thời VNCH : VTX. Hiện nay : VNTTX). Trong diễn văn ngày 1-7-1945 có đề cập tới quốc kỳ : ị Quốc vương đã chọn chữ Li viết trên quốc kỳ, chọn mầu vàng để làm nền, lấy mầu son tươi để viết chữ. Trong Kinh Dịch, chữ Li là "lệ dã" nghĩa là đẹp vậy thay. Quẻ Li thuộc về phương Nam, có nghĩa là "lửa", là "sấm sét", là mặt giời. Tượng quẻ Li là văn minh, là thái bình, là sáng láng rực rỡ.

Mầu vàng chẳng phải thau đâu, trải qua nắng mưa giãi dầu, vàng vẫn thắm tươi. Mầu son là hình dung sự vui mừng, sự khí huyết phường cương, nghĩa là sự phấn đấu chiến thắng, nghĩa là sự khẳng khái, hoặc hăng hái, không thấy nguy nan mà thoái chí, không thấy khó nhọc mà chịu giật lùi. Ể Đó là mấy sự

kiện xẩy ra vào năm báo Duy Nhất của chủ nhiệm Nguyễn Đăng Thục góp mặt làng báo (1945). Ông Lý Quốc Sỉnh là ủy viên trị sự của bán nguyệt san này.

NAM THỨ NHẤT SỐ 5 — NGÀY 1 THÁNG 6 NĂM 1945

DUY NHẤT

惟一

CƠ-QUAN VĂN-HÓA RA NGÀY 1 VÀ 15

Tòa báo : số 25, đường Fourès, Nam-Định

Hộp thư 1 số 30

Chủ-nhiệm : NGUYỄN ĐĂNG-THỤC

CON ĐƯỜNG VĂN-HÓA HIỆN-TẠI VÀ TƯƠNG-LAI

Quan-niệm trước, hành-động sau

Đứng trước cảnh quốc phá gia vong hiện-thời, xã-hội tối-loạn, tối-loạn từ trong tinh-thần ra đến thực-tế, người ta chỉ biết sôi-nổi hành-động, không ai còn thì-giờ mà yên tĩnh nhận-định, thực có như chiếc thuyền giữa bể, mỗi người chèo một phía, trăng dành xuôi, kèn thổi ngược, chẳng hoà-hi vì lấy tư-tưởng nào ăn nhịp với nhau. *Có duy-nhất được tư-tưởng thì hành-động mới duy-nhất!* Bởi thế cho nên, dù là nhà đương cháy, chúng tôi không thể bỏ công-cuộc văn-hóa, trái lại, chúng tôi cũng thấy cần-kíp phải theo đuổi việc duy-nhất quan-niệm tác này, dành bỏ sự chữa gian nhà đương cháy cho người khác, vì chúng tôi không tin vào sự hành-động tạm-thời, thiếu phương-pháp duy-nhất, thiếu căn-bản thực-nghiệm. Các nhà tư-tưởng thực-tiễn Tây-Phương bảo "*nhận thức rồi mới có tiên-liệu, tiên-liệu rồi mới có hành-động*", tưởng lúc này nên nhắc lại cho các nhà hành-động chúng-ta nhớ. Đông-Phương cổ-triết cũng nói: "*biết cái gì trước nên trước, cái gì sau nên sau, ấy đã là gần chân-lý*".

Cái nhà cháy không phải bây giờ nó mới cháy, nó đã cháy từ lâu. từ ngày vua Chiêu-thống cõi nước như của gia-bảo riêng mà đem bán và danh-dự của cả quốc-dân với ngoại-triều, từ ngày triều Tự-Đức kiêu-căng không nghe những người thức giả

Trong số này:

Căn-bản duy-nhất của văn-hóa Đông-Phương — của Nguyễn đăng-Thục

Ông Phượng-Tổng với "Hỗ-Trợ luận" — của Tín-Canh

Một mẩu người ở thế-hệ trước — của Chu Thiên

Sự tiến hóa của tinh thần đạo-học Văn-Sơn dịch

Phân tích sự tiến-hóa trong tình-cảm ở văn-chương lãng-mạn Đông Tây. Thúc-Thủy

Trong số sau:

Thế quân-bình trong văn-hóa Việt-Nam hiện-tại

Quan-niệm vũ-trụ về nhân-sinh của Đạo-học

Giá mỗi số: 15 SO

Tổng phát-hành: nhà in Quang-Hoa — số 178, phố Hàng Bông — Hà-Nội

Trong thời gian làm việc cho Nhà Máy Dệt S.F.A.T. ở thành phố này. Trong tác phẩm Thiền Học Trần Thái Tông, tác giả Nguyễn Đăng Thục trích dẫn Việt sử Tiêu án của Ngô Thời Sĩ, viết về lai lịch nhà Trần như sau : ị Tiên tổ vốn người Phúc Kiến bên Trung Hoa; đến ông tổ là Kinh sang nước Nam ở làng Tức Mạc, phủ Thiên Trường sinh ra Hấp. Hấp sinh ra Lý. Lý sinh ra Trần Thừa làm nghề đánh cá, lấy bà Lê Thị làm vợ, đến năm Mậu Thìn sinh ra vua Thái Tông. Ể (Nguyễn Đăng Thục, Thiền Học Trần Thái Tông, Hà Nội, Nhà xb. Văn hóa Thông tin, 1996, tr. 18). Theo Đào Duy Anh, vua Trần Thái Tông đổi 24 lộ đời Lý thành 12 lộ, trong số có phủ lộ Thiên Trường "ở miền bắc tỉnh Nam Định". Chiếc nôi của n

Trần với những ngôi danh lam như chùa Phổ Minh khai đạo kỹ sư Nguyễn Đăng Thục ở lứa tuổi 20 tìm về Thiền tông Việt Nam. Lễ hội Phủ Giầy dẫn lối về Đạo giáo Việt Nam. Các địa danh này gợi hứng thi ca cho mấy vị vua nhà Trần (Thánh Tông : Hạnh Thiên Trường Hành Cung. Nhân Tông : Thiên Trường Phủ, Đề Phổ Minh Tự Thủy Tạ, Thiên Trường Phủ v.v.). Cuộc hành trình "Duy Nhất" của cụ Nguyễn Đăng Thục là một biểu đồ địa lý: Việt Nam-Pháp (trục Hoành (ngang) Đông-Tây), Marseille-Paris-Lille (trục Tung (dọc) Nam-Bắc nước Pháp), kết thúc bằng trục Tung thứ hai : Hà Nội-Nam Định-Saigon (Bắc-Nam Việt Nam). Nếu không học ngành Công nghệ ở Lille, kỹ sư Thục đã không làm việc ở Nam Định. Không có Nam Định, kỹ sư Thục đã không trở thành nhà tư tưởng Nguyễn Đăng Thục. Đó là con đường vòng đai, khai lối cho một hành trình duy nhất, tóm tắt trong ba chủ đề : Tập đại thành, Đồng qui nhi thù đồ và Thiền. Nguyễn Ngọc Bách, một học trò của cụ Thục, đã ghi lại lộ trình của thầy trong tập bản thảo

Nhớ Thầy với ưu tư Quốc học.

Số 5 (1-6-1945) của tạp chí Duy Nhất chuyên luận về văn hóa. Bài xã luận trang bìa (trên giấy bản, giống như những trang ruột) viết về Con đường văn hóa hiện tại và tương lai : Quan niệm trước, hành động sau (xem bản chụp thu nhỏ một cột báo). Trong bài này, cụ Thục viết : ị Từ khi Đông Tây gặp nhau, tình thế thực tế và tình thế của thế giới thay đổi, chúng ta mới chỉ thụ động ảnh hưởng của bên ngoài, chứ chưa từng ý thức mà tự làm lấy

cuộc cách mạng văn hóa cần thiết, chưa tìm thấy một quan niệm xác đáng thích trung với thời thế để chủ trương duy nhất đời hoạt động của chúng ta trong hoàn cảnh xã hội hay cá nhân. Ể (tr. 1-2). Chủ trương căn bản này còn được khai triển trong bài Căn Bản Duy Nhất của Văn Hóa Đông Phương, trong cùng số báo. Trong bài báo này, cụ Nguyễn Đăng Thục viết : ị Nhà đạo học bao giờ cũng có tinh thần thực hiện, nghĩa là luôn luôn ý thức cái nhất nguyên để tìm đồng nhất với nó trong tư tưởng cũng như trong hành vi hàng ngày. Ấy là thái độ hướng về sự

thực thượng chân lý của hai chữ Thành, Kính trong văn hóa Đông phương. Vì Thành là thực hiện cái ý tưởng của mình, Kính là kính trọng cái linh động cao siêu tiềm tại ở mình và ở vạn vật. Chính cái tinh thần đạo học này rất gần với tinh thần khoa học mà nhà khoa học trứ danh Einstein gọi là tinh thần vũ trụ đạo trong khoa học thực nghiệm mới của thế kỷ 20. Ể Trong phần kết luận, tác giả viết : ị...Chúng ta nên mong rằng tinh thần đạo học trở nên tinh thần duy nhất của Á Đông và bao hàm tinh thần khoa học vào trong, thành một đại hòa điệu duy nhất của Tâm và Trí. Chỉ có sự hợp dung thích ứng này, không phải nguyên có tính cách hình thức bề ngoài, mà là kết quả của một sự tiến hóa tự nhiên và của một sự thâm hiểu lẫn nhau, thì mới có thể dựng lại sự hòa bình và sự quân bình cả trong cá nhân lẫn trong xã hội hiện tại. Ể (tr. 17). Bối cảnh của bài báo Căn bản Duy Nhất của Văn hóa Đông Phương là tạp chí Duy Nhất. Tờ tạp chí ra đời trong bối cảnh Việt Nam Thống Nhất Đại Khánh. Những nhà nghiên cứu khi tìm hiểu tư tưởng Nguyễn Đăng Thục đừng nên bỏ quên khởi điểm "Duy Nhất" này.

Từ bài báo "Căn bản Duy nhất" tới nay là hơn nửa thế kỷ, tuổi đời của một thế hệ đông đảo môn sinh của cụ Thục : Lê Đình Điểu, Đỗ Ngọc Yến, Bùi Hồng Sĩ, Phạm Quốc Bảo, Vũ Hiệp, Lê Đình Bảng v.v. Cụ Nguyễn Đăng Thục đã trải qua nhiều cương vị khác nhau : từ kỹ sư tới giáo sư, từ chủ nhiệm tạp chí tới khoa trưởng đại học v.v. Cuộc trăm năm của cụ (nói đúng ra là xấp xỉ trăm năm) gắn liền với những thăng trầm của đất nước. Theo lời giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cụ Thục từng nói : "Chúng ta chỉ có thể hoàn toàn là chúng ta khi chúng ta thể hiện được nguồn gốc của chính mình". Trong gần hết một thế kỷ, cây đại thụ của văn hóa dân tộc không những giữ nguồn gốc một cách vững vàng, mà còn không ngừng thể hiện cội nguồn. Cụ để lại một thư tịch đồ sộ, chưa kể nhiều tập bản thảo viết tay trên tập vở học trò. Nhưng mấy ai ngờ một công trình khác của cụ còn lớn hơn sách vở. Đó là bao nhiêu tâm trí chịu ảnh hưởng trực tiếp (qua giảng dạy) hay gián tiếp (qua những trước tác) của cụ.

Cụ theo đuổi con đường "Duy nhất" tới ngày 19-4 âm lịch. Từ sáng, cụ còn đọc sách như thường ngày. Tới trưa, cụ cảm thấy mệt mỏi, tắm xong bận áo gấm trắng. Theo lời kể, khoảng 16 giờ, cụ vời cụ bà và các con cháu lại gần, cho biết "thân tứ đại của cụ đã đến giờ hoại diệt". Nhưng sự hủy diệt không đến một lần. Cụ trở phần bên trái thân thể chết trước. Tiếp theo là từ chân phải lên tới đầu, theo trục Tung của cây nhân sinh. "Dự tri thời chí", sau cùng cụ nắm chặt tay người thân rồi nói :"Vâng, đến đây là hết". Cụ bà đáp lời: "Thôi ông đi tới Hy Mã Lạp Sơn...". Đời người ai cũng một lần chết. Nhưng cái chết của nhà tư tưởng an nhiên tự tại. Vì họ "thực hiện cái biết tối cao của ý thức tâm linh thực nghiệm siêu nhiên trên ý thức cảm nghĩ tri kiến phổ thông".

Trong số những người tưởng niệm trước di hài cụ Nguyễn Đăng Thục có thầy Tuệ Sĩ. Mới được trả tự do ba hôm, thầy tới thăm cụ Thục. Mấy hôm sau, các thầy Tuệ Sĩ, Đức Nhuận, Quảng Độ là những tu sĩ đầu tiên đến nhà tụng niệm. Nhiều tu sĩ Công giáo, Cao Đài v.v. cũng tới tiễn biệt. Di cốt và bài vị của cụ được thờ tại Thanh Minh Thiền Viện, ở đường Trương Tấn Bửu, gần căn nhà có trồng cây hoa đại ngoài cổng, khi sinh thời, cụ thường ngồi đọc sách dưới gốc xoài gốc mít.

Mấy hôm trước, tôi tới lạy trước bàn thờ cụ Nguyễn Đăng Thục, tại nhà giáo sư Phùng Như Liêm, con rể cụ Thục ở Chatillon, ngoại ô Paris. Cạnh linh vị là hai câu đối liễn xổ dọc, bút tự của cụ Thục, chép lại bài kệ của vua Trần Nhân Tông (1258-1308), trong hội thứ mười của bài Cư Trần Lạc Đạo Phú. Câu đối liễn hai câu, nhưng xin chép lại cả bài, theo bản in trong Thơ Văn Lý Trần (Nhà xb. KHXH, 1989, tập II, quyển Thượng, tr. 510), để tưởng nhớ một Thiền sư lớn của thế kỷ vừa tịch diệt :

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên.
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch,
Đối cảnh vô tâm mạc vấn Thiền.

KHUÔN MẶT CỦA BẠN TRƯỚC KHI SONG THÂN CỦA BẠN CHÀO ĐỜI?

PHAN THỊ ĐỖ QUYÊN

Friday, 24 September, 1999

Bạn thân mến,

Ở Miệt Dưới của chúng tôi, nơi xứ Úc xa xôi ngàn dặm đối với bạn nhưng gần đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta, đang là mùa xuân. Tôi cảm nhận rõ ràng sự chuyển mình của trời đất cây cỏ. Tất cả như đang bùng ra. Cánh hoa nở nụ cười, những búp lá non chen lấn nhau bung ra, khoe sắc xanh mơn mởn. Và trái tim tôi như muốn cất tiếng hát. Bước chân muốn đi ngàn dặm trên bãi cỏ ấm áp, bao bọc hết khu vườn như muốn ôm cây cỏ trong vòm ôm của nó. Buổi sáng nắng chan hòa của một ngày cuối tháng Chín, tôi bước ra vườn, đi mặt sát vào chùm histeria đang nở rộ. Tâm hồn choáng ngập một màu tím. Nhớ đến bài thơ và bài hát có câu Đồi Tím Hoa Sim. Cảm nhận mùa xuân và nghĩ tới vòng tái sinh. Chiêm nghiệm sự màu nhiệm của hạt cây sồi mang trong nó tất cả đặc tính của giống loài và từ từ nhưng vững chắc đâm chồi, xuyên phá lòng đất, nảy cành, đơm lá đi hết vòng định mệnh của nó để vài chục năm sau đứng sừng sững giữa trời như một cây cổ thụ.

Tái sinh. Trong tâm chợt nhú lên công án thiền đọc thuở 15, 16. Khuôn mặt của ta khi song thân chưa sinh ra đời? Mời bạn cùng với tôi đi một vòng lang thang cuộc đời, suy gẫm để dõi tìm mối chỉ của công án này.

Sáng hôm qua, tôi đi bộ chân không trong vườn. Để cảm thấy mình trở về với đất, trở về

với mẹ. Để cảm thấy tự tại chân đạp đất. Đi tìm một nền móng vững chắc khi bàn chân cụ thể ôm ấp lòng đất và cảm nhận hơi ấm của nó. Lời tỏ tình và ôm hôn Gaia, đất mẹ của nhân loại. Ngân vang trong đầu mấy câu thơ đọc thuở ấu thời của Verlaine:

Vòm trời kia, qua lớp mái. sao xanh thẳm quá, sao yên ắng quá !

Thân cây kia, qua lớp mái, đong đưa tàn của nó.

.....

.....

Ta đã làm gì đời ta???

Ta đã làm gì đời ta???

Nhà thơ Verlaine phạm pháp bị nằm tù. Từ khung cửa sổ tù nhỏ xíu nhìn lên trời, cảm nhận được cái yên ắng, lặng thường của đời sống. Trong cõi yên ắng của tâm hồn, một tiếng nói cất lên, một câu hỏi day dứt réo lên: Ta đã làm gì đời ta??? Ta đã làm gì đời ta???

Tôi đang đi bộ chân đất trên vườn. Câu hỏi day dứt ấy cũng réo lên. Ta đã làm gì đời ta??? Ta đã làm gì đời ta??? Năm nay, các con tôi đều đã lớn. Bỗng nhiên tôi cảm thấy hụt hẫng. Hơn 20 năm qua, cuộc đời chỉ xoay vòng trong việc nuôi con, sao cho con khôn lớn nên người. Nay tôi đang đối diện với một khoảng trống không chơi vơi. Hình như tôi chưa hề bao giờ ngừng lại một giây phút trước kia để tự hỏi: đáy sâu trong tấm lòng mình, tôi muốn làm gì trong kiếp nhân sinh này? Hình như tôi chưa bao giờ lắng nghe trái tim mình nói lên ước mơ, nguyện vọng của nó. Hình như những khuôn mẫu của xã hội đã định đoạt cuộc đời tôi. Tôi đã hấp thụ tất cả những điều kiện hóa của xã hội và ngoan ngoãn bước theo một con đường mòn đã được vạch sẵn mà không hề thắc mắc hay đặt câu hỏi.

Điều kiện hóa đầu tiên là học làm phụ nữ. Tôi cảm nhận rằng là con gái thì phải dịu dàng, ngoan ngoãn, vâng lời, chăm lo cho người thân. Tôi cũng học làm con gái ngoan ngoãn như thế dù không thành công bao nhiêu. Biết đâu tôi có những đức tính khác xông xáo hơn, cứng rắn hơn và nóng bỏng hơn...? Điều kiện hóa thứ nhì là phải học giỏi. Năm đầu học mẫu giáo, tôi đứng áp chót. Cảm nhận được cha mẹ không vui lòng, tôi nhất quyết học giỏi hơn và năm sau đó đứng hạng nhì trong lớp. Biết đâu tôi không thích học nhiều như thế và có những đam mê khác như đi chơi trong thiên nhiên, đạp xe đạp? Điều kiện hóa thứ ba là chọn nghề. Năm đầu tiên trên đại học, tôi học y khoa. Để vừa lòng cha tôi và cũng vì tôi cho rằng nói với người chung quanh rằng mình đang học y khoa nghe oai lắm! Rốt cuộc tôi cũng bỏ y khoa để theo đuổi ngành tâm lý. Điều kiện hóa thứ tư là con gái thì phải lập gia đình. Tôi ngờ ngợ tin rằng người con gái chỉ hạnh phúc, đầy đủ thực sự khi có một người chồng và một mái ấm gia đình. Người con gái độc thân giống như chiếc phản gỗ long đinh, như chiếc tàu lênh đênh không cập bến. Thế là tôi lập gia đình rất sớm, có con, chăm lo cho chồng con. Biết đâu tôi cũng hạnh phúc cưới thiên nhiên, sống với sự yên lặng và trống không ?

Tôi cảm nhận rõ ràng rằng dù tôi đã đi nửa cuộc đời, tôi chưa hề bao giờ làm chủ cuộc đời mình. Tôi chưa hề bao giờ lấy những quyết định về cuộc đời tôi một cách ý thức mà không bị sự điều kiện hóa của những khuôn mẫu sống bình thường. Tôi cư xử giống một người phụ nữ vì xã hội chờ đợi tôi có những phụ nữ tính đó. Tôi đi học vì xã hội chờ đợi tôi phải đi học mới nên người. Tôi ra trường đại học vì tôi tin rằng không có bằng cử nhân thì không nên người. Tôi lập gia đình cũng vì khuôn mẫu xã hội cho rằng có gia đình là mô thức sống hạnh phúc nhất.

Cha mẹ trong công án Thiền không phải là bậc cha mẹ xác thân. Công án nói đến bậc cha mẹ tinh thần, những lực điều kiện hóa đời sống chúng ta. Những khuôn mẫu xã hội, những kỳ vọng của gia đình xã hội vô hình chung nhào nắn cuộc đời chúng ta. Những lực điều kiện hóa ấy ảnh hưởng những quyết định và chọn lựa cách sống của chúng ta. Chúng đẻ ra con người chúng ta và nếp sống chúng ta. Người thanh niên say mê hội họa nhưng chọn học bác sĩ đã không lắng nghe tiếng nói của con tim mình mà để cho bậc cha mẹ ngoại lai (điều kiện hóa của xã hội) nhào nắn cuộc đời mình. Lẽ dĩ nhiên, vấn đề ở đây không phải là loại nghề mình chọn, vấn đề là sự chọn lựa đó có nghe theo tiếng nói của con tim không. Người thanh niên từ nhỏ đã mơ ước làm bác sĩ và chọn ngành bác sĩ là người sống chân thật với lòng mình và hạnh phúc.

Công án hỏi người thiền sinh rằng: nếu bạn loại bỏ đi tất cả những lực điều kiện hóa của khuôn mẫu xã hội thì bản chất tự tại hồn nhiên, trong sáng, không vấy bẩn, không bị điều kiện hóa của bạn là gì? Khuôn mặt của bạn trước khi song thân của bạn ra đời?

Tôi không biết, tôi thực sự không biết. Từ

ngày hiểu được phần nào công án trên, tôi chỉ bắt đầu có những ý thức như: lời nói này, cử chỉ này, quyết định này bị điều kiện hóa bởi cha tôi, mẹ tôi, nền văn hóa Á đông hay lối suy nghĩ Tây Phương. Tôi bắt đầu phân biện đâu là những hành động bị điều kiện hóa, đâu là những hành động phát xuất tự nhiên từ đáy lòng.

Bạn thân mến,

Tôi xin được kể cho bạn nghe vài mẩu chuyện giản dị nhưng mang nhiều ý nghĩa sâu sắc. Bà Claudia Marshall Shelton là một giáo sư và hội viên (counselor) tại trường Renbrook School bên Mỹ. Bà cũng là Giám đốc của Chương Trình Giáo Dục về Xã hội và Cảm tính dành cho các giáo sư tại trường Sư Phạm Columbia University. Trong một bài viết, bà nói đến một đặc tính quan trọng trong sự phát triển con người là sự cảm nhận nội tâm (inner sense). Sự cảm nhận nội tâm là sự tri thức, cảm nhận, trực giác đến từ sâu trong nội tâm mình. Nó khiến cho mỗi người nhìn đời, cảm nhận cuộc đời và hiểu đời khác nhau. Nhà khoa học nhìn vào thân cây nghĩ tới việc phân loại nó cho đúng. Nhà thơ nhìn vào thân cây cảm thấy màu xanh tô thắm cuộc đời. Thiền sinh nhìn vào thân cây nhập một với lực sống tuôn chảy trong đó. Cảm nhận nội tâm cũng chỉ hướng cho mỗi người sống những nếp sống khác nhau, đóng góp những cách khác nhau cho cuộc đời. Nhà thơ, nhà văn đem lại cho cuộc đời nét đẹp trong ngôn ngữ. Nhà kiến trúc đem lại nét đẹp và tiện nghi cho môi trường sống. Người tu sĩ đem lại chân lý v.v... Bà Claudia cho rằng việc giáo dục cần chú trọng và phát triển cảm nhận nội tâm của các em. Michael là một em học sinh lớp Bảy, bị nhiều vấn đề học vấn. Bác sĩ cho rằng em bị bệnh ADHD khiến em khó tập trung. Trong một buổi hội vấn với em, bà Claudia đề nghị Michael lắng nghe cảm nhận nội tâm của mình. Michael trình bày rất rõ viễn ảnh tương lai mà em mơ ước:

Em thích đời sống mạo hiểm, em thích hành động. Em thích ở gần những người có cùng sở thích với em. Em muốn năm em 25 tuổi, em làm chủ một tiệm bán các vật dụng cho người chơi các môn thể thao trên núi. Em không cần phải giàu có như cha mẹ em. Em cần một căn chòi gỗ (cabin) thô sơ để em có thể đi xe đạp trên núi và chơi những môn thể thao nguy hiểm ngoài trời. Em thích chơi với những người cũng thích những thứ mà em thích. Em chán ngấy những môn học từ chương trong trường.

Điểm học của Michael trong lớp là các điểm thấp C và D. Trong cuộc gặp gỡ giữa bà Claudia với cha mẹ của Michael, bà Claudia nói cho họ biết những tin vui và tin buồn về Michael:

Tin vui là Michael hiểu rõ chính mình và biết rõ những gì mình muốn làm trong đời so với đại đa số các học sinh trung học khác. Em dễ mến, thích mạo hiểm và yêu đời. Đấy là những chỉ dấu chắc chắn cho sự thành công sau này trong đời. Tin buồn là cha mẹ em và học đường phải giúp em học qua lớp Bảy mà cũng là phần đời mà hiện nay em rất chán ngán.

Qua những nhận thức trên, cha mẹ Michael và cô giáo Claudia hiểu được mục tiêu sống của em và chấp nhận, hỗ trợ mục tiêu đó. Họ xem sự thất bại học vấn của Michael là một phần nhỏ trong tiến trình lớn thành công của cuộc đời em. Nhờ sự thông cảm đó của cô giáo và cha mẹ, nhờ niềm tin của họ về những đức tính tốt và tương lai thành công của em, Michael đã lên tinh thần và xem việc thất bại trong học vấn hiện nay của em chỉ là mảnh nhỏ tạm thời trong đời sống và tương lai thành công của mình. Nhờ vậy Michael phấn khởi hơn và chủ động hơn trong việc học. Em bớt chia trí và đến năm lớp Chín, em học giỏi vượt bực và được hạng danh dự.

Qua câu chuyện trên, chúng ta bàng hoàng tự đặt câu hỏi: có bao nhiêu ngàn, triệu em học sinh khác giống Michael nhưng không được may mắn gặp cô giáo Claudia và không được cha mẹ cảm thông? Cuộc đời các em sẽ đi về đâu? Học dốt, phá phách, bị đuổi ra khỏi trường, nhập bọn du đãng, nằm tù, nghiện ngập v.v... ? Có biết bao nhiêu cái khuôn mẫu trong xã hội và trong học đường định nghĩa thế nào là thành công, thế nào là học giỏi, thế nào là học sinh ngoan, thế nào là con người tốt? Để rồi những khuôn mẫu đó như những hộp tù cứng ngắc chụp lên đầu các em, bóp nghẹt những em có những đam mê khác, những sở thích khác?

Nhà văn phi công Pháp Antoine de Saint-Exupery có viết một câu truyện lý thú về quyền lực trong cuốn Hoàng Tử Bé. Hoàng Tử Bé đi chu du các hành tinh để học hỏi. Hành tinh đầu tiên Hoàng Tử Bé lạc tới là một hành tinh nhỏ xíu chỉ có một người ở với một con chuột. Người ấy là một vì vua, mặc áo bào lộng

lấy, ngồi chễm chệ trên một cái ngai giản dị nhưng oai phong. Vừa thấy dáng Hoàng Tử Bé, vị vua thốt lên hân hoan:

"... Đây rồi một thần dân!"

Hoàng Tử Bé tự hỏi làm sao ông vua có thể nhận ra mình là một thần dân khi chưa hề gặp mặt mình lần nào. Hoàng Tử Bé không biết rằng, đối với các ông vua thế giới này rất là giản dị. Tất cả mọi người đều là thần dân của ông.

Khi Hoàng Tử Bé mệt mỏi ngáp, vì vua nói:

"Ngáp trước mặt một vì vua là trái quy tắc triều đình. Ta cấm ngươi không được ngáp."

Hoàng Tử Bé trả lời:

"Nhưng tôi không ngăn mình được. Tôi vừa đi một đoạn đường dài và tôi chưa được ngủ."

"Vậy thì ta ra lệnh cho ngươi ngáp."

Vì vua này giải thích cho Hoàng Tử Bé:

"Nếu ta ra lệnh cho một ông tướng phải biến thành một con chim biển và ông tướng không vâng lời ta, thì đó không phải là lỗi của ông tướng. Đó là lỗi của ta... Ta chỉ nên bắt người khác làm những gì họ muốn làm. Quyền lực dựa trên lẽ phải. Nếu ngươi ra lệnh cho thần dân của ngươi lao đầu xuống biển, họ sẽ vùng lên làm cách mạng. Ta có quyền chờ đợi người khác vâng lệnh của ta vì những lệnh của ta có lý và đúng lẽ phải."

Triết lý của ông vua khôn ngoan này nên đem ra áp dụng trong mọi mặt của đời sống. Những người nắm quyền lực hãy ra lệnh cho người khác làm những gì họ muốn làm. Các học đường, thày cô hãy hỗ trợ các em học sinh nghe theo cảm nhận nội tâm và phát triển những đặc tính và khả năng đặc thù của các em. Nhà cầm quyền hãy thể hiện nguyện vọng của người dân. Cha mẹ hãy giúp con em theo đuổi hoài bão của chính các em. Hãy xoá bỏ những khuôn mẫu xã hội, những áp lực từ bên ngoài để giúp mỗi con người đi theo tiếng nói của nội tâm và làm chủ cuộc đời của mình.

*

Bạn thân mến,

Sáng nay tôi thức giấc. Trong khoảng trống không sơ nguyên của những giây phút đầu nối lại với đời sống ban ngày, tôi cảm thấy thật trẻ thơ. Không một gợn xúc cảm, không một gợn tư tưởng trên khoảng bao la đồi cát trắng xóa. Lặng yên và không màu sắc. Rồi dần dần công án *Khuôn mặt của bạn trước khi song thân chào đời* trở về. Tôi chợt hiểu rằng cái cùm, cái nhà tù không phải là những lực điều kiện hoá con người, không phải là những khuôn mẫu của xã hội. Nó chính là cái ngã với nỗi sợ hãi căn nguyên, với những tham vọng, ham muốn, với những kỳ vọng về an toàn, hạnh phúc, với những lệ thuộc nơi vật khác, người khác để đem lại hạnh phúc cho chính mình. Nếu tôi đi học bác sĩ để được tiền bạc, địa vị, sự trọng vọng, lỗi không phải ở những lực điều kiện hóa của gia đình hay xã hội. Lỗi nằm tại trong tâm tôi. Chính sự lệ thuộc vào sự giàu sang, chính sự ham muốn danh vọng địa vị đưa tôi vào tròng ảnh hưởng của những lực điều kiện hoá đó.

Có cách nào cái ngã sợ hãi, lệ thuộc, ham muốn đó biến đi không? Có trạng thái tâm hồn nào không một gợn sóng vui, buồn, yêu, ghét, tham, giận, sợ không? Có trạng thái tâm hồn nào không một gợn tư tưởng chia cách, không có chu vi khoanh tròn cái ngã không?

Tôi bước ra vườn, dí mặt sát vào chùm histeria tím choáng ngập. Hương thơm ngây ngất. Màu vàng giữa tâm điểm hoa thu hút tôi lao vào. Một chú ong hốt hoảng vụt bay ra. Trong giây lát hình như tôi là chú ong ấy.

Tìm đọc

QUA MẤY TRỜI SƯƠNG MƯA

Thi phẩm của

HOÀNG LỘC

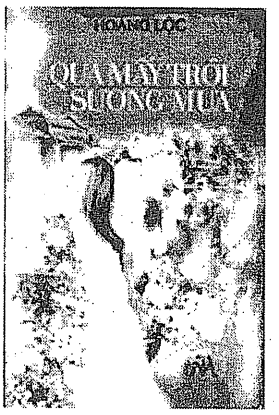

VĂN MỚI xuất bản

VĂN NGHỆ phát hành

Hoặc liên lạc với tác giả:

P.O. Box 221161

Memphis ,TN 38122, USA

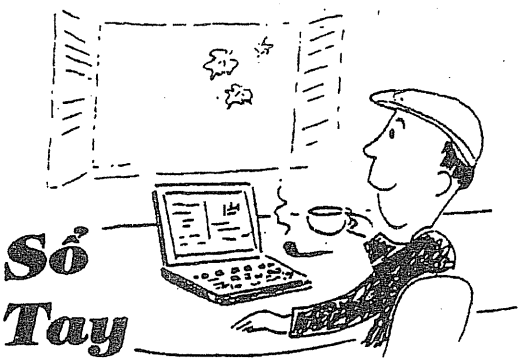

ĐÔNG TIMOR LÀ NẠN NHÂN CỦA LỊCH SỬ

Vị Ngoại trưởng Indonesia viết cho ông José Ramos Horta, lãnh tụ tranh đấu độc lập cho Đông Timor, khẳng định rằng: "Mỗi dân tộc đều có quyền sống độc lập, kể cả người dân trên đảo Timor."

Nhưng người viết không phải là ông Ali Alatas, Ngoại trưởng Indonesia bây giờ, mà là ông Adam Malik viết từ năm 1974, khi Đông Timor đang đòi độc lập từ chính quyền thuộc địa Bồ Đaò Nha. Năm 1975, khi người Bồ Đaò Nha ra đi, quân Indonesia tiến chiếm Đông Timor, ông Ramos Horta phải đi tị nạn. Năm 1996 ông được giải Nobel Hòa bình, và năm nay ông đã đàm phán với Jakarta về việc chuyển giao quyền hành, sau khi 90% dân chúng Đông Timor bỏ phiếu chọn độc lập. Cái giá của nền độc lập đó họ đã trả bằng mấy chục ngàn người bị lính của Indonesia và tay sai giết hại.

Nhiều người ở Indonesia hay ở mấy nước Á châu khác sẽ nói những cái chết đó xẩy ra chỉ vì thực dân người Bồ Đào Nha đã đến chiếm quần đảo Nam Dương từ thế ky 16. Năm 1945 các hòn đảo họp thành nước Indonesia độc lập, nhưng phần phía đông đảo Timor vẫn đặt dưới sự đô hộ của Bồ Đào Nha, còn phía bắc đảo Borneo vẫn là thuộc địa của Anh.

Nhiều người dân Đông Timor nghĩ họ là nạn nhân của chính quyền quân phiệt Indonesia muốn chiếm Đông Timor để chiếm tài nguyên dầu lửa và hơi đốt. Nhưng năm 1975 cả thế giới không công nhận chủ quyền của Indonesia ở Đông Timor, tại sao không một cường quốc nào ngăn cản chính phủ Suharto trong việc cưỡng chiếm Đông Timor? Đặc biệt là Hoa Kỳ, một nước đã nhân danh những lý tưởng như Tự do, Nhân quyền, v.v. để đem quân tới Pamana, Iraq, Somali, và gần đây, Kosovo, tại sao họ không nói một lời nào chỉ trích tướng Suharto khi ông xua quân chiếm Đông Timor? Không thể tin những khẩu hiệu, chiêu bài của các cường quốc!

Nỗi bất hạnh của dân Đông Timor là vì họ bị ông Suharto chiếm trong lúc thế giới vẫn còn chiến tranh lạnh giữa hai khối Tư Bản và Cộng Sản. Mỹ ngoảnh mặt làm ngơ ủng hộ ông Suharto vì ông ta chống Cộng. Cũng như khi quân đội Indonesia giết hàng trăm ngàn, có người nói hàng triệu cán bộ cộng sản, mà đa số là người gốc Hoa, không một chính phủ Tây phương nào lên án. Khi đem quân chiếm Đông Timor, chính phủ Suharto nói vì họ sợ nếu độc lập, nước này sẽ theo khối cộng sản quốc tế. Chính phủ Úc công nhận chủ quyền Indonesia ở Đông Timor cũng vì lý do đó. Sáu tháng sau khi ông Malik viết những lời nhân đạo gửi ông Horta, quân đội Indonesia bắt đầu huấn luyện dân quân Đông Timor, mà trong tháng qua, đám dân quân này tàn sát những người dân đòi độc lập.

Đến khi khối Cộng Sản chịu thua và chiến tranh lạnh chấm dứt, số phận của dân Đông Timor đã bị thế giới quên lãng, các cường quốc vẫn không thay đổi chính sách. Một nhà báo ngoại quốc đã giúp cả thế giới nhìn thấy thảm họa dân Đông Timor phải chịu khi quay phim cảnh quân Indonesia tàn sát hàng trăm người dân ở Nghĩa trang Santa Cruz trong thủ đô Dili vào năm 1991. Cuốn phim đó đánh thức lương tâm loài người, dân chúng và báo chí các nước Tây phương lên tiếng tranh đấu cho quyền làm người của đám dân bất hạnh này. Giải Nobel Hòa bình năm 1996 đưa vấn đề độc lập của Đông Timor ra trước dư luận một lần nữa. Khi ông Suharto bị lật đổ thì chính quyền Jakarta mới chịu cho trưng cầu dân ý về vấn đề độc lập.

Vậy nguyên cớ vì đâu mà dân Đông Timor chịu bao thảm cảnh? Cả xứ này chỉ có 800 ngàn dân, con số mấy chục ngàn người bị giết cũng tương đương với vài triệu người bị giết trong dân số Việt Nam. Dân Đông Timor khổ vì thực dân Bồ Đào Nha hay vì quân phiệt Indonesia? Vì chiến tranh lạnh, hay vì sự vô tình của thế giới loài người?

TỪ KOSOVO ĐẾN ĐÔNG TIMOR

Nhiều chính phủ Á châu không muốn thấy quân Liên Hiệp Quốc đến Đông Timor, cũng như họ không muốn NATO đem quân vào

Kosovo. Đặc biệt, Trung Quốc phải chống việc tách Đông Timor ra khỏi Indonesia, vì sợ Đài Loan lấy đó làm gương, và có ngày họ còn phải trả lời về chuyện Tây Tạng.

Trước khi xảy ra vụ Kosovo, khó xảy ra việc đưa quân đội quốc tế đến can thiệp vào một cuộc nội chiến mà chính phủ đang nắm quyền nói đó là "việc nội bộ" của họ.

Thái độ của các cường quốc đã thay đổi. Các chính phủ không thể biện minh việc đàn áp người dân vì coi đó là chuyện nội bộ. Trong vụ NATO đánh Nam Tư vì Kosovo, những quốc gia theo Thiên chúa giáo, công giáo hoặc tin lành, đã đem quân đến bênh vực gần hai triệu người theo Hồi giáo, vì những người này bị kỳ thị, đàn áp, giết hại bởi một chính quyền một xứ mà đa số dân theo Chính thống giáo. Tại Đông Timor thì nạn nhân là những người Thiên chúa giáo và quân đội đàn áp là của một nước có dân theo Hồi giáo đông nhất thế giới - hơn 200 triệu. Tại hai nơi này, tôn giáo, ý thức hệ và cả quyền lợi kinh tế đều không phải là động cơ khiến các nước đem quân can thiệp vào những xứ ở cách xa mình nửa vòng trái đất. Động cơ chính là bảo vệ những quyền tự do và các giá trị căn bản của loài người.

Dân gốc Albani ở Kosovo phải được đối sử công bằng như dân gốc Serb. Dân Đông Timor phải được tự do lựa chọn họ thuộc vào quốc gia nào. Chính phủ Milosevic ở Nam Tư cũng như chính phủ Jakarta không thể nhân danh"chủ quyền quốc gia cao hơn quyền làm người của cá nhân" để tiếp tục chính sách đàn áp những người dân dưới quyền họ. Thế giới văn minh ngày nay coi trọng sự lựa chọn tự do và phẩm giá của mỗi con người. Quốc gia, luật pháp, các định chế xã hội được tạo ra để giúp con người sống hạnh phúc với nhau, chứ không phải con người được sinh ra để phục vụ các định chế đó.

Chứng kiến những thảm cảnh ở Đông Timor, sau những cảnh hãi hùng ở Kosovo, không những lương tâm của nhân loại bị khích động vì tội ác con người đã phạm, mà phần tri thức của loài người cũng bắt chúng ta phải đặt lại các câu hỏi về nguyên do gây ra các thảm kịch này. Ý chí lập quốc của người Kosovo muốn tự trị, người Đông Timor muốn ly khai, xung đột với các chính phủ đương quyền, đưa đến các tội ác nhân danh chủ quyền quốc gia. Đông Timor và Kosovo có thể báo trước lịch sử thế kỷ 21. Trong thế kỷ tới, người ta sẽ xét lại quan niệm về một quốc gia (nation-state.) Vậy quốc gia là cái gì?

THẾ NÀO LÀ MỘT QUỐC GIA?

Người Việt Nam trả lời câu hỏi này dễ dàng, vì ý thức quốc gia của chúng ta thành hình rất sớm. Khi Hai Bà Trưng nổi lên chống quan lại nhà Hán vào thế kỷ thứ nhất, chúng ta nghĩ động cơ là ý chí lập quốc, cùng với ý muốn thay đổi chính sách cai trị, vì hạnh phúc của người dân. Năm thế kỷ sau, khi Lý Bôn, một người Việt gốc Hoa xưng đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, có thể nói dân tộc Việt Nam đã có ý thức trọn vẹn về một quốc gia như chúng ta hiểu ngày nay hay không? Chúng ta biết chắc rằng khi Lý Thường Kiệt nói "Nam quốc sơn hà Nam đế cư" thì ông đã có những khái niệm về lãnh thổ và chủ quyền để tạo thành một quốc gia như thời nay rồi. Chữ Đế không nói về một người cầm quyền, mà là tượng trưng cho chủ quyền, giống như một người nhập tịch Anh quốc hoặc Canada phải tuyên thệ "trung thành với Nữ Hoàng" vậy. Các cuộc chiến tranh kháng Tống, bình Nguyên, cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi, của Quang Trung xác định lại ý thức quốc gia-dân tộc của người Việt Nam. Quốc gia Việt Nam được thành hình với ý thức lãnh thổ và chủ quyền từ thời nhà Lý, được nhấn mạnh với khái niệm sơn hà, phong tục khác biệt, trong bài Cáo Bình Ngô của Nguyễn Trãi. Đối với người Việt, các khái niệm dân tộc, văn hóa, chủ quyền, lãnh thổ đã có từ lâu.

Nhưng trên thế giới, không phải quốc gia nào cũng thành hình như vậy. Ở nhiều nơi, loài người mới tập họp thành những quốc gia từ vài ba trăm năm nay, trước đó, những đám người cùng chủng tộc và ngôn ngữ có thể sống trong những đế quốc khác nhau, mỗi đế quốc bao gồm nhiều giống người. Khi các đế quốc tan rã, ở Âu châu thế kỷ trước và ở Á Phi thế kỷ này, nhiều quốc gia thành hình. Năm 1914 người ta đếm được 62 quốc gia mà trong số đó không kể đến Việt Nam, vì nước ta đang nằm trong đế quốc Pháp. Nhưng đối với người Việt Nam thì lúc nào chúng ta cũng là một quốc gia. Năm 1946 con số quốc gia được chính thức công nhận lên đến 74, và ngày nay trên thế giới có gần 200 thực thể chính trị gọi là quốc gia.

Ý thức quốc gia bắt đầu từ nhận thức phân biệt "mình" và "họ." Cái gì làm cho mình và họ khác nhau? Có thể là ngôn ngữ, là chủng tộc, là tôn giáo, nhưng không nhất thiết là như

vậy. Người Albani ở Kosovo theo Hồi giáo và người Serb theo Thiên chúa chính thống giáo thấy họ khác nhau. 90% người ở phía đông đảo Timor theo Thiên chúa giáo La mã, biết họ khác hẳn đa số dân Indonesia theo Hồi giáo. Khi Liên bang Mã Lai trục xuất đảo Singapore vì sợ liên bang có nhiều người gốc Hoa quá, biến cố này phát suất từ lý do chủng tộc và văn hóa đã bắt hòn đảo nhỏ phải trở thành một quốc gia, dù muốn hay không.

QUAN NIỆM QUỐC GIA ĐÃ LỖI THỜI?

Ý thức phân biệt đưa tới nhu cầu lập quốc, nhưng trong nhiều quốc gia vẫn có những khối dân với ngôn ngữ, chủng tộc, tôn giáo khác biệt. Nước Bỉ, Thụy Sĩ, Canada, và Hoa Kỳ là những thí dụ. Tại sao các giống dân ở trong những nước đó vẫn đồng ý chung một quốc gia? Chúng ta còn phải tự hỏi tại sao 11 nước Tây Âu đã tự bỏ bớt chủ quyền của họ để thành lập khối Liên hiệp Âu châu, mà nhiều nước khác như Ba Lan, Hungary còn đang muốn tham dự? Họ bỏ quyền kiểm soát biên giới, bỏ cả quyền quyết định chính sách kinh tế bằng khối lượng tiền tệ. Đó là những chủ quyền không nhỏ khi các dân tộc lập quốc. Bao giờ họ sẽ thống nhất chính sách ngoại giao, quốc phòng?

Hiện tượng Liên hiệp Âu châu cho thấy quan niệm quốc gia thành hình từ thời chiến tranh Napoleon bây giờ đã lỗi thời. Jean-Marie Guéhenno viết "La Fin de la Démocratie" mà ý chính là hình thức nation-état sẽ hết thời. Khi trong các quốc gia ngày càng giống nhau hơn, từ hệ thống kinh tế (thị trường tự do) đến thể chế chính trị (dân chủ đại diện) thì dần dần những khác biệt ngôn ngữ, phong tục, tôn giáo không đáng kể nữa. Quốc gia không cần thiết, nếu có cách xếp đặt khác để người dân sống hạnh phúc hơn.

Ngược lại, Kosovo và Đông Timor cho thấy khi các quốc gia thành hình qua sự cưỡng chế (nước Nam Tư và nước Nam Dương) mà không đem lại hạnh phúc cho người dân thì người ta sẵn sàng từ bỏ, tách ra lập những quốc gia mới. Trong thế kỷ 21 chắc cơ cấu Quốc gia-Dân tộc vẫn tồn tại, nhưng sẽ còn nhiều hiện tượng giống như ở Kosovo và Đông Timor. Những nước có nhiều chủng tộc, ngôn ngữ, tôn giáo sẽ làm cách nào tránh khỏi nạn ly khai đó? Chỉ có một cách là thực hiện dân chủ, tự do. Khi người ta được sống trong tự do thì lựa chọn lập quốc hay tham gia vào một nước mới có giá trị bền vững. Một chế độ tự do, trong đó có cả tự do kinh tế, có hy vọng mang lại hạnh phúc cao hơn, cho nhiều người hơn. Mà quốc gia thì cũng chỉ là một định chế do con người lập ra. Người ta lập các định chế đó để mưu cầu hạnh phúc, chứ không phải để bị các sản phẩm do mình tạo ra quay lại áp chế và bóc lột mình.

AI DỐI TRÁ, LỪA BỊP?

Hai tuần lễ sau khi Trung ương Đảng Cộng Sản bế mạc phiên họp, các cơ quan truyền thông của Đảng mới công bố bản Nghị quyết và các bài phát biểu của ông Lê Khả Phiêu, Tổng Bí Thư Đảng. Điều này cho thấy họ đã cân nhắc kỹ, duyệt sửa nhiều lần, mỗi câu trong đó là quan điểm chung của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Khi có những câu mâu thuẫn, thì trong đảng đang có mâu thuẫn nặng.

Ông Lê Khả Phiêu đã nhấn mạnh về vai trò của Đảng Cộng Sản: "Sự lãnh đạo của Đảng là thống nhất, toàn diện. Lãnh đạo thống nhất toàn diện là lãnh đạo cả chính trị, tư tưởng và tổ chức..." Ông nói tiếp:\f4 "Mọi luận điểm về 'dân chủ tuyệt đối,' về nhân quyền cao hơn chủ quyền, đa nguyên, đa đảng v.v. đều là dối trá, lừa bịp." \f2

Vậy ai đã đưa ra những luận điểm đòi Dân chủ, Nhân quyền, đa nguyên, đa đảng? Các nhà trí thức ở Hà Nội như Giáo sư Phan Đình Diệu, Kỹ sư Nguyễn Thanh Giang, Tướng Trần Độ, ông Hoàng Minh Chính, nhà văn Hoàng Tiến, v.v., các người ở Đà Lạt như Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, ở Sài Gòn như Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Nguyễn Hộ, Lữ Phương, v.v. Nay ông Lê Khả Phiêu gọi tất cả là "dối trá, lừa bịp."

Đối với người Việt Nam, ít nhất là các người có cha mẹ dạy dỗ tử tế, những từ ngữ "dối trá lừa bịp" là những lời nhục mạ rất nặng nề. Gán cho ai tội "dối trá lừa bịp" cũng chẳng khác gì sỉ nhục cả cha mẹ, thầy giáo, cô giáo đã không biết dạy dỗ họ!

Ông Lê Khả Phiêu buộc tội "Mọi luận điểm tuyên truyền về \f4dân chủ tuyệt đối\f2" là dối trá lừa bịp. Nhưng chính lời nói của ông không đúng sự thật. Không ai ở Việt Nam đòi "Dân Chủ tuyệt đối" cả. Dân Chủ tuyệt đối nghĩa là gì, thực ra cũng không ai biết, làm sao có người đòi hỏi? Cái gì tuyệt đối cũng là hão huyền, người có trí óc ai lại đòi hỏi cái hão huyền? Cho nên ngay trong câu nói nhục mạ người khác, ông Lê Khả Phiêu đã nói sai sự

thật cốt để vu cáo người ta.

Ông Lê Khả Phiêu chỉ trích luận điểm\f4 "nhân quyền cao hơn chủ quyền."\f2 Đó là lý luận để bênh vực các chế độ độc tài, ở Việt Nam, Miến Điện, Congo hay Rwanda. Chính phủ các nước đó không chấp nhận những lời chỉ trích khi họ vi phạm nhân quyền, lấy lý do người nước khác không được bàn những chuyện thuộc chủ quyền quốc gia của họ. Nhưng các quan sát viên quốc tế về nhân quyền không bao giờ xâm phạm chủ quyền quốc gia nào cả, họ chỉ bênh vực quyền sống làm người của tất cả mọi con người sống trên mặt đất. Còn các chính phủ ràng buộc vấn đề nhân quyền với viện trợ hay đầu tư, thì nếu chính quyền nước nào không thích cứ việc từ chối mọi món tiền đem đến, không ai làm phiền nữa. Vừa muốn nhận viện trợ, lại không cho nước viện trợ hỏi han về nhân quyền khi luật lệ nước họ bắt phải hỏi, đó cũng là vi phạm chủ quyền của nước viện trợ.

Nhân quyền không xung khắc với chủ quyền các quốc gia tự do. Nhân quyền chỉ đối nghịch với với đường lối của các chính phủ độc tài mà thôi.Nếu ai cũng tôn trọng chủ quyền quốc gia kiểu ông Lê Khả Phiêu nói, thì chính quyền Pol Pot bây giờ vẫn còn ngồi ở Nam Vang!

Khi ông Lê Khả Phiêu gán cho những nhà trí thức đòi Dân Chủ Tự Do những điều họ không làm, ông đã nói sai sự thật; vậy mà chính ông lại bảo rằng họ "dối trá." Thậm tệ hơn nữa, ông gọi người ta là lừa bịp! Những người đòi dân chủ đã lừa bịp những ai? Họ nói thẳng, không che dấu những điều gì mà họ cho là lẽ phải, là sự thật, là ích lợi cho dân tộc, họ không che đậy ý đồ thầm kín nào, vậy ai là kẻ lừa bịp? Ông Lê Khả Phiêu thử đọc những ý kiến mà các ông Hoàng Minh Chính, Trần Độ, Nguyễn Thanh Giang, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Lữ Phương, Hà Sĩ Phu công bố, rồi tìm xem họ lừa bịp ở điều nào? Họ nghĩ gì viết ra điều đó, thấy gì phải thì nói, muốn điều gì thì đề nghị, tại sao nói họ lừa bịp?

Lừa bịp tức là nói một đằng, làm một nẻo. Như trong Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ bảy này nói "xã hội hóa dịch vụ y tế, giáo dục" thì phải hiểu là đi nhà thương, vào trường học phải đóng tiền - nói là xã hội hóa, sự thật là bắt dân đóng thêm thuế, là thương mại hóa trường công và nhà thương công!

Đọc bản quyết nghị của Trung ương Đảng Cộng Sản và các bài phát biểu của ông Lê Khả Phiêu, chúng ta hoàn toàn thất vọng. Nếu đảng Cộng Sản cứ tiếp tục như vậy thì thế hệ trẻ ở Việt Nam sẽ tiếp tục sống trong nghèo đói và thiếu học. Tất cả bản quyết nghị chỉ nói đến việc củng cố quyền cai trị của đảng. Không có một dự kiến nào để phục hưng nền kinh tế đang suy thoái. Không có một biện pháp cụ thể nào để giảm bớt tham nhũng, ngoài những khẩu hiệu cũ, xáo. Không một ý kiến nào nói về việc đầu tư vào trí tuệ giới trẻ, ngoài việc bắt học sinh trường công đóng tiền. Hô to rất nhiều khẩu hiệu nói đến nhân dân, nhưng từ bộ máy chính quyền đến quốc hội, đến các đoàn thể, chỗ nào cũng nói đến việc củng cố đám cán bộ đảng để sai khiến người khác. Những người dân hiền lành nhất chỉ nói khác ý kiến các lãnh tụ đảng lập tức bị gán tội "dối trá, lừa bịp."

NHỮNG MÂU THUẪN Ở TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng Sản sau phiên họp lần thứ bảy đã nhắc lại những giáo điều quen thuộc của chế độ chuyên chính, độc đảng, nhưng cũng có một số điều có thể mở cửa cho đảng Cộng Sản thay đổi trong tương lai. Đó là hai mặt của những văn bản mới được đảng Cộng Sản công bố. Tính chất hai mặt này phản ảnh mâu thuẫn cá nhân trong giới lãnh đạo đảng cũng như mâu thuẫn ngay trong đường lối của họ.

Như thường lệ, những nghị quyết của Trung ương Đảng thường che giấu nhiều dự định hoặc ý kiến đằng sau các khẩu hiệu trống rỗng. Những lời ông Lê Khả Phiêu nói như "Tăng cường bản chất giai cấp công nhân của đảng, tăng cường vai trò lãnh đạo bền vững của Đảng...," hay "Đảng lãnh đạo thống nhất, toàn diện đời sống..." thuộc loại khẩu hiệu như vậy. Các khẩu hiệu cực kỳ bảo thủ đó do áp lực của những thành phần thủ cựu nhất trong Trung ương Đảng.

Vì nội bộ đảng ít nhất có hai phe cho nên các văn bản sau Hội nghị Trung ương đầy mâu thuẫn. Thí dụ, có mâu thuẫn giữa vai trò của đảng và của nhà nước. Bản nghị quyết viết: "giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng..." hoặc "Đảng phát huy vai trò của các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên ... cán bộ chủ chốt hoạt động trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể." Đây là những lời khẳng

định bảo đảm địa vị các đảng viên, cán bộ nằm trong cơ quan hành chính, trong các doanh nghiệp nhà nước, cho đến cả các đoàn thể do đảng lập ra.

Nhưng trong bài diễn văn bế mạc của ông Lê Khả Phiêu, chúng ta thấy những câu như nói về vai trò của chính phủ: " Bộ trưởng chịu trách nhiệm quản lý nhà nước... trước Thủ tướng và Quốc hội." và ông Phiêu giải thích rõ hơn: "Điều này có nghĩa là đề cao vai trò của bộ trưởng trong lĩnh vực được phân công." Trong đoạn sau, ông Lê Khả Phiêu lại nói: "Đã là chính phủ thì phải có quyền lực và thực thi cho được quyền lực,.. Không đủ quyền lực hoặc có quyền lực mà không biết thực thi... thì không thể nói đến hiệu lực, hiệu quả của bộ máy, thậm chí có khi tê liệt."

Đối chiếu những câu nói về vai trò đảng và vai trò nhà nước, chúng ta thấy những mâu thuẫn đã phải diễn ra trong cuộc họp của Trung ương Đảng. Những văn bản cuối cùng viết ra có mâu thuẫn vì cốt làm vừa lòng cho cả hai phe. Và để sau này phe nào mạnh hơn sẽ giải thích theo ý phe đó.

Bản nghị quyết nhấn mạnh "nâng cao chất lượng đảng viên, cán bộ, công chức" đặc biệt là chất lượng chính trị." Và công việc này được trao cho một Ủy ban Chỉ đạo của Trung ương do Bộ Chính trị phân công. Về người được đề cử đứng đầu Ban chỉ đạo này, chỉ viết là "do đồng chí ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị làm Trưởng ban." Hiện nay Thường vụ Bộ Chính trị có năm người, bốn người đang giữ các chức vụ chính yếu là Lê Khả Phiêu, Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, Nông Đức Mạnh, người thứ năm là Phạm Thế Duyệt được gọi là Thường trực của Thường Vụ Bộ Chính trị. Như vậy thì Phạm Thế Duyệt sẽ nắm đầu tất cả mọi việc chấn chỉnh tổ chức Đảng và Nhà nước. Ông Duyệt là người bị tố cáo tham nhũng lạm quyền nhiều nhất trong Bộ Chính trị. ông nắm Ủy ban chỉ đạo này thì địa vị của phe cánh ông ta được yên.

CƠ HỘI THAY ĐỔI

Trong bản nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ Bảy có đề cập đến vài điều mà có thể là do những người muốn thay đổi đưa ra. Điều 3.6 nói đến việc chấn chỉnh các đoàn thể, viết đến "yêu cầu phát huy dân chủ và tính công khai." Đây là lần đầu tiên cộng sản Việt Nam chính thức nói đến "tính công khai" - glasnos hay tranparency. Và điều 3.6 kết thúc với quyết định "Nghiên cứu ban hành Luật về tổ chức các hội." Nếu phe đổi mới mạnh thì trong thời gian tới sẽ có luật lệ về các hiệp hội, có thể đưa tới những hội tư thật sự, ngoài các đoàn thể mà đảng Cộng Sản lập ra. Nhưng nếu phe thủ cựu thắng thế thì điều này sẽ chỉ nằm trong vòng nghiên cứu mà thôi, hoặc sẽ làm thứ luật để các hội tư vẫn "do đảng lãnh đạo."

Hai điều trong nghị quyết có thể tạo cơ hội cho đảng Cộng Sản thay đổi nhiều nhất là Điều 3.8, "Thành lập Tiểu ban nghiên cứu sửa đổi Điều lệ Đảng trình Đại hội IX;" và Điều 3.9 viết: "Đề nghị Quốc hội lập Tiểu ban nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số điểm Hiến pháp năm 1992."

Không ai biết Trung ương Đảng Cộng Sản sẽ sửa đổi những gì trong điều lệ và hiến pháp. Một điểm đã nhiều người nhắc đến là điều lệ cấm đảng viên kinh doanh nên bỏ đi. Khi không được kinh doanh thì cách làm giàu duy nhất là ăn hối lộ hoặc lấy của công làm của riêng. Mà nếu các đảng viên không được kinh doanh thì họ cũng sẽ tìm cách ngăn cản không cho người khác kinh doanh, vì thế lãnh vực tư doanh ở Việt Nam không bao giờ khá lên được. Sửa đổi điều này sẽ thay đổi bộ mặt kinh doanh ở nước ta. Hy vọng là có sự thúc đẩy của các nước giàu tiền, thỏa ước mậu dịch Việt Mỹ và việc gia nhập khối AFTA sẽ khiến đảng Cộng Sản thay đổi.

Còn việc sửa hiến pháp, liệu đảng Cộng Sản có chịu bỏ độc quyền lãnh đạo ghi trong đó hay không? Theo luận điệu "chuyên chính" của hội nghị này thì điều đó khó xảy ra. Nếu từ nay đến khi đảng Cộng Sản họp Đại hội 9 mà các lực lượng dân chủ ở trong nước nỗ lực hơn mới hy vọng bắt họ phải thay đổi. Và từ nay đến khi Quốc hội Mỹ phê chuẩn Thỏa ước Thương mại song phương, có một cánh cửa mở ra cho các tiếng nói đòi dân chủ, tự do ở nước ta. Đảng Cộng Sản chắc không muốn phơi các biện pháp phản dân chủ trong khi Quốc hội Mỹ chưa phê chuẩn hiệp định thương mại.●

> Người đàn ông và người đàn bà cũng như hai chiếc rương đã được khóa chặt. Và trong mỗi chiếc rương đó có chứa cái chìa khóa để mở chiếc rương kia.
>
> **Isak Dinesen**

MỘT VÀI TRAO ĐỔI VỚI LM. TRẦN CAO TƯỜNG

NGUYỄN HÙNG VŨ

Trong *Thế Kỷ 21* số 125, tháng 9/ 1999, linh mục Trần Cao Tường đã viết bài "Đạo Kính Tổ Tiên, Điểm Gặp Gỡ Chung Cho Tín Ngưỡng Việt." Bài này đã gây cho tôi một số thắc mắc bắt nguồn từ những chữ như "Đạo, Kính, Trời" và một vài vấn đề liên hệ khác. Theo tôi, linh mục đã cố tình "tôn giáo hóa" một số quan niệm cổ truyền của người Việt Nam, như hiếu, nghĩa, trời, để phục vụ cho quan điểm của ông, một tín đồ và cũng là nhà truyền bá Cơ Đốc giáo, mà luận đề chính là "Từ đạo hiếu đến đạo trời." Sau đây là một vài ý kiến của tôi để góp phần làm sáng sủa những ngõ ngách lắt léo tôi thấy nơi các luận điểm của tác giả.

1. Kính hay Thờ?

Dân ta vẫn có tục lệ "thờ kính tổ tiên," một tục lệ cổ truyền của người Á Đông. Dân tộc Việt vẫn có phong tục sau khi ông bà cha mẹ qua đời, hình ảnh, bài vị được để lên bàn thờ để con cháu cúng bái trong những ngày giỗ và lễ, tết. Đây là hành động *thờ phượng* hẳn hoi chứ không phải chỉ kính mà thôi. Chữ Kính (respect, revere) như tôn kính, kính mến, kính cẩn, là một *thái độ* cư xử đối với những người còn sống, hoàn toàn khác với *thờ phượng*, là hành động đối với những người đã mất. Không ai thờ người sống, mà hầu hết dân Việt đều THỜ và cúng bái tổ tiên, anh hùng liệt sĩ hy sinh vì nước. Cho nên khi đọc qua bốn chữ **Đạo Kính Ông Bà** ở đầu đề, tôi rất ngỡ ngàng. Theo truyền thống ngàn đời của dân tộc tôi, tôi THỜ ông bà tổ tiên tôi, chứ chưa bao giờ biết đến một cái đạo gọi là "Đạo Kính Ông Bà" cả. Đây là lần đầu tiên tôi nghe thấy cụm từ này, có lẽ do tác giả Trần Cao Tường sáng tác ra. Đặt một cái tên hoàn toàn mới để thay cho cách gọi truyền thống của dân tộc, làm mất ý nghĩa một tập tục thiêng liêng của dân Việt (vì *chữ* ắt hẳn phải đi với *nghĩa*), tác giả nhằm mục đích gì? Dù là mục đích gì, việc bỏ đi chữ "thờ" là một sự *tước đoạt* cố ý, có tính cách xúc phạm đến văn hóa truyền thống, tôi nghĩ không một ai có quyền làm như thế. Vì chúng ta, người Việt Nam chân chính, vẫn có đền "thờ" Đức Trần Hưng Đạo, đền "thờ" Hai Bà Trưng, đó là những nơi "thờ phượng" hẳn hòi, chứ không có cái đền nào để mà "kính" cả.

2. Đạo hay Tục Lệ?

Kế đến, ý nghĩa của chữ Đạo và tục lệ (hay phong tục tinh thần) khác nhau ra sao? Theo tôi, tục lệ thờ tổ tiên của chúng ta không mang nặng ý nghĩa tôn giáo, nó chỉ là những thói quen tinh thần (culturalness, tradition) là những tập tục cổ truyền có tính cách biểu tượng (symbolic), một hình thức *"Uống nước nhớ nguồn"* hay *"Ăn quả nhớ kẻ trồng cây"* của đại đa số dân Việt trải qua bao đời. Trong khi đó, Đạo (religion) để chỉ một hệ thống tôn giáo với những tín điều, giới luật, giáo điều viết thành sách (Dogmas, precepts, catechism). Để chỉ việc thờ cúng tổ tiên, đáng lẽ tác giả nên dùng chữ "tục lệ" thay vì chữ "Đạo," vì dùng chữ Đạo ở đây sẽ gây lẫn lộn giữa tín ngưỡng và tục lệ.

3. Trời hay Thiên Nhiên hay Định Mệnh?

Trong bài, linh mục có đưa ra một số ví dụ liên quan đến "ông Trời" như chuyện An Tiêm tin tưởng vào thuyết "Trời sinh trời dưỡng" hay những câu ca dao truyền khẩu trong dân gian nhắc đến ông Trời. Chữ Trời quen thuộc ở đây là một ý niệm được dùng rất

thường, nhưng mang một số ý nghĩa khác nhau. Khi ai hỏi ta một câu mà ta không trả lời được, ta nhún vai trả lời *"Họa may có Trời biết"* và trả lời thế chỉ có một nghĩa duy nhất "Tôi không biết!" tương tự như câu *"Bắc thang lên hỏi ông Trời."* Trời ở đây phải được hiểu là "không có ai cả," được dùng theo ý nghĩa phủ định. Kế đến, trong câu *"Khó giầu muôn sự tại Trời"* thì Trời đây chẳng qua là định mệnh, là những bất trắc, phúc họa khôn lường của cuộc sống. Cũng như trong câu *"Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên"* thì "Thiên" đây là tương lai, là định mệnh, là những gì xẩy ra có thể khác với những gì ta mưu tính hay ước đoán, không phải là sự xếp đặt và an bài của một "ông Trời" nào đó. Một bài hát nổi tiếng có câu *"Trời hành cơn lụt mỗi năm..."* thế thì "Trời" đây là gì? Một Ông hay một Bà nào đó ngồi ở trên thiên cung? Xin thưa không phải, chữ trời đây chỉ là một tượng hình nôm na (figurative) dùng cho thiên nhiên được nhân cách hóa để chỉ sự tuần hoàn của thời tiết như mưa nắng hai mùa, của những đổi thay khí hậu xuân hạ thu đông. An Tiêm thuận theo thiên nhiên, trồng dưa hấu thay vì trồng lúa cho nên được sống vì dưa hấu ưa nắng, nếu cứ bướng bỉnh trồng lúa e rằng sẽ chết đói. Hành động cúng của An Tiêm là một tượng trưng cho lòng biết ơn đối với tổ tiên, và quan niệm "Trời sinh trời dưỡng" chỉ có thể hiểu là một khả năng tồn tại thích nghi với hoàn cảnh thiên nhiên của người xưa tùy theo điều kiện phong thổ. Người Việt ta nói "Trời mưa, Trời nắng" chứ không ai nói "Đức Chúa Trời đang mưa" hay "Thượng Đế đang nắng" cả.

Những ví dụ tôi vừa nêu trên là để phản bác việc cố tình gán ghép ý niệm "ông Trời" hay "thiên nhiên" của dân tộc Việt vào ý niệm "Trời" hay "Chúa" của tôn giáo, như trong câu linh mục viết "Có thể nói, niềm tin vào ông Trời đã có sẵn trong tâm thức người Việt trước cả khi các tôn giáo du nhập..." Khi hiểu như thế thì ý nghĩa đơn sơ và tự nhiên của "ông Trời" trong tâm thức chơn chất người dân Việt không còn nữa. Linh mục đã cố tình gán cho "ông Trời" hồn nhiên dân giã truyền thống Việt Nam một "ông Chúa" nghiêm nghị của một hệ thống giáo điều Tây Phương. Niềm tin tưởng vào thiên nhiên, vào sự tuần hoàn, vào định mệnh vốn sẵn có trong tâm thức một dân tộc lấy nghề nông làm căn bản, đã phải nhường chỗ cho một sự tin tưởng có điều kiện, có luật lệ vào một hệ thống tín ngưỡng (idolatrizing a system of belief). Ý niệm siêu hình này được những tay "tài phiệt tinh thần" thời cổ khôn ngoan vay mượn để mà sử dụng vào những mục đích khác nhau, kể cả những mục đích thế tục như chính trị và quyền lợi vật chất. Nếu tôi phải nói thẳng, thì đây chính là một sự cưỡng bách, bắt cóc, mua chuộc tinh thần rất tinh vi, đầy thủ đoạn khôn ngoan của ngoại bang đối với một dân tộc có tính tình chất phác dễ tin, và một khi tin rồi thì không còn đủ tư duy để mà phá tung ra khỏi cái lưới vô hình xiềng xích trí tuệ.

Chủ đích của linh mục trở nên rõ rệt và lộ liễu khi ông viết những câu như, *"Dù ai nói ngược nói xuôi, ta đây vẫn giữ đạo trời khăng khăng," "Niềm tin vào đạo Trời mãnh liệt lắm"* và *"Người Do Thái nhận thức được niềm tin vào Chúa Trời duy nhất."* Những chữ khăng khăng, mãnh liệt, áp dụng vào hai chữ "đạo Trời" và "Chúa Trời duy nhất" hoàn toàn tương phản với tâm tình chất phác đơn sơ của người dân Việt vốn tin tưởng vào thiên nhiên và định mệnh. Dưới ngòi bút đầy dụng tâm và cái nhìn một chiều của linh mục, người dân Việt quen hiền hòa chịu đựng đã bị đồng hóa thành những phần tử sẵn sàng sống chết cho một chủ nghĩa nào đó, và đến đây, bài viết không còn là một bài thuyết pháp có tính cách xiển dương tôn giáo nữa, mà nó bắt đầu phảng phất mùi tuyên truyền và xách động tâm lý.

Đến đây, tôi xin được bàn đến một vấn đề khác có liên quan đến khoa học được linh mục viết trong bài: *"Cũng cần khoa học để tiến bộ như trong thế kỷ 20, nhưng đã đến lúc ai cũng thấy khoa học bó tay trước những vấn đề then chốt của cuộc đời..."* Lối phóng bút vừa sai ngữ cảnh vừa thiếu nhận thức này làm tôi suy nghĩ. Theo tôi, khoa học tự nó là những tiến triển của con người trong việc khám phá tìm hiểu thiên nhiên. Trí tuệ con người từ thiên nhiên tiến hóa ra không phải để "tin tưởng" mà thôi, mà nó còn muốn "biết rõ" nguyên ủy của vấn đề, vậy thì làm sao để biết? Xin thưa đó là mục đích của khoa học. Như thế, câu viết vô tình của linh mục đã đánh giá sai mục đích của khoa học. Khoa học không được thiết lập ra để mà giải đáp những khổ đau triền miên của kiếp người như một hệ thống tôn giáo với những triết lý giải thoát và hứa hẹn vào một đời sau. Những thành quả của những khám phá khoa học trong thế kỷ 20 đã giúp con người chinh phục được thiên nhiên, thắng được bệnh tật, đói khát, chận đứng nạn nhân

mãn... Biết bao nhiêu ứng dụng từ những hiểu biết khoa học vào lãnh vực y tế, nông nghiệp, giao thông, năng lượng, kỹ thuật, vân vân, đã làm cho nhân loại bớt khổ đau, tật bệnh, cuộc sống an toàn hơn, tiện nghi hơn nhưng dĩ nhiên những kiến thức đó tự nó cũng nguy hiểm như con dao hai lưỡi. Con người, với vốn liếng khoa học sẵn có trong tay, đã chế ra những vũ khí nguyên tử nguy hiểm có khả năng tiêu diệt nhân loại trong nháy mắt, nhưng những kiến thức đó cũng đã được dùng để kiến tạo ra những lò nguyên tử, góp phần rất lớn vào việc cung cấp điện lực, một nhu cầu then chốt của cuộc sống văn minh. Vậy thì tôi xin hỏi, những vấn đề "then chốt" của cuộc đời mà khoa học bó tay là vấn đề gì? thế nào để được xem là then chốt? Dĩ nhiên, bao giờ cũng một số những vấn đề hoàn toàn nằm ngoài phạm vi giải thích của khoa học, nhưng ta không thể vô lý đến độ đòi hỏi khoa học phải có trách nhiệm như một thứ thần dược trong uống ngoài thoa, có khả năng làm cho *"bách bệnh tiêu tán, vạn bệnh tiêu trừ"* đối với tất cả các vấn đề rắc rối của nhân sinh. Hơn nữa, nếu hiểu cho ra lẽ, chính vì khoa học có giới hạn của nó cho nên nó mới mang lại được ý nghĩa cụ thể cho cuộc sống con người.

Một điều nữa tôi cũng muốn được bàn thêm với linh mục liên quan đến một thắc mắc mà ông cho là "khó hiểu nhất" của ông khi ông nhắc đến cái chết của con cố tổng thống JFK, và ông tự hỏi bằng một câu Kiều, "Có phải *chữ tài liền với chữ tai một vần* không?" Theo dõi vụ rớt máy bay này, tôi thấy chẳng có gì để mà đáng gọi là "tài liền với tai" sau cái chết vô nghĩa, vô duyên đầy tính cách may rủi đó. Sống chết là chuyện tự nhiên. Dòng họ Kennedy nổi tiếng xấu và bê bối thì có, nhưng tài thì chưa chắc (JFK jr. thi lấy bằng luật sư rớt lên rớt xuống). Thống kê ước lượng mỗi giây đồng hồ tính ra có gần đến bốn người chết và có đến hơn sáu hài nhi được sinh ra trên khắp thế giới. Một số nhỏ được sinh ra trong những gia đình "quyền quý cao sang," cho nên khi lớn lên đám con ông cháu cha này dễ được số đông dân chúng hâm mộ và tò mò theo dõi một cách hiếu kỳ những chuyện cá nhân. Qua những thứ báo lá cải hay thổi phồng chuyện nhỏ, kiểu *"Bà chúa đứt tay, ăn mày đổ ruột,"* mục đích để bán báo, chuyện đời tư các cô cậu này sống, ăn ngủ như thế nào đã được những đám phóng viên săn tin chuyên phục vụ thị hiếu một cách rẻ tiền tọc mạch thổi phồng lên và phơi bày trên mặt báo cho thiên hạ chiếu cố. Ta đọc mãi lâu ngày tưởng những thứ con vua cháu chúa đó tài cán xuất chúng lắm. Có biết đâu họ cũng chỉ là những người rất bình thường, thậm chí tầm thường, như hàng tỉ người khác đang sống trên mặt đất. Tôi thấy chỉ là chuyện tự nhiên, không hiểu tại sao linh mục lại cho là "khó hiểu nhất"?

Trong trang 36, linh mục viết, *"Có Trời mà cũng tại ta,"* tôi thắc mắc không hiểu đây là một câu Kiều linh mục lỡ tay viết sai hay linh mục có ý khác? Vì theo trí nhớ của tôi, chỉ có câu *"Có trời mà cũng có ta"* gần cuối cuốn truyện Kiều mà thôi. Vì cảm thấy câu thơ này chứa đựng nhiều triết lý quan trọng, tôi xin phép được dông dài một ít về nó. Thi hào Nguyễn Du không chỉ là một nhà thơ, ông còn là một triết gia thâm sâu. Trên khía cạnh triết lý, với một câu này, ông đã khéo léo dung hòa được hai quan niệm đối nghịch nhau, đó là quan niệm "Nhân định thắng thiên" và "Tạo hóa đã an bài." Nhưng nếu ta chỉ có thể hiểu Nguyễn Du đến như thế thì cũng chưa rõ được tâm sự và tư tưởng của ông. Theo tôi, trong sáu chữ này, Nguyễn Du đã gói ghém được nguyên lý tối thượng của vũ trụ, đó là sự tổng hợp, kết tinh giữa thần và người, tiếng Anh gọi là *principle of polarity* - nguyên lý lưỡng cực - Ta hay gọi là thuyết "Âm Dương" mặc dầu hai chữ âm dương tự nó không nói lên được đầy đủ những ý nghĩa của quan niệm lưỡng cực. Trước hết, nếu ta quan niệm về một đấng tạo hóa (creator) thì trong danh từ "tạo hóa" đã có một đòi hỏi và bắt buộc của logic, đó là: nhiệm vụ của đấng tạo hóa phải là sáng tạo ra tạo vật. *Không thể có tạo hóa nếu không có tạo vật.* Ý nghĩa triết học của nó là gì? Tôi ví dụ một cách đơn giản, một người đàn ông nếu không có con sẽ không bao giờ được làm cha. Chữ cha đây chỉ là một ý niệm, không là một thực thể. Ý niệm cha chỉ có thể thành hình nếu có người con. Suy luận ra, một đấng tạo hóa, hay nói chính xác, một nguyên lý lưỡng cực chỉ thực sự thành hình khi nào có những tạo vật *có khả năng tư duy và nhận thức được sự hiện hữu của chính nó.* Còn hơn thế nữa, qua câu thơ này, Nguyễn Du đã để lại cho hậu thế một bài học quý giá: đó là sự phá đổ trên phương diện tinh thần những mê tín dị đoan vào một thượng đế nào đó đứng ngoài vũ trụ, ngoài thời gian, ngoài khả năng chứng minh của luận lý, quyền hạn vô biên, có quyền sinh

sát thưởng phạt, tạo ra loài người trong một lúc tùy hứng nào đó, và quan trọng nhất, Nguyễn Du đã phá bỏ ranh giới "trên dưới" giữa thượng đế và người để mà đặt ngang hàng con người và thượng đế, và như thế, thượng đế chỉ là một phản ảnh những suy nghĩ của con người. Như thế, *"Có trời mà cũng có ta"* theo lối hiểu của tôi, Nguyễn Du đã cho rằng "trời" hay "ta" chẳng qua chỉ là một sự hiện thực hóa của yếu tố tâm linh hằng hữu vượt không thời gian. Con người và vũ trụ bao gồm không thời gian là một "sứ mạng hoàn tất" của nguyên lý lưỡng cực nói trên. Khi ta đạt đến trình độ nhận thức này, thì mục đích thờ phượng của tôn giáo hay kiểm chứng khoa học chỉ là những *phương tiện* để ta phát huy được cái căn tính tiềm tàng trong ta, như Nguyễn Du đã nói trong câu thơ *"Thiện căn ở tại lòng ta"* vì một khi chữ tâm đã đạt, thì việc "thờ phượng" một đấng thượng đế nào đó trở thành vô nghĩa không cần thiết ngoài những mục đích có tính cách tượng trưng trong xã hội của nó. Tưởng cũng cần nói thêm, cách đây không lâu, ông Đỗ Mạnh Tri trong cuốn "Ngón Tay và Mặt Trăng" đã đưa ra một nhận định cá nhân, đó là, *"Nếu Thượng Đế hiện hữu, chỉ có Ngài đáng được thờ lạy"* tôi hy vọng tư tưởng Nguyễn Du qua câu thơ trên sẽ là một câu trả lời cho quan niệm *"chỉ có Thượng Đế đáng được thờ lạy"* của ông Tri.

TRẦN MỘNG TÚ

CÒN NGUYÊN

Này anh
Người ta vừa mổ bụng em
Mảnh đất thân thể chỉ bằng một chéo khăn
Vết thương như một con đường
vừa mới đắp
Nhìn những chiếc kim bấm giăng trên da thịt mình
em nhớ đến những hàng rào kẽm gai
người ta giăng trên da thịt quê hương ngày cũ

Này anh
Người ta vừa mới cắt đi của em
hai khúc ruột
Không biết họ vứt lên đỉnh núi
làm mồi cho chim
Hay ném xuống dòng sông
làm mồi cho cá
Bằng cách nào
thì em cũng được thăng hoa

Này anh
Em đã phải năn nỉ thịt da
Nhân danh tình yêu đến trăm lần
(và gọi tên anh rất khẽ)
Người thợ mổ mới chịu
buông dao
để cho trái tim em
còn nguyên trong lồng ngực

Overlake Hospital, 9/99

Tôi rất tiếc một thứ hậu bối tầm thường như tôi mà lại phải đề cập đến Nguyễn Du, nhưng chẳng qua là chẳng đặng đừng. Rất đáng tiếc là văn chương và tư tưởng của Nguyễn Du, cũng như một số những câu ca dao truyền tụng từ ngàn đời trong dân gian Việt Nam, có lúc đã bị người đời cưỡng ép để cố gò vào một thứ khuôn đúc sẵn nào đó nhập cảng từ một phương trời xa. Mỗi cái đều có vẻ đẹp riêng, nhưng khi bày trò ép uổng cái nào cũng thành méo mó xấu xí chẳng còn ra làm sao nữa. Tại sao lại có nhu cầu "vơ vào một mối" như thế?

Một vấn đề khác tưởng cũng cần được nhắc qua. Andre Malraux, chính khách, văn sĩ và tư tưởng gia nổi tiếng của Pháp tiền bán thế kỷ 20, đã tiên tri về thế kỷ 21 như là một thế kỷ của *tâm linh* đang được hình thành do những suy tư con người nẩy nở từ những kiến thức khoa học thâu thập được trong thế kỷ 20. Ông tiên đoán chiều hướng phát triển khoa học trong tương lai sẽ đặt trọng tâm vào những nghiên cứu thuộc lãnh vực tâm linh. Một thứ *khoa học* về tâm linh. Linh mục đã viết như

sau, *"Nhiều nhà tiên đoán tương lai đã nói tới thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của tôn giáo..."* Tôi hy vọng linh mục đã không dẫn chứng Malraux khi ông viết câu trên vì nếu như vậy thì đó là một ngộ nhận. Thực ra, *lối tin tưởng cố chấp vào một hệ thống giáo điều* và *sự phát triển của tâm linh nhìn theo lăng kính khoa học* khác nhau như nước với lửa trên bản chất, tuy rằng hai ý niệm thoạt nhìn bề ngoài có vẻ giống nhau. Carl Sagan, một khoa học gia tên tuổi của Mỹ và là một người viết rất nhiều sách khoa học phổ thông, mới qua đời cách đây vài năm, cũng đã nhấn mạnh rằng chính những kết quả của khoa học đã là mầm mống tạo nên sự trưởng thành về mặt tâm linh. Tâm linh đây phải được hiểu là *khả năng suy tưởng,* một *vũ trụ quan* trong đó con người, với tầm kiến thức khoa học rộng rãi, với một nhãn quan cởi mở, đã biết dung hòa cái nhỏ nhoi vô nghĩa của thân xác với cái vĩ đại của nhận thức trí tuệ. Trên bình diện hữu thể, con người là gì nếu không là một tập hợp hóa chất đặt căn bản trên nguyên tố carbon? Thân xác phàm tục là một cái gì thực nhỏ nhoi vô nghĩa. Thế nhưng con người, với khả năng phi thường của trí tuệ, dường như đã được bàn tay huyền bí của thiên nhiên nhào nặn để có thể hiểu và *cảm thông* được với thiên nhiên, và từ đó yếu tố tâm linh được đơm bông kết trái nẩy sinh, để mà có thể rung cảm trước những gì vô tận. Sự rung cảm đó chính là một sự hòa điệu với thiên nhiên (*The spiritual constructive resonance between mind and nature*). Khoa học gia James Jeans cũng đã nhận định rằng cả vũ trụ này phải được xem như một tấu khúc kỳ bí mà bản chất của nó là yếu tố tâm linh. Ý nghĩa của câu nói này đã được bác học nguyên tử Niels Bohr quan niệm, cân nhắc và ông đã chấp nhận nguyên lý lưỡng cực bằng cách thêu dấu hiệu Yin/ Yang vào chiếc áo choàng ngoài của ông. Mục tiêu của khoa học là đi tìm "chân lý" qua ngả lý trí, và kiểm chứng "đúng, sai" bằng phương tiện đo lường. Đo lường đây không phải chỉ là "cân đo đong đếm" bằng dụng cụ thí nghiệm như một số người nông cạn suy nghĩ, mà đo lường còn hàm nghĩa phán đoán, cân nhắc bằng trí tuệ. Tôi có thể nói rằng chính Khoa học đã tìm ra Thượng Đế, không phải là giúp chúng ta sờ nắm hay thấy được, mà khoa học đã giúp chúng ta vất đi những lớp vỏ áo ngụy tạo mà tôn giáo đã cố tình choàng vào quan niệm Thượng Đế, để mà ta có thể thấy được những yếu tính nguyên thủy của Thượng Đế. Tôn giáo, mỉa mai thay, nó lại là một cách hủy diệt có hệ thống những khả năng tư duy của con người về ý niệm Thượng Đế. Có thể thẳng thắn kết luận rằng khoa học, sau cùng, chính nó đã trả lại cho Thượng Đế những gì thực sự của Thượng Đế bằng cách lật mặt những con bài tẩy của tôn giáo đã và đang dùng. Niềm tin vào một chủ thuyết của một tôn giáo nào đó là một vấn đề cá nhân tôi không muốn đụng chạm, nhưng đối với tôi, quan trọng hơn những gì tôi tin là *khả năng tự suy ngẫm và xét lại những gì tôi đang nghĩ là tôi tin.* Chính khoa học đã giúp chúng ta làm điều đó.

May mắn thay, trong thời gian gần đây tôi đã thấy có những chuyển hướng của tôn giáo gọi là *ecumenical movements,* là một sự bắt tay nhau làm hòa của các tôn giáo khác nhau để mà cùng phục vụ một mục đích chung cao thượng nào đó cho nhân loại. Khi tâm con người đã được phát huy tới độ đơm bông kết trái, thì vấn đề "tôn giáo của tôi, tôn giáo của anh" sẽ không còn nữa, sẽ không còn biên giới, không có vấn đề đúng, sai, không có vấn đề "người ngoại đạo" nữa, và một tín đồ với tất cả những giá trị của một tín đồ sẽ biết kính trọng tôn giáo của người khác như tôn trọng tôn giáo của chính mình.

Qua bài tiểu luận thả nổi trên mặt giấy, tôi có thể đọc được cái thông điệp chìm mà linh mục Trần Cao Tường cố tình muốn gửi đến độc giả. Những gì tôi đọc được không nằm ở những gì ông viết ra nhưng chính ở những điều ông đã không viết ra. Chỉ có điều ngòi bút và cách lèo lái hai ý niệm - một đằng là thiên nhiên vô điều kiện, một đằng là một hệ thống tin tưởng có điều kiện - không được khéo léo cho lắm của linh mục đã được người đọc nhận ra ngay những gì ông thực sự muốn nói. Đây là một lỗi "non-sequitur," hai sự việc không ăn nhập gì với nhau đã bị nối vào nhau để phục vụ cho lý luận của một cây bút theo tôn giáo độc thần. Sự thuyết phục của linh mục, đối với người đọc như tôi, vì thế hoàn toàn thất bại, hơn thế nữa, nó còn để lộ ra nhiều sơ hở của tri thức, đó là một điều đáng tiếc.

"Hãy trả lại cho Cesar những gì của Cesar," hãy trả lại cho dân tộc Việt những gì thuộc về "ông Trời" của tâm thức dân tộc Việt, cũng xin trả lại cho thiên nhiên những gì của thiên nhiên, cũng xin trả lại Thượng Đế ý nghĩa tâm linh nguyên thủy của Ngài.●

TRĂNG THU

MAI HIỀN LƯƠNG

Ánh trăng thu bao phủ không gian một màu thanh tịnh. Từng sợi trăng xuyên kẻ lá trải thành những đường sáng dài khiến khung cảnh vườn sau nhà Minh thêm phần huyền ảo. Bên góc vườn là một cái bàn gỗ với những chiếc ghế đơn sơ. Trên bàn vỏn vẹn có một bình trà cùng vài chung uống trà với dĩa bánh trung thu. Hai ông bạn già tuổi khoảng lục tuần đang đối ẩm cùng một người trung niên. Ông Tư Hoàng cùng bác Bảy Giao vừa nhâm nhi trà vừa ngắm ánh trăng thu. Người tuổi trung niên là Minh, con trai lớn của ông Tư. Sự hiện diện của Minh trong buổi trà đàm chẳng qua cũng chỉ là để tiếp trà cho bậc cha chú. Sau một lúc thả hồn theo ánh trăng, ông Tư chợt lên tiếng :

"Lật bật mà đã sang thu rồi hả anh Bảy."

Bác Bảy Giao bồi tiếp câu nói gần như than thở của người bạn già :

"Khi anh nhận ra thì đã giữa thu rồi, còn sớm sủa gì đâu, cũng như tụi mình ngoảnh đi ngoảnh lại thì đã gần miệng hố!"

Trong khi hai ông bạn già đang tiếc nuối dĩ vãng thì tiếng ca hát của trẻ con trong xóm vang lên phá tan bầu không khí êm đềm: "Tết trung thu em xách đèn đi chơi, em xách đèn đi khắp phố phường..."

Minh góp ý để phá tan bầu không khí bi quan của hai ông già ở tuổi xế bóng :

"Con có điều thắc mắc muốn nhờ ba và bác Bảy giải thích."

Ông Tư khuyến khích cậu con trai :

"Con có điều chi cần hỏi thì cứ tự nhiên nói ra, Bác Bảy sẽ khai quang điểm nhãn cho."

Ông Bảy Giao chống chế :

"Anh nói gì mà nghe ghê dữ vậy anh Tư, làm gì mà khai quang điểm nhãn lận? Anh làm như tui là tiên ông đắc đạo không bằng."

Minh thưa:

"Thấy mấy đứa nhỏ tung tăng nô đùa với lồng đèn, con chợt thắc mắc tại sao người ta chọn ngày rằm tháng tám làm tết nhi đồng. Tại sao không là mùa xuân cho nó thích hợp với tuổi năng động của trẻ con?"

Ông Tư, vốn người miền Nam, bản tính thật thà chất phác, không buồn dấu diếm chỗ khuyết kém của mình:

"Lâu lâu mày hỏi một câu hóc búa thiệt tao hết biết đường trả lời, chắc phải nhờ bác Bảy mày mới được."

Quay qua ông Giao, bác Tư cầu cứu ông bạn già :

"Anh Bảy giúp tôi một phen, giải thích dùm chỗ thắc mắc của thằng Minh."

Ông Bảy Giao khiêm nhường :

"Tôi cũng chẳng tài ba gì hơn anh, đành phải đoán mò vậy . Thật tình mà nói, chỗ thắc mắc của cháu Minh đây khó tìm được câu giải đáp trong kinh sách của thánh hiền. Không ai biết tết trung thu do ai khởi xướng và bắt đầu từ lúc nào. Vậy chỉ có cách là mình nhìn thẳng vấn đề và tìm xem hậu ý của người xưa. Chư bậc thánh hiền thường gởi gấm thâm ý của mình qua những hình thái sinh hoạt của xã hội. Chẳng hạn, người Tàu tổ chức tiết Hàn Thực để tưởng nhớ hành động phi thường của Giới Tử Thôi. Nguyên Tử Thôi tự cắt thịt mình để làm thức ăn cho chúa của mình đang trong tình trạng thiếu lương thực. Đến khi chúa được phục ngôi, quên tưởng thưởng công lao tự cắt thịt của Tử Thôi. Tử Thôi cõng mẹ vào rừng sinh sống. Đến khi có người nhắc lại việc cũ, vua mới hối hận, cho thuộc hạ vời người ơn đến để phong thưởng nhưng Tử Thôi từ chối. Vua cho phóng hỏa khu rừng để buộc Tử Thôi đến gặp mình nhưng không ngờ Tử Thôi thà chịu chết cháy với mẹ chứ không ra thọ lãnh báo ơn. Từ đó, người sau không nấu nướng trong ngày này để tưởng nhớ Tử Thôi. Nhắc lại câu chuyện này để chúng ta thấy rằng người xưa rất thâm thúy. Do đó nếu muốn ngộ được ẩn ý của chư bậc thánh hiền, chúng ta phải suy tư theo lối diễn tả thâm trầm của những người theo nho học."

Minh thú thật với ông Bảy chỗ ngu dốt của mình :

"Thưa bác Bảy, con ít có dịp đọc sách thánh hiền nên con chưa theo kịp chỗ bác muốn nói."

Ông Tư Hoàng vội rầy át con trai:

"Mày hãy từ từ, chẩm rải rồi bác Bảy sẽ nói cho nghe. Muốn thâm ngộ tư tưởng người xưa thì phải theo thứ lớp mà vào chứ đâu thể nói ngang được, có phải thế không anh Bảy?"

Ông Giao đỡ lời cho Minh:

"Anh cũng đừng trách cháu Minh, mình ngày xưa cũng thế. Thôi để tôi vào đề kẻo thằng Minh nó nóng ruột. Như chúng ta thấy, tết trung thu là ngày vui của nhi đồng. Con người, theo thời gian càng lớn tuổi càng bị đời làm cho quay cuồng điên đảo thất tình lục dục nương theo chỗ chứa chấp của lòng người mà mặc sức bi ai, sầu muộn, thương ghét phẫn nộ, giận hờn... Nhìn ngược trở lại đời sống tuổi thơ chúng ta thấy ngay sự hồn nhiên của lớp tuổi này. Càng ít tuổi đời thì nét thơ ngây càng bộc lộ ra ngoài. Tại sao thế?"

Ông Tư góp ý để gây hứng khởi cho ông bạn già :

"Phải chăng ý anh Bảy muốn nói rằng con người càng lớn lên càng tiếp xúc xã hội thì càng thu thập chuyện đời để tích lũy thành kiến thức nên bị đời quay chuyển?"

"Tôi chưa hết lời mà anh Tư đã biết hết ý của tôi. Phục thật! Phục thật!"

Nghe qua khẩu khí của hai bậc trưởng thượng, Minh chợt thấy khoan khoái và góp ý một cách thoải mái :

"Theo như ý của Ba và Bác Bảy thì con người không nên trau giồi kiến thức để tránh bị đời làm cho điên đảo?"

Ông Tư :

"Ba không nghĩ bác Bảy con muốn nói như vậy."

Ông Bảy :

"Quả đúng như vậy. Nếu chủ trương như thế thì con người không còn muốn học hỏi và xã hội sẽ thụt lùi mà không tiến bộ như ngày nay. Theo ngu ý của tôi thì con người cứ việc học hỏi và nên học hỏi để tiến bộ nhưng chỗ quan trọng là không nên ôm giữ kiến thức để tự tạo cho mình một vị trí khác người. Vì cố chấp vào sở tri và sở kiến nên thấy mình hơn người, do đó nếu ai đó vô tình hay cố ý làm tổn thương cái ngã tối thượng của mình thì mối thất tình nhân dịp mà dấy lên. Còn nếu chúng ta vẫn trau giồi kiến thức nhưng không vin vào đó để khoác cho mình chiếc áo khác người thì chuyện học hỏi có chi là sai trái."

Minh chưa thỏa mãn :

"Thưa bác Bảy, trẻ thơ vì chưa thu thập kiến thức nên mới sống hồn nhiên chứ khi hội nhập với đời rồi thì phải chấp nhận qui luật của xã hội, chứ chẳng lẽ đứng mãi bên lề của cuộc đời?"

"Bác hoàn toàn đồng ý với cháu. Làm người thì phải hội nhập với xã hội, quay lưng lại với cuộc đời tức là lẩn trốn trách nhiệm của mình. Nhìn lại cách sống của tuổi thơ, chúng ta thấy sở dĩ trẻ con chưa ham muốn viên kim cương là vì nó chưa tiêm nhiễm hệ thống giá trị vật chất do xã hội qui ước với nhau. Đứa bé lớn lên, nếu không được chuẩn bị trước, sẽ bị lôi cuốn vào cơn lốc khái niệm, qui ước, định chế, luân lý, đạo đức... lâu dần trở thành thành kiến. Vì thế nên thánh hiền ngày xưa dạy chúng ta cách sống sao cho được hồn nhiên như trẻ thơ nhưng không chối bỏ cuộc đời. Lão Tử ví người quân tử như đứa bé: "quân tử như xích tử" là ý này vậy. Người quân tử vẫn

hội nhập với đời mà tâm hồn vẫn ngây thơ trong trắng như đứa hài nhi còn đỏ hỏn."

Ông Tư góp ý :

"Nay nghe anh Bảy nhắc lại câu quân tử như xích tử tôi lại nhớ đến những hình ảnh trong các nhà thờ thiên chúa giáo. Các vị thiên thần đều là những gương mặt của trẻ thơ với hai chiếc cánh trên mình. Mang hai chiếc cánh đó, các vị thiên thần với tâm hồn trong trắng như trẻ thơ, mặc tình mà bay lượn tùy thích một cách an nhiên tự tại không bị giới hạn trong mọi khái niệm của thế gian. Thế mới biết chư vị thánh nhân không phân biệt đông tây, thường gởi gấm thiện ý của mình cho hậu thế bằng mọi phương tiện."

Ông Bảy gật gù tỏ ý tán đồng nhận xét của ông Tư và tiếp lời:

"Nhân vui miệng tôi chợt nhớ câu chuyện trong Nam Hoa Kinh của Trang Tử, xin kể lại đây để giúp vui. Ở thiên Đại Tông Sư, Trang Tử kể rằng:

Nam Bá Tử Quỳ hỏi Như Vũ:

"Tuổi của ông đã cao rồi mà sắc diện như đứa trẻ thơ, sao vậy?"

"Ta đã nghe được Đạo."

Nam Bá Tử Quỳ hỏi :

"Đạo có thể học được chăng?"

"Ô! Sao được! Ngươi đâu phải hạng người ấy. Kìa như Bốc Lương Y có cái tài thánh nhơn mà không có cái Đạo của thánh nhơn. Ta thì có cái Đạo của thánh nhơn mà không có cái tài của thánh nhơn. Ta muốn đem cái Đạo ấy mà dạy hắn, may ra hắn có thể thành thánh nhơn chăng? Nếu không được như thế thì đem cái Đạo của thánh nhơn mà bảo cho kẻ có tài của thánh nhơn cũng là dễ rồi. Vậy mà ta còn phải giữ hắn lại rồi mới dạy bảo hắn. Ba ngày, hắn mới bỏ được thiên hạ ra ngoài. Đã bỏ thiên hạ ra ngoài vậy mà ta còn phải giữ hắn lại nữa. Bảy ngày, hắn mới biết bỏ vật ra ngoài. Đã bỏ vật ra ngoài, vậy mà ta còn phải giữ hắn lại nữa. Chín ngày, hắn mới bỏ được cái sống ra ngoài. Bỏ được cái sống ra ngoài thì mới ngộ được Đạo. Ngộ rồi thì mới thấy được cái Một. Thấy được cái Một mới không còn thấy có xưa có nay nữa. Không còn thấy có xưa có nay mới đi vào cõi không sống không chết. Giết được cái lòng ham sống cho mình thì sẽ không chết. Sống cái sống cho mình thì không sống."

Nhấp thêm một ngụm trà, ông Bảy tiếp:

"Anh Tư chắc cũng đồng ý với tôi ở chỗ chúng ta chỉ cần buông xả cái chấp có ta, có người và có vật mà Trang Tử gọi là bỏ được cái sống ra ngoài, bỏ được thiên hạ ra ngoài, bỏ được vật ra ngoài, thì sẽ có được gương mặt trẻ thơ của Như Vũ trong câu chuyện?"

Ông Tư tán đồng không chút do dự:

"Ý tôi không khác với anh chút nào cả."

Minh tuy không hoàn toàn cảm thông với dụng ý của Trang Tử nhưng không tiện hỏi thêm nên xoay câu chuyện trở lại chỗ thắc mắc của mình:

"Thế sao người xưa không chọn mùa xuân cho hợp với tính năng động của trẻ con mà lại chọn mùa thu?"

Ông Bảy chẩm rãi nhấp chút trà thấm giọng rồi tiếp :

"Chỗ này mới thật là khó trình bày sao cho cháu Minh nó dễ chấp nhận. Bốn mùa trong năm có thể phân làm hai cặp. Hạ và đông là một cặp gồm hai trạng thái xung khắc nhau: thật nóng và thật lạnh. Xuân và thu là một đôi mang tính chất đối nghịch cùng tột. Mùa xuân, cây cỏ nẩy mầm, sức sống vươn lên sau một giấc ngủ dài suốt ba tháng mùa đông; ngược lại những tháng mùa thu báo hiệu sự sống đang thu mình về trạng thái tĩnh. Xuân đến, nhìn đâu cũng thấy cây cỏ đâm chồi nẩy mộng.

TRẦN QUÁN NIỆM

MÙA CHỚM VÀO THU

Và buổi sáng đã nghe chừng lạnh lạnh
Của hơi Thu và của gió đìu hiu
Mảnh vườn con đã nhuốm vẻ tiêu điều
Mầu vàng úa len vào hồn của lá

Mảng nắng ấm chợt ngập ngừng xa lạ
Trời trong xanh và mây trắng lang thang
Thảm cỏ non bỗng xanh mát dịu dàng
Lòng tôi cũng chợt bàng hoàng ngây ngất

Bâng khuâng quá, rụt rè như sợ mất
Một chút gì thật đẹp để mong manh
Nắng Thu vờn như giải lụa thanh thanh
Và óng mượt như tóc người con gái

Tôi ao ước. Làm sao ôm giữ mãi
Vẻ Thu buồn trong nét đẹp thiên nhiên
Như em tôi trong dáng dấp muộn phiền
Và ẻo lả như cành non lá mỏng.

Theo minh triết đông phương con người sở dĩ lao đao điên đảo cũng vì ý niệm lăng xăng của chính mình. Những chồi mộng của cỏ cây được ví như là vọng tưởng của con người. Chạy theo vọng tưởng, con người sẽ đánh rơi tự tánh chân thật của mình. Tự tánh của mình là không chấp không giữ, tùy thuận mà không mất bản thể, an nhiên tự tại ý như sự ngây thơ hồn nhiên của lớp tuổi nhi đồng. Trong khi đó, anh Tư thử nhìn xem, ánh trăng thu sao mà thanh tịnh êm đềm, cỏ cây vạn vật vẫn chuyển vận sự sống. Sức sống ở đây không bồng bột sôi nổi như buổi đầu xuân mà là một giòng sống tĩnh lặng, thâm trầm. Có thể nói đó là trạng thái sống trong thanh bình an lạc. Ngày rằm là ngày trăng sáng nhất của nguyệt kỳ, tháng tám là cao điểm của mùa thu, trăng trung thu chính là trạng thái thanh tịnh tột cùng của tâm tự tại. Thế nên người xưa mới chọn trung thu làm ngày tết cho nhi đồng."

Lúc ấy bỗng Ngọc, con của Minh, cầm lồng đèn đến chỗ của ba người để xin một miếng bánh trung thu. Sau khi được bánh, Ngọc vừa chạy trở ra với chúng bạn vừa ca nghêu ngao: "...em xách đèn đi khắp phố phường... đèn cá chép..."

Câu hát của Ngọc gợi thêm nơi Minh một thắc mắc khác. Anh hỏi bác Giao:

"Thưa bác Bảy, con còn có chỗ này chưa thông, nhờ Bác giải thích thêm."

Ông Tư tạo thêm hứng khởi cho buổi trà đàm:

"Cha! Hôm nay thằng Minh nó được dịp khảo hạch anh Bảy, hỏi tới nữa đi con."

Ông Giao trả đũa :

"Mầy cứ hỏi tới đi Minh, nếu bác Bảy mày đây mà có bí thì cũng còn có ba mày trả lời cho, đừng có lo."

Không hẹn mà nên, cả hai ông bạn già bật lên tràng cười sang sảng, Minh cũng cười phụ họa theo:

"Con vừa nghe bé Ngọc hát bài tết trung thu, vậy thì Ba cùng bác Bảy cho con biết tại sao hầu hết lồng đèn đều mang hình dáng con cá mà lại là cá chép chứ không phải là cá trê, cá rô, cá lóc hay cá mập chẳng hạn?"

Lần này ông Tư nhanh nhẩu trả lời câu hỏi của Minh :

"Lồng đèn trung thu mang hình dáng của nhiều loại thú vật nhưng đa số là hình dáng con cá và thường được gán cho là cá chép mà không là loại cá khác vì người xưa có câu "cá chép vượt vũ môn." Tương truyền rằng cá chép khi vượt qua được vũ môn thì sẽ hóa rồng."

Ông Giao được dịp trút gánh nặng cho ông bạn già:

"Tiện thể anh cũng nên nói luôn ý nghĩa của câu 'cá chép vượt vũ môn' cho cháu Minh nó rõ."

"Lỡ dại mở miệng làm tài khôn thành ra phải 'ách giữa đàng mang vào cổ,' thôi thì người xưa thường nói 'kẻ biết thì không nói, kẻ nói thì không biết,' tôi xin chịu làm kẻ không biết vậy. Vũ môn là tên một khúc núi ở thượng du sông Trường Giang thuộc tỉnh Tứ Xuyên bên Tàu. Dưới chân núi có một cái vực rất sâu; tương truyền rằng đến mùa thu nước dâng lên, cá qui tụ về đó để thi nhau nhảy cao. Con nào vượt qua được vũ môn thì sẽ hóa thành rồng. Người ta dùng điển tích này để chỉ những sĩ tử ngày xưa, cá vượt được vũ môn sẽ mặc sức vùng vẫy như rồng cũng như thí sinh đỗ các khoa thi được áo mão vinh qui sẽ mặc sức vênh vang với đời."

Minh thích thú với những hiểu biết mới nhưng vẫn chưa hoàn toàn thỏa mãn :

"Ba có nghĩ rằng người xưa còn gởi gấm ý tứ gì khác hơn nữa qua hình ảnh con cá?"

Ông Tư trao trả gánh nặng lại cho ông Giao:

"Có bao nhiêu vốn liếng tôi đã tuôn ra hết rồi, bây giờ nhờ anh gỡ rối cho."

Ông Giao không khách sáo:

"Cháu có biết loài cá có điểm gì đặc biệt không?"

Chẳng đợi người nghe có ý kiến, ông Giao bồi tiếp:

"Loài cá không bao giờ ngủ, nghĩa là chúng thức quanh năm suốt tháng."

Câu trả lời của ông Giao chẳng những không giải tỏa được thắc mắc của Minh mà còn khiến anh thêm mờ mịt :

"Xin bác hé thêm cho con chút xíu nữa."

"Cái lồng đèn ám chỉ sự soi sáng hay là quán chiếu, cá tượng trưng cho sự tỉnh thức..."

Minh cắt ngang lời ông Giao trong sự thích thú:

"Nãy giờ có phải bác muốn nói rằng, con người muốn đạt đến trạng thái thanh tịnh giống như cảnh trăng rằm đêm trung thu và có cuộc sống hồn nhiên trong trắng như trẻ thơ thì tâm trí mình phải thường chiếu soi như ngọn đèn, nói cách khác mình phải hằng quán chiếu tâm mình; phải tập làm sao luôn luôn sống trong tình trạng tỉnh thức như loài cá?"

Như sợ hai ông già hiểu lầm, Minh vội tiếp ngay :

"Ý con muốn nói là mọi động dụng của mình phải trong trạng thái tỉnh thức, kể cả khi ngủ chứ không phải không ngủ như loài cá?"

"Quả đúng là 'hổ phụ sanh hổ tử,' nhưng ý người xưa không dừng lại nơi đó. Cá chép thường lội ngược dòng trở về nguồn khi sanh sản. Thế nên thánh hiền ngày xưa mượn hình ảnh cá chép để nhắn nhủ rằng tâm tánh con người tự khởi thủy là 'bản lai vô nhất vật,' an nhiên tự tại; nay muốn trở về nguồn cội thì phải lội ngược dòng, vượt lên trên những thành lũy khái niệm, thói quen, thành kiến cùng mọi qui ước của xã hội. Được như thế thì mới mặc tình ngang dọc, tự do vẫy vùng như 'cá chép vượt vũ môn,' thõng tay vào chợ mà hội nhập với đời."

Minh không kềm được lòng, buột miệng khen vùi:

"Hay thật! Hay thật! Hôm nay đúng là bác Bảy vừa khai quang điểm nhãn cho con..."

Chưa kịp dứt lời, Hiền, vợ của Minh mang nước sôi ra châm trà và tiếp tế thêm vài cái bánh dẻo và bánh nhân hột. Ông Tư sẵn đà mời ông Bảy:

"Ăn thêm vài miếng bánh để thưởng trăng đi anh Bảy."

Ông Giao chẳng khách sáo, cầm ngay miếng bánh bỏ vô miệng vừa nhai nhóp nhép vừa khen ngon:

"Bánh nhân hột năm nay làm ngon đáo để."

Ông Tư cũng vừa nhai xong miếng bánh, hớp một ngụm trà, xoay qua ông Giao khơi chuyện :

"Bây giờ đến lượt tôi thỉnh hỏi anh một câu; một trong những loại bánh đặc biệt chỉ xuất hiện trong mùa trung thu là bánh nhân hột; theo ý anh điều này có mang ý nghĩa gì không?"

"Anh định phá tôi đó phải không anh Tư? Đêm nay hai cha con anh thi nhau hạch sách tôi đó có phải? Thôi lỡ đã cầm dầm thì phải chèo vậy. Chuyện này cũng đơn giản thôi. Muốn đạt con đường Đạo, người xưa chẳng những rèn luyện phần tâm linh mà còn phải kềm chế mặt thể xác. Nếu phần xác thân được bồi dưỡng bởi những thức ăn kích thích lòng tham dục thì lòng ham muốn sẽ làm cản trở ý chí hướng thiện của mình. Những thức ăn sống sít như thịt cá cùng gia vị làm mồi cho ngọn lửa thất tình bùng lên. Điều này trái nghịch với con đường Đạo. Những thức ăn lên men như rượu làm cho tinh thần chúng ta ngây ngất thiếu sáng suốt; điều này cũng cản trở con đường Đạo. Hơn nữa, động vật khi bị giết, thịt của chúng đang trên đà hư hoại, do đó năng lượng tích tụ nơi thịt cá có chiều hướng đi xuống nên mức độ bổ dưỡng kém đi. Chỉ có ngũ cốc là thức ăn tốt cho con người, nhất là với người hành đạo. Tất cả năng lượng cung cấp cho sự sống đều tập trung trong hạt. Sức sống cô đọng nơi đây, thế nên người ăn ngũ cốc thường khỏe mạnh, ít đau yếu. Do đó, theo tôi, bánh nhân hạt chỉ xuất hiện trong dịp trung thu cũng là mang tải thâm ý này vậy."

Minh có vẻ khích động :

"Thế thì bánh dẻo nhắc nhở chúng ta những gì?"

Ông Giao bật cười thích thú:

"Bánh dẻo tức là dẻo dai. Muốn đạt con đường Đạo không phải là chuyện một sớm một chiều và thực hành một cách lơ là mà được. Phải kiên nhẫn và bền chí con ơi! Thánh nhân ngày xưa quên cả thời gian, không buồn nhớ tuổi đời, buông bỏ cả tài sản, công danh sự nghiệp để cầu đạo, may ra mới vào được tới cửa."

Minh vở lẽ. Trăng thu bắt đầu chếch bóng. Ông Giao từ giã ra về. Minh hỏi nán thêm :

"Bác Bảy cho con hỏi thêm một câu."

"Sao mày lại khách sáo quá vậy?"

"Con không hiểu tại sao ngay sau khi ngày trung thu chấm dứt thì bánh trung thu cùng mọi dấu vết của tết trung thu cũng biến mất theo. Không lý mà họ bán hết sạch trong dịp lễ? Chắc chắn thế nào cũng có dư thừa nhưng sao họ lại đem cất dẹp mà không đợi bán cho hết?"

Ông Tư tán đồng câu hỏi của Minh :

"Ờ nhỉ, thằng này hỏi nghe có lý. Chắc chắn là họ không thể tiên liệu số bán chính xác đến như vậy. Có người cho rằng họ thu lại tất cả bánh trung thu là để bảo vệ giá trị của bánh này nhưng tôi không nghĩ vậy. Anh Bảy, anh có cao kiến gì hay không?"

Ông Giao nở nụ cười cởi mở:

"Nhân duyên thoạt đến chợt đi, nếu chịu không nắm bắt, cơ hội có chờ đợi ai bao giờ?"

Ông Giao bước ra tới cổng còn quay đầu nói với lại:

"Những gì tao vừa nói với mày từ đầu hôm tới giờ chỉ là chuyện tầm xàm bá láp, chớ đ bụng nghe Minh."

Tiếng cười sang sảng của ông Giao tan đầu dưới ánh trăng thu.●

ĐI TÌM BẢN SẮC

NGUYỄN CÔNG KHANH

(Tiếp theo và hết)

Tối đó, anh trở về nhà, nằm thao thức không ngủ. Nghĩ đến ngày trở về quê hương, sao mà thấy khắc khoải; trong lúc đó biết bao nhiêu người muốn rời bỏ quê hương; *"ngay cả cái cột đèn nếu biết đi còn muốn bỏ nước ra đi,"* tự nhiên anh thấy thấm đau hơn. Anh nghĩ đến những đứa con anh đem đi từ bên kia Thái Bình Dương, và những đứa con của chúng sau này. Chúng sẽ là cháu, là chắt... của anh. Chúng có sẽ bị trận cuồng phong kéo đi mất hay không? Chúng có còn muốn giữ nguồn gốc không? Chúng có tìm được bản sắc của chúng không? Chúng có bị bỏ quên không? Chúng có bị nhìn lầm không?. Chúng có thể hội nhập vào giòng sông chính mà vẫn tự hào về di sản của tổ tiên không?

Chúng có còn muốn trở về quê hương Việt Nam không? Và khi chúng muốn trở về, những người bên nhà có mở rộng vòng tay như đón những đứa con, đón những người anh em lưu lạc từ bao năm hay không?

Chúng có sẽ là một kẻ lạ trên chính quê hương của tổ tiên chúng hay không? Chúng có bị khinh thị, bị lạc lõng như con cháu của người di dân Nhật khi trở về Nhật hay không?

Ngay cả chính anh nữa, anh vẫn tin là anh vẫn không thay đổi so với ngày rời nước ra đi. Nhưng dầu sao đời sống vật chất cũng ảnh hưởng đến anh và mọi người không ít. Trong khi đó. hình ảnh của và những người ở lại có còn giống nhau như trước ngày rã đám tan hàng hay không? Những cảm nghĩ của họ và của anh có còn giống nhau sau hàng mấy chục năm trời xa cách hay không?

Đó là chưa nói đến những sự thù nghịch về chính kiến, những mối hận về tù đầy không hiểu đến bao giờ mới phai nhòa được.

Anh không muốn nghĩ thêm nữa, và choàng dậy gọi điện thoại cho một người bạn. Người bạn này thân với anh hồi còn ở trung học, sau này thành giáo sư, suốt đời chỉ vùi đầu vào những chồng sách cổ. Người bạn mà được anh coi như một cây tra cứu, mỗi lần anh muốn tìm dấu vết của các vấn đề cổ xưa. Sau khi sang đây, bạn anh vẫn còn say mê với cái thú đó; sách vở tàng trữ trong nhà ông ta như một cái thư viện nhỏ.

Người bạn bị đánh thức, càu nhàu, nhưng khi nghe anh đề cập đến vấn đề đi tìm bản sắc, bản chất và nguồn gốc của người Việt, thì ông ta tỉnh hẳn ngủ. Như một cái máy, ông ta trở ngược lại bốn ngàn năm. Từ cái thuở rồng tiên gặp nhau, đời Xích Quỷ, Kinh Dương Vương, gặp Long Nữ, từ dấu chân Bách Việt, Tây Tạng theo sông Hồng Hà đi xuống, từ Nam Dương vượt Biển đi lên... miên man bất tận đưa anh xuôi đường vào giòng lịch sử.

Anh phải chận ngay bạn lại, vì sợ bạn kéo dài hết đêm và nghĩ đến ngày mai cả hai phải dậy sớm đi làm. Anh ngỏ ý là anh muốn tìm lại hình ảnh của người Việt Nam với bản sắc, bản chất từ những tài liệu đáng tin cậy để anh và con cháu có thể giữ được ở cái đất nước nầy. Thế là ông bạn khảo cổ của anh có công việc làm, và đó lại là một trọng trách nữa. Tự nhiên anh thấy thương bạn, đôi kính dày, cặm cụi, hăng say... Chắc cả đêm nay, nếu có chợp mắt được lúc nào, thì hồn ông ta sẽ bay bổng về thời Văn Lang, Hồng Bàng qua Đinh, Lê , Lý, Trần... hay lẩn quẩn bên các kệ sách trong phòng. Anh mong bạn, ngày mai đầu óc đừng có để đâu đâu, đến sở làm nhìn việc này ra việc khác thì phiền lắm.

Hai hôm sau, khi đi làm về, nghe tiếng điện thoại, anh chắc là của bạn. Khi anh vừa lên tiếng trả lời thì bạn anh bắt đầu ngay như một bài luận thuyết:

"Tôi muốn nói với ông điều này, trước khi đi

tìm bản sắc cho con ông, cho cháu ông, cho chắt ông và cho cả ông nữa, để khỏi bị nhận lầm, để sống và có thể ngẩng mặt được ở xứ này, để có thể hòa hợp với bà con bên nhà được, thì phải bàn đến mấy vấn đề căn bản trước."

"Nói đến bản sắc thì phải nói đến văn hóa, văn hóa và bản sắc thường đi liền với nhau, văn hóa tạo ra bản sắc và bản sắc duy trì văn hóa. Cho nên phải biết bản sắc và văn hóa là gì. Còn tài liệu Việt Nam mà tôi nghĩ ông có thể tin cậy được là của hai học giả Trần Trọng Kim và Đào Duy Anh."

"Trước hết nói về văn hóa, xem Mỹ nó định nghĩa ra sao. Theo EB. Taylor, một nhà nhân chủng học hiện đại trong cuốn Primitive Culture 1981:

"Văn hóa là một tổng hợp hỗn tạp gồm kiến thức, tín ngưỡng, nghệ thuật, luân lý, luật lệ, phong tục và những khả năng khác cùng tập quán đòi hỏi ở một người để thành một phần tử của xã hội đó."

Theo James A. Bank, một nhà đa chủng học, trong cuốn Social Education 1983, đưa đến định nghĩa gần với bản sắc hơn:

"Văn hóa là những giá trị, những biểu tượng, những cách sống, những định chế do con người tạo ra để phân biệt giữa những nhóm người này với nhóm người khác."

Theo học giả Đào Duy Anh, trong cuốn Việt Nam Văn Hóa Sử Cương 1938, trong chương "Văn hóa là gì?" ông đi đến một định nghĩa rất là giản dị và bao quát sau khi đưa ra các dẫn chứng:

"Hai tiếng văn hóa chẳng qua là chỉ chung tất cả các phương diện sinh hoạt của loài người cho nên ta có thể nói rằng: Văn hóa tức là sinh hoạt."

Anh sợ bạn đi từ định nghĩa này đến định nghĩa khác, sẽ bỏ bữa cơm chiều. Anh định ngắt lời nhiều lần, nhưng không được. Bạn anh cũng hiểu ý và chận ngay:

"Ông đã biết rằng một nền văn hóa được tạo thành cũng phải trải qua hàng trăm, hàng ngàn năm. Khi nói chuyện về văn hóa và bản sắc mà ông vội vàng như thế làm sao thảo luận được. Ông cũng biết tạo ra con người thì dễ, nhưng cho con người đó có một bản sắc riêng biệt không phải là một chuyện trong thời gian ngắn."

"Phải biết kiên nhẫn, phải biết bắt đầu đi từ đâu, phải biết những gì mình cần giữ, cần bỏ đi và cần tìm thêm."

"Ông có biết văn hóa của chúng ta có những đặc tính gì không? Trong chương tổng luận cuốn Việt Nam Văn Hóa Sử Cương, học giả Đào Duy Anh đã nêu ra năm đặc tính của nền văn hóa Việt Nam:

"Thứ nhất văn hóa lấy nông nghiệp làm nền móng.

"Thứ hai lấy gia tộc làm cơ sở, cá nhân chìm trong gia tộc.

"Thứ ba là an cư lạc nghiệp, ưa chuộng hòa bình, không muốn cạnh tranh.

"Thứ tư là lưu tự, lưu truyền giòng giống, tiếp nối sự nghiệp tổ tiên.

"Thứ năm là thường tồn, không thay đổi, quá khứ lẫn trong hiện tại.

"Cũng theo học giả, năm đặc tính kể trên đã có một kết quả tốt trong cái xã hội nông nghiệp. Sau đó bị va chạm với nền văn hóa "động" của Tây phương, của kỹ nghệ thì cái văn hóa "tĩnh" của chúng ta đã bị lung lay, không thể đứng vững được, mà phải biến đổi. Đến nay, ông thử nghĩ xem, không phải mình chỉ có va chạm, mà mình bị bật gốc, bị đem đi khỏi cái nền móng cũ, sống lạc lõng trong một xã hội kỹ nghệ, thành dân thiểu số trong đa số thì ông sẽ tưởng tượng mình sẽ phải ứng biến đến mức độ nào. Thôi tôi sẽ nói ngay về bản sắc và tìm cho ông hình ảnh của người Việt Nam mà ông muốn tìm."

"Nhưng ông có biết bản sắc được định nghĩa là gì không? Tôi có ba cuốn tự điển tiếng Việt trong nhà. Trong cuốn của hội Khai Trí Tiến Đức, tôi tìm không thấy. Cuốn của Lê Ngọc Trụ và một số tác giả thì "Bản sắc là màu sắc tự nhiên của một vật, màu sắc tượng trưng tính chất của một sự việc, một người: bản sắc quốc gia, bản sắc nghệ thuật."

"Trong cuốn Hán Việt Tự Điển của Nguyễn Văn Khôn thì "Bản sắc là chân tướng" và "chân tướng là bản tướng, tướng mạo thật."

"Những định nghĩa này thật sơ sài, có lẽ vì trước kia chúng ta sống trên đất nước của mình nên vấn đề này không được đặt nặng."

"Hãy lấy một định nghĩa có tính cách khoa học hơn trong cuốn tự điển The American Heritage Dictionary thì chữ "Identy" là "Toàn bộ phẩm hạnh hay nhân cách mà một cá nhân được thừa nhận là phần tử của một nhóm người."

"Ông đã biết những định nghĩa trên, thì đi tìm hình ảnh của người Việt Nam cũng không khó khăn lắm. Từ xưa, người Việt vẫn tin mình là giống dân Giao Chỉ. Lúc tôi còn nhỏ, khoảng 11 tuổi, họa hoằn tôi thấy được một vài dân quê ở miền Bắc có bàn chân mà hai ngón cái toẻ ra. Khi hỏi thầy giáo, thì được dạy đó là bàn chân

Giao Chỉ, hai ngón chân cái giao với nhau. Ngày nay, chắc ít ai muốn có cái bàn chân nguyên thuỷ đó nữa; đó là một lẽ tự nhiên chẳng cần bàn".

"Tôi có tìm được một đoạn, tả về người Việt Nam trong cuốn Việt Nam Sử Lược của học giả Trần Trọng Kim, nghe xong nếu có những điểm không ưa thì cũng đừng bất bình. Tôi cũng xin ông bình tĩnh để cùng nghe cả đoạn này để cùng suy ngẫm:

"Người Việt Nam thuộc về loại da vàng, nhưng mà người nào phải đi làm lụng dầm mưa dãi nắng lắm, thì nước da ngăm ngăm đen, người nào nhàn hạ phong lưu ở trong nhà luôn thì nước da trăng trắng như màu ngà cũ."

"Trạc người thì thấp nhỏ hơn người Tàu, mà lăn lẳn con người, chú không to béo. Mặt thì xương xương, trông hơi bèn bẹt, trán thì cao và rộng, mắt thì đen và hơi xếch về đàng đuôi, hai gò má thì cao, mũi hơi tẹt, môi hơi dầy, răng thì to mà lại nhuộm đen. Râu thì thưa mà lại ít, tóc thì nhiều và dài, đen và hơi cứng. Dáng điệu đi đứng thì nhẹ nhàng và xem ra vững chắc."

"Áo quần thì dài rộng, đàn ông thì búi tóc và quấn khăn vành rây, áo mặc dài quá đầu gối, tay áo thì chật, ống quần thì rộng. Đàn bà ở Bắc Việt và phía Bắc Trung Việt thì đội khăn, mà ở chỗ thành thị thì mặc quần, còn ở nhà quê thì hay mặc váy. Ở phía nam Trung Việt và Nam Việt thì đàn bà mặc quần và búi tóc, chú không đội khăn bao giờ."

"Về đàng trí tuệ và tính tình, thì người Việt Nam có cả các tính tốt và các tính xấu. Đại khái thì trí tuệ minh mẫn, học chóng hiểu, khéo chân tay, nhiều người sáng dạ, nhớ lâu, lấy sự nhân, nghĩa, lễ, trí, tín làm năm đạo thường cho sự ăn ở. Tuy vậy cũng hay có tính tình vặt, cũng có khi quỉ quyệt, và hay bài bác chế nhạo. Thường thì nhút nhát, hay khiếp sợ và muốn sự hòa bình, nhưng mà đã đi trận mạc thì cũng có can đảm, biết giữ kỹ luật."

"Tâm địa thì nông nổi, hay làm liều, không kiên nhẫn, hay khoe khoang và ưa trang hoàng bề ngoài, hiếu danh vọng, thích chơi bời, mê cờ bạc. Hay tin ma, tin quỉ, sùng sự lễ bái, nhưng mà vẫn không nhiệt tin tôn giáo nào cả. Kiêu ngạo và hay nói khoác, nhưng có lòng nhân, biết thương người và hay nhớ ơn."

"Đàn bà thì hay làm lụng và hay đảm đang, khéo chân, khéo tay, làm được đủ mọi việc mà lại biết lấy việc gia đạo làm trọng, hết lòng chiều chồng, nuôi con, thường giữ được các đức tính rất quí là tiết, nghĩa, cần, kiệm."

"Người Việt Nam từ Bắc chí Nam, đều theo một phong tục, nói một thứ tiếng, cùng giữ một kỷ niệm, thật là cái tính đồng nhất của một dân tộc từ đầu nước đến cuối nước."

"Đoạn văn trên của cụ Trần Trọng Kim đã tả người Việt Nam trước 1930 về phong diện, y phục và đủ các tính tốt và xấu. Đến nay, qua hơn nửa thế kỷ, người Việt đã thay đổi những gì? Sự dinh dưỡng có tốt hơn để thay đổi được tướng mạo không? Y phục thì đã gần như thay đổi hoàn toàn. Những điều Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín và Tiết, Nghĩa, Cần, Kiệm có còn giữ được và phát triển thêm không? Các tính xấu có bớt đi hay đã tăng thêm?"

"Một điều ông phải lưu ý con người Việt Nam nói trên đã sống trong cái xã hội hoàn toàn Việt Nam, chắc không có nhiều sự so sánh lắm. Nay đem ra sống trong một quốc gia tạp chủng. Giữa đám người từ khắp nơi trên thế giới đến, thì sự so sánh và cái nhìn sẽ có nhiều khác biệt.

"So với các sắc dân tại Hoa Kỳ thì người Việt đã nổi tiếng về hiếu học, minh mẫn, lanh lẹ và trọng đạo đức. Có một vài tính xấu nếu đem ra so ở đây thì chắc cũng chẳng xấu lắm. Như quỷ quyệt thì chắc không thể nào so sánh với sự quỷ quyệt khoa học của dân tạp chủng. Tiếng Mỹ thì chưa thông, ngôn từ không đủ thì sao có thể chế nhạo, bài bác hay khoác lác với ai được. Cả đến "khoe khoang, trang hoàng bề ngoài, thích danh vọng" thì có thấm vào đâu với các anh Mỹ nhà giàu quyền thế. Này ông bạn, ông có thấy rất nhiều người gửi đi xin việc, được phỏng vấn, nhưng số đông được trả về vì quá lễ phép, quá khiêm tốn, đã không biểu lộ được cái khả năng thường nhật của mình, nói chi đến sự phô trương, khoác lác."

"Ông có thấy, các tính xấu mà cụ Trần Trọng Kim gọi là cái xấu trong cái xã hội của mình nó đã không phát hiện ra bên ngoài xã hội Mỹ, mà phiền thay, nó vẫn lẩn quẩn trong cộng đồng chúng ta để đục phá lẫn nhau, để bài bác, kiêu ngạo, khoác lác, khoe khoang với nhau."

"Tôi nói những điều trên không phải muốn luân lý giáo khoa với ông. Nhưng để chứng minh một điều, mình mới đến đây, chưa có kinh nghiệm va chạm nhiều, nên trong vấn đề đi tìm bản sắc, hay trở về nguồn, những cái hay, tốt riêng biệt của người mình thì cố giữ. Nhưng trong những cái hay đó, không chắc mọi điều được coi là hay ở xứ này, mà mình cứ cố giữ thì cũng hoài công phí sức. Ngay cả cái dở của mình, chưa chắc nó đã hoàn toàn dở mà mình phải bỏ, có điều mình phải điều chỉnh làm sao cho thích hợp.

"Theo ý tôi, đi tìm bản sắc không chỉ có nghĩa thụ động, để họ phân biệt được và nhìn mình là người Việt Nam. Tuy trong cái thụ động này, thật sự nó cũng đã có bao nhiêu cố gắng, yên lặng hay ồn ào để duy trì liên tục bản chất Việt Nam."

"Đi tìm bản sắc còn bao hàm ý nghĩa không những tự tồn mà còn phát triển cho từng cá nhân và cho cả tập thể liên hợp. Hiệp Chủng Quốc là một quốc gia tiến bộ không ngừng, thay đổi rất nhanh, đào thải những kẻ đứng lại, những kẻ đi ngược dòng. Cái khó khăn của chúng ta là phải vừa theo kịp nhịp độ của họ mà vẫn giữ được bản sắc của ta."

"Trong vấn đề văn hóa và bản sắc tại đây, người ta thường đặt ra hai vấn đề: Một là đồng hóa, hai là thích hợp hóa. Đồng hóa được Weinstock S. Alexander trong cuốn Acculturation and Occupation 1969, định nghĩa như sau: "Đồng hóa là sự mất hết văn hóa và bản sắc nguyên thủy của một cá nhân hay một tập thể để bị thu nhập vào một nền văn hóa đang thống trị."

"Người Việt chúng ta không ai muốn bị đồng hóa, mà dù có muốn cũng không được. Hãy đem đổ những hạt đậu trắng, đậu đen, đậu vàng vào một cái tô và trộn lẫn đến trăm lần, người ta vẫn có thể nhặt ra đậu đen, đậu vàng và đậu trắng riêng biệt."

Những người dân da trắng từ Âu châu đến Hoa Kỳ, chỉ ít năm sau là họ trở thành Mỹ đặc. Còn chúng ta, dù trải qua bao nhiêu thế hệ, vẫn sẽ chỉ là những hạt đậu vàng trong tô đậu hỗn hợp trên mà thôi."

"Quốc gia Hoa Kỳ trước kia thường chủ trương và thúc dục mọi người đồng hóa (như một melting pot). Từ khi làn sóng di dân của nhiều quốc gia tràn đến, họ đã bắt đầu thay đổi một số quan niệm, và thêm vào đó là sự thích hợp hóa, và nay lại đề cao sự đa dạng của văn hoá (Salad bowl và Cultural Diversity)."

"Gác bỏ sự đồng hóa, vấn đề của chúng ta ở đây là trong cái đám đậu vàng đó, mình không bị nhận lầm là người Tàu, người Nhật hay người Phi và làm sao để các sắc dân khác trọng nể mình."

"Nói về thích hợp hóa, đó là sự diễn biến của sự học hỏi và điều chỉnh dần dần của các cá nhân sống trong một xã hội có những dị biệt văn hóa. Thích hợp hóa là cả một nghệ thuật sống của người di dân, nhất là di dân Á Châu. Những giá trị của đời sống, những định chế xã hội, những phong tục tập quán, đời sống văn hóa, ngôn từ ngôn tự, thực phẩm, y phục và phải nói đến cả văn chương nghệ thuật v.v... của cả hai nền văn hóa, chúng ta đều cần thấu hiểu cho cuộc sống mới, mà lúc nào cũng có thể giữ được bản chất đặc thù của mình."

"Thích hợp hóa không phải là đem hai nền văn hóa trộn lẫn với nhau. Cũng không phải cố giữ mức thăng bằng điều hòa của hai đời sống Đông và Tây. Nó là cả một sự hỗn hợp của chiến lược, chiến thuật của trường kỳ và đoản kỳ, lúc tiến, lúc lui, lúc hòa, lúc phá, lúc thoát, lúc nhập... trong từng môi trường, trong từng hoàn cảnh, từng thời gian để nắm lấy phần ưu thắng, để ẩn mình an toàn và cũng để chung sức và chia sẻ hạnh phúc cũng như gian khổ với mọi người. Nó cũng không phải là một công thức cứng nhắc, cuồng tín hay khiếp nhược và tự mình phải đặt một lằn ranh cuối của mức lùi, mức mất và một lằn ranh không vượt quá để còn

có thể thắng lại được..."

"Nói đến người di dân tại Hoa Kỳ, nhiều người cho rằng mức độ đồng hóa càng cao thì càng có nhiều cơ hội thành công và cũng như thế mức độ thích hợp hóa càng cao thì mức độ của đời sống kinh tế và xã hội cũng thấy rõ rệt khá hơn.

"Khi nghiên cứu về bản sắc, nó đem lại cho ta nhiều ý nghĩa. Con cháu chúng ta sẽ trả lời được những câu hỏi "Tôi là ai?" "Tại sao tôi lại phải đổi tên?" "Tại sao tôi lại là dân Mỹ?" "Tại sao tôi không phải là một kẻ tị nạn chính trị mãi mãi?" Đi tìm bản sắc không những nó cho thấy bản ngã của ta, mà nó sẽ đem lại cho ta những niềm tự kiêu hãnh và tự kính mến mình. Ông có nhớ Alex Haley, tác giả da đen nổi tiếng viết cuốn "Roots," và sau này thành một cuốn phim trường thiên chiếu trên các đài truyền hình không?"

"Ông ta đã mất bao năm lần mò về cội nguồn của mình. Từ bao thế hệ nông nô tại Mỹ, ngược dòng về bộ lạc tổ tiên ông trong rừng già ngày xưa. Ông đã đưa những hình ảnh từ ngày Kunta kinte, người thiếu niên, tổ tiên của ông sống tự do trong cảnh trời đất sơ khai, ngày bị sa lưới nhốt trong cũi. Những ngày bị trói và xếp như cá hộp trong hầm tầu vượt Đại Tây Dương khổ hơn kiếp súc vật. Ngày bị đem ra bán đấu giá, và những chuỗi ngày dài làm nô lệ trong các nông trại trồng bông miền Nam..."

"Alex Haley đã cho mọi người biết dù là dân da đen, dù bị làm nô lệ, họ vẫn có đủ các thiên tính của con người mà thượng đế đã tạo ra. Họ vẫn có đầy đủ các đức bao dung, nhân ái, tự trọng. Họ cũng ham muốn tự do và cũng đủ sức chịu đựng như Chúa đã chịu đóng đanh trên thánh giá. Cuốn "Roots" không những có giá trị về văn học mà nó còn giúp cho mọi người nhận chân được cội nguồn và phẩm giá của dân da đen. Nó cũng đã giúp phá bỏ được phần nào sự khinh thị và mặc cảm vẫn bao trùm lên giống dân của ông."

"Nếu bản tướng, chân tướng là của một cá nhân thì bản sắc phải do mỗi người trong tập thể cùng có chung. Có bản sắc, như có một cái khiên, cái mộc để bảo vệ cho tất cả mọi người trong cộng đồng. Nhiều vấn đề, người ngoài họ phải e dè, nếu khi chạm đến một người, tức là chạm đến cả cộng đồng. Các cá nhân dù có sống đơn độc ở nhiều nơi, họ cũng được cái dù vô hình ấy che chở."

"Một điều quan trọng nữa, riêng cho tất cả người Việt Nam của chúng ta, trong vài ba thập niên nữa, nếu chúng ta không tìm ra được cái bản sắc chung, thì một số người Việt hải ngoại trên khắp thế giới sẽ thành Việt Mỹ, Việt Gia Nã Đại, Việt Pháp, Việt Đức, Việt Anh, Việt Ý, Việt Úc, Việt Tân TÂy Lan và Việt gì gì nữa... Và chúng ta tự hỏi có điều gì giữ họ ngồi được với nhau, có cái gì giúp họ nhận ra là anh em, đồng bào, nếu không chỉ còn là một đống sà bần không tên. Còn thêm nữa, với bao nhiêu dị biệt về văn hóa và chính kiến bên ngoài, bao nhiêu pha trộn làm sao có những điểm chung với những người Việt Nam trên quê hương mấy chục năm sau.

"Chúng ta hãy nhìn những người di dân Trung Hoa. Với kinh nghiệm của họ, họ di dân không ngừng, họ định cư ở khắp thế giới, và trải qua bao nhiêu thế hệ, dù ở đâu họ vẫn giữ được hình ảnh của họ liên tục. Chợ Tàu như một điểm tựa, và quê hương như một hậu cứ khổng lồ vô biên. Hàng năm, mỗi lần lễ song thập, tất cả các đại diện Hoa kiều trên thế giới lại quay về họp mặt, và họ vẫn còn nói thứ tiếng của tổ tiên họ. Còn chúng ta, không biết đến bao giờ mới có một ngày như ngày "Song thập" của họ trên quê hương ta."

"Còn di dân Nhật Bản, họ là những người chịu nhiều sự đau khổ về bản sắc với quốc gia của họ nhất. Vì biến cố lịch sử của thế chiến thứ hai, chính phủ Mỹ đã cấm di dân Nhật, và cũng đương nhiên cắt đứt sợi dây liên lạc giữa họ với quê hương họ. Không phải họ không có tinh thần quốc gia, mà chính vì lòng quốc gia quá mạnh và cũng vì sự kỳ thị giai cấp quá nghiệt ngã của dân Nhật đối với những người cùng đinh di dân Nhật mà chính họ đã lãnh hậu quả khủng hoảng về bản sắc như vậy."

"Tôi cũng đang lo ngại rằng, khi mà các trại tị nạn trong vùng Đông Nam Á đóng cửa, khi mà những người tị nạn cuối cùng bị cưỡng hồi hương, khi mà làn sóng di dân Việt Nam bị cắt đứt, khi mà hận thù vẫn chưa xoá mờ được, khi mà cách đối xử của chính quyền trong nước với người Việt hải ngoại chưa thay đổi, thì tôi nghĩ rằng tình trạng sẽ cũng không khác gì cho các thế hệ sắp tới như những kinh nghiệm của di dân Nhật Bản tại Hoa Kỳ, ngoại trừ cộng đồng Việt Nam hải ngoại phải được xây dựng một cách vững chắc."

"Thôi bây giờ, ông không cần phải ngắt lời tôi, tôi cũng nên ngừng. Đầu óc ông đã đầy những băn khoăn, tôi không muốn làm ông bối rối thêm nữa. Mọi chuyện cứ từ từ giải quyết, đây là một vấn đề trường kỳ và liên tục. Điều cần nhất

là mọi người phải biết mình muốn cái gì? Muốn đi đến đâu? Muốn cái hình ảnh của con cái mình như thế nào ở cái thế hệ thứ hai, thứ ba...?

*

Anh bỏ điện thoại xuống. Bữa cơm tối cũng vừa xong. Anh bước ra bao lơn để cần một chút gió. Đêm đã xuống từ lâu, trên trời lờ mờ, lác đác vài ngôi sao. Đêm hè ở đây đã khác xa với vùng trời miền nhiệt đới. Anh nhớ lại những đêm hè ở quê hương, trời đầy sao vằng vặc, giải ngân hà rõ mồn một chạy ngang trời. Ngày còn nhỏ, anh thường cùng với anh chị em ngồi trong sân, ngửa mặt thi đếm sao, nhưng đếm chẳng bao giờ hết được, và chỉ ngưng khi tất cả đều mỏi cổ.

Tự nhiên anh liên tưởng đến anh và mọi người ở đây, như đang đứng trong đêm tối, đang cùng nhau cố tìm một vì sao định hướng, chỉ đạo cho một cuộc hành trình mới.

Một lần, anh được mời đến dự buổi tiếp tân người nữ tài tử điện ảnh đã bao năm đóng góp cho nền điện ảnh Việt Nam. Nay cô vẫn còn tiếp tục sự nghiệp trên đất Mỹ. Cô đã tâm sự, cô luôn luôn bị dằng co giữa con người Việt Nam và những vai trò mà các hãng phim giao phó. Cô đã từ chối nhiều hợp đồng vì không muốn con người Việt Nam bị hiểu lầm và bị bôi nhọ. Nhiều người đã phát biểu tán thưởng hành động của cô, nhưng người Mỹ thì họ không đặt nặng vấn đề đó và thường phiền trách cô rằng "Cô hãy quên con người Việt Nam của cô đi." Chắc một số người cũng đã quên vì một vài lý do thực tế nào đó. Còn cô thì đã nhất định không chịu quên.

Anh lại nhớ đến một chiều đi dự lễ "Ngày học sinh Việt Nam," được tổ chức nhân dịp cuối năm học. Khác với năm xưa, ngoài việc nêu danh và trao tặng phẩm cho các học sinh tốt nghiệp trung học, ban tổ chức thêm vào việc giới thiệu các lớp Việt ngữ và có một ước vọng là tập họp được tất cả các học sinh Việt Nam trong vùng để gây một ý thức cộng đồng cho các em.

Hội trường tuy còn trống chỗ, nhưng nhiều người đã đến tham dự. Trên hàng ghế chính, có nhiều quan khách Mỹ, họ ngồi cho đến khi lễ tất. Chung quanh anh, hầu hết là các học sinh trung học. Anh đã sống lại đôi phút những hình ảnh của thuở thiếu thời khi xưa trong những ngày hè mãn khóa. Anh mỉm cười nhìn một số em nhỏ vỗ tay, huýt gió khi các em nhỏ nữ sinh lên nhận lãnh phần quà. Trong khung cảnh náo nhiệt đó, nhiều em khác ngồi yên lặng, một số em ngồi một mình trên những hàng ghế trống, không bạn bè, không phụ huynh.

Anh cũng mong các em sẽ đến đông hơn để vui đùa, huýt gió, để hò hét làm vỡ hội trường và sống như cái thời anh đã sống trước kia trong các ngày mãn khóa. Chúng ta đã có bao nhiêu bạn bè ở đó, những bạn bè như những sợi dây kỹ niệm kéo về trường xưa, làng cũ. Anh muốn các em cũng có những người bạn của thời trung học như anh, dù có phải phiêu bạt khắp phương trời, tấm tình bằng hữu vẫn mãi mãi không phai.

Anh mong muốn thấy, mọi người chúng ta cùng đến, đến không phải chỉ nhìn thấy con cháu của chúng ta chia tay mùa hè mà để ân cần khuyến khích con cháu ta gặp lại nhau, tập hợp nhau và nhất là giúp chúng thành những người bạn đồng hành với nhau sau này.

Hôm đó anh cũng được chứng kiến hình ảnh những em hăng hái, tự tin đứng trước hội trường phát biểu ý kiến. Anh cũng nghe thấy những diễn giả khuyến nhủ con cháu mình cố gắng học và đừng quên nguồn gốc Việt Nam. Anh cảm thấy bao chứa chan hy vọng, khi nghe một em bé sáu tuổi đọc bài cảm tưởng là trước kia đã quên hết tiếng Việt, sau ba tháng học, em đã biết đọc, tuy còn rất nhiều chữ, em đọc không có dấu. Anh còn cảm động hơn, khi chương trình Việt ngữ giới thiệu một nữ giáo viên, một thiếu phụ đơn độc đến Mỹ với ba con nhỏ vẫn cố bỏ thời giờ âm thầm, dìu dắt các em nhỏ về nguồn.

Còn bao nhiêu điều phấn khởi khác, trong các tiệm sách, những tác phẩm cũ và mới, các tạp chí văn học, nghiên cứu bằng tiếng Việt ngày một tràn ngập trên các kệ. Báo hàng ngày, hàng tuần ê hề phát không trong các siêu thị. Những buổi trình diễn văn nghệ, hội họp chính trị rạp kín không còn chỗ. Chùa chiền, nhà thờ không thiếu ở một nơi nào. Những bài kinh, những lời giảng vẫn bằng tiếng mẹ đẻ như xưa. Những Little Saigon như những nôi nuôi dưỡng và phát triển văn hoá cũng như bản sắc cho người Việt tại hải ngoại, không những chỉ có tính cách đặc thù với Hiệp Chủng Quốc, mà còn đối biệt với những gì đang xảy ra ở trong nước.

Nhưng sao nhiều người, trong nỗi hân hoan nhìn thấy con mình, cháu mình đang cố soải cánh bay về tương lai, vẫn thấy băn khoăn cảm thấy có một cái khoảng trống ngày càng cách

xa giữa con cháu họ với những hoạt động nói trên. Có cái gì dành cho số đông con cháu họ, khi mà trình độ ngôn ngữ dị biệt ngày càng là một trở ngại, ngày càng là một cách biệt trầm trọng. Có người đã đặt câu hỏi tiếng Việt có phải là một yếu tố sống còn để giữ gìn bản sắc cho những thế hệ sắp tới của người Việt hải ngoại hay không? Người già luôn luôn bị quá khứ kéo lại, còn người trẻ luôn luôn bị tương lai kéo đi. Mà trong cái xã hội "Siêu kỹ thuật" này sức kéo gia tốc ngày càng nhanh. Văn hóa Việt Nam bằng ngoại ngữ để truyền thông với thế hệ tương lai bước đầu vẫn ngập ngừng, do dự. Những vấn đề của họ vẫn chưa có chỗ tương xứng trong nghị trình hoạt động của cộng đồng. Tương lai chưa thăng bằng với quá khứ, và nhiều mục tiêu đã bị lãng quên. Hy vọng những hoạt động văn hoá, báo chí hiện nay sẽ không phải là những âm ba sẽ lịm dần trong mảnh ao tù trong những thập niên tới, mà sẽ nối được quãng đứt gián đoạn với những thế hệ tương lai. Nếu không con cháu của họ sẽ phải tự lần mò đi tìm bản sắc đích thực của mình.●

THƯ MỤC THAM KHẢO:

Sách Anh Ngữ:

- *Nisei:The Quiet American,* tác gỉa Bill Hosohawa, nhà xuất bản New York W. Morrow, 1969
- *The Story of Chinese in America,* tác giả Betty Lê Sung, nhà xuất bản New york, Collier 1971
- *Asian American-Psychological perspective,* tác giả Ben Lomond, Stanley Sue, Nathaniel N. Wagner, nhà xuất bản California, Science and Behavior Books, 1973
- *Primitive Culture, tác giả EB. Taylor, 1981Social Education, tác giả James A Bank, 1983*
- *American Heritage Dictionary,* nhà xuất bản New York NY Dell, 1983
- *Acculturation and Occupation,* tác giả Weinstock S. Alexander, 1969
- *Roots,* tác giả Alex Haley, nhà xuất bản Boston G.K.Gill, 1979

Sách Việt Ngữ: (tái bản tại hải ngoại)

- *Việt Nam Văn Hoá Sử Cương, tác giả Đào Duy Anh*
- *Việt Nam Sử Lược, tác giả Trần trọng Kim*
- *Tự Điển Việt Nam,* Hội Khai Trí Tiến Đức
- *Tự Điển Việt Nam,* tác giả Nguyễn ngọc Trụ
- *Hán Việt Tự Điển,* tác giả Nguyễn văn Khôn

Đặc San

QUẢNG ĐÀ năm 1999

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

Với sự cộng tác:

Kiêm Đạt . Bùi Giáng . Lệ Nam . Vũ Ký . Trần Văn Nam . Võ Thu Tịnh . Vĩnh Sinh . Nguyễn Phước Tương . Lý Trường Trân . Thy Hảo Trương Duy Hy . Huỳnh Hữu Ủy . Hồ Quang . Đào Duy Hòa . Thanh Xuân Nguyễn . Hoàng Châu Ký . Hoàng Lộc . Mặc Thu . Đoàn Ngọc Nam . Phạm Hữu Đăng Đạt . Vũ Hối . Tường Linh . Hà Nguyên Thạch . Hạ Đình Thao . Luân Hoán . Vũ Hữu Định . Nguyễn Đông Giang . Thành Tôn . Hoàng Lộc . Cung Tích Biền . Lưu Nguyễn . Triều Hoa Đại . Nguyễn Mạnh Trinh . Hồ Thành Đức . Hà Quốc Huy . Lê Hữu Lân . Vô Tình . Duy Lam . Huy Tưởng . Phan Như Thức . Hà Nguyên Dũng . Dư Mỹ . Trần Yên Hòa . Đặng Hiền . Nghiêu Minh . Thiên Tứ . Nguyên Hà Võ Văn Viên . Nguyễn Nam An . Võ Đại Tôn . Lê Thị Hàn . Phan Xuân Sinh . Phan Huy Mạc Phi Hoàng . Trần Lộc . Xuân Đà . Kiêm Thêm . Trần Thiện Hiệp . Hồ Quang Hiền . Hoàng Vũ . Thủy Trang . Phương Đình . Thái Trịnh . Huỳnh Phi Hổ . Anh Vũ . Đào Thanh Khiết . Nguyễn Thùy . Nguyên Hà . Trần Thái Vân . Đynh Trầm Ca . Trần Thế Phong . Lê Văn Bá . Nguyễn Thị Thế . Nguyễn Bá Dĩnh Thủy Trang . Huỳnh Nhâm . Hà Thúc Sinh . Du Tử Lê . Phan Xuân Sinh . Trần Hoài Thư . Trần Trung Đạo . Hà Kỳ Lam . Nguyễn Hương Nhân . Phạm Phú Hay . Cao My Nhân . Lê Mộng Hoàng . Dương Như Nguyện . Nguyễn Thị Ngọc Liên . Hoa Hoàng Lan . Nguyên Vũ . Duy Cường & Duy Mãnh . Bùi Công Luân...

- Bìa tranh: Hội An của Đinh Cường.
- Dày trên 530 trang
- Giá 10 Mỹ kim cộng cước phí.

Mọi liên lạc về: ÁI CẦM - THÁI TÚ HẠP

P.O. Box 428 Rosemead, CA 91770 - ĐT: (626) 288-2696 - Fax: (626) 288-2033

THẰNG RUỘNG

ĐẶNG PHÚ PHONG

Không ai biết hay đúng hơn không ai cần biết thằng Ruộng quê quán, gốc tích ở đâu, như thế nào. Chỉ biết hắn xuất hiện ở cái chợ nhỏ bé này ban đầu là một gả ăn xin. Tuổi độ hai mươi, thân hình tuy gầy gò nhưng trông có vẻ chắc chắn nên hắn khó có thể nhận được của bố thí ngay cả những người có nhiều từ tâm.Ban ngày hắn đứng thập thò trước mấy quán ăn chờ thực khách ra vào xin tiền lẻ, có lúc đói quá hắn bước càn vô tiệm bưng vội tô phở thừa, bát bún cặn húp lấy húp để. Điều này khó có thể chấp nhận được đối với người dân trong thị trấn. Họ phần đông chẳng giàu có gì, họ có thể chấp nhận việc đi ăn xin, nhưng nhất định việc thằng Ruộng giật vội những thức ăn thừa là không. Và họ cùng bảo nhau không cho thằng Ruộng bất cứ một thứ gì. Thế là thằng Ruộng đói chí tử.

Ban đêm hắn ngủ trong một góc lều chợ, đói quá hắn bèn mò mẫm đến đống rác, bới nhặt tìm tòi, chẳng có gì ra hồn, hắn đành nhai mấy nắm vỏ đu đủ đắng nghét, thè lưỡi liếm mấy lá chuối của người ta gói mắm. Hắn cố lê đến một vũng nước mà hằng ngày người buôn bán ở chợ đổ ra, vục mặt xuống uống ừng ực. Uống xong hắn bắt đầu nôn ọe, người hắn gập

lại, oằn oại theo từng cơn mửa thốc mửa tháo. Hắn ngã vật lên một chiếc sạp gần đó thiếp đi trong giấc ngủ chập chờn cơn đói khát.

Thằng Ruộng thức dậy bởi một cái đá đau điếng vào mông.

"Ai cho mầy ngủ trên sạp của tao? Làm biếng nhẫy thây, giờ này mà còn ngủ, không xéo đi cho tao bán hàng."

Bà Tư Bún vừa quát tháo thằng Ruộng vừa bắt đầu lui cui lấy đồ nghề bán bún trong gánh hàng ra bày biện. Thằng Ruộng cố nhoài mình tránh chỗ cho bà Tư Bún, nhưng người hắn như tê dại không còn chút sứ lực nào cả. Hắn thều thào:

"Tội quá bà Tư ơi tui dậy không nổi."

"Cái thằng nầy! sao vậy? Bịnh à?"

"Tui đói quá, ba ngày rồi không có gì vô bụng chịu không thấu."

"Đáng đời mầy. Cái thân cọp ăn ba ngày không hết mà lại đi ăn mày. Đã chớ lại còn đi ăn giựt đồ canh thừa cá cặn."

"Bà Tư cho tui ăn đi, gì cũng được, tui làm đầy tớ cho bà." Cái giọng yếu ớt van lơn của thằng Ruộng như làm bà Tư Bún mủi lòng. Bà giở cái rổ đựng trầu lấy ra một gói lá chuối đưa cho Ruộng:

"Nè, giộng mấy cái củ khoai vô họng đi rồi xéo cho bà bán hàng."

Mấy củ khoai lang ấm trong bàn tay lạnh giá của Ruộng, hắn đưa lên mũi khoan khoái hít lấy mùi thơm của khoai rồi nhai ngấu nhai nghiến. Bột khoai bùi nghẹn họng, hắn đưa tay đập đập lên ngực mấy cái cho khoai xuống bụng.

Ăn xong mấy củ khoai tuy chưa no dạ nhưng Ruộng thấy khỏe người ra. Hắn ngồi nhìn bà Tư đang sắp xếp đồ đạc. Dụng cụ bán bún của bà Tư thật lỉnh kỉnh. Từ cái nồi to để nấu nước ăn bún,hai chồng tô lớn, cái lò đất, cái ấm đất, bó củi, bao than rồi đến mấy cái đòn ngồi cho khách ăn, bó đũa cho đến ống tăm xỉa răng, cả đến cái chậu rửa chén bằng đất, tất cả đều được bà ta khéo léo sắp xếp trọn vẹn trong cái gánh của mình.Dưới ánh sáng mù mờ, vàng chạch của ngọn đèn hột vịt bà lần lượt mang từng món sắp theo thứ tự, một cái thứ tự rất cần thiết cho việc xoay trở sao cho thật lẹ làng để kịp phục vụ năm ba khách hàng cùng một lượt. Lúc bà Tư Bún bày biện xong cũng là lúc ông Tư gánh hai thùng nước đến cho bà xử dụng, ông Tư xếp hai thùng nước cạnh vào nhau rồi vác đòn gánh quay về nhà chuẩn bị đi làm thợ mộc. Thấy Ruộng ngồi xớ rớ ông hét:

"Mầy làm cái gì ở đây?"

"Nó đói nhăn răng mấy ngày rày rồi đó ông." Bà Tư trả lời giùm nó.

"Đồ làm biếng sao không chịu kiếm cái gì làm. Già như tao mà vẫn suốt ngày gõ lốc cốc mới có cái ăn. Còn mầy, hừ, cái thằng!"

Ông Tư bỏ đi được mấy bước, quay lại kêu bà Tư:

"Bà coi có cái gì cho nó ăn nghen bà."

Thằng Ruộng định tiếp bà Tư nhóm bếp lửa nhưng bà Tư gạt đi :

"Mầy nghỉ đi. Từ rày kiếm việc làm đừng ăn xin nữa, nhục nhã lắm mầy ơi. À, tao bày mầy đi ra sông gánh nước cho mấy người buôn bán chợ hay những người nhà không có giếng, kiếm gạo mà nuôi thân."

"Tại tui không phải dân ở đây nên không biết việc này, nhưng bà Tư ơi tui không có thùng làm sao gánh được."

"Dễ ợt, mầy gánh nước cho ai thì lấy thùng của người ấy mà gánh."

Bếp lửa cháy bùng lên, bà Tư xoay người sang thùng nước vớt tấm lá chuối mà ông Tư bỏ vào để nước khỏi bị sánh ra ngoài khi gánh đi, định nghiêng thùng nước đổ vào nồi. Ruộng nhanh nhẹn đỡ tay cho bà rồi bưng nồi nước đặt lên bếp.

"Nè Ruộng, nếu mầy muốn làm thiệt thì trước hết mầy giúp ông Tư mỗi bữa sáng gánh nước cho tao. Tội nghiệp, ổng già ngày nào cũng cầm dùi đục vậy mà còn thức sớm còng lưng gánh nước cho tao. Mầy thế ổng,tao trả cho mầy một đồng một đôi."

Thằng Ruộng bắt tay vào việc ngay hôm sau. Bà Tư dần dần giới thiệu hắn với những người cần giúp nên Ruộng càng ngày có nhiều việc làm hơn. Hắn dành dụm mua được đôi thùng, nguyên là thùng chứa dầu lửa,đôi móc sắt và cái đòn gánh bằng tre thật dẻo. Bây giờ hắn chỉ cần quảy đôi thùng không, đi lòng vòng trong chợ thế nào cũng có người kêu hắn đổ cho một đôi nước. Thế là hắn đi thẳng ra bến sông Côn, lội ra xa một chút cho có nước sạch, để nguyên cái gánh trên vai, khom lưng một chút, hai tay đè hai cái thùng xuống nước, nước đầy thùng hắn gánh về cho thân chủ. Gặp mùa nắng hạn, nhiều giếng nước bị khô cạn, thằng Ruộng càng có nhiều nhà thuê mướn, nhất là mấy tiệm ăn mà trước kia hắn thập thò xin ăn. Được dịp hắn làm nư để trả thù các chủ tiệm ăn từng xua đuổi hắn, bằng cách ừ hữ nhưng rồi không cung cấp nước.

Hắn thấy sướng trong bụng vô cùng khi nghe giọng nói nửa thiết tha nửa trách móc sao không gánh nước cho họ. Thì ra thằng Ruộng hèn hạ này vẫn có người cần đến, hắn khoái chí nghĩ như vậy. Khi sông Côn được bắc cầu nối liền hai thị trấn nhỏ bé, đem lại rất nhiều lợi ích cho dân chúng. Thằng Ruộng cũng gặp được nhiều điều may. Hắn khỏi tốn công lội ra giữa dòng để tìm nước thật sạch, chỉ cần đứng trên thả gàu xuống là xong. Khi tiết trời nóng nực, hắn ra cầu, nằm đâu đó trên bờ tràng, nghe bọn thanh niên thiếu nữ đứng hóng mát nói chuyện vui đùa, đôi khi hắn học lóm những câu chuyện thật thích thú. Trời thanh gió mát, không phải nóng nực muỗi mòng như ở xó chợ, hắn ngủ thật ngon lành.

Nhưng hắn thật sự khoái hơn bao giờ cả trong cái hôm hắn được đoàn hát bội Nhạn Trắng thuê đi "rao bảng." Chiều đến, hắn mặc bộ đồ Ka Ki vàng, đội mũ có vành sơn màu xanh đỏ, mang trước bụng hắn cái trống có dán giấy giới thiệu tuồng hát đêm nay sẽ diễn. Hắn hai tay cầm hai dùi trống, gõ cắc tùng cắc tùng, đi khắp nơi trong thị trấn. Tụi nhỏ hiếu kỳ đi theo thành đoàn vỗ tay theo tiếng cắc tùng của hắn. Mỗi lần có ai đó kêu hắn đứng lại để đọc cho ra tên tuồng hát, tên diễn viên, hắn càng thích chí, mặt vểnh lên trời, hai tay hắn khua trên mặt trống càng dòn dã hơn, càng to hơn. Cũng nhờ thế hắn lại được coi hát không tốn tiền nên hắn đâm mê hát bội và thuộc nhiều tuồng tích. Hắn mê mẩn cô đào Mộng Cầm trong vai Lữ Bố, thuộc gần hết tuồng Tam Anh Chiến Lữ Bố. Nhiều lúc trong giấc ngủ lơ mơ, thằng Ruộng đưa tay dập muỗi mà tưởng mình là Lữ Bố đang quần thảo với ba anh em Lưu, Quan, Trương. Lữ Bố là thần tượng của hắn.

NGUYỄN NAM AN

HẬU CỨ BÂY GIỜ ĐÃ XA XÔI

Hậu cứ tôi giờ đã xa xôi
Đâu, đâu đó bềnh bồng trong ký ức
Giấc ngủ em xa xưa giật mình giữa đêm pháo kích
Thao thức Sài Gòn nhớ gì xa

Hậu cứ tôi dường tiếng gọi thiết tha
Là góc núi đầu làng nơi quê quán
Vàng điện thị thành bàn tay đưa đón
Nước ngập bước quân hành những ruộng đất bỏ hoang

Quán bên đường em sống tạm mùa sang
Tô mì gói vài con khô xị đế
Bè bạn đụng trận trở về nguyên thân thể
Vô vài ly vung vít để mừng nhau

Hậu cứ tôi đêm thành phố chìm sâu
Chiến trận ven đô Sài Gòn thức đợi
Sài Gòn của em đêm về bóng tối
Những mặt người dáo dác kiếm tìm quanh

(Hậu cứ tôi, em đôi mắt ngày xanh
Anh đầu ba phân mặc quần thủng đít
Đi học nhiều lần bị quỳ sơ mít
Lớn lên vào đời học thói ba gai
Nhưng yêu nước non mình anh cũng chẳng thua ai

Hậu cứ tôi không còn để trở lại nay mai
Anh cất cái thẻ bài trong tim khóa cứng
Anh nhớ cửa Chuồng Cu của một lần thế đứng
Nhảy mẹ nó cú này may rủi cũng em thương
Hậu cứ ơi, thôi mất, giờ tha phương)

(1996-1999)

Sinh hoạt của thị trấn nhỏ bé chưa có điện, ngoại trừ trong quận đường và chi cảnh sát, nên mọi thứ công việc hầu như dựa trên sức người. Thằng Ruộng càng làm việc càng mạnh mẽ hơn lên và được nhiều người tin tưởng nên thuê hắn gánh cả hàng hóa ra chợ vào sáng sớm và mang về nhà vào xế trưa. Cuộc sống thằng Ruộng càng ngày càng thăng hoa lên. Trong túi rủng rỉnh tiền và hắn lại có quyền nữa.

Bà Hai Y là người thu thuế chợ bị thất thu. Những người nông dân bán khoai, đậu... không đem vô chợ vì sợ phải đóng thuế nên ngồi trên con đường dẫn vào chợ. Hễ thấy bóng dáng bà Hai Y thì lánh mặt hoặc tìm cách dấu đi. Bà ta tức tối vô cùng nhưng không thể nào kiểm soát cho nổi. Bà thấy thằng Ruộng dạo này mập mạp cao lớn hẳn ra trông tướng hắn cô hồn lắm. Bà Hai Y bèn mướn thằng Ruộng lui tới canh chừng bọn bán lậu thuế. Thằng Ruộng buổi sáng chẳng cần phải đi gánh nước nữa. Hắn thọc tay vô túi, đi lui đi tới, hằm hằm hè hè, nhìn sát từng mặt mọi người. Ai chưa đóng thuế hay trốn thuế nhất định khổ với hắn. Một lần nó ôm cả rổ đậu phộng quăng xuống vũng sình vì bà bán đậu bán đến hai rổ mà chỉ đóng thuế có một. Nó trở thành cánh tay mặt đắc lực cho bà Hai Y, càng ngày hắn càng vênh vênh váo váo . Hắn trở thành một ông ngáo ộp, hò hét, chửi mắng những người dân quê bán lậu thuế. Hắn phân chỗ ngồi cho đám mua thúng bán bưng nên hễ ai biết điều dúi cho hắn tí đỉnh thì sẽ có được chỗ ngồi tốt. Vào xế trưa, chợ tan hết chỉ còn mấy người ế hàng ráng ngồi lại, trong đó có hàng bán bánh chả và rượu. Thằng Ruộng chễm chệ ngồi dựa cột chợ kêu bà hàng một xị rượu đế, mấy lụi thịt nướng. Hắn bắt đầu nhậu cho đến tối mịt, mặc kệ bà hàng dọn gánh ra về tự lúc nào. Và hắn bắt đầu hát bội, thường thì hắn chỉ ngồi yên một chỗ ngâm nga câu Nam câu Khách, nhưng có lúc hứng chí hắn ra điệu bộ múa may. Lấy cây chổi chà quét chợ làm ngựa Xích Thố cây đòn gánh thành cây Phương Thiên Họa Kích, hắn nhập vai Lữ Bố mà mê mẩn cô Điêu Thuyền đẹp "nghiêng thùng đổ nước."

Láng giềng của thằng Ruộng là con mụ Ân dở điên dở khùng, chiếm lĩnh góc liêu cách hắn một gian. Năm 65 vùng nông thôn bị Việt Cộng chiếm, hàng đoàn dân quê dắt nhau chạy về thị trấn, mụ Ân ở trong đám người chạy loạn ấy. Nhưng mụ Ân xấu số hơn những người khác, chồng và đứa con mới mấy tháng của mụ đã chết vì bom rơi đạn lạc. Mụ Ân hóa cuồng từ đấy. Mụ Ân lang thang đầu đường xó chợ, quần áo rách tả tơi, ai cho gì ăn nấy, tối về lều chợ ngủ. Lúc nào trên đầu chót mũi của mụ Ân cũng dán một miếng giấy. Một viên đạn oan nghiệt đã trúng vào ngay mũi của đứa bé, nó chết tức tưởi trên tay mụ. Việc này ám ảnh mụ hoài, mụ dán mảnh giấy trắng lên mũi như một lá bùa cho đạn nó sợ, khỏi trúng vào mình. Nhiều đêm nhớ con, mụ kêu gào thảm thiết, thằng Ruộng mất ngủ, kêu với hăm he, mụ không nín, tức mình nó đi đến chỗ mụ co giò đạp cho mấy cái mụ mới chịu im. Từ ngày ấy mụ Ân sợ thằng Ruộng một phép không dám chạm mặt hắn, dù có hôm thấy thằng Ruộng hát bội múa may trông thật đã nhưng mụ cũng chỉ dám nấp đàng sau cột chợ coi lén. Dần dần mụ Ân cũng bớt khùng đi, chỉ giữ lại cái miếng giấy trên mũi, hai ba bộ quần áo tả tơi mặc cùng một lúc và mấy cái bị hôi hám lúc nào cũng kè kè bên người. Mụ trở thành kẻ ăn xin chuyên nghiệp.

Một buổi tối thằng Ruộng uống hết cả lít rượu đế rồi mà vẫn tỉnh như sáo. Hắn vớ cái chai không đi đến quán rượu gõ cửa ầm ầm nhưng chủ quán không mở, giận quá hắn trật quần tè ngay ngạch cửa, nước chảy lai láng, thích chí hắn cười hô hố rồi ngất ngưởng quay về. Vừa đi hắn vừa hát rống lên đoạn Thoại Ba Công Chúa tiễn Địch Thanh Nguyên Soái.

Thằng Ruộng đêm nay không say có lẽ vì cái đoạn tuồng thật bi ai chết tiệt ấy. Hắn thấy thương cho hoàn cảnh của cô công chúa vừa đẹp vừa giỏi võ còn biết hóa phép, thắng cả tướng tài Địch Thanh nữa. Vậy mà nàng ta không thể nào cầm chân được chàng Nguyên Soái yêu thương của mình, đành phải gạt lệ mà ca: "Song lụy sái san san. Thốn tâm hoài cảnh cảnh. Hồn ly biệt dường mê dường tỉnh..." Đồng thời hắn cũng thấy giận cái ông Địch Thanh quá đỗi. Người ta thương mê thương mệt, hầu hạ mình quá chừng, vậy mà không chịu ở cứ chực chờ có cơ hội là quất ngựa truy phong. Càng nghĩ thằng Ruộng càng thấy tức, càng tức hắn càng uống và cứ hát đi hát lại cái đoạn tuồng thống thiết bi ai ấy. Hắn nghĩ nếu như hắn là Địch Thanh thì nhất định hắn không bỏ đi đâu. Hắn sẽ ở lì bên Thoại Ba Công Chúa suốt ngày suốt đêm không rời nửa bước. Trời ơi, cái gì chứ cái khoảng bồ đào mỹ tửu, cầm chén rượu mới đưa lên mà mùi thơm đã ngát cả mũi như thế kia thì trên đời còn chi

sánh bằng. Thằng cha Địch Thanh nầy ngu hết chỗ. Hắn, một tay cầm cán chổi đưa tới, một tay nắm đuôi chổi kéo lại, hai chân giậm thình thịch lui tới, ra bộ Thoại Ba và Địch Thanh đang dùng dằng kẻ ở người đi. Thằng Ruộng hát khúc chia tay này với nỗi lòng thống thiết. Bất chợt có tiếng động làm hắn giật mình. Hắn hét lớn hỏi, thì ra con mẹ Ân đang nấp khuất trong bóng tối.

"Mầy làm cái gì đó bộ muốn ăn cắp đồ của tao hả?"

Mụ Ân lúng ta lúng túng, mấy cái bị vải lắc lư theo bước chân rụt rè của mụ:

"Không không, tui chỉ coi hát."

"Con mẹ mầy, đi chỗ khác. Hát hò gì, ai hát cho mầy coi?"

"Anh hát hay quá. Nụ Ân vừa nói vừa hối hả bỏ đi."

Thằng Ruộng bỗng thấy có một cái gì vui vui, nhẹ nhàng trong bụng. Hình như từ thật lâu lắm, từ ngày nó có mặt ở cái thị trấn nhỏ bé này nó chưa bao giờ nghe ai gọi nó bằng anh. Tất cả mọi người đều gọi nó là thằng, ngay cả đám trẻ nít cũng gọi nó là Thằng Ruộng. Tiếng "anh" từ miệng của mụ Ân sao nó nghe ngồ ngộ, âm ấm trong lòng. Hắn gọi mụ Ân, giọng nhẹ ra:

"Nè... mụ Ân... lại đây."

Mụ Ân dừng bước quay lại nhìn thằng Ruộng một chút rồi từ từ đi tới, ngồi bệt xuống đất tựa lưng vô gốc cột. Thằng Ruộng quẹt diêm châm cái đèn hột vịt không có bóng. Ánh sáng vàng vọt hắt ra một vùng heo hắt. Hắn lấy ra mấy miếng kẹo đậu phộng của bà bán kẹo vừa lòn tay cho hắn khi sáng, đưa cho mụ Ân:

"Nè, ăn đi."

Mụ Ân sẽ lén đưa bàn tay bẩn thỉu nhón lấy, chậm chạp đưa lên miệng, sau khi len lén nhìn thằng Ruộng. Vị ngọt của đường đen, chất béo của đậu phộng kích thích tuyến nước bọt của mụ Ân ghê gớm. Mụ nhai lấy nhai để, nuốt vô ực ực. Thoáng chốc mấy miếng kẹo đã chui tọt vào bụng mụ. Mụ hỏi xin nước, uống ừng ực mấy bát nước lạnh. Thằng Ruộng ngồi yên nhìn mụ Ân ăn kẹo. Tiếng "anh" của mụ Ân đã làm hắn cảm thấy trong hắn có nhiều điều hơn hắn nghĩ, mặc dù hắn không thấy rõ ràng những điều đó là thứ gì. Qua ánh sáng tù mù hắn bỗng thấy mụ Ân sáng sủa ra, ngồ ngộ, hay hay hơn mọi ngày. Chợt Ruộng hắn giọng lấy hơi hát một câu Nam: "Lao xao sóng bủa cội tùng, Giang san là nợ anh hùng phải vay." Đúng rồi, những điều mà hắn lờ mờ cảm thấy, làm cho hắn vui vui ấy chính là cái anh hùng trong hắn. Hắn cũng anh hùng như ai.

Mụ Ân bỗng thấy đau bụng nhưng mụ ráng kềm vì sợ thằng Ruộng và cũng để coi nó hát. Nhưng cơn đau bụng càng lâu càng dữ dội lên, mụ chịu hết nổi, ôm bụng rên hừ hự. Thằng Ruộng lật đật tìm ve dầu Nhị Thiên Đường đưa cho mụ Ân:

"Thoa đi, chắc do ăn kẹo đậu phộng đấy."

Nhưng mụ Ân không cầm nổi ve dầu, cơn đau làm mụ oằn oại cả người. Mụ nằm lăn xuống đất, hai tay bóp chặt bụng mà gào thét. Thằng Ruộng gỡ hai tay mụ ra vén mấy lần áo rách tua tủa rồi dốc ngược ve dầu đổ xuống lỗ rốn của mụ. Cái con mẹ Ân đen như cột nhà cháy kia vậy mà sao cái làn da bụng trắng kỳ dị. Bàn tay của hắn như nóng lên khi chạm vào cái vùng trắng phếu ấy. Hắn run run thoa bóp chung quanh cái rốn của mụ Ân. Mụ Ân có cái rốn thật tròn trịa và sâu. Người giàu mới có cái rốn như thế này, theo lời lão thầy mù thường ngồi giữa chợ coi bói. Hắn định ngày mai sẽ hỏi lại lão. Xoa bóp một lát mụ Ân chừng như đã lắng cơn đau, nằm gối đầu trên đùi thằng Ruộng,nhắm mắt yên lặng. Ruộng thấy trong người hắn nóng ran lên, nước miếng tự nhiên trào đầy ra cổ, hắn nuốt ừng ực từng hồi mà không hết. Hắn nghe như có tiếng trống chầu hát bội đập trong tim, hơi thở mạnh đến nỗi làm cái đám râu mép mất trật tự của hắn rung rinh liên hồi. Hắn cuối xuống đưa cái mũi hít thật mạnh trên má mụ Ân, rồi cứ thế hắn ủi lên khắp người mụ. Cái mùi hôi hám của mụ Ân mà hằng ngày hắn gớm ghiếc bây giờ trở thành một mùi lâng lâng quyến rũ. Mụ Ân run lên bần bật, đưa tay ôm choàng qua lưng thằng Ruộng, miệng rên nho nhỏ. Thân thể hai người như không còn tí xương, biến thành hai con bạch tuộc xoắn chặt lấy nhau, cơ hồ đất trời như đang tang loãng.

Sau hôm đó mụ Ân dọn qua ở chung với thằng Ruộng, mụ bớt dơ dáy đi. Cái đầu tóc bù xù rối ren như ổ rơm được chải gỡ, xức dầu dừa láng mướt, mụ không mặc ba bộ quần áo cùng một lúc nữa. Mụ Ân thành người nội trợ hẳn hòi cho thằng Ruộng. Cái xó lều chợ của thằng Ruộng được vây lại kín đáo hơn bằng những thùng giấy và tấm nhựa lượm từ đống rác chợ. Vật dụng trong tổ ấm cũng nhiều hơn lên. Thằng Ruộng hả hê trong cái hạnh phúc đầu đời của nó. Nhưng chỉ được khoảng hai năm, cái hạnh phúc đó không còn nữa: một

buổi tối đạn pháo kích rơi đúng ngay cái tổ ấm của hai người, thân thể mụ Ân vãi tung khắp chợ. Thằng Ruộng tối đó say khướt ngủ quên ngoài cầu sông Côn nên thoát chết. Mọi người xúm nhau nhặt nhạnh từng chút xương thịt của mụ Ân đem đi chôn. Thằng Ruộng không khóc, chỉ ngồi im ỉm trong cái hố do viên đạn giết vợ hắn đào ra, suốt mấy ngày liền. Hôm người ta sửa chữa lại chợ, lấp cái hố thì thằng Ruộng một mực không cho, người ta phải cột tay chân hắn khiêng đi chỗ khác. Chừng đó thằng Ruộng mới bật lên khóc, tiếng khóc òa vỡ của hắn khiến mấy người lân cận ứa nước mắt.

Thằng Ruộng vừa nguôi được trong lòng hình ảnh của mụ Ân, trở lại công việc bình thường được mấy tháng thì miền Nam thua trận. Trong mấy ngày liền chợ không nhóm, và rồi sau đó việc thu thuế chợ do mấy người mang băng đỏ, đội nón tai bèo kiểm soát. Thằng Ruộng mất việc, trở lại nghề gánh nước. Vào một buổi tối, có người mặc đồ bộ đội đến gặp nó trong lều. Sau một hồi hỏi thăm sức khỏe, công việc làm ăn của nó một cách thật thân thiện tử tế, ông ta vào đề chính:

"Anh Ruộng, sau khi điều nghiên kỹ lưỡng về anh, chúng tôi nhận thấy anh quả thuộc giai cấp vô sản chân chính bị bọn tư bản bóc lột đến xương tủy nên đảng và nhà nước đặc biệt quan tâm đến anh, muốn giúp đỡ anh chẳng hạn như...đưa anh vào làm việc nhà nước và ..."

Gã đàn ông ngừng lại một chút gợi sự ham muốn hơn lên trong lòng thằng Ruộng, rồi chậm rãi nói tiếp:

"Và cho anh một căn hộ để anh có chỗ nghỉ ngơi đàng hoàng. Nhưng trước khi anh có được những điều ấy chúng tôi cần anh tiếp sức với chúng tôi trong công tác sắp tới đây. Nếu anh hoàn thành tốt nhất định anh sẽ được quyền lợi."

Thằng Ruộng nôn nóng hỏi làm việc gì, ông ta chỉ cười ngắn một tiếng rồi bảo Ruộng theo ông ta về đồn để giao việc.

Sau khi hớp một ngụm trà đậm đặc, rít dài một hơi thuốc, ông ta nhìn thẳng vào mắt thằng Ruộng rồi thong thả nói:

"Anh biết thằng ác ôn Nguyễn Phù Mỹ chứ? Nó đã gieo vô số tội ác cho nhân dân huyện mình. Tra tấn đánh đập đã man những người theo cách mạng, đã thế nó còn dùng quyền chức cán bộ Phượng Hoàng do Mỹ lập ra mà ăn hối lộ thật nhiều. Anh thấy chưa cái nhà lầu của nó cao nghều nghệu, nằm gần bờ sông đẹp đẽ kia là chính do tiền bạc hối lộ trên xương máu nhân dân đấy. Anh nghĩ xem chúng ta có cần lấy lại hay không? Có quá đi chứ phải không? Vậy thì, ông ta chợt cao giọng, nhiệm vụ của anh là tối mai trong phiên tòa nhân dân anh sẽ là người đứng lên tố giác những tội lỗi tày trời của tên Nguyễn Phù Mỹ. Tòa án sẽ căn cứ vào những lời tố giác của anh tức là của nhân dân, của giai cấp vô sản mà xử tội hắn. Anh đừng lo ngại bất cứ chuyện gì cả, mọi việc nói năng đi đứng như thế nào sẽ có các đồng chí khác chỉ bảo tập luyện cho anh. Chúng tôi chỉ cần anh cố gắng phấn đấu để hoàn thành thật tốt công việc mà đảng và nhân dân giao cho anh. Và ngay từ bây giờ anh không được ra khỏi đồn cho đến khi xong công tác và tuyệt đối giữ bí mật cho dù công tác đã hoàn thành. Anh nghe rõ chứ?"

Ông nhấn mạnh câu cuối cùng làm thằng Ruộng khẩn trương thấy rõ.

Thế là thằng Ruộng được cho tắm rửa ăn uống no nê. Hắn được huấn luyện từng chút một cách tố cáo tên ác ôn Nguyễn Phù Mỹ sao cho thật rành mạch đánh động lòng căm thù của nhân dân lên cao độ.

Tòa án nhân dân được thiết lập trong sân trường tiểu học của quận. Hai cái bàn kê sát nhau trước một phòng học, hai bên là hai cái bàn kê xéo góc để lên trên là hai cái đèn măng xông. Cờ xí treo dài từ cổng trường vào đến chỗ xử. Trên tấm vải căng làm phông treo lá cờ của Mặt Trận Giải Phóng to tướng. Trên cùng là câu khẩu hiệu: "Cương quyết tố cáo những tên ác ôn tay sai Mỹ Ngụy." Ngồi trên bàn chủ tọa vừa đàn ông đàn bà cả thảy năm người, hai bên là thơ ký, Mặt Trận, Phụ Nữ, Thanh Niên, Nông Hội... Bị cáo gồm bốn người, còng hai tay ở đàng sau, ngồi riêng một góc. Dân chúng mỗi người trên tay bưng chiếc đèn hột vịt, cũng có người lấy vỏ xe đạp đốt làm đèn, mùi cao su bốc lên khét lẹt. Sau khi đọc một mớ lệnh lạc sặc mùi đấu tố, phiên tòa bắt đầu xử tội phạm thứ nhất. Tên Nguyễn Phù Mỹ đứng đầu sổ. Lập tức hai gã Công An kẹp kè một người cao lớn ra ngay trước bàn chủ tọa, mở còng rồi ấn vai anh ta xuống bắt quỳ. Trên bàn chủ tọa một người trung niên mặc bộ quân phục màu xanh đen đứng lên rút tờ giấy ra ê a đọc. Nhưng rồi hình như ông ta thấy cái cách đọc của mình thiếu cái hùng hồn cần thiết nên quăng đại tờ giấy xuống bàn,

đằng hắng mấy cái để lấy giọng thật oai:

"Đó, đồng bào thấy cái tội ác mà lấy lá trên rừng ghi chép cũng không hết của tên Nguyễn Phù Mỹ kia chưa. Đồng bào hãy cương quyết đứng lên tố cáo, vạch rõ tội lỗi của hắn. Tại sao hắn giàu có trong khi nhân dân ta lại nghèo khó cơ cực? Đả đảo tên tay sai Nguyễn Phù Mỹ."

Tức thì trong đám đông có vài tên giơ tay thật cao hô đả đảo thật lớn và rồi mọi người như cái máy cùng hô đả đảo vang động cả cái trường học rộng lớn. Trong không khí như có mùi máu chan hòa. Một mụ đàn bà lùn xủn, tóc tết thành bím thòng xuống hai bên má, mặc chiếc áo bộ đội,ngồi bên phía Hội Phụ Nữ, đứng lên chỉ vào mặt Nguyễn Phù Mỹ bắt đầu hài tội:

"Thằng Mỹ kia mầy còn nhớ tao không? Làm sao mà mầy quên được. Chính mầy là thằng bắt tao, tra tấn tao, đổ xà bông vô miệng tao để bắt tao khai tung tích chồng tao. Nhưng mầy đã thua vì làm sao tao có thể chỉ chỗ chồng tao, cùng các đồng chí đang hăng say diệt bọn phản động chúng bay. Tên của mầy là Mỹ đã là một cái tội rồi, vậy mà còn lót thêm chữ Phù có nghĩa là mầy quyết lòng phò tá bọn Mỹ xâm lược tàn ác. Hôm nay cách mạng thành công mầy xứng đáng đem ra bắn bỏ. Gia tài đồ sộ của mầy là xương máu của nhân dân, mầy phải trả. Yêu cầu tòa án nhân dân xử tử hình tên Mỹ. Đả đảo thằng tay sai Nguyễn Phù Mỹ, đả đảo!"

Lại những tiếng đả đảo lạnh tóc gáy vang lên. Đã tới phiên thằng Ruộng làm việc. Thằng Ruộng xô xẹt đám đông, nhơn nhơn bước ra. Mọi người kinh ngạc thầm thì, ủa thằng Ruộng kia nè, nó cũng làm cách mạng sao. Thằng Ruộng xúng xính trong bộ đồ bộ đội, chân mang dép râu, đầu đội mũ tai bèo, hắn đưa mắt nhìn ngang dọc đây vẻ kiêu căng:

"Đồng bào nghe cho rõ đây. Tui là người của Cách mạng, tui trà trộn trong chợ để thi hành công tác. Tui giả làm kẻ ăn xin đúng trước tiệm ăn thằng Mỹ lấy tin tức, nó nghĩ tui ăn xin thiệt nên có lần nó đã đánh chửi tui thậm tệ khi tui bưng bát phở thừa làm bộ húp. Nếu tui không giác ngộ cách mạng cao thì tui đã đá cho nó mấy cái hộc máu ra. Cũng nhờ vậy nên tui biết tiệm ăn của nó lấy thịt chó chết nấu phở cho nhân dân ăn. Đến thời giặc Mỹ qua tiệm nó chỉ biết lo cho bọn lính Mỹ và Đại Hàn còn dân mình thì khinh khi không tiếp. Chính mắt tui thấy nó chở hàng xe đồ Quân Tiếp Vụ về nhà bán. Đồ vật đó là của nhân dân nay chúng ta bắt nó phải trả lại. Đồng bào có đồng ý không."

"Đồng ý, đồng ý..."

Thằng Ruộng say sưa nói hết những gì mà hai đồng chí thay phiên huấn luyện hắn suốt đêm hôm qua và cả ngày nay. Kể ra hắn cũng sáng dạ học thuộc bài lắm. Hắn muốn thêm thắt nhiều điều nữa cho ông đồng chí lớn kia vui lòng và sẽ mau chóng cấp cho nó " một căn hộ" cái mà hắn suốt đời không dám nghĩ đến. Chợt thằng Ruộng nhớ đến câu chuyện nó nghe lóm của mấy anh thanh niên nói chuyện với nhau về một cuốn sách tên gì đó mà hắn quên mất. Hắn chỉ nhớ họ kể về một hình phạt của lính Thổ, khi bắt được kẻ thù thì đem ra đóng cọc phơi trên cầu cho đến chết. Cái dã man hơn nữa là bọn họ thi tài nhau coi ai có kỹ thuật đóng cọc tù binh từ dưới hậu môn xuyên lên sau ót, làm sao để tội nhân lâu chết, kéo dài cái đau đớn càng lâu càng tốt. Thằng Ruộng sợ nổi da gà khi nghe chuyện đó, nên bây giờ nó gán lên mình Nguyễn Phù Mỹ. Nó cất giọng khàn khàn lên tiếp tục:

"Đồng bào biết không, tên Mỹ này tàn ác không lường nổi. Có lần chính nó khoe với tui là nó vừa giết một người Cách Mạng bằng cách lấy cây cọc nhọn đóng từ hậu môn lên tới đầu."

Mọi người ồ lên kinh hãi, thằng Ruộng khoái chí vì thấy mình đánh động được dân chúng và nhất là thấy ông đồng chí lớn kia gục gặt cái đầu ra vẻ hài lòng hắn lắm. Hăng tiết hắn giơ cả hai tay nhảy lên hô to :

"Tử hình thằng Mỹ, lấy nhà của hắn cho Cách Mạng. Đả đảo thằng Mỹ. Cách Mạng muôn năm."

Cuối cùng bản án Nguyễn Phù Mỹ được đọc lên. Theo nguyện vọng của nhân dân lẽ ra Nguyễn Phù Mỹ phải bị xử tử, nhưng nhờ sự khoan hồng của đảng và nhà nước nên tha tội chết chỉ cho đi cải tạo dài hạn và nhà cửa của Mỹ giao cho cách mạng xử lý.

Đấu tố cho hết bốn người thì đêm đã quá khuya, thằng Ruộng có ý chờ đồng chí lớn kêu về đồn ngủ. Nhưng đồng chí lớn khi đi về, ngang qua hắn mà ông ta chẳng ngó ngàng gì, coi bộ ông ta đã quên hắn. Thằng Ruộng thấy sợ không dám bước theo ông ta. Hắn về chợ ngủ mà lòng cứ thấp thỏn suy nghĩ. Không lẽ đồng chí lớn quên hắn thiệt rồi chăng. Còn "căn hộ"?●

3-1-99

THỬ ĐI TÌM CÁI TƯƠNG ĐƯƠNG TRONG PHIÊN DỊCH

TRỊNH NHẬT

(Tiếp theo)

4.2 Hai ngôn ngữ có chung ý niệm nhưng ngôn ngữ ngọn không có từ để chỉ ý niệm chung đó

Nếu ý niệm "gentleman" dùng để chỉ một người đàn ông "trí thức, lịch lãm, có tư cách", và ý niệm "lady" dùng để chỉ người đàn bà "lịch sự, đoan trang, duyên dáng" trong tiếng Anh, thì tiếng Việt ta cũng có chung hai ý niệm ấy nhưng ta không có từ để nói tới người đàn ông và người đàn bà có những phẩm cách ghi nhận ở trên.

Trong một cuộc điều tra về một vụ buôn bán xì ke ma túy ở Úc, sau khi đã được luật sư biện hộ của mình cho ý kiến, hai vợ chồng Việt Nam đang bị tạm giam trong Trại Cải huấn, nhận sẽ hợp tác với cơ quan cảnh sát điều tra để ra làm chứng trước Tòa, khai thêm những hành động của tay chúa trùm trong nhóm (ringleader) với hy vọng sẽ được nhẹ tội. Cặp vợ chồng này sau đó được áp tải, với hai tay vẫn còn bị còng, từ Trại Cải huấn lên Cơ quan Trung ương Điều tra Tội phạm (National Crime Authority) đặt tại Sydney. Trong hội trường, trước số đông bá quan văn võ cuả cơ quan cùng các luật sư bên bị, ngoài hành động đối xử lịch sự ân cần với hai vợ chồng mà nay tay họ đã được tháo còng và ngoài những lời lẽ ngon ngọt hoa mĩ, viên Trưởng Thanh-tra Cảnh sát sau cùng đã nói đại loại như sau: "Hôm nay với sự hiện diện của anh chị tại thiểm cơ quan, tôi và toàn thể nhân viên có mặt ở đây đã coi anh là "gentleman" và coi chị là "lady." Ta cứ thử tưởng tượng với hai từ này thông dịch viên lúc đó phải dịch ứng phó ra sao. Kể cũng nên nói thêm là anh chồng hiểu tiếng Anh chút chút, còn chị vợ là gái quê chưa học hết bậc tiểu học ở Việt Nam, tiếng Anh còn mù tịt. Vì nhu cầu bắt buộc phải chuyển ngữ thì liệu dịch là "... tôi và toàn thể nhân viên có mặt ở đây đã coi anh chị là "những người lịch sự, đàng hoàng" có được không?

Chữ "lane" trong tiếng Anh có nghĩa là "một phần của một đại-lộ được đánh dấu phân định bằng mép rìa đường lộ và vạch sơn kẻ chỉ, hay bằng hai vạch sơn kẻ chỉ." Ý niệm này người Việt tất phải có, nhưng tiếng Việt không có sẵn từ cho chữ "lane" đó. Ở Úc người ta đã nghe từ này được dịch là "lên," nhái âm tiếng Anh. Ở Việt Nam nghe đâu người dân đang làm quen với từ "làn đường," chứ không phải "lằn đường."

Ý niệm "quân tử" dùng để chỉ "người tài đức xuất chúng, người phẩm hạnh ngay thẳng, người có nhân cách hoàn toàn theo Khổng giáo", chắc không có sẵn từ trong tiếng Anh. Nếu bắt buộc phải dịch thì chọn từ tương đương là "gentleman" được không?

Ý niệm "de facto relationship" trong tiếng Anh không có sẵn trong vốn từ tiếng Việt. Ở Việt Nam ta cũng có liên hệ sống chung đấy, nhưng ta chỉ nói tới "bà bé, bà nhỏ' hoặc "lấy làm bé, làm bà bé, làm bà nhỏ, làm vợ bé, làm vợ nhỏ (cuả ông ấy)" như trong quan hệ hôn

nhân chính thức. Nếu dịch sang tiếng Anh là "concubine," là "wife" trong các văn kiện giấy tờ có được không, có đúng không? Ở Úc-đại-lợi từ "de facto relationship" đã được dịch theo lối cắt nghĩa là "sống chung không hôn thú/giá thú" và từ này nay đã khá phổ biến, nhưng còn "de facto partner" nếu dịch là "người bạn sống chung không hôn thú" hay là "bồ bịch sống chung," thì nghe có chuẩn không, cái nào chuẩn hơn cái nào, từ nào rồi sẽ đi vào ngôn ngữ, cụm từ nào rồi sẽ được nhiều người dùng hơn?

4.3 Ngôn ngữ ngọn thiếu từ tổng thể (superordinate)

Từ tổng thể là gì? Trong tiếng Anh từ ngữ "flower" có thể được coi là từ tổng thể (superordinate) dùng để chỉ toàn bộ các loài hoa trong trường ngữ nghĩa (semantic field) nói về hoa trong đó có "rose, daffodil, lily, orchid, tulip, sunflower, chrysanthemum..." (hồng, thủy tiên, huệ, lan, tuy-líp, hướng dương, cúc...) mà chúng được gọi là những từ cá biệt (hyponyms). Nếu phải dịch từ "flower" ra tiếng Việt thì ta không có khó khăn gì vì tiếng Việt, trong trường hợp này là ngôn ngữ ngọn, đã có sẵn từ tổng thể tương đương là "hoa."

Nhưng trong trường hợp phải dịch từ tổng thể là "problems," một từ rất thông dụng trong tiếng Anh, sang tiếng Việt ta sẽ gặp khó khăn. Thí dụ như trong tiếng Anh họ nói đến "problems" mà vì không có một từ tổng thể trong tiếng Việt, ta phải tùy trường hợp dịch là vấn đề (issues), vấn nạn/tệ nạn (irregularities), khó khăn (difficulties), trở ngại (obstacles), trục trặc (mechanical] troubles), biến chứng (complications), thắc thắc (queries), lỗi (fault) như trong "lỗi tại tinh-trùng" (sperm problems)," "lỗi ở ống dẫn trứng" (Fallopian tube problems), "lỗi ở trứng rụng bất thường" (ovulation problems), "lỗi ở chất nhờn tử cung" (mucus problems), là những nguyên nhân gây ra tình trạng hiếm muộn. Hoặc đặc biệt hơn dịch "problems" dưới dạng hơi lạ là "(chứng) khó... " như trong "chứng khó thở" (breathing problems).

Tiếng Việt không có từ tổng thể tương đương với từ "rocking" nên khi người mẹ nâng niu, nựng nịu đứa con sơ sinh bằng cử chỉ "rocking" như trong một tài liệu nói về "Trẻ Sinh Non' (Premature Babies) mà tôi đã được duyệt bản thảo vào cuối thập niên 80, người dịch sẽ không biết phải chọn dịch cử chỉ nào "bồng đứa bé trên tay đu đưa" (rocking the baby in one's arm), hay là"đu đưa cái nôi trong đó đứa bé đang nằm" (rocking the cot where the baby is lying).

Tiếng Việt không có từ tổng thể tương đương với từ "rice" trong tiếng Anh, trong khi đó tiếng Anh không có những từ cá biệt để phân loại các hình thức khác nhau của "rice" là "mạ, lúa, thóc, gạo, cơm, cốm, bỏng" trong tiếng Việt. Bộ Cải tiến Nông thôn ở Miền Nam trước đây có một cơ quan gọi là Sở Túc Mễ (Rice Service), "túc mễ" nghĩa là "lúa gạo" ('túc' là 'luá', 'mễ' là 'gạo'), là một bằng chứng cho thấy tiếng Việt không có từ tổng thể tương đương với từ "rice," nên phải dùng hai từ đơn làm từ tổng thể. Ta cứ thử tưởng tượng khi một người bản ngữ tiếng Anh, hay con em người Việt chúng ta sinh trưởng ở những nước nói tiếng Anh, phải dịch chữ 'rice' sang tiếng Việt trong những từ ghép như 'imported rice', 'rice fields', 'green rice', 'boiled/steamed rice' thì chắc sẽ có vấn đề.

Lối tổ chức từ vựng về quan hệ thân tộc họ hàng (kinship terms) trong tiếng Việt phức tạp hơn trong tiếng Anh rất nhiều. Tiếng Anh có từ "uncle"chỉ chung cho nhiều từ cá biệt trong tiếng Việt như "chú, bác, cậu, dượng" và từ "aunt" chỉ chung cho nhiều từ cá biệt trong tiếng Việt như "cô, bác, dì, già, thím, mợ." Ta cứ thử suy nghĩ một chút thì thấy ngay nỗi khó khăn, phiền phức khi ta, hoặc nhất là một người bản ngữ tiếng Anh, phải chọn chữ nào cho thích hợp để dịch từ "uncle" hoặc "aunt" sang tiếng Việt. Tôi đã chứng kiến thấy trong một văn bản điều tra của cảnh sát Úc về một người bị tố giác có dính líu trong một vụ hiếp dâm, từ "dượng" như trong "Dượng Năm," tiếng Miền Nam dùng để chỉ người chồng của người "cô," hay người "dì" thứ năm của mình, không hiểu sao bị dịch nhầm ra tiếng Anh là "Elder Brother Five," thay vì "Uncle Five" mới là hiểu đúng, dịch đúng. Bằng không, dịch sai như thế thì chả nhẽ "Quít là Cam chịu" hay sao?

Nói tóm lại, trong trường hợp ngôn ngữ ngọn không có từ tổng thể như ngôn ngữ gốc, ta phải dùng một từ cá biệt để chuyển ngữ tức là ta đã áp dụng lối "dịch nghĩa sâu" (over-translation).

4.4 Ngôn ngữ ngọn thiếu từ cá biệt (hyponym)

Từ cá biệt là gì? Với từ tổng thể "house," tiếng Anh có rất nhiều từ cá biệt như "bungalow, cottage, croft, chalet, lodge, hut,

mansion, manor, villa, hall...” Nếu suy nghĩ một chút mà tìm trong tiếng Việt thì ta thấy cũng có một số như “nhà sàn, nhà tranh, nhà tranh vách đất, nhà lá, nhà ngói, nhà gạch, nhà cây, biệt thự, vi-la, nhà chòi, túp lều, nhà trệt... ” nhưng để mà dịch, tìm từ tương đương để điền thế cho nhau, thì không phải là chuyện dễ. Với từ tổng thể “cooking” tiếng Anh có vô số các từ cá biệt như “boil, roast, bake, brew, stew, braise, simmer, poach, grill, seal, glaze, prick, brown” mà tiếng Việt ta không có đầy đủ từ tương ứng. Nặn óc tìm thì cũng được một lô “luộc, xào, chiên, rang, bác, rán, tráng, dim, nướng, nướng vỉ, hấp, hấp cách thủy, hầm...” nhưng phải làm công việc “mối mai” sao cho tương xứng (matching) thì chưa chắc đã mát tay.

Tiếng Anh thiếu từ cá biệt cho động từ tổng thể “to wear,” trong khi tiếng Việt có 15 từ cá biệt cho ý niệm “to wear” nhưng không có từ tổng thể. Thí dụ như “để (tóc, râu), đi (giầy, vớ, bít-tất, hia, hài), mặc (áo, quần), đội (nón, mũ, tóc giả), chít (khăn), đeo (kính, nhẫn, dây chuyền, cà-vạt), thắt (dây lưng, cà-vạt), đánh/giồi (phấn), thoa (son, kem chống nắng), tô (son), bôi (son, nước hoa), xức (thuốc, dầu), xịt (dầu thơm), đóng (khố).” Tất cả những từ cá biệt kể trên đều có thể chuyển ngữ bằng từ “to wear’ hoặc “to put on,” nhưng không dùng “to put on” cho “hair” (tóc), ngoại trừ “to put on a wig” (mang tóc giả). Từ “to wear” còn có thể được thay thế bằng “to apply,” nhưng chỉ dùng trong trường-hợp duy nhất là “to apply make-up’ (đánh phấn thoa son/trang điểm) mà thôi.

Hãy thử tưởng tượng một người Anh, Mỹ, Úc học tiếng Việt mà phải dịch động từ “to wear’ sang tiếng Việt thì khó khăn biết là chừng nào! Song, khó khăn không chỉ dừng lại ở đây, động từ tổng thể “to lose” có bảy từ cá biệt trong tiếng Việt “mất, thua, lạc, thất, sụt, bại, chết,” xếp theo thứ tự khả năng kết hợp từ cao xuống thấp. Tùy theo mình “lose” cái gì mà ta phải chọn cho đúng từ để dịch. Thí dụ “mất” như trong “mất tiền (money), mất bạn (friends), mất mặt (face), mất niềm tin (faith)...,” “thua” như trong “thua trận (a battle), thua cuộc (a contest)...” “lạc” như

THÂN THỊ NGỌC QUẾ

TUYẾT NGOÀI SONG CỬA

Tuyết lên dòm qua khung cửa sổ
Hỏi sao sầu biếc lạnh hồn ta
Mùa đông lại đến không mời đón
Để nhánh thời gian rụng trắng hoa

Nắng ngập ngừng tìm thăm chiếc lá
Lá âm thầm rũ áo ra đi
Chỉ còn tuyết trắng về hiu quạnh
Rụng xuống vần thơ trắng biệt ly

Bước mộng theo về trên lối tuyết
Dấu người muôn thuở vẫn đâu đây
Ai tìm những cánh mai năm cũ
Đem kết thành thơ tặng khói mây.

BÙI GIÁNG

TUYẾT NGOÀI SONG CỬA

Mùa đông lại đến không mời
Hỏi sao sầu biếc lạnh rồi hồn ta
Nhánh thời gian rụng trắng hoa
Tìm thăm chiếc lá nắng sa ngập ngừng

Lá đi rũ áo âm thầm
Chỉ còn tuyết rụng xuống vần biệt ly
Ra đi giũ áo lá đi
Vần thơ trắng tuyết trắng ly biệt tình

Theo về bước mộng đinh ninh
Dấu người muôn thuở bóng hình đâu đây
Cánh mai năm cũ ngày rày
Kết thành thơ tặng tháng ngày xưa xa.

trong "lạc đường (the way), lạc hướng (direction)..." "thất" như trong "thất tình (one's love), thất vọng (one's hope)...," "sụt" như trong "sụt cân/kí (weight)...,' "bại" như trong "bại trận (a war)," "chết" (lose one's life). Chẳng hiểu vì lý do gì mà Việt ngữ lại có nhiều từ để chỉ ý niệm "mất" với "thua" đến thế.

Vấn đề còn phức tạp hơn thế khi ta xét đến động từ tổng thể "to carry" có 24 từ cá biệt trong tiếng Việt "đem, đưa, mang, vác, xách, đội, cõng, cầm, ôm, bồng, ôm, khiêng, gánh, quảy, đeo, đèo, chở, lai, thồ, địu, bưng, bế, kiệu, công kênh" tùy theo mình "carry" cái gì và ở đâu. Lý do tại sao Việt ngữ có nhiều từ cá biệt loại này có thể giải thích được là thời xa xưa, Việt Nam cơ bản là một nước nông nghiệp, người Việt ta không có mấy phương tiện nâng khuân, chuyên chở nên phải dùng đến tay chân, đến thân mình làm phương-tiện thay thế. Vì không có những từ cá biệt tương ứng với tiếng Việt, nên phiên-dịch-viên mà tiếng Việt không phải là tiếng mẹ đẻ chắc sẽ lúng túng khi phải chọn trong mớ từ dày đặc nêu trên để tìm lấy một từ tương ứng với bản văn ngôn ngữ gốc.

Tương tự, danh từ tổng thể "áo" có hơn 10 từ cá biệt trong tiếng Anh như "shirt, blouse, sweater, wind-cheater, pull-over, cardigan, coat, jacket, slip, shawl, cape, smock, dress, tunic..." mà tiếng Việt nếu cần phân biệt thì cũng nói chung là "áo sơ-mi, áo lạnh, áo ấm, áo bông, áo choàng, áo tơi, áo dài...," không sao có đủ số lượng từ tương-ứng. Nếu tôi nhận xét không lầm thì mãi tới mấy thập niên gần đây người ta mới thấy tiếng Anh có từ tổng thể "top" dùng tương đương như "áo" trong tiếng Việt.

Trong trường hợp ngôn ngữ ngọn không có từ cá biệt như ngôn ngữ gốc, ta phải dùng từ tổng thể để chuyển ngữ tức là áp dụng lối "dịch nghĩa nông" (under-translation). Thí dụ như từ cá biệt "cardigan" (áo len đan, xẻ phía trước có thể cài kín lại bằng khuy hay phẹc-ma-tuya) mà ta phải dịch sang tiếng Việt thì thông thường ta chỉ dùng từ "áo len/áo lạnh" là đủ, ngoại trừ trường hợp cần giải thích thì không nói làm gì. Kể cũng nên ghi nhận thêm ở đây là Ta thì nói "quần áo lạnh, quần áo ấm," còn Tây lại nói "heavy clothing, warm clothing" (quần áo nặng, quần áo ấm). Nhận xét về "quần áo lạnh" (cold clothing), mà họ nói là "cold-weather clothing" (quần áo thời tiết lạnh), về "heavy clothing" (quần áo nặng) là đầu mối đưa dẫn ta sang bàn về một tiểu mục kế tiếp liên quan tới mô thức kết-hợp-ngữ (collocational patterns).●

(Còn tiếp)

Tài liệu Tham khảo

Baker, M. *In Other Words: A Course Book on Translation.* London: Routledge, 1992.

Berlin, B.& P. Kay. *Basic Color Terms: Their Universality and Evolution.* Berkley: University of California Press, 1991.

Carroll, J.B. (ed) *Language, Thought, and Reality* (Selected Writings of Benjamin Lee Whorf). Cambridge: MIT Press, 1956.

Carter, R. *Vocabulary: Applied Linguistic Perspective.* London: Allen & Unwin, 1987.

Collins Cobuild *English Dictionary.* London: HarperCollins, 1995.

Đào, Duy Anh. *Hán Việt Từ Điển* (ấn bản in lại). Hồ Chí Minh: NXB Thành-phố HCM, 1996.

Đào, Thản. "Hệ-thống từ-ngữ chỉ màu sắc của tiếng Việt trong sự liên-hệ với mấy điều phổ-quát". Trong tạp chí Ngôn Ngữ. Số 2. Hà-nội: Viện Ngôn-ngữ-học, 1993.

Hartmann, R. R. K. "Equivalence in Bilingual Lexicography: From Correspondence Relation to Communicative Strategy." Papers and Studies in Contrastive Linguistics. Jacek Fisiak (ed.). Poznan: Adam Mickiewics University. Vol. 22 (1988), 21-28.

Hoàng, Phê. *Từ Điển Tiếng Việt.* Hà-nội: NXB Giáo-dục, 1996.

Lyons, J. *Introduction to Theoretical Linguistics.* London: Cambridge University Press, (1971).

Nattinger, J.R. and J.S. DeCarrico. *Lexical Phrases and Language Teaching.* Oxford: Oxford University Press, 1992.

Newmark, P. *A Textbook of Translation.* London: Prentice Hall, 1988.

Nguyễn, Đình Hòa. *Vietnamese* Amsterdam: John Benjaminss, 1997.

Thompson, L.C. *A Vietnamese Gramar.* Seattle: University of Washington, 1965.

Trong đời sống, sự mất đi quan trọng hơn sự tồn tại. Một hạt lúa chỉ nảy mầm khhi nó chết đi.

Boris Pasternak

Món quà lớn nhất mà cuộc đời có thể cho chúng ta là sự ngạc nhiên thích thú.

Boris Pasternak

BÊN BỜ THÁC YALY

HÀ KỲ LAM

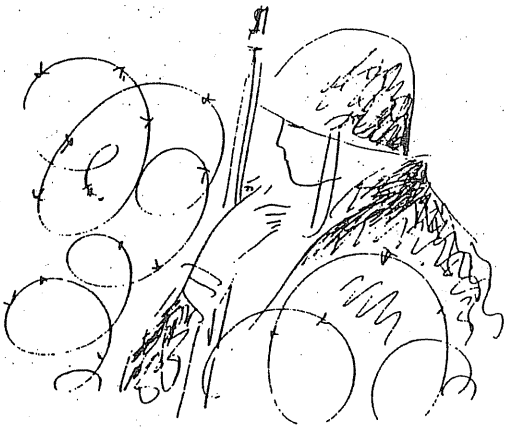

Cái trò uống rượu vậy mà đôi khi đâm ra hay - năm ngoái nó đã đem lại cho tôi một câu chuyện thật lý thú. Vị trưởng lão trong bàn nhậu là người mà tôi không thể nào ngờ lại có ngày cung cấp cho tôi nguyên cả một truyện ngắn, từ đầu đến cuối, có phân đoạn, có bố cục chặt chẽ! Tôi biết ông ta khá lâu trước đó, nhưng không nghĩ có ngày cùng ngồi một mâm, một chiếu với ông. Lý do đơn giản là cách biệt tuổi tác. Và trong số năm thính giả đêm đó không biết có ai còn giữ lại trong ký ức câu chuyện "tâm phào" kia như tôi!

Một hôm đại đội tớ dừng quân đêm bên bờ thác Yaly, thuộc vùng rừng núi Pleiku. Bấy giờ là mùa khô nên con sông Yaly không lồng lộn, không sủi bọt trắng, không réo gọi ầm ầm, man dại như những lần trước bọn tớ qua đây; trái lại, nó rót nhẹ nhàng xuống các phiến đá, đủ tạo nên những hoa nước trắng phau rải đều khắp mặt sông, cùng một chuỗi thanh âm rì rào liên tục dễ ru thần trí vào một cõi êm đềm... Ở đoạn này lòng sông lởm chởm đá và có một độ nghiêng khá dốc làm cho giòng nước chảy xiết hơn những khúc khác của con sông nên đã tạo nên con thác Yaly. Từ bờ này sang bờ kia ước lượng khoảng ba trăm thước. Hai bên bờ toàn là những tảng đá đủ cỡ nằm chen chúc lên nhau. Mặt nước cũng lố nhố vô số mỏm đá. Trong đời mình, tớ chưa từng thấy một nơi nào nhiều đá như thế. Cả một vùng bao la chỉ có đá, đá, và đá. Rừng bị đẩy lùi xa bờ nước hằng mấy trăm thước. Các bạn chắc khó cảm thông được cái thanh thản cộng với cái choáng ngợp trong tâm hồn tớ lúc bấy giờ khi vừa tới bìa rừng thoáng thấy một khoảng không gian chan hòa ánh sáng. Cùng với âm thanh rì rầm của nước chảy, tớ nhìn thấy giòng Yaly trước mặt, ở một quãng xa. Không phải lần đầu tiên tớ biết con sông ấy. Nhưng bao giờ cũng thế, sau bao ngày trong rừng rậm với cây lá, đỉnh nhọn, lũng sâu, với cái âm u, mát lạnh cố hữu của nó, khoảng trống đầu tiên đem lại tớ cái cảm giác kia, dù khoảng trống chỉ là một lòng chảo nhỏ hay một thung lũng rộng, nói chi đến con sông Yaly với đôi bờ bát ngát đá ghềnh này! Trong cuộc sống đường rừng, một khoảng trống với kích

thước như thế hẳn là hiếm quí vô cùng, theo tớ nghĩ. Ôi, tớ yêu giòng thác Yaly buổi chiều đầu tiên dừng quân biết bao. Ấy vậy mà buổi sáng hôm sau...

*

Tớ là một trung đội trưởng. Trong tình hình bình thường hiện tại đã có người trung đội phó và các tiểu đội trưởng điều hành công việc, tớ không phải dậy sớm, và muốn nằm nấn ná trên võng ngủ tiếp để "dưỡng sức." Nói là dậy muộn chứ thực ra cũng đã bảy giờ sáng rồi, khi tớ rời võng. Binh sĩ trong trung đội của mình và các trung đội khác thì đã tỉnh táo, nai nịt gọn gàng từ năm giờ sáng.

Tớ vắt khăn mặt trên cổ, cầm chiếc ca uống nước nhà binh cùng với bàn chải và ống thuốc đánh răng tiến ra bờ sông. Không một bóng người bên bờ sông lởm chởm đá và rộng mênh mông. Dễ hiểu thôi: từng toán nhỏ, cả đại đội đã thay phiên nhau, kẻ trước người sau ra bờ sông giải quyết nhanh công việc đánh răng, rửa mặt, lấy nước uống và nấu ăn, xong đâu đó lại biến vào vị trí dừng quân trong bìa rừng - nguyên tắc phân tán và ẩn núp. Tớ là người cuối cùng làm công việc đó. Tớ bước ra xa bờ vài chục thước bằng cách nhảy trên các mỏm đá nhô lên trên mặt nước để khỏi ướt giầy. Tớ "ổn định" ở một điểm có mức nước hơi sâu. Đứng dang chân trên hai tảng đá nhỏ cách nhau khoảng bốn tấc và trên mặt nước độ một gang tay, mặt hướng về phía bờ bên kia, tớ bắt đầu đánh răng. Lập tức tớ nghe một tiếng súng, và hình như từ hướng bìa rừng đằng sau lưng. Tớ quay phắt lại hỏi với giọng ngọng nghịu từ cái miệng còn ngậm thuốc đánh răng, "ai bắn vậy?" Mấy người lính trong khoảng rừng gần tớ nhất nhìn nhau, rồi một người nói:

"Dạ không ai bắn cả."

Tớ tiếp tục đánh răng. Chẳng được bao lâu - năm giây thì phải - lại một tiếng nổ nữa xé không gian cùng lúc với một luồng gió nhẹ khẽ kéo lệch ống quần bên phải của tớ. Lần này tớ lộ sự bực bội ra mặt, quay lại phía sau gắt:

"Đứa nào bắn vậy?"

Các người lính không còn nhìn nhau như lần trước, mà đồng thanh đáp:

"Dạ không ai bắn cả, chuẩn úy ạ."

Tớ lại tiếp tục đánh răng. Cũng chẳng được bao lâu - năm giây phù du nữa - một tiếng nổ nữa vang lên giữa khoảng trời cao sông rộng và một cột nước vọt lên trước mặt tớ từ một điểm ngay chính giữa hai mỏm đá tớ đang đứng. Rất nhanh, tớ hiểu ai đã bắn nãy giờ. Vứt bỏ mọi thứ trên tay, tớ quay đầu chạy thục mạng vào trong rừng nơi trung đội mình đang bố trí. Lập tức hỏa lực của cả đại đội trút xối xả qua bên kia sông. Đạn làm tóe lửa trên đá bên bờ kia, trông như những ánh đóm đốm lập loè đó đây. Những quả M 79 nổ từng hồi gây những bức màn bụi, khói che kín cả một bờ sông. Trận trả đũa kéo dài độ mười phút, rồi rừng núi lại tiếp tục cái lầm lì muôn thuở. Một anh lính mang cái ca, bàn chải, khăn mặt, những món tớ vứt lúc nãy, đến trao lại tớ. Tớ hơi ngượng khi nhận lại những món đó. Dù sao thì tớ cũng chỉ là một cậu sĩ quan "sữa" dưới mắt những con người dày dạn chiến trận này. Sau khi dùng nước trong bi-đông của mình để hoàn tất công việc vệ sinh cá nhân bị gián đoạn vì ba phát súng "trời đánh," tớ với chiếc nón sắt và bước đến bên một đống lửa, đặt úp trên mặt đất làm ghế và ngồi lên. Đốt một điếu thuốc, rít vài hơi, tớ nhìn lửa reo vui trong không khí se lạnh của buổi sáng đường rừng. Mấy người lính ngồi quây quần chung quanh bếp lửa hành quân nhóm lên giữa rừng bắt đầu đề cập đến sự việc tớ vừa trải qua. Rồi tình cờ tớ bống cúi nhìn mặt đất dưới nón sắt của mình. Ở cái động tác đó, một lỗ thủng nhỏ bằng đầu đủa gần đáy quần về phía bên phải lọt vào mắt tớ. Nếu là một chiếc quần cũ, bạt màu, sờn rách, thì cái lỗ thủng kia có lẽ đã chẳng làm tớ chú ý đâu. Một lỗ rách trên áo quần cũ của lính hành quân là bình thường. Đằng này bộ áo quần trận tớ khoác trên người trong chuyến hành quân đó là quần trang tớ mới nhận từ kho đơn vị, và một anh thợ may đã sửa cấp tốc cho tớ. Bản năng con nhà lính, dù vẫn còn mang nhãn hiệu "lính sữa," làm tớ đưa tay sờ phần đối diện với lỗ thủng kia. Tớ gần như giật bắn người, vì rõ ràng ngón tay tớ vừa chọc vào đúng lỗ thủng thứ hai! Và cũng rất nhanh, tớ nhớ lại cơn gió thoảng đã làm "lay động" ống quần bên phải của tớ cùng lúc với phát súng thứ nhì.

Mọi người ngưng nói, nhìn tớ chằm chặp. Cái nhìn không phải dành cho một con người kỳ dị, mà cho một sự việc kỳ lạ. Họ xem tớ như thể là hiện thân của phép lạ. Bởi vì, không cần phải nói ra, ai cũng có thể thấy đạn đạo của ba viên đạn kia đã nằm trên mặt phẳng cắt đôi hình hài tớ từ đỉnh đầu xuống chân theo trục sống mũi! Xạ thủ chỉ có lỗi lầm ở phát súng đầu tiên, vì hiển nhiên là cao quá. Sau đó anh ta đã làm đúng công việc của mình, tức đã đem viên đạn thứ hai xuống đúng tầm hơn nhưng nó lại không thuộc quyền lực anh ta, vì tớ đã không ngã

xuống. Có lẽ người du kích đã rũa thầm khẩu súng dễ dạy mọi ngày nay bống dở chứng cứ "ăn lên" mãi. Một anh lính tinh nghịch bảo tớ đứng dậy và dang hai chân như tư thế đứng đánh răng khi nãy, đoạn bước đến bên cạnh tớ, nâng sửa chiếc quần của tớ cho ngay ngắn và lấy ngón tay đo khoảng cách từ lỗ đạn đến vị trí... hạ bộ của tớ. Độ một phân là cùng! Anh chàng oang oang lên, "ông thầy chết đi sống lại đến hai lần, chứ không phải một lần đâu!" Tất cả cười ầm lên.

Cả bàn nhậu cũng cười xòa. Vị trưởng lão nâng ly đề nghị mọi người uống cạn. Ai nấy nốc hết ly rượu của mình, và rót thêm rượu. Không khí huyên náo lên, sau mấy phút cả phòng im lặng, nín thở theo dõi câu chuyện. Mọi người có vẻ hài lòng vì đoạn kết của câu chuyện có hậu. Và giữa lúc bao nhiêu ý kiến tha hồ được đưa ra thì người kể chuyện lên tiếng cắt đứt những suy nghĩ của mọi người. Ông ta xin cử tọa dành cho mình ít phút nữa, vì câu chuyện chưa kết thúc. Mọi người lại ngơ ngác. Im phăng phắc.

Đúng nửa giờ sau biến cố bắn tỉa đó, đại đội nhận lệnh tiểu đoàn vượt sông lục soát vùng bắn tỉa. Kế hoạch hành quân sơ khởi của đại đội thì không bao quát vùng bên kia sông. Kết quả là bọn tớ đã tìm thấy ba vỏ đạn Mas 36 và một cây trụ gỗ tròn cỡ cổ chân chôn sâu dưới đất vững chắc, trên đầu trụ là một chẵn ba mà xạ thủ dùng để tựa súng lên. Vị trí đó nằm giữa một hốc đá, cách bờ nước độ năm mươi thước. Có những vết máu có vẻ còn mới. Bọn tớ lần theo vết máu về phía bìa rừng khoảng năm mươi thước và đã tìm thấy xác một người du kích mặc quần đùi nâu, áo bà ba đen, nằm sấp, khẩu súng nằm dưới bụng. Anh ta lãnh một vết thương duy nhất nơi ngực và trổ ra sau lưng. Xông pha trận mạc đã nhiều, bị thương cũng lắm, thoát chết trong đường tơ kẽ tóc nhiều lần nữa, nhưng sao cái biến cố đầu đời binh nghiệp đó ghi đậm trong lòng tớ nhất. Chẳng phải vì là kỷ niệm đầu tiên. Có lẽ vì cái tính chất kỳ lạ của nó. Trong biến cố kia, tớ và người du kích ai là người cầm chắc cái chết nhất? Vậy mà sự việc xảy ra hầu như ngược lại "nguyên lý của tự nhiên."

Câu chuyện chấm dứt. Mọi người lại trầm ngâm ít giây. Rồi bao nhiêu ý kiến, suy luận, lại tha hồ nổi lên, và lần này mới là phán đoán chung cuộc. Vị trưởng lão đã lôi từ trong một chiếc hộp gỗ cũ kỹ nhưng còn tốt và sạch sẽ chiếc quần lính màu xanh ô liu, với một ống quần có hai lỗ đạn nhỏ bằng đầu đũa, và ba vỏ đạn bằng đồng dài bằng ngón tay trỏ của một đứa bé lên sáu, bảy tuổi. Mọi người chuyền tay các kỷ vật để nhìn cho mãn nhãn.●

9-9-1999

ĐẶNG HIỀN

CHIỀU NGHE TIẾNG GỌI

Chiều lại chiều anh nghe tiếng gọi
Chiều lại chiều nắng tắt bên kia
Em không khuất không mờ không hiện
Em không rõ nhưng anh buồn là thật

Ngày có nắng và đêm về với biển
Cùng mù sương che mấy đoạn đi qua
Em chới với trong từng lời từ giã
Em lạnh lùng bí ẩn một lời thơ

Người ta nói mùa thu buồn vàng lá
Anh chỉ nghe mỏi mệt nỗi đợi chờ
Anh chỉ nghe lối về chẳng nhẹ
Lối về chừng đuối sức một đường bay

Rừng phương bắc núi phương nam và nhớ
Chuyện một thời và chuyện mai sau
Mai sau đó sóng xanh và gió
Thành phố ngồi ngủ gục ở trong anh

Chiều lại chiều nhìn lên kiếm gió
Hỏi thì thầm con đường trải tháng năm
Tháng năm trôi còn gì để lại
Sao anh buồn như chết bởi chiều nay

Chiều nay gió em nghe tiếng gọi???

8-99

NHỮNG MƯƠI NĂM ẤY BIẾT BAO NHIÊU TÌNH

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

kính tặng bác Hoàng Khoa Khôi,
quà nhỏ nhân sinh nhật thứ 82

(Tiếp theo)

Phần II: Phong trào công binh

Bao nhiêu câu hỏi chìm nổi hàng ngày trong cuộc sống tôi. Như một ám ảnh, như một hối tiếc, như ân hận vì một việc làm không đến nơi đến chốn. Đôi lúc, một cảm giác bơ vơ lạ lùng.

Ba mươi năm trước, chúng tôi ra đi từ một nửa nước Việt và gặp gỡ nửa nước Việt khác. Khác với hình ảnh rất văn chương lãng mạn tôi đã mường tượng từ những tác phẩm của Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng, Tô Hoài, Nguyễn Nhược Pháp... Rồi từ những năm 80, 90 chúng tôi gặp nhiều đồng bào đến từ (chốn cũ và từ) một nước Việt đã thanh bình, thống nhất. Những hoàn cảnh, cơ duyên, nguyên cớ ra đi và gặp gỡ, cũng như những con người, rất khác nhau. Những câu hỏi lại đặt ra. Chồng chất, rối rắm... Những người lính thợ, thuyền nhân, tù nhân, công nhân nghĩa vụ lao động quốc tế v.v...

Về sau, có dịp chuyện trò cũng như đọc sách, báo người Việt ở Đông Âu, tôi càng thấy được nỗi khao khát tìm biết về lịch sử cận đại Việt Nam, của đa số chúng tôi, những kẻ xa nhà. Ngoài nhu cầu nhìn lại để nhận diện chính mình, để tồn tại, biết chuyện xưa mới hiểu vì sao có những chia rẽ, căm thù dai dẳng, những thành kiến truyền kiếp và hoang đường, những dối trá ân cần, những thành khẩn hành hạ nhau. Biết, mới mong có thể nhìn nhau, nói chuyện... bình thường, biết lý do xa nhau trong quá khứ mới đủ hy vọng được gần gũi trong tương lai.

*

Trong quá khứ ngắn ngủi ở Sài Gòn của tôi: từ lúc còn nhỏ, trong những lần đi học, đi chơi, đi xi nê, đi mua sách, tôi thắc mắc khi ngang qua các con đường mang tên Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch. Họ là ai, sao không thấy trong những trang sử học ở trường; hoạ hoằn lắm, trong những lần nghe lóm chuyện người lớn, hay đọc sách báo, thoáng thấy những nhắc nhở rời rạc: đó là những người Đệ Tứ trốtkít, bị cộng sản Đệ Tam, tức Việt Minh, thủ tiêu, vì là Việt gian. Mà Đệ Tứ cũng là cộng sản.

Sao họ được tổ quốc (nhà cầm quyền miền Nam chống cộng) ngày ấy ghi ơn? Người lớn nghiêm trang, bí mật và ít lời. Vì không biết hay không muốn nói.

Tuy một vài người lớn khác, thuở ấy, như Hồ Hữu Tường, phác thảo vài nét về họ: đó là những người miền Nam, chống thực dân Pháp.

Nhưng năm 1975, khi đất nước thống nhất, tại sao những người Đệ Tứ này, qua những con đường đổi tên, bị thủ tiêu một lần nữa? Những người anh hùng bách chiến bách thắng Đệ Tam, vẫn chối từ minh định lý do, hoàn cảnh, chi tiết của những vụ chém giết, đối xử vô nhân đạo và bất công với những người họ gọi là Việt gian, phản động, ngụy quân, ngụy quyền v.v... từ những năm đầu của Việt Nam độc lập cho đến Việt Nam thống nhất?

Vẫn những ray rứt, thắc mắc khiến đời sống lấn cấn, khó chịu.

Cho đến ngày tôi được quen hai người cựu lính công binh khác. Hai Việt kiều của Đệ Tứ cộng sản quốc tế tại Pháp.

Ngẫu nhiên, tôi tìm thấy những mảnh puzzles, những trang sử thiếu. Bỗng dưng tôi như được những sợi dây, những cọng rễ, những điểm tựa và dấu gạch nối, tưởng như nhìn thấy chút ánh sáng ở cuối đêm khuya và những cái vẫy tay dưới trời sâu. Không, không ai đã mang chúng tôi bỏ giữa trời sâu. Đó là những trang sử viết ở ngoài nước nhưng có liên hệ mật thiết với cuộc đời đất nước Việt Nam trước đó và hiện nay. Những trang sử thiếu của tôi, phần lớn nằm trong các tài liệu, tác phẩm của hai người Đệ Tứ này, hai chứng nhân trong những chứng nhân cuối cùng còn lại của một thời kỳ lịch sử ngắn ngủi nhưng cực kỳ quan trọng của Việt Nam : bác Đặng Văn Long và bác Hoàng Khoa Khôi.

*

Từ cuối năm 1939 qua đầu năm 1940, hơn một chục chuyến tàu Pháp, rời cảng Sài Gòn, sau những ngày lê thê trên đại dương, lần lượt ghé bến Marseille, thuộc miền nam nước Pháp, thả lên bờ gần hai mươi nghìn người Việt, trong đó có bác Lê của chúng tôi. [xin xem TK21 8/99]

Lúc ban đầu, ở Việt Nam, cảnh bắt bớ, những cuộc giã từ có lẽ khác so với thời người Phi Châu bị chủ nô xiềng xích mang xuống tàu đem bán sang Âu, Úc, Mỹ châu, nhưng những nỗi đau rất giống nhau. Thời gian, tiến bộ khoa học, triết học, văn chương đã trang điểm cho những ý đồ, hành động không sáng giá.

"Sứ mạng cao cả" của những thanh niên đó: giúp nước mẹ Đại Pháp sửa soạn cuộc chiến với Đức quốc xã của Hitler. Trừ một số ít tình nguyện, một số có bằng cấp, làm thông ngôn hay giám thị, tuyệt đại đa số còn lại là nông dân mù chữ bị cưỡng ép bắt đi từ những vùng quê Bắc và Trung Việt Nam.

Trên thực tế: làm (lọc, xúc bã và đóng thùng) thuốc súng, cưa, dũa, tiện, bào sắt, đồng dùng vào việc chế súng, vỏ đạn, trong các hãng chế tạo khí giới; và vận tải, khuân vác, đào hầm, đặt mìn. Các ê kíp làm quay vòng mỗi ngày tám giờ suốt tuần không ngày nghỉ. Có lẽ thấy chưa đủ nên có sếp còn phán thêm: "Tuy có đôi phần vất vả nhưng chưa thấm vào đâu so với các đồng bào của các anh nơi mặt trận (...) cố gắng hơn nữa để mau tới đà chiến thắng (...) xứng đáng là những đứa con tin cậy của nước Pháp." (Lính thợ O.N.S)

Những người lính thợ không chuyên này (O.N.S: ouvriers non spécialisés) được sở M.O.I [Main d'Oeuvre indigène, của bộ Thuộc địa = Sở/Ngạch Nhân công người bản xứ, người Việt gọi là Mọi] sắp xếp thành 74 cơ, mỗi cơ từ 200 đến 250 người (8 đến 10 tiểu đoàn) mang số 2 đến 73 (cơ số 1 mang tên là cơ gốc (base), các cơ ở gần hợp thành đạo. Có 5 đạo trên toàn nước Pháp, chủ yếu ở miền Nam. Đạo Nhất ở Lodève (Montpellier, Languedoc), đạo Ba, đông nhất, ở Sorgues (Avignon, Vaucluse) gần 3500 người, kế đến là đạo Hai ở Bergerac, đạo Năm (hay đạo Gốc) ở Marseille, đạo Tư ở Toulouse. Họ ở chen chúc trong những căn trại bỏ hoang hay tạm xây cất sơ sài, không vệ sinh, thiếu chỗ ăn ngủ. [Gọi là "lính thợ" vì họ làm công việc của thợ, lính bởi họ sống trong các trại, với cơ ngũ của đời lính]. Còn hơn lính, họ không tiếp xúc với người bên ngoài. Chỉ vài tháng sau, thời cuộc

đảo lộn. Thế chiến thứ hai thật sự bắt đầu.

Nhưng chiến thắng chớp nhoáng của Đức và sự chiếm đóng nước Pháp vào tháng sáu năm 1940 không thay đổi số phận của những người nông dân làm lính và thợ bất đắc dĩ này, trái lại, cuộc sống họ càng tồi tệ hơn.

Trừ một vài nơi vẫn tiếp tục làm thuốc súng... cho Đức (trại Bergerac, cho đến 1943) hoặc đi xây chiến lũy Đại Tây Dương (ngăn ngừa Đồng Minh đổ bộ) và khoảng hơn 4000 người được đưa về Việt Nam cuối năm 1941, những người còn lại được sở M.O.I. gửi đi tiếp tục đời nô lệ trong những trang trại, hãng xưởng tư nhân về nông nghiệp hay công nghệ. Việc làm mới: hái, trồng nho, đốn củi, đào than, xúc muối, chăn bò, chăn cừu, nấu tơ, dệt vải, đắp đường, xây cống, làm tạp dịch trong bệnh viện v.v... Thêm vào đó, khi quân Pháp bị tan rã, một số lính thợ chạy về trại Sorghes, các trại tạm lại dựng thêm lên.

Các giao kèo định đoạt giá cả ký kết giữa các tư chủ và sở M.O.I là một chuyện, tiền thợ lĩnh là chuyện khác.

Lương công nhật: một quan (franc) cho lính thợ và 3,5 quan cho thông ngôn hay giám thị. Từ sau tháng 6 năm 40, kinh tế suy thoái, vật giá tăng cao: Pháp chật vật vì phải cung ứng đủ thứ cho nước quốc xã Đức tiếp tục cuộc chinh phục thế giới. Lính thợ Việt hạng nhì vẫn lãnh công nhật một quan, lính thợ hạng nhất thêm 25 xu và các giám thị, thông ngôn, được chia thành nhiều thứ bậc, từ một quan rưỡi đến 20 quan. Vài thí dụ cho thấy giá cả thời ấy: một kilô khoai tây giá chính thức khoảng ba đến năm, bảy quan, giá chợ đen 22 đến 30 quan, một kilô thịt bò (đút lò) 72 quan giá chính thức, chợ đen 150 đến 250 quan.

Sở mọi, lấy cớ bỏ tiền vào quỹ tiết kiệm, quỹ hưu (quỹ đồng bạc Đông Dương) trang trải tiền ăn, mặc, thuốc thang, cả tiền phạt, chỉ cho họ lãnh khoảng 1/5 số tiền lương qui định. *vì các "eng" đựng tiền trong bao dễ bị mất cắp!* (Lính thợ ONS tr 460)

Đã thế, các quan chức Pháp Việt, lắm người cũng ăn cắp, biển thủ lương thực, quần áo, giầy vớ, chăn mền, thuốc lá v.v.. của thợ, tuồn ra bán chợ đen.

Thật khó thể tưởng tượng những trại chứa hàng trăm, hàng ngàn người sống chung đụng nhưng cách biệt hoàn toàn với người bản xứ. Có lẽ ngay đến những người sinh viên, trí thức Việt tại Pháp thời ấy, chẳng mấy ai hình dung hoặc biết được.

Không làm thợ, không làm lính, không làm tù; không chết trong xưởng súng đạn, không

HÀ NGUYÊN DU

THÊ NOA

1.
chuệnh choạng và khập khểnh
mắt dáo dác vẫn xăng xái, bương bả
mấy ngón chân như muốn rớt móng
mệt lả con ngựa già
tóc, bờm đà dựng đứng

2.
thấu những nỗi thù tạc
xốn xang khối óc họa hình
em dập duềnh quen sóng cũ
thơ ta say bến bờ

3.
chanh chua điều thân lân
hàm hồ môi miệng chuốt
quả bóng và đôi chân
điểm nao ai về ngược...?

4.
vả lả cơn mơ mồng
lâng lâng nồng ngậm ngãi
trầm càng trầm rừng sâu
em như thơ, trốt xoáy..!

5.
quấn vòng ta lắm nuộc
trặc trẹo ơi! chi là...
trệch đường xe lửa chạy
trĩu trĩu cánh thê noa!

3/9/98

phơi thây ngoài mặt trận, nhiều anh em trí thức không ngờ rằng ở bên cạnh các anh em, ở tại đất Pháp, nơi mà các anh em được hưởng sự tự do và ca tụng thường ngày những cái Hay cái Đẹp (...) có hàng chục nghìn người đồng bào đau khổ. Kẻ chết, người còn lê lết sống một đời nô lệ (...) trốn tránh ở các châu thành, không tiền độ nhật, không áo che thân, không nghề nghiệp, không biết tiếng xứ người (...) . Nước đâu? Nhà đâu ? (chỉ thấy đói rét và tủi nhục ! (...) (*Người Việt ở Pháp 1940-1954,* tr. 377).

Buổi tối còn lại của một ngày cực nhọc đói khổ, một số người dàn trải trên những sòng bạc, xóc đĩa. Có kẻ kiếm tiền bằng cách bẫy chuột bán thịt, viết thư thuê, cưa dũa đồ kim khí phế thải làm nữ trang, có người dạy chữ cho các bạn. Có người đi ăn cắp gà, thỏ và cả cừu của dân địa phương, gây ra những trận ẩu đả giữa "bọn ăn cắp răng đen" với những "thằng da trắng khinh người." Lương quá ít, điều kiện ăn ở, làm việc tồi tệ nên đói lạnh bệnh tật đã giết hơn một nghìn người trong vòng bốn, năm năm đầu. Hơn một nghìn khác phải nằm bệnh viện. Bệnh viện khét tiếng Le Dantec với bác sĩ (củ khoai nào đó đã mổ bác Lê của tôi), y tá vô nhân đạo và thiếu lương tâm nghề nghiệp. Những phản ứng tất nhiên như "đánh xếp, chửi tây," kiện cáo, chống cự những côn đồ, tay chân tín cẩn của quan chức Pháp hay Việt cũng như các chuyện trộm cắp, đĩ điếm, cờ bạc, đánh nhau đã đưa một số không nhỏ vào tù. Vài thí dụ:

- Vài thông ngôn viết đơn kiện hoặc hành hung xếp Tây. Các thông ngôn Đào Văn Lễ, Thái Bá Trân, các bệnh nhân như Nguyễn Hy, Đặng Văn Long đã vận động bệnh nhân ở Le Dantec chống đối việc ăn hối lộ của các bác sĩ, làm đơn tố cáo những hành vi xấu xa của một số các y tá và người làm tạp dịch.

- Các thông ngôn và giám thị: Hoàng Khoa Khôi, Trần Văn Tiêu, Đào Văn Lễ, Đào Trung v.v... giữ vai trò quan trọng trong cuộc tuyệt thực 24 giờ của chi đoàn công binh hơn 1.000 người ở Vénissieux vùng Rhône cuối năm 1941. Và các thông ngôn và giám thị như Hoàng Nghinh, Bùi Đình Thiệp, Nguyễn Đình Lâm và Phan Giáng v.v... là những người đứng đầu trong vụ tuyệt thực 48 giờ năm 1944 tại trại Phạm Quỳnh ở Marseille. Trong số những người nói trên, có người như Hoàng Khoa Khôi đã bị ngồi tù hơn ba tháng rưỡi ở Sorgues (*Người Việt ở Pháp 1940-1954* tr. 7-27). Ngoài một nhà giam chính, mỗi cơ một nhà tù, có tất cả 79 nhà tù trên toàn miền Nam. Án tù trung bình là ba tháng rưỡi, nhưng có nhiều người tái phạm phải ở tù liên miên tháng này qua tháng khác. Chế độ nhà tù Sorgues về mọi mặt là chế độ do thực dân ở Việt Nam mang qua. Nó vượt ngoài luật lệ nước Pháp. (sđd tr. 20)

Trong hoàn cảnh đó, thêm nỗi nhục của người dân mất nước, một số người ý thức đã tìm tòi phương cách vượt thoát, cho mình và cho đồng bào.

4.

Từ đầu thế kỷ, dường như về mặt lý thuyết cũng như thực hành chỉ có những người cộng sản ở Nga, Pháp, Anh... mới quan tâm thật sự đến số phận của các thuộc địa, các nước nghèo, yếu kém. Họ có chương trình, cũng như tổ chức cụ thể giúp đỡ, huấn luyện những thành phần ưu tú, có khả năng (lãnh đạo) nhằm đạt mục tiêu giải phóng (quốc gia) khỏi ách thuộc địa và áp dụng chủ nghĩa giải phóng xã hội (cho toàn thế giới).

Nhất là từ thế chiến thứ nhất. Cách mạng tháng mười thành công ở Nga năm 1917 đã gây tin tưởng, hy vọng (nhất là) nơi trí thức (tả phái) các nước (và đa số các nước thuộc địa) khiến chủ nghĩa Mác (và Lê nin) càng phát triển mạnh mẽ trên khắp thế giới. Đặc biệt ở Pháp, chủ nghĩa này đã thu hút, đào tạo được một số người Việt.

Năm 1910, Phan Chu Trinh được phóng thích sau hai năm bị thực dân Pháp lưu đày ở Côn Đảo, Ông sang Pháp vào tháng 3 năm 1911. Tại Paris, ông cùng Phan Văn Trường, luật sư, chủ nhiệm tờ báo *L'Annam*, cùng lập hội "Đồng bào thân ái" tiếp tục hoạt động chống Pháp. Hai ông bị sở mật thám Pháp theo dõi ngày đêm.

Năm 1914, hai ông bị nhà cầm quyền Pháp vu cáo để bắt giam chín tháng. Khi thế chiến chấm dứt, lần lượt có thêm Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh), Nguyễn Thế Truyền (kỹ sư hoá học), Nguyễn An Ninh, "năm con rồng" này, với bút hiệu chung là Nguyễn Ố Pháp cùng viết báo (tiếng Pháp) đả kích chính quyền thuộc địa.

(Theo Hồ Hữu Tường trong *41 năm làm báo*).

Thường ý kiến do cụ Phan Chu Trinh đưa ra, các ông Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường và Nguyễn Thế Truyền thảo bằng

tiếng Pháp, rồi đưa cho Tất Thành đem giao nhà báo in.

Bút hiệu chung Nguyễn Ố Pháp này sau đổi thành Nguyễn Ái Quốc vì độc giả Pháp phản đối tên Ố Pháp. Trong hội nghị hoà bình ở Versailles, năm 1919, các ông viết bản yêu sách tám điểm, kí tên Nguyễn Ái Quốc, đòi thả tù chính trị, đòi quyền bình đẳng giữa người Pháp với người Đông Dương, tự do báo chí, tự do hội họp, đi lại v.v... Năm 1922, khi vua Khải Định sang Pháp, Phan Chu Trinh viết thư cho vua nêu lên bảy tội đáng chém. Cùng năm này, Nguyễn An Ninh về Việt Nam lập tờ *La Cloche fêlée* và 1925 sang rước hai cụ Phan về. Cuộc phân công "ngũ long tề khởi" do Phan Chu Trinh đưa ra như sau :

Nguyễn An Ninh đem (truyền bá) tư tưởng dân quyền của Pháp "dĩ di diệt di" bằng tờ báo của mình, hai ông Thành, Truyền dựa vào đảng Xã hội (cộng sản) Pháp. Hai cụ Phan góp sức mà tiến lên gây một phong trào dân chủ. Vẫn theo ông Hồ Hữu Tường, dù chủ đề luận án tiến sĩ luật của ông Phan Văn Trường bàn về chủ nghĩa Bônsêvích ở Nga, ông Trường cho rằng dù sẽ thắng về chính trị, nhưng chủ nghĩa cộng sản sẽ bị Phật giáo đồng hoá ở Á đông mình.

Có lẽ chuyện trước bất thành vì Nguyễn Tất Thành sang Mạc Tư Khoa khoảng năm 1923, Nguyễn Thế Truyền bỏ đảng CS Pháp, lập đảng An Nam độc lập, rồi rời Paris về Sài gòn năm 1926, cùng năm đó Phan Chu Trinh mất, Nguyễn An Ninh bị Pháp bắt. Bị tù đày liên miên, Nguyễn An Ninh mất ở Côn đảo vào năm ông mới 43 tuổi. Còn chuyện sau, về lời tiên tri chủ nghĩa cộng sản bị Phật giáo đồng hoá, mãi đến nay, 1999, chúng ta chỉ mới nghe thấy nhà cầm quyền Việt Nam vừa thả một số vị sư, một vài người khác, đã cao tuổi vẫn bị quản thúc.

Những người sinh viên trẻ còn lại ở Paris: Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Huỳnh Văn Phương, Phan Văn Chánh, Lê Bá Cang, Hồ Hữu Tường, Hồ Văn Ngà (nhóm Đệ Tứ), với Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Giàu, (nhóm Đệ Tam), đã quen biết nhau từ trước và sau năm 1924; đến tháng sáu năm 1930, những người kể trên, với các sinh viên Việt khác, tổng cộng 19 người, bị Pháp đưa ra toà và trục xuất về Việt Nam (Sài Gòn) vì tội biểu tình trước điện Elysées phản đối chính phủ Pháp. (Trừ Dương Bạch Mai đã sang Mạc Tư Khoa từ 1929, học trường đại học Đông phương, cùng một khoá với Hà Huy Tập, Trần Ngọc Danh, Bùi Văn Thủ. Riêng Phan Văn Hùm và Hồ Hữu Tường — được Đệ Tứ quốc tế giúp — trốn sang Bỉ và lần lượt trở về Việt Nam sau đó).

Tại Nga, từ 1924, thay thế Lénine, Staline đã dần dà loại trừ (ám sát, vu cáo và kết án tử hình - les procès de Moscou) tất cả những người bạn đồng hành của Lénine và của mình, giấu chúc thư Lénine, chiếm toàn quyền lãnh đạo, bắt đầu ký những hiệp ước khi thì với Đức, lúc với Đồng minh. Staline muốn bảo vệ, bành trướng và củng cố trước hết quyền lực độc tài toàn trị của mình trên một quốc gia Đại Nga, xây dựng "xã hội chủ nghĩa thành công trong một nước."

Năm 1938, Trotski từ nhóm Tả đối lập (tổ chức từ 1924) thành lập Đệ Tứ quốc tế, chủ trương cuộc cách mạng thường trực, mở rộng cách mạng ra phạm vi quốc tế, coi đó là điều kiện thành công của sự thực hiện xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, lập trường này chống lại với chủ thuyết xã hội chủ nghĩa có thể thành công trong một nước.

Dù Staline cho người ám sát Trotski vào năm 1940 tại Mễ Tây cơ và tuyên bố giải tán Đệ Tam năm 1943, các đảng cộng sản trên thế giới hầu như đều theo đường lối Đệ Tam của Staline, trừ vài lãnh tụ cứng đầu như Tito của Nam Tư và Mao Trạch Đông của Trung Quốc.

Tại miền Nam Việt Nam, Tạ Thu Thâu cũng lập nhóm "Tả đối lập," sau này đổi thành Đông Dương cộng sản đảng.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập với Chính cương, Sách lược và Điều lệ vắn tắt như sau: đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến giành lại tự do... quốc hữu hoá tất cả sản nghiệp của tư bản đế quốc, tịch thu hết ruộng đất của đế quốc làm của công chia cho dân nghèo... hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức trung nông (Thanh Niên, Tân Việt, phái của Nguyễn An Ninh...) để kéo họ về phe vô sản (...) đối với phú nông, trung nông, tiểu địa chủ và tư bản Việt Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít nữa làm cho họ trung lập.

Trong miền Nam, cùng chống Pháp, từ sau 1930 những người cộng sản Đệ Tứ đã sát cánh với những người cộng sản Đệ Tam, và với cả những người thân Pháp (đảng Lập hiến): Viết sách, báo, tài liệu chống thực dân Pháp, tổ chức biểu tình, đình công, hưởng ứng Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương phát động phong trào Đông Dương Đại hội,

thành lập các Ủy ban hành động v.v... Từ lúc đảng Đảng Cộng sản Việt Nam ủng hộ chính phủ Léon Blum, đảng tạm thời không nêu khẩu hiệu đánh đổ đế quốc Pháp và khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày, Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương vào năm 1938 trở thành Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương và năm 1941 Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh tức Mặt trận Việt minh ra đời.

Từ nước ngoài lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (...) cho ý kiến chỉ đạo về đường lối, chủ trương (...) Người đặc biệt nhấn mạnh: "Đối với bọn tờrốtkít, không thể có thỏa hiệp nào, một nhượng bộ nào..." (*Lịch sử VN* tập II sđd tr.291) . Ở miền Nam, tờ báo La Lutte đình bản, thay vào là tờ Tranh Đấu (Đệ Tứ) và Le Peuple (Dân Chúng Đệ Tam), cuộc đấu tranh chính trị và tư tưởng của Mặt trận Dân chủ qua các báo chí đã làm hiện nguyên hình bọn tờrốtkít là tay sai của phát xít và phản động thuộc địa (*LSVN* tập II tr292).

"Tay sai phát xít" hay " thực dân phản động," đa số các lãnh tụ Đệ Tam lẫn Đệ Tứ đều bị thực dân Pháp bắt năm 1939. Từ Trần Văn Giàu, Dương Bạch Mai đến Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, Hồ Hữu Tường đều bị đày ra Côn đảo... Nhưng sau cách mạng tháng tám 45, khi Việt Minh dành được chính quyền, những người Đệ Tứ và không Đệ Tứ kể trên đều bị giết: Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, Huỳnh Văn Phương, Phan Văn Chánh, Hồ Văn Ngà, Dương Văn Giáo. Riêng ông Hồ Hữu Tường, dù đã tuyên bố ly khai Đệ Tứ ngay từ năm 1939, đã không thoát vòng lao tù thời Ngô Đình Diệm (những năm 60) và đã bị những người cộng sản chiến thắng tháng tư năm 75 giam cầm cho đến lúc chết.

Nguyên do chuyện giết hại này là gì ? Là một lầm lẫn, là điều đáng tiếc nhưng cần thiết của mọi đấu tranh vũ trang hay một sách lược của người Cộng Sản Đệ Tam? Hay vì con người hành động, nhất là khi nhân danh dân tộc để hành động, thường hay sử dụng bất kì phương tiện nào kể cả gian dối và bạo lực?

5.

Chroniques Vietnamiennes và phong trào Đệ Tứ của Việt kiều ở Pháp vào năm 1989 mở chiến dịch đòi "phục hồi danh dự cho Tạ Thu Thâu" được hàng trăm chữ ký ủng hộ của những nhân vật trong giới chính trị, khoa học, trí thức, văn nghệ của người Pháp và người Việt ở Pháp. Khi ông Trần Văn Giàu sang Paris vào mùa hè năm 1989, mở cuộc nói chuyện với một số trí thức. Nhiều người hỏi ông Giàu về chuyện đảng CSVN hạ sát Tạ Thu Thâu và những người trốt kít vào những năm 45 và 46. Ông Giàu quả quyết rằng không phải do ông vì những người có trách nhiệm trong thời kỳ đó là Hoàng Quốc Việt, Lê Duẩn và Tôn Đức Thắng. Rời Paris với lời hứa (đã được ghi âm) sẽ "rửa tiếng" (réhabiliter) cho những người yêu nước bị chết oan này, đến nay ông Giàu vẫn im lặng. Dù theo vài người Đệ Tứ cũ còn sống sót, chuyện phục hồi danh dự của người bị ám hại không cần và không thể đến từ những kẻ sát nhân mà từ nhân dân Việt Nam (Trần Ngươn Phiêu, *Những nhân chứng cuối cùng*, chú thích 23).

Ông Giàu, với danh tiếng sử gia, nhà văn hoá (có người [cả gan] ví ông với Chu Văn An), im lặng. Ông ngại gì? Sợ ai? Ở địa vị, tên tuổi (lẫy lừng) của ông, ông chẳng phải sợ ai, ngại gì.

Trong thời kỳ tiêu diệt người Đệ Tứ, vai trò của ông Trần văn Giàu là gì? Nếu thật sự ông không hề hay biết những dự tính, mệnh lệnh (thanh toán người Đệ Tứ) của đảng ông thuở đó, quả là oan cho ông khi người ta nghi rằng ông đã trực tiếp nhúng tay vào.

Nhưng ai có thể đoan chắc rằng ông không hề hay biết? Ông là một trong các lãnh tụ kháng chiến Nam Bộ có quyền sinh quyền sát thời bấy giờ. Được Tạ Thu Thâu coi như em, biết rõ con đường đi của ông Tạ, mà không can thiệp, bênh vực khi các lãnh tụ cộng sản như Staline, Hồ Chí Minh kết tội những người trotskistes trong đó có ông Tạ, là tay sai đế quốc, là Việt gian, là phát xít, quả tình ông Giàu "thiếu nợ" bọn hậu sinh chúng tôi, thiếu nợ bạn đồng thời và thiếu nợ lịch sử nữa. Thiếu nợ một lời giải thích, biện bạch, một tiếng trần tình.

Một trong những người có thể là hung thủ trực tiếp là ông Nguyễn Văn Trấn, nhưng ông Trấn cũng không hề nói đến chuyện này. Bây giờ ông Trấn đã trở thành người thiên cổ, chúng ta có hi vọng gì nơi những bản thảo để lại, trong đó có Nhật ký của ông, đã bị tịch thu khi công an xét nhà? Trong tất cả những người then chốt viết nên trang sử này, chỉ ông Giàu còn sống, ông không nói, chúng ta khó đến gần sự thật. Trong khi chờ đợi (một cách

tuyệt vọng ?) tôi chỉ có thể loanh quanh tìm hiểu vì sao những staliniens Việt đã giết người trotskistes Việt dễ dàng như Staline đã giết hại Trotski và lừa đối được vô số người (Nga) khác.

*

Dính dáng, quen biết hoặc là những người trotskistes Đệ Tứ, từ trước đến nay vẫn là tội nặng dưới mắt Đảng Cộng Sản Việt Nam: Gần đây, ông Hoàng Khoa Khôi "được" báo *Công An thành phố* và *An Ninh thế giới* (trong nước), gọi là tên trốtkit phản động. Báo không nói rõ vì sao ông phản động và như thế nào. Ngày xưa: sau khi lãnh tụ nhóm Đệ Tứ và các đồng chí bị sát hại tại miền Nam, thì ngoài Bắc, Trương Tửu, Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang, Trần Đức Thảo v.v... trong vụ Nhân Văn giai phẩm cũng bị tố là Đệ Tứ. Riêng trường hợp ông Trần Đức Thảo, người Đệ Tứ Hoàng Khoa Khôi cho biết ông này bị tiếng oan. Nhưng tiếng (oan) Đệ Tứ gán cho ông Thảo từ đâu đến? Có phải vì vào tháng 8 năm 1944, ông có mặt trong Ủy ban Đại diện Lâm thời, và trong ban Lãnh đạo Trung Ương, của Tổng Ủy Ban Đại diện, cơ quan thay mặt cho 25,000 người Việt tại Pháp lúc đó?

*

Đây là lần đầu tiên (và cuối cùng?) những người Việt ở Pháp có một tổ chức đại diện qui mô. Thật vậy, xin nhắc lại, từ sau những hoạt động (chống thực dân Pháp) của những nhà cách mạng Việt Đệ Tam, Đệ Tứ trong những năm 1920, 1930, với khoảng độ 1 500 người, trong đó 500 là trí thức, sinh viên, tại Pháp hầu như chỉ có những hội đoàn ái hữu địa phương. Năm 1939, con số này tăng lên gần 40 000, người với 30 000 là lính thợ và lính chiến. Số còn lại là trí thức, sinh viên, và thuỷ thủ, thương gia, lao động (làm thuê, bồi bếp, ở vú) và một số cựu lính chiến 14-18. Qua năm 1941, 5 000 lính chiến và lính thợ về nước, từ 6 000 đến 7 000 lính chiến tử trận (hoặc mất tích, tù binh).

Chỉ từ 1944, mới bắt đầu nở rộ những đoàn thể cùng với các báo chí thông tin. Và sang năm 1945, tất cả người Việt là dân của một nước tự do. (c.t 32)

Khi còn lưu vong, tại Brazzaville, đầu năm 1944, tướng De Gaulle tuyên bố, khi chiến tranh chấm dứt, hứa hẹn sẽ trao cho các nước thuộc địa quyền tự trị trong khối Liên Hiệp Pháp. Vào tháng 7 năm 1944, nước Pháp vừa được giải phóng, chính phủ De Gaulle đã toan tính đưa người (Việt, Pháp) của họ về chiếm lại Việt Nam (chính phủ kêu gọi thanh niên Pháp gia nhập đội quân Viễn chinh giải phóng Đông Dương, 6 000 lính chiến Việt về nước trong đạo quân giải phóng Đông Dương - dự định thành lập nội các lưu vong Nguyễn Quốc Định với cựu hoàng Duy Tân). Tháng 9/1944, những người Đệ Tứ đã nhanh chóng vận động thành lập một Ủy ban Đại Diện lâm thời, 12 thành viên gồm có bốn người công binh (Đào Trung, Đào Văn Lễ, Trần Văn Tiêu, Trần Văn Xa) và tám người trí thức (Bửu Hội, Trần Đức Thảo, Hoàng Xuân Mãn, Hoàng Đôn Trí, Nguyễn Đắc Lộ, Bùi Thạnh, Phạm Quang Lễ, Nguyễn Được). Trong đó có một người công binh (Trần Văn Xa) và năm người cộng sản Đệ Tứ (Đào Trung, Đào Văn Lễ, Nguyễn Được, Hoàng Đôn Trí, Trần Văn Tiêu). Những người này trong nhóm (tổ) B.L. Tổ B.L (Bônsêvích-lêninít) là nhóm trốt kít khởi đầu cuối năm 1942 tại Paris từ những người trí thức kể trên. Hoàng Đôn Trí (người Đệ Tứ đầu tiên, từ 1940) và Nguyễn Được (từ 1942) Bùi Thạnh (1944) cùng với (từ 1943 đến 1945) vài người O.N.S trốn trại trong đó có: Hoàng Khoa Khôi, Nguyễn Văn Liên, Đặng Văn Long và Đào Văn Lễ. Tổ "chính thức" thành lập đầu năm 1944. Tờ báo của tổ B.L. vào tháng 11 năm 1944 mang tên Vô Sản.

Từ cuối năm 1943, các tổ viên này đã chia nhau đi vào các đồn trại lính chiến và lính thợ vận động, tuyên truyền, lập những tiểu tổ tranh đấu. Tại các trại, nguyên từ 1940 (qua 1942, 1944) vốn đã có những tổ chức như hội Tượng binh tương tế, phong trào Hướng đạo, do một số thông ngôn và giám thị khởi xướng nhằm mục đích hoạt động xã hội, rèn luyện thanh niên và giúp các lính thợ cấp dưới. Các tổ chức này đặt cơ sở cũng như đào tạo được một số người nhiệt thành và sẵn sàng cho những cuộc tranh đấu về sau. Như Club des gradés (Hội quán chức việc) do một số thông ngôn giám thị phần đông là hướng đạo sinh, công binh thành lập, đã hô hào, vận động cho sự liên lạc đoàn kết giữa Việt kiều các giới.

Trong thời kỳ Đức chiếm đóng, bất cứ ai theo kháng chiến (Pháp) chống Đức, trong đó rất nhiều người cộng sản, khi bị Đức bắt đều bị xử rất nặng: tử hình hay tù chung thân. Dù vậy, nhóm B.L. đã góp phần lớn vào việc hình thành những tiểu tổ tranh đấu và các Ủy ban

Hội đồng, Uỷ ban đại diện hàng Cơ hay hàng Đạo từ tháng Ba tháng Tư và tháng Năm năm 1944. (Nvtp, sđd, tr 36, 189). Nhờ vậy việc vận động thành lập Tổng Ủy Ban đại diện lâm thời vào tháng 8 và 9/44 thực hiện được khá nhanh chóng và việc tổ chức nội bộ có hệ thống hơn và dần dần được hoàn chỉnh.

Tôn chỉ mục đích của Tổng Ủy Ban Đại diện (lâm thời): giải quyết các vấn đề:

Thứ nhất: Bộ thuộc địa, sở M.O.I, là những trở ngại cho lính thợ trong việc đối phó, thương thảo với chính phủ Pháp để cải thiện đời sống vật chất hiện tại và tương lai - chuyện lương tiền, học nghề, tù binh, hồi hương.

Thứ nhì: Đoàn kết tất cả người Việt với nhau - công binh, lính chiến và học sinh, trí thức, trong đời sống tại Pháp và về tương lai đất nước.

Văn phòng bộ Thuộc địa chịu mở những cuộc hội thảo về quyền lợi của lính thợ với Ủy ban Đại diện dù Ủy ban không được Pháp chính thức thừa nhận. Và âm mưu (của Pháp) lập nội các lưu vong không thành hình. Đại hội thành lập Tổng Ủy Ban đại diện chính thức tổ chức vào giữa tháng 12 năm 1944 tại Avignon thay vì Paris (bởi sự cấm đoán và phản đối của bộ Nội vụ cùng các đảng Xã hội và đảng Cộng sản Pháp) với hơn 200 đại biểu. Đại Diện cho 25 000 người Việt tại Pháp với ban lãnh đạo trung ương và các ban trị sự địa phương gồm 40 người trong đó có 22 người trí thức.

Bài thuyết minh (hay lời trần tình) của Tổng Uỷ ban Đại diện có thể tóm tắt như sau :

- Trách nước Pháp mưu toan chiếm lại Đông dương.
- Mong muốn Đồng minh áp dụng những nguyên tắc của Hiến chương Đại Tây dương và Hiến chương Liên Hiệp quốc vào Đông dương : trả quyền độc lập và tự do cho ba nước Việt Nam, Cao Miên và Lào.
- Dân Đông dương sẽ bỏ phiếu cử một hội đồng lập hiến với đầy đủ mọi quyền. Hội đồng này sẽ tuyên bố Đông Dương độc lập đồng thời cử một chính phủ để soạn thảo Hiến pháp cho Liên bang. Mỗi nước trong Liên bang được biệt lập nếu không muốn ở trong Liên bang v..v..

Chúng tôi thảo ra bản Thuyết minh này không phải chỉ thay mặt cho 25 nghìn Việt kiều ở Pháp, chúng tôi còn biểu lộ ý nguyện của dân trí ưa tự do và chân thành ở nước chúng tôi (...) Hồn quốc gia của chúng tôi đã trải qua một lịch sử lâu dài: chúng tôi đã ùm bọc nhau sống chung, lúc thì lo đòi nền Độc lập, lúc thì cùng nhau chiến đấu để gìn giữ tự do. Lòng ái quốc của người Đông dương (...) là lòng ái quốc của dân tộc bị áp chế (...)

Với tư cách là Phó Ủy viên, (chánh Ủy viên là ông Bửu Hội) và phụ trách Tiểu ban chánh trị của Tổng Ủy Ban Đại diện, ôngTrần Đức Thảo đọc tờ báo cáo chính trị của Tổng Ủy Ban , trong đó có đoạn:

"Phải khảo sát, xem có cách nào mà sắp đặt việc nội trị trong nước để cho đồng bào được tự do (...) Nói tóm lại, ba điều chúng tôi mong hội nghị chuẩn y là :

1) Phải có các mối tự do của chính thể cộng hòa (tư do hội họp, tự do ngôn luận...)
2) Phải cho toàn dân (cả phụ nữ) bỏ phiếu
3) Chế độ nghị viện

Riêng những người Đệ Tam Việt Nam khi đó, đều là đảng viên đảng cộng sản Pháp, không tán đồng Ủy ban Đại Diện. Thứ nhất, vì thái độ chính trị độc lập của Uỷ ban Đại diện. Thứ hai, vì họ thấy trong đó có sự tham gia của những người Đệ Tứ. Mặc dầu trong đoạn trích nói trên, cũng như trong toàn bộ bài thuyết minh cho ta thấy những người cộng sản Đệ Tứ vẫn có đầy đủ tấm lòng hướng về quê hương (và hoàn toàn ủng hộ Chính phủ Lâm Thời Hồ Chí Minh).

Nhưng nghĩ đến quê hương, ủng hộ cuộc kháng chiến giành độc lập của toàn dân, dưới mắt những lãnh tụ Việt Minh khi đó và cả đảng Cộng Sản Việt Nam bây giờ phải thêm một điều kiện: tuyệt đối trung thành với đảng và lãnh tụ (Hồ Chí Minh), không được phép chỉ trích, phê bình, thách thức sự lãnh đạo của đảng (Cộng Sản Việt Nam). (Chữ của ông Trần Văn Giàu, sđd c.t 38).

Ông Trần Đức Thảo vì vô tình hay không rõ điều đó đã trở thành một trong những nạn nhân đầu tiên trong số những người về nước theo lời kêu gọi của chủ tịch Hồ Chí Minh (cũng như vài người khác trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm có thực sự là Đệ Tứ hay không) đã bị đày đọa, hành hạ như thế nào, ai cũng biết. Dù từ năm 1947, ông Thảo đã viết bài (tiếng Pháp đăng trong trong Thời Mới . Les Temps modernes- của J.P. Sartre) đả kích chủ nghĩa trốt kít, và viết quyển *Triết lý đã đi đến đâu?* do nhà Minh Tân xuất bản (1951), nhằm tán dương Staline. Và dù từ năm 1948, ông Thảo bỏ đoàn thể công binh.●

(Còn tiếp)

TRỞ LẠI HỒ SƠ NGŨ PHỤNG

TRẦN GIA PHỤNG

Trong mục "Bạn đọc viết" trên *Thế Kỷ 21* số 125 (trang 8-10), tháng 9-1999, ông Phạm Tử Thiên (Arlington, Texas), đã viết bài "Mở lại hồ sơ Ngũ Phụng Tề Phi." Ông nêu những thắc mắc của ông khi đọc bài "Ngũ Phụng bay về đâu?" của tôi đăng trên *Thế Kỷ 21* số 100, tháng 8-1997, và trong hai năm nay, ông đã bỏ công "tìm cho ra một giải đáp."

Trước hết, tôi xin cảm ơn ông Phạm Tử Thiên (PTT) đã đọc và để tâm nghiên cứu vấn đề Ngũ Phụng tôi đặt ra. Sử Việt Nam đã có nhiều người viết. Người viết sau phải luôn luôn nghiên cứu tìm tòi những gì mới lạ đặt thành vấn đề, để nhiều người cùng thảo luận. Bài viết của tôi được ông PTT để tâm nghiên cứu vì ông cho rằng bài nghiên cứu của tôi có "tính cách khoa học," và ông có ý kiến phản hồi là một điều rất quý giá đối với người viết. Tôi ước gì những bài viết của mình được càng nhiều độc giả khảo chứng nghiêm túc như ông PTT thì càng tốt. Có thế, vấn đề mới được sáng ra.

Ông PTT đã điểm lại bốn thuyết xuất xứ của "Ngũ Phụng tề phi" do tôi đưa ra, và trong đó, ông PTT nhấn mạnh đến thuyết thứ nhì, và đưa bằng chứng cụ thể là Đào Tấn đã lãnh chức Tổng đốc Nam Ngãi năm 1898, trong khi bài "Ngũ phụng bay về đâu?" nói rằng ông Đào Tấn không làm tổng đốc Quảng Nam. Thuyết thứ nhì trong bài của tôi có hai phần: phần Đào Tấn không làm tổng đốc Quảng Nam (sau mới biết là sai), và phần nếu có lá cờ thì ai giữ, và tại sao trong gia phả các tân khoa không ghi lại việc nầy? Ông PTT bỏ qua không nói đến.

Bài "Ngũ phụng bay về đâu" về sau đăng trong sách *Những câu chuyện Việt sử tập 1* (Toronto, 1997). Một học giả đọc sách nầy, thấy rằng tôi viết không đúng về việc Đào Tấn không làm tổng đốc Quảng Nam, đã gởi cho tôi quyển *Lô Giang tiểu sử* của Nguyễn Văn Mại (1858-1945). Quyển nầy là một hồi ký viết từ 1927 đến 1932 thì hoàn tất, kể lại cuộc đời của tác giả, viết bằng chữ Nho, được con của tác giả là Nguyễn Hy Xước dịch ra chữ Quốc ngữ năm 1947, và in ronéo tại Huế năm 1961, dày 242 trang. Quyển nầy cho đến nay chưa xuất bản.

Ông Nguyễn Văn Mại đã làm án sát Quảng Nam hai lần vào các năm 1894 và 1898. Trong lần làm án sát thứ nhì, ông Mại cho biết trong tháng Hai (âm lịch) tổng đốc Vương Duy Trinh ra Huế lo việc khảo thí rồi đi làm tổng đốc Thanh Hóa, nên Đào Tấn được cử đến thay. Đào Tấn và Nguyễn Văn Mại đã từng quen biết từ trước khi còn ở Huế, nay lại là hai nhân vật đầu tỉnh, nên khá thân thiết với nhau. Ông Đào Tấn làm tổng đốc một thời gian ngắn vài tháng rồi đổi ra An Tĩnh cùng năm đó. Khi tra cứu tiểu sử Đào Tấn, tôi thấy năm làm việc của ông liên tục từ Huế ra Nghệ An, mà không ngờ ông có thời gian ngắn đến Quảng Nam làm việc, nên tôi bị sai lầm điểm nầy. Chức vụ tổng đốc một tỉnh lớn như Quảng Nam thường kéo dài nhiều năm.

Nhận thấy mình đã sai lầm về chi tiết nầy, tôi liền viết bài "Khán hoa đình" để cải chính và đưa thêm những chi tiết mới về vấn đề Ngũ Phụng. Tôi gởi bài nầy qua *Thế Kỷ 21*. Trong số Xuân Mậu Dần (105 & 106, tháng 1 & 2-1998) của báo nầy, trang 15 có quảng cáo số 107 sẽ đăng bài "Khán hoa đình," nhưng không hiểu vì lý do nào, bài nầy không xuất hiện. Sau đó, tôi đăng bài nầy trong sách

Những câu chuyện Việt sử tập 2 mới ấn hành cách đây hai tháng. Vì sách mới ấn hành nên có thể nhiều độc giả chưa theo dõi để biết là tôi đã đính chính và bổ túc vấn đề này.

Tài liệu của Nguyễn Văn Mại làm sáng tỏ thêm vấn đề Ngũ phụng, vì Nguyễn Văn Mại là người cùng với Đào Tấn đứng ra đón tiếp năm đại tân khoa khóa mậu tuất (1898). Theo Nguyễn Văn Mại, sau khi đỗ đạt, năm vị đại khoa vinh quy thẳng về làng, rồi sau đó mới đến tỉnh đường Quảng Nam ở làng La Qua (gần Vĩnh Điện) theo lời mời của tổng đốc Quảng Nam đương nhiệm là Đào Tấn. Trước cuộc tiếp kiến này, Đào Tấn đã giao cho Nguyễn Văn Mại viết bài ký "Khán hoa đình" trên lụa để chào mừng năm đại khoa, và Đào Tấn trao tận tay tiến sĩ Phạm Liệu, người đỗ cao nhất của Ngũ phụng, trong một buổi tiệc tại vườn hoa trên bờ sông Vĩnh Điện, mà Đào Tấn đặt tên là "Khán hoa đình" [sân xem hoa] để kỷ niệm năm tân khoa năm 1898. Bài ký bằng lụa chắc đã mất, nhưng văn bản được đăng trong phần phụ lục quyển *Lô Giang tiểu sử*, và đã được nhà nghiên cứu Đoàn Tâm Khoách dịch ra chữ Quốc ngữ.

Trong phần kể chuyện Đào Tấn đón tiếp năm đại tân khoa, cũng như trong bài ký ca tụng họ, Nguyễn Văn Mại hoàn toàn không đề cập đến chữ "Ngũ Phụng tề phi." Điều này phải hiểu như thế nào, nếu không muốn nói rằng lúc đó ông Mại chưa nghe nói đến chữ "Ngũ phụng," và việc vua ban cờ xí cũng như việc Đào Tấn tặng bốn chữ "Ngũ phụng tề phi" là hoàn toàn không có.

Tài liệu Nguyễn Văn Mại là tài liệu viết duy nhất của người trong cuộc tiếp rước năm 1898, hiện đã được tìm ra. Tài liệu này thêm rằng *"khi các tân khoa đến dự tiệc xong, ông Tổng đốc cho sức hát cùng nhà nhạc cờ trống..."* Ngày xưa, ngâm vịnh thơ ca đi theo với hát xướng, nên trong lúc hát nhã nhạc, có thể có ngâm các bài thơ Đào Tấn sáng tác tặng ba vị tiến sĩ mà tác giả Nguyễn Bội Liên đã sưu tập lại được trong Quảng Nam nhân vật chí in ronéo tại Hội An năm 1969. Cần chú ý ba yếu tố nổi bật trong câu chuyện này: (1) năm người Quảng Nam đồng đậu đại khoa; (2) có thể tổng đốc Đào Tấn muốn cuộc vinh danh năm vị đại khoa trở thành một lễ hội dân gian, làm gương hiếu học cho nhân dân Quảng Nam nên ông tiếp kiến năm vị vinh quy không phải tại tỉnh đường mà tại Khán Hoa Đình, nghĩa là không phải tại phủ quan nghiêm cẩn, mà tại một vườn hoa bên bờ sông, có phụ diễn nhã nhạc thơ ca hát xướng, nên chắc chắn dân chúng đến theo dõi đông đúc; (3) tỉnh đường La Qua nằm ngay tại Vĩnh Điện, trung tâm của mọi sinh hoạt hành chánh kinh tế lúc đó của Quảng Nam. Do đó, chắc chắn cuộc chiêu đãi năm tân khoa trong buổi tiệc này của Đào Tấn được loan truyền rộng rãi nhanh chóng ra ngoài dân chúng ở khắp tỉnh Quảng Nam.

Việc Đào Tấn làm thơ tặng ba vị tiến sĩ ứng hợp với câu chuyện năm người cùng quận Lư Lăng bên Trung Hoa cùng thi đậu Hàn lâm học sĩ dưới đời Tống Thái Tông (trị vì 976-1003) được tặng bài thơ trong đó có câu *"Ngũ phụng tề phi nhập hàn lâm,"* nên có người đã nhân đó vinh danh năm tân khoa Quảng Nam là Ngũ phụng tề phi. Có thể từ đây hình thành giai thoại truyền tụng trong quần chúng mà chúng ta đang bàn.

Tôi đồng ý với ông PTT là Ngũ phụng chỉ là một tập thể ảo, do các vị tình cờ đỗ đồng khoa và người Quảng vinh danh, chứ các ông không tự ý chọn lựa thành một nhóm văn học. Khi viết về hành trạng của họ, tôi viết riêng từng nhân vật chứ tôi không gộp chung thành tập thể. Tôi đưa ra những sự kiện, những việc làm của từng người để so sánh với các nhân vật Quảng Nam khác, nhằm tìm hiểu xem họ đặc sắc ở điểm nào, và không thành công ở điểm nào, thì không thể nói là tôi đòi hỏi người xưa theo một khuôn mẫu nhất định.

Trong bài "Ngũ Phụng bay về đâu", tôi kết luận: *"Như vậy năm con chim phụng đất Quảng Nam cùng tung cánh rầm rộ trong khoa thi đình năm mậu tuất (1898), ngoài tiếng tăm đỗ đạt ban đầu, chẳng bay đâu xa mà duy nhất chỉ để lại cho con cháu đời sau tấm gương hiếu học mà thôi."* Trong bài *"Khán hoa đình"* đăng trong *Những câu chuyện việt sử tập 2, tôi kết luận: "Dầu Khán Hoa Đình không còn, dầu chẳng được vua quan phong tặng, hình ảnh năm con chim phụng cùng bay năm 1898 là một gương hiếu học hiếm có đáng được vinh danh."* (tr. 229) Qua hai kết luận trên, tôi viết không khác gì ông PTT, khi ông nêu vấn đề trong đầu bài của ông: *"Truyền thống của tỉnh Quảng Nam coi bốn chữ Ngũ Phụng Tề Phi để chỉ năm vị dân Quảng Nam cùng thi đậu năm Mậu Tuất là niềm hãnh diện về học vấn thi cử của con dân tỉnh nhà..."*

Nếu những kết luận của tôi thiếu sót, hoặc những nhân vật Ngũ phụng có gì đặc sắc hơn mà tôi chưa phát hiện được, thì hy vọng quý vị

độc giả sẽ chỉ vẽ thêm để truyền thuyết Ngũ phụng được rõ ràng đầy đủ hơn. Ngoài ra, xét cho cùng, truyền thuyết hiếu học của Ngũ phụng chỉ nói lên một trong những cá tính của người Quảng Nam, cá tính hiếu học, chứ chưa phải là tiêu biểu địa linh nhân kiệt tỉnh Quảng Nam, bởi vì Quảng Nam còn có những tấm gương vĩ đại hơn nhiều.

Cuối cùng, tôi xin xác nhận tôi là người Quảng Nam. Khi viết "Ngũ phụng bay về đâu?", tôi chỉ đi tìm sự thật lịch sử, nhằm làm sáng tỏ một truyền thuyết của quê hương. Đặt Ngũ phụng cho đúng vị trí của họ, không có nghĩa là "*vì tính cách miệt thị ẩn.*" Làm sáng tỏ truyền thuyết nầy là bổn phận của mọi người, không riêng gì người Quảng Nam. Vấn đề là những sự kiện đưa ra đúng hay sai hay thiếu? Có tài liệu chứng minh không? Giá trị những tài liệu như thế nào? Nói đến sử học là nói đến sự kiện, tài liệu, phương pháp ... chứ không thể dựa trên tình cảm, kể cả tình cảm địa phương hay gia đình, bởi vì "*người ta có thể thay đổi tương lai nhưng không ai có thể sửa đổi quá khứ.*"

Trong khi vinh danh tiền nhân, chúng ta cần tìm hiểu vì sao chúng ta vinh danh, và điểm nào đáng vinh danh, điểm nào đáng loại bỏ. Chúng ta không thể vinh danh người xưa một cách mù quáng. Trong hoàn cảnh hiện tại, làm sáng tỏ truyền thuyết Ngũ phụng là điều rất cần thiết cho giới trẻ ở hải ngoại, giúp họ biết rõ truyền thống hiếu học của vùng đất gia tiên xuất phát, nhằm khuyến khích giới trẻ cố công đèn sách như tiền nhân của họ.

Tôi xin cảm ơn ông Phạm Tử Thiên đã nêu vấn đề để tôi có dịp thảo luận trở lại. Tôi xin cảm ơn nguyệt san *Thế Kỷ 21* đã tạo điều kiện cho những cuộc đối thoại bổ ích. Nhân đây, nếu *Thế Kỷ 21* đồng ý, tôi sẽ nhờ quý tòa soạn chuyển hộ sách *Những câu chuyện Việt sử tập 2* tôi mới xuất bản, mà muốn gởi biếu ông Phạm Tử Thiên. Trong sách nầy có bài "Khán Hoa Đình" liên hệ đến truyền thuyết Ngũ phụng tề phi, như một đính chính và bổ túc bài "Ngũ phụng bay về đâu?" Xin cảm ơn tòa soạn.●

(Toronto, 9-1999)

LÊ NHIÊN HẠO

NGƯỜI LÊN NGỰA KẺ CHIA BÀO

Chao ôi đỏ rực lá phong rồi
Ngày tháng xuôi dòng nước chảy xuôi...
Bên lở bên bồi không kịp thấy
Ngước nhìn đã thấy lá phong rơi!

Là năm lại hết, người thêm tuổi
Chữ Happy thay thế chữ buồn
Ta lại vẽ vời trăm cánh thiếp
Gửi đi mừng bạn ở trăm phương!

Bạn ta chắc biết là ta nhớ
Câu Đoạn Trường xưa của Nguyễn Du?
Bạn chắc mỉm cười khi đón nhận
Rừng Thu lác đác lá mùa Thu?

Ở lá Thu rơi, cảnh hữu tình
Đâu người hữu ý ở xung quanh?
Hữu duyên mà chẳng năng tương ngộ
Thôi, chữ vô duyên vẫn của mình!

Burbank là một phi trường nhỏ
Là chỗ ta vừa mới tiễn ai
Mưa chẳng bỗng dưng mà rớt xuống
Bỗng dưng, là bạn, đã trong mây!

Chao ôi đỏ rực lá phong rồi
Thu chẳng một vùng, Thu khắp nơi...
Tội nghiệp Burbank vào sách vở
Nếu người mai mốt lãng quên tôi!

MÀU QUAN SAN

TÔN NỮ THU NGA

Từ những ngày trung học, đầu óc đã vấn vương dòng thơ Lưu Trọng Lư, tâm trí lúc nào cũng mon men theo dấu chân nai vàng ngơ ngác. Trong cõi huyền diệu của mộng tưởng, màu lá vàng huy hoàng, phất phới bay trong nắng, sột soạt dưới bàn chân người yêu, rì rào như tiếng thì thầm gió reo, xôn xao mời gọi.

Đứng trên sườn đồi, mắt cay, hồn rưng rưng nhìn: Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san... Đôi khi cảm quan tôi choáng ngợp, bất lực trước thiên nhiên, không biết làm sao để đón nhận tất cả những màu sắc huy hoàng ấy và ôm giữ lấy như một kỷ vật của tạo hoá. Một ngày nào đó trong đời sống nhỏ mọn của tôi, bỗng tôi khám phá ra nhiếp ảnh, một kỹ thuật giản dị có thể giúp tôi ghi nhận lại vẻ đẹp của thiên nhiên. Thế là biền biệt theo đuổi những màu quan san từ năm này qua năm nọ, và nhiếp ảnh trở thành một trong những niềm vui cuả tôi và các bạn cùng ở thích.

Lá thay màu không chừng mực, tùy theo khí hậu lạnh nóng, tùy theo cao độ, tùy theo gió bắc, gió nam. Mỗi độ thu về, chạy theo màu lá là một kỳ công, chụp được một tấm ảnh lá vàng cho được mắt kẻ thưởng lãm là một điều hạnh ngộ. Có năm chúng tôi đến Sedona, thì gặp lá chỉ mới chớm vàng; chạy lên Flagtaff, ba mươi dặm phía bắc, nguyên cánh rừng thu chỉ còn xương trắng, lá nâu khô dòn vỡ dưới chân. Con nai vàng ngơ ngác chẳng thấy đâu, chỉ thấy mấy nhiếp ảnh gia bơ phờ thất vọng.

Đời nhiếp ảnh đôi khi cũng lừng khừng như tánh lá, chuyến săn ảnh đôi khi cũng ly kỳ trật duột vì công việc làm, vì bạn đồng hành, có khi còn tùy hầu bao có rủng rỉnh hay không, nhưng nhất là còn tùy vào những kẻ

được mệnh danh là "nhà tôi." Được cái hầu hết những *nhà tôi* của các hội viên nhiếp ảnh bất kể nam hay nữ thường có một tánh rất tốt là chìu chồng hay vợ, họ thường du lịch theo các nhà nhiếp ảnh và trở thành những phụ tá rất đắc lực trong việc tổ chức, ẩm thực, khuân vác, tài xế, người mẫu... Họ là những người bạn đường chính hiệu vì đã chia xẻ những đam mê trong đời sống của dân nhiếp ảnh chúng tôi.

Vài hôm trước ngày khởi hành chúng tôi đã gọi nhau, bàn bạc về thức ăn thức uống. Đi chụp ảnh mà bụng đói, ảnh có thể bị mờ nhoè, run rẩy vì người chụp sẽ không còn sức vác theo chân máy. Lý thuyết này thường được các giảng viên nhấn mạnh trong những lớp thực tập đầu tiên, độc giả nào nghi ngờ thắc mắc, xin cứ liên lạc với giảng viên Nguyễn Học Hải của hội nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam. Anh

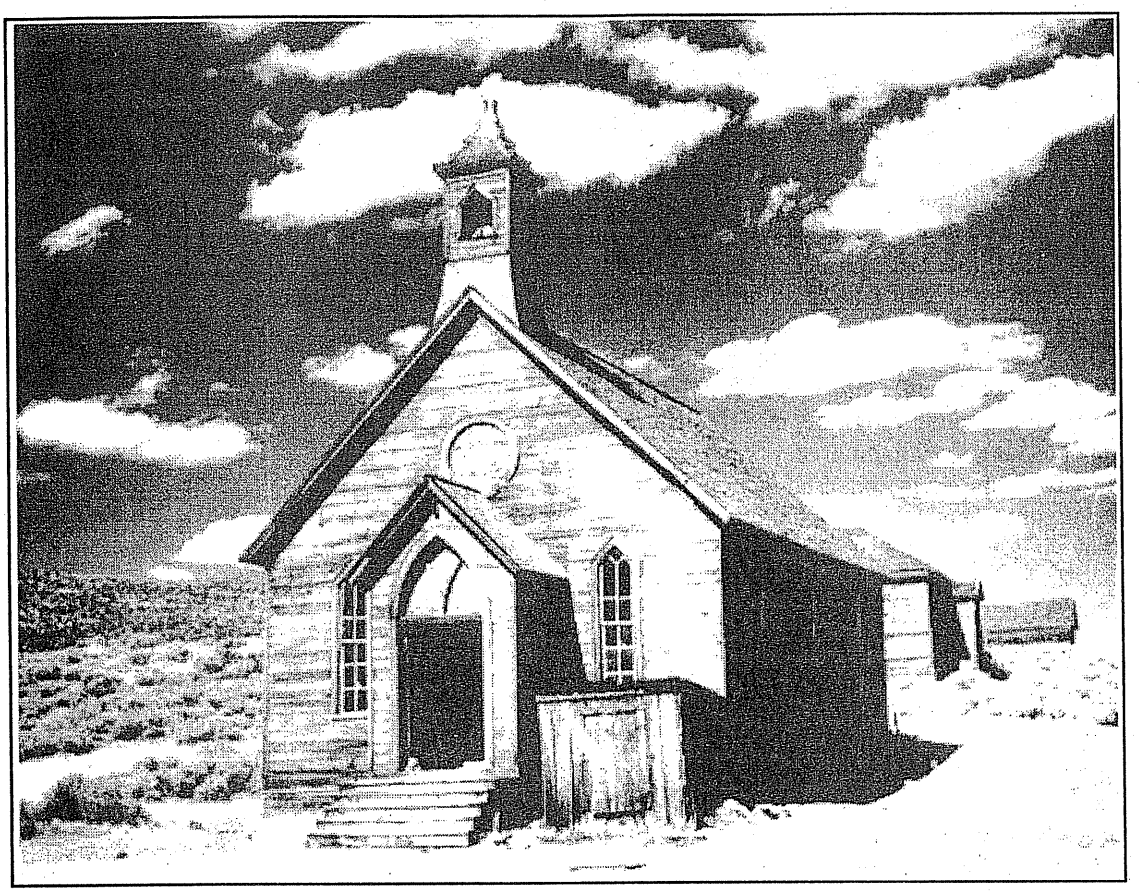

Nhà thờ tại Bodie Ghost Town

Được một thân hữu cho mượn căn nhà nghỉ mát trên thành phố Mammoth, chúng tôi tổ chức ba ngày săn ảnh mùa thu. Cuộc săn ảnh này được sự hưởng ứng của chị Phương Châm, chị Hồ thị Quế, tôi và anh Trần Tuấn. Anh Tuấn vì thân nam nhi, lại có chiếc xe thể thao loại lớn nên đương nhiên được hân hạnh làm tài xế cho ba nữ nhiếp ảnh gia với một điều kiện duy nhất là: các bà phải thức để nói chuyện cho tôi khỏi buồn ngủ trong lúc lái xe. Anh đã phạm một lầm lỗi lớn khi phát ngôn câu ấy, vì được dịp, các bà phát ngôn liên tu bất tận làm cho tài xế bị nhức đầu và mất ngủ luôn.

Hải có tài liệu rất đầy đủ về khẩu độ lớn nhỏ thế nào thì thức ăn phải đưa vào với một tốc độ nhanh chậm ra sao để một phàm nhân có thể trở thành một nhà nhiếp ảnh xuất sắc. Chỉ cần áp dụng tất cả lý thuyết thâm sâu ấy, còn những cái như phim, máy ảnh, ống kính, kính lọc, chân máy... chỉ là những thứ lặt vặt, thứ yếu. Chúng tôi dự bị thật đầy đủ, nào là bò viên, tôm, mực, thịt, bún, trứng, bánh mì, nem, chả, nước ngọt, trái cây... Chiếc xe trở thành một cái siêu thị di động nho nhỏ. Nhờ vậy các nhiếp ảnh gia vui vẻ hồ hởi trên đường thiên lý, đi tìm những mối tình thu.

Hôm nay anh Tuấn lái xe mà không cần vặn radio vì bên tai anh có tới ba đài, liên tục phát thanh. Lúc thì chuyện tình cảm của mình, tiếp đến là những chuyện về công việc, về nữ công gia chánh, con cái, du lịch, mẹ chồng, chuyện nhiếp ảnh, y tế thuốc men, rắc rối tơ lòng. Anh Tuấn vừa lái xe vừa cười, anh bảo rằng cái đài tiếng nói tự do của mấy bà này chỉ thiếu chương trình thể thao, bây giờ mấy bà xuống xe chạy bộ để tôi tiếp tục phần truyền thanh về thể dục thẩm mỹ.

Nhờ đấu láo nhiều nên chả mấy chốc chúng tôi đã đến Alabama Hills. Alabama Hills là những ngọn đồi nhỏ, bao phủ bởi những tảng đá mòn nhẵn theo thời tiết và năm tháng, hình thù tròn méo nằm ngổn ngang. Rặng đồi này nằm dọc theo quốc lộ 395 hướng tây bắc cuả thành phố Lone Pine. Nhiều phim viễn tây đã được thâu hình tại đây. Xe chạy trên đường đất, không có trong bản đồ. Chúng tôi nhắm hướng mặt trời, lái xe tiến sâu vào núi. Ngồi trong xe ai cũng có cảm tưởng là mình đang cỡi con ngựa chứng. Chạy một hồi thấy toàn là đồi với đá, cỏ cháy vàng hoe, mặt trời còn trên cao, độ sáng tương phản gay gắt quá. Nghĩ rằng có chụp ảnh cũng không đẹp lắm nên mọi người đồng ý đi ra khỏi vùng núi này. Chạy vòng vo thêm mấy con đường đất, mông bắt đầu ê ẩm thấm thía mới ra tới đường lộ chính, ai nấy đều thở phào mừng rỡ.

Càng gần Bishop, bụng dạ tôi càng đánh lô tô. Trước khi đi, tôi đã cẩn thận gọi ty thủy lâm địa phương để thăm dò màu lá; họ cho tôi biết rằng lá đã đổi màu, thế mà trên con đường này, những cây sồi, cây phong, cây du lá còn xanh ngắt. Nếu chuyến đi này không có lá vàng, thế nào tôi cũng bị thiên hạ xỉ vả. Cầm viễn kính, tôi nhìn mãi vào những ngọn đồi xa, hy vọng tìm được một màu vàng huy hoàng hiếm hoi trong ngàn cây xanh ngắt ấy. Đến Bishop, tôi yêu cầu anh Tuấn rẽ tay trái để đi lên một làng nhỏ trên núi cao, gọi là Aspendale. Lúc xưa vào mùa đông, có lần tôi và Tuấn lên đây thám hiểm thì thấy có rất nhiều cây Aspen, tiếng Việt dịch ra là hoàng diệp liễu.

Muà đông ấy cây trơ xương trắng, tuyết phủ đầy cành, còn giữ trong trí tôi những ấn tượng đẹp. Bây giờ, đang giữa mùa thu, hai bên đường rabbit weed mọc đầy hoa vàng. Xe chạy chừng mươi phút, lòng tôi băn khoăn lo ngại vì trước mặt là... ngàn dâu xanh ngắt một màu. Anh Tuấn cười ruồi:

"Chắc mấy ông thủy lâm nói xạo, không có lá vàng thì mình đi kiếm cảnh núi sông chụp hình cũng được!"

Bỗng dưng qua ống nhòm, tôi thấy một điểm vàng nho nhỏ giữa hải rặng núi xanh, xe càng chạy tới, nhiều điểm vàng xuất hiện lác đác thêm trên sườn núi làm tôi mừng khấp khởi. Đưa ống nhòm cho hai chị xem thì cả hai đều công nhận rằng những điểm vàng ấy có thể là những rừng aspen mình đang tìm kiếm. Lúc này, những điểm vàng trở thành những vệt vàng chạy dọc giữa hai khe núi, hoặc trườn xuống từ những triền đồi. Lòng tôi như mở hội, cảm tưởng tôi chắc cũng gần giống như cảm tưởng của ông Christopher Columbus, chắc ông cũng than phiền chiếc thuyền sao trôi chậm quá, vì chiếc xe anh Tuấn đang lái đến hơn tám mươi dặm một giờ mà tôi thấy giống như mình đang cưỡi con rùa. Chị Châm và Quế tánh tình điềm đạm nên cứ rù rì tán dóc, lâu lâu chỉ ngó chừng ra cửa xe chứ không nhấp nha, nhấp nhổm như tôi. Xe chạy thêm chừng hai mươi phút trên đường núi ngoằn nghèo, cây lá bắt đầu đổi màu, một dòng suối nước bạc chảy rào rạt bên đường, khuất lấp sau những cành lá rậm, đá hai bên bờ tròn nhẵn, rêu xanh đen bao phủ, bọt trắng văng tung tóe. Đến Aspendale, màu lá đã vàng rực rỡ nhưng phong cảnh chưa làm tôi hài lòng nên năn nỉ anh Tuấn lái xe lên cao chút nữa. Con đường bây giờ còn nhỏ xíu, hai bên đường là rừng Aspen, lá vàng tươi lấp lánh màu nắng, lá bay lăn tăn trong làn gió nhẹ, tiếng rì rào như đưa hồn tôi vào một giấc mộng miên man huyền ảo. Chúng tôi xuống xe, mọi người đứng yên, lặng thinh nghe tiếng lá reo trong gió, không ai muốn kinh động, dường như sợ làm vỡ giấc mộng thiên thai, âm thầm lắng nghe tiếng thu thì thầm tình tự hay hồn mình bây giờ đang bay lãng đãng với hồn thu?

Anh Tuấn bao giờ cũng là người đưa dẫn chúng tôi về thực tế:

"Mấy bà lo đem phim đem máy ra chụp hình không thôi trời tối mất!"

Nghe vậy, chúng tôi vội vã lắp phim, ráp máy vào chân, mang túi kính lọc, máy đo sáng... Tản mác mỗi người một phía tìm cảnh chụp hình. Tôi vác máy lên vai, đi dọc theo con đường đất nhỏ bọc theo dòng suối, quanh tôi, lá vàng bao bọc, gió reo xao xác, dòng suối nhỏ khi róc rách êm đềm, khi rạt rào dũng mãnh trên những phiến đá. Thỉnh thoảng, một người câu cá ngồi trầm ngâm yên lặng, nghe tiếng

chân bước, quay lại cười vẫy tay chào. Lâu lâu thấy cảnh đẹp, tôi đặt chân máy bấm cò vài lần rồi lại cất bước lên đường đi tìm một hình ảnh tuyệt hảo khác. Con đường đất nhỏ dẫn tôi đến một chiếc cầu màu trắng, bên kia cầu, dòng suối mở rộng, chảy vào một cái ao lớn. Nước ao trong thấy đáy, những con cá hương khá lớn lội lờ đờ cạnh bờ cỏ, bên những tảng đá xám. Giờ này, mặt trời chênh chếch bóng, ánh nắng xuyên qua những tàng cây huy hoàng lộng lẫy làm tôi nghĩ đến nắng thủy tinh với hàng cây thắp nến của Trịnh Công Sơn. Trên cái ao thu lạnh lẽo nước trong veo này, bầu trời xanh lam, hàng cây trên bờ phản chiếu những cảnh sắc tráng lệ xuống đáy nước. Lục lọi trong túi ảnh, tôi kiếm được tấm kính lọc phân cực, ráp vào ống kính, điều chỉnh để bầu trời trở thành mầu xanh đậm, đồng thời, tấm kính lọc này sẽ giảm bớt phản quang trên mặt nước, giúp tấm ảnh của tôi được toàn hảo thêm một chút. Mê mải chụp hình, vài lần tôi có thoáng thấy chị Châm, chị Quế từ xa. Các chị cũng say sưa chiêm ngưỡng cảnh vật hoặc lom khom sau mấy cái máy ảnh to tướng, lâu lâu hình như tôi có nghe anh Tuấn gọi văng vẳng: Nga ơi, Nga ơi... nhưng tôi làm bộ điếc, không trả lời.

Sau mấy giờ cong lưng chụp ảnh, mặt trời đã xế sau núi, gió bắt đầu lạnh, chúng tôi kẻ trước người sau tìm về chỗ xe đậu để xuống núi đi về Mammoth. Lần này, "thú tính chụp hình" đã một phần thỏa mãn, chúng tôi bàn tính chuyện ăn uống đêm nay một cách hào hứng cho đến khi chiếc xe dừng trước căn nhà thật đẹp nằm giữa sân golf của thành phố Mammoth. Từ chiếc xe ấm bước ra, luồng gió lạnh làm gò má tê tái. Nhìn lên bầu trời đen, tinh tú hằng hà sa số lấp lánh. Số lượng tinh tú nơi đây dường như nhiều gấp mấy lần hơn những nơi thành thị. Tôi làm tài khôn chỉ cho mấy chị xem giải Ngân Hà, chòm sao Orion hay sao hiệp sĩ và chòm sao Bắc đẩu... Những chòm sao ngày xưa khi mới quen nhau, trên bãi biển đêm của Nha Trang anh Tuấn đã chỉ cho tôi xem. Cho nên mỗi khi nhìn bầu trời lấp lánh ánh sao, tôi lại được dịp hoài niệm những ngày tuổi trẻ trên vùng biển thơ mộng của mình.

Giúp nhau đem hành lý, máy móc và thức ăn vào nhà, chúng tôi thám thính, chia phòng và xuýt xoa trầm trồ cách trang hoàng trong căn nhà với cái bếp rộng rãi tối tân, đủ chỗ cho ba nhiếp ảnh gia kiêm đầu bếp hoạt động.

Tác giả Thu Nga

Anh Tuấn vì lái xe mệt mỏi, được phép nghỉ ngơi, chờ ăn tối để mai lái xe tiếp. Trong suốt bữa ăn, vừa nhâm nhi món lẩu thập cẩm, chúng tôi vừa huyên thuyên trò chuyện, thật ra thì chúng tôi chưa bao giờ ngưng nhai hoặc nói từ lúc gặp nhau. Ăn tối xong, ngồi dưới ánh đèn ấm cúng của căn phòng khách, anh Tuấn và chị Châm bắt đầu bàn bạc về kỹ thuật nhiếp ảnh, tôi và chị Quế ngồi lắng tai nghe cho đến khi mắt tôi hết còn mở được mới rút lui về phòng.

Sau một đêm ngủ ngon, ăn sáng xong, chúng tôi làm bánh mì thịt, sắp đặt nước uống để chuẩn bị một chuyến du hành mới. Vác chân máy và máy ảnh lên xe, tôi tần ngần tiếc rẻ thời giờ ngắn ngủi, không đủ để nhẩn nha đọc sách hoặc đi dạo trong khuôn viên ngôi nhà chúng tôi đang tạm trú. Từ sân nhà, tôi nhìn thấy những ngọn núi xanh chung quanh, tuyết trắng tuy không nhiều nhưng đủ trang điểm thêm cho màu núi. Lá quanh đây đã chớm vàng, nắng sớm và những cơn gió nhẹ làm cây cối lung linh. Sân golf trước mặt cỏ tươi xanh mướt, viền lối đi đủ loại hoa vàng, hồng, tím. Xa xa là trại nuôi ngựa, những con ngựa nâu lặng lẽ gặm cỏ hoặc di chuyển nhịp nhàng dưới thân người kỵ mã.

Xe chạy lại ra xa lộ 395, lần này tôi có nhiều tự tin nên mạnh dạn yêu cầu anh Tuấn cho đi đến hồ Lundi. Mới đến hồ, cảnh không có gì đặc sắc nhưng vì tính mạo hiểm trời phú cho giới nhiếp ảnh nổi dậy nên chúng tôi cứ theo đường mòn hăng hái lái xe vào sâu trong núi. Con đường từ từ hẹp lại, hai bên lá vàng huy hoàng khoe sắc, cành cây cào sột soạt vào xe làm tôi cảm thấy đau lòng hết sức nhưng anh Tuấn thì cứ tỉnh bơ:

"Không sao đâu, trầy sơn chút xíu ăn nhằm gì, miễn chụp được hình đẹp là sướng rồi!"

Anh kiếm được chỗ trống, đậu xe lại bên đường, chúng tôi hăng hái nhảy ra, cành lá đập cả vào mặt, chân đạp trên những cành khô rào rạo. Men theo con đường mòn, chúng tôi thấy một cái hồ lớn. Quanh hồ thông mọc xanh um, chen lẫn những cây aspen lá vàng tươi trong nắng. Dưới đáy hồ, những thân cây gẫy lâu năm nằm phơi cành trên nước. Thời gian và mưa nắng làm thân gỗ trở nên bạc phếch, yên lặng phản chiếu bóng trên mặt nước xanh rêu. Bên kia hồ là rặng núi cao, màu núi xanh thẫm, lác đác điểm vàng bởi những cây Hoàng diệp liễu. Nắng giờ này chỉ mới phơn phớt ửng trên đầu núi, trời còn mát nên chúng tôi chụp hình thật là thoải mái. Nơi đây hoang vắng quá nên phải canh chừng nhau, quay đi quay lại thấy mất chị Châm, một hồi sau mới biết là chị đang lặn lội tìm đường nét trên một triền núi đầy lá vàng. Có điều là chị không giống con nai vàng ngơ ngác mà giống như thợ săn... ảnh nhà nghề, máy kêu lách tách dòn còn hơn cả súng liên thanh.

Nắng lên cao, chúng tôi kiếm được một chỗ nghỉ rất đẹp, có suối chảy, thông reo, gió mát và bàn ghế sạch sẽ. Tại đây chúng tôi ăn uống, nghỉ ngơi, chụp vài tấm ảnh kỷ niệm và nghiên cứu đường đi đến địa điểm mới.

Đến xế trưa thì chúng tôi đến Bodie. Bodie là một trong những *ghost town* được du khách thăm viếng rất nhiều. Những lớp nhiếp ảnh thường dẫn học sinh đến đây để thực tập. Muốn được chụp ảnh lúc bình minh hoặc hoàng hôn hoặc vào trong những căn nhà gỗ cũ xưa ấy thường phải theo những điều lệ khó khăn và khá tốn kém. Chúng tôi đến đây như những du khách thường, trả lệ phí và tiền đậu xe chút ít. Vác túi ảnh và chân máy đi bộ xuống sườn đồi, trong thung lũng trước mắt là di tích cuả Bodie với những dãy nhà gỗ nâu, bạc màu trong nắng gió. Con đường đất chính dẫn xuyên qua Bodie, từ đó rẽ ra những đường nhỏ hai bên, ngày xưa thành phố của dân làm mỏ vàng này rất nổi tiếng về các món ăn chơi tứ đổ tường, sau trận động đất và hoả hoạn năm 1900, những căn nhà còn lại ngày nay được bảo trì để khỏi bị hư nát.

Nắng bây giờ thật gay gắt, trời xanh như lọc, chỉ có một gợn mây trắng mỏng như tơ xa xa. Tôi chán nản vác máy lang thang tìm cảm hứng, anh Tuấn và hai chị Quế, Châm cũng mỗi người một đàng. Cảm thấy oi bức, tôi kiếm một băng ghế gỗ, dựa đầu vào vách ván cuả căn nhà đối diện nhà thờ Methodist tôi gật gù lim dim nhìn đời trôi trước mặt, mộng ước một chàng John Wayne phóng ngựa chạy ngang để mình chụp hình cho sướng. Thình lình, từ xa, một gã cowboy khập khiểng đi về hướng tôi ngồi, bên cạnh chàng ta là một cô gái mặc váy dài, đội nón kiểu xưa giống như những cô gái làng chơi trong phim viễn tây. Đến ngã tư gần nơi tôi ngồi, chàng cowboy chào cô gái, rẻ qua đường khác. Sợ mất cơ hội, tôi hối hả chạy đến gần cô gái, chào cô và xin phép cô cho chụp vài tấm ảnh. Cô đầm này rất dễ thương, làm người mẫu cho tôi và cho tôi tên họ cùng địa chỉ để tôi gửi hình tặng. Tôi thường được những sự may mắn kỳ lạ như vậy trong nhiều chuyến sẵn ảnh nên tự cho rằng mình là con cưng của chúa vì ngài luôn luôn cho tôi những niềm vui bất ngờ rất đặc biệt.

Nãy giờ tuy bận bịu nhưng tôi vẫn để ý đến bầu trời. Như một phép lạ, mây trắng đã kéo lên cuồn cuộn, từng đám trắng nõn, bồng bềnh như bông gòn, giăng ngang qua mặt trời làm nắng dịu hẳn lại và viền quanh những đám mây bằng những đường vân bạc tuyệt đẹp. Tôi gắn kính lọc phân cực vào ống kính và đổi qua phim *slide*. Khi bắt đầu dùng máy lớn để chụp phim đen trắng thì tôi chép miệng tiếc rẻ vì không có cái kính lọc lớn nào cả. Trời xanh mây trắng như thế này, ít nhất là phải dùng kính phân cực, tuyệt hơn nữa là kính lọc đỏ để làm bầu trời đậm đen và những đám mây sẽ trở thành thật trắng. Thình lình chị Quế ở đâu nãy giờ bỗng tà tà đi tới, tôi chạy tới mượn chị cái kính lọc. Thông thường người chơi ảnh tà đạo kiểu tôi không có nhiều dụng cụ hành nghề vì dụng cụ nào dùng cho máy ảnh lớn cũng rất đắt giá. Khi đi chụp ảnh, tôi thường mượn một cái máy lớn của anh Tuấn, dĩ nhiên là mượn những thứ linh tinh cần thiết khác nữa. Bữa nay, tôi được chị Quế cho mượn cái kính lọc Hasselblad màu đỏ. Đây cũng là một trường hợp hiếm hoi vì tôi nghĩ rằng chỉ có

một phần trăm nhiếp ảnh gia dùng Hasselblad và một phần ngàn người dùng Hasselblad may ra sắm thêm cái kính lọc đỏ. Nhờ cái kính lọc này tôi chụp được mấy tấm ảnh rất vừa ý trong chuyến thăm Bodie.

Rời Bodie mà lòng quyến luyến, anh Tuấn muốn xuống thăm Mono Lake để chụp hình Tufa và chim chóc trước khi trời tối. Đến Mono Lake, mây hồng giăng ngang chân trời làm lòng tôi phấn khởi quên cả mệt nhọc. Trên mặt hồ, những cây tufa hình thù kỳ dị cấu tạo bằng chất calcium carbonate vươn mình trên nước, làm chỗ dừng chân cho những bầy chim đen. Trên một cây tufa vừa cao vừa ốm, cặp chim màu vàng cam, đầu đen đang rỉa lông cánh. Hồ này nhiều chim chóc vì có một loại tôm và ruồi đặc biệt nuôi sống những đoàn thiên di. Mặt nước hồ xanh thẫm, ánh nắng chiều như những tia vàng long lanh gợn sóng, trên bờ, những đám cỏ rabbit weed cũng trang điểm bởi những chùm hoa vàng, nhìn xa như những đóa hoa khô. Chụp ảnh được một lúc thì bọn tôi phải cuốn gói lên đường vì đàn muỗi đêm đang ào ạt tấn công, hả miệng chuyện trò sợ muỗi bay vào họng. Tại trạm xăng, trong lúc anh Tuấn trả tiền và bơm xăng, chúng tôi chùi kính xe vì bụi bặm và côn trùng bám đầy, ban đêm lái xe rất khó nhìn. Anh Tuấn cười ha hả khoái chí vì được tới ba đấng nữ nhi lau kính xe cho mình.

Về lại nhà trọ ở Mammoth, chúng tôi tuy hơi mệt nhưng lại chụi vào bếp một lần nữa để tạo một bữa ăn thật ngon rồi cùng nhau nhâm nhi, nhậu nhẹt và chuyện vãn mãi đến khuya mới chịu ngưng để còn dọn dẹp, tắm rửa và đi ngủ.

Buổi sáng thức dậy, ăn điểm tâm xong, chúng tôi dọn dẹp hành lý để lên đường. Bước ra sân, tôi nhìn những cây hoàng diệp liễu quanh nhà, nắng sớm và gió mai hiu hiu làm những chiếc lá long lanh run rẩy. Hồn tôi cũng hắt hiu chao động như những chiếc lá mong manh ấy. Những ngày hồn nhiên tươi đẹp đã trôi qua thật nhanh, kỷ niệm chỉ còn trong những tấm hình chúng tôi ghi nhận thật say sưa trong mấy ngày qua. Tình thân ái cuả chúng tôi sâu đậm thêm một chút sau những chuyến đi chơi với nhau, kinh nghiệm chụp ảnh cũng hơn một chút vì học hỏi lẫn nhau. Riêng tôi, tôi học được nhiều kinh nghiệm sống, cách nấu nướng, tổ chức, và cá tánh dịu dàng của các chị bạn. Hai mươi mấy năm chia sẻ đời mình với anh Tuấn, ít giao thiệp với những người đồng phái, đôi lúc tôi cứ nghĩ rằng mình chỉ chuyên về nhiếp ảnh mà quên đi cả chuyện nội trợ.

Trước khi rời Mammoth, anh Tuấn chạy xe một vòng quanh thành phố cho chúng tôi ngắm cảnh. Theo đường Lake Mary, chúng tôi rẽ vào Tamarack Lodge Road chạy ngang qua Twin Lakes. Hai bên đường là thông xanh, ven hồ rải rác những người câu cá và cắm trại. Con đường ngoằn ngoèo, uốn lượn, qua Horseshoe Lake, Lake Mamie, Lake Mary và Lake George. Hồ nào cũng có đường đi bộ lên đồi hoặc dẫn tới một cái hồ nho nhỏ khác, phía ngoài có khu đậu xe, chổ thả thuyền , câu cá và nhà vệ sinh. Không khí nơi đây thật mát mẻ trong lành, tôi cảm thấy rất thoải mái mỗi khi trở lại, cho nên trong mấy năm qua, năm nào chúng tôi cũng lên Mammoth. Khi thì dẫn bọn trẻ đi trượt tuyết mùa đông, khi thì dẫn đại gia đình đi chèo thuyền trên Silver Lake vào muà hạ... Chuyến đi nào cũng thật là vui thích.

Sau chuyến săn ảnh muà thu, tấm ảnh chụp tại Aspendale của tôi được thắng giải nhất về kỹ thuật ảnh màu. Anh Phạm Thanh Huỳnh một niên trưởng kiêm giảng viên trong nhóm ảnh nghệ thuật, chăm chú ngắm nhìn và phán:

"Tôi chịu tấm ảnh này, màu sắc rất đẹp, cảnh thật bình yên nhưng chứa chan một tâm hồn sôi động..."

Ngày xưa thân phụ tôi đã mở đầu tập thơ Mùa Lá Đổ của ông như sau:

Mùa lá đổ là một trời thu âm thầm, đầy xác chết, đầy mộng lòng tan vỡ của thi nhân...

Anh Tuấn bảo tôi rằng thơ của ba làm cho anh lạnh cả gáy vì đau thương quá, tôi hiểu rằng đời ông đã trải qua nhiều năm chinh chiến nên hồn thơ đầy sầu hận và bi đát. Giờ đây trong cõi tiêu diêu chắc ông mỉm cười khi thấy con gái mình trong đời sống hòa bình, với quan niệm nhân sinh đầy lạc quan và hồn nhiên, đã nhìn mùa thu qua sự sinh động huy hoàng, với trái tim đầy niềm hân hoan vui sống.

Thế đấy, niềm vui riêng tôi, không cần màu long lanh của kim cương, vàng bạc. Trong cõi thiên nhiên, màu trời xanh, núi biếc, mây trắng, lá vàng là những thứ trân châu bảo vật, trang điểm đời sống tâm linh. Cho nên ngày tháng miệt mài, tôi đem cảnh rừng thu về nơi thị tứ, chỉ mong chia sẻ những vẻ đẹp đã thu thập qua nhiếp ảnh với bạn bè, sau bao dặm đường phiêu bạt.●

CUỐN TỪ ĐIỂN TÁI BẢN TÁM LẦN

ĐẶNG TRẦN HUÂN

Cuốn *Từ Điển Việt Anh* do nhà xuất bản Thế Giới, Hà Nội tung ra thị trường đầu năm 1998 mới thoạt nhìn ta thấy có cảm tình ngay. Sách dày 2296 trang, khổ trung 16 và 24 phân (6.25 và 19.25 inh) in trên giấy trắng tốt, bìa cứng, dày nhiều màu. Điều đáng nể hơn nữa là giòng chữ "220.000 từ" ghi ngay bìa sách.

Nhưng khi thấy tên tác giả Bùi Phụng, độc giả khựng lại và hoài nghi. Đây là một cuốn từ điển có một quá trình cẩu thả từ nhiều năm nay bây giờ được bổ sung và in lại. *Từ Điển Việt Anh* của Bùi Phụng xuất bản lần đầu năm 1977, phát hành tại Hà Nội và một tờ báo xuất bản tại Hà Nội đã chê trách nặng nề. Nhưng phải mãi tới năm 1986 Sài Gòn mới thấy cuốn *Từ Điển Việt Anh* do nhà xuất bản Trường Đại Học Tổng Hợp in lại và bán tại miền Nam. Trong cuốn tái bản 1986 tác giả viết rằng cuốn sách đã được thành ủy cộng sản Hà Nội khen ngợi, cho phép tái bản và ông cũng đã "chỉnh lý" lại hoàn toàn so với ấn bản đầu tiên.

Liền sau đó trên tuần báo *Văn Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh* tại miền Nam số ra ngày 15. 4. 1988 đăng một bài vạch ra rất nhiều lỗi lầm sơ đẳng của cuốn tái bản 1986. Ra hải ngoại chúng tôi cũng đã nhận xét sơ qua về cuốn sách đó và đã đăng trên nhiều báo và in trong một cuốn sách xuất bản năm 1995. Chúng tôi xin phép được trích lại vài đoạn tiêu biểu:

Trước hết soạn giả lầm lẫn liên miên về những từ quân sự hay vạn vật. Hãy tạm kể ba từ theo định nghĩa trong từ điển Bùi Phụng:

- Hạ sĩ: *Sergeant.*
- Rau muống: *Spinach.*
- Thược dược: *Peony.*

Theo sự hiểu biết thông thường thì sergeant là trung sĩ, *corporal là* hạ sĩ. *Dahlia là* thược dược *còn peony là* mẫu đơn *hoặc* bông trang *theo tiếng miền Nam. Spinach là giống rau Tây phương ta tạm so sánh với* rau giền *còn chấp nhận tạm nhưng không thể Việt hóa nó ra* rau muống *được.*

Dịch sang tiếng Anh những từ có tính cách hơi chuyên môn như thế cũng tạm coi là chuyện khó. Nhưng với nhiều từ rất thông thường mà tác giả cũng chọn những tiếng Anh không tương ứng , không chính xác và sai lầm nữa. Hãy lật một số trang và lấy ra một số trường hợp điển hình trong ấn bản 1986 như sau :

- Á đông: *Asian.* Các nước Á đông: *Asian countries.*
- Hoạt họa. Phim hoạt họa: *Walt Disney movie.*
- Bí danh: *Penname.*
- Lung tung: *Roll of drum.*
- Tằm tơ: *Silkworm.*
- Tằm tang: *Raising of silkworm.*
- Tằm chương trích cú: *Plagiarize.*
- Tên cúng cơm: *First name.*
- Hán học: *Chinese characters.*
- Học thuyết. Học thuyết chủ nghĩa cộng sản: *Accept the Communist doctrine.*
- Gạo tám: *High quality rice.*
- Tám xoan: *Perfume rice.*
- Hoa quả: *Fruits.*
- Hoa trái: *Flowers and fruits.*

Chúng ta hãy phân tách những từ nói trên.

Trong tiếng Việt có từ Âu tây *có nghĩa là châu Âu, là phương Tây nhưng từ Á đông không có nghĩa là châu Á mà chỉ có nghĩa là* miền

đông châu Á. *Tiếng Anh từ* Asian *có nghĩa* thuộc về châu Á *nhưng không có nghĩa là* miền đông châu Á. *Vì vậy không thể dịch* Asian countries *là* các nước Á đông *mà chỉ có nghĩa là* các nước Á châu. *Nói như Bùi Phụng thì Ấn Độ, Ba Tư cũng là hai nước Á đông như Nhật Bản, Cao Ly hay sao vì đó là những* Asian countries. *Để nói về phim hoạt họa người Anh, Mỹ viết* cartoon movie *chứ không dùng* Walt Disney movie. *Walt Disney là người Mỹ nổi tiếng khắp thế giới về những phim hoạt họa của ông như* Cô Bé Lọ Lem, Bạch Tuyết *nhưng tên ông chưa trở thành một danh từ chung như các nhà khoa học Watt, Hertz hay Bell... Liên Xô cũng có một bộ phim hoạt họa khá hay* Hãy Đợi Đấy *mà lại gọi à* Walt Disney movie *thì chắc nhà làm phim Liên Xô buồn không ít.*

Bí danh *là một tên hiệu để dấu tung tích thật của mình, còn* penname *là* bút danh *mà các nhà văn ký trên tác phẩm. Một tổng bí thư hay một anh du kích xã cũng có quyền lấy một* bí danh *nhưng không thể có* penname *nếu không có đủ chữ nghĩa để viết sách, viết báo.* Lung tung *là một tĩnh từ hay trạng từ chỉ sự bừa bãi, mất trật tự, tại sao trong từ điển Bùi Phụng lại trở thành* roll of drum *có nghĩa là* hồi trống. Tằm tơ *là một nghề không thể dịch thành* silkworm *là con tằm, một động vật.* Tằm tang *dịch là* raising of silkworm *chưa đúng vì thiếu từ* tang *là cây dâu.*

Tầm chương trích cú *là sưu tầm những câu văn hay, câu văn lạ không thể dịch thành* plagiarize *có nghĩa là* đạo văn, *lấy văn người khác rồi ký tên mình.* First name *theo người Mỹ thì là tên nhưng nếu theo người Việt thì là họ. Ngày nay lưu vong trên đất Mỹ người ta viết ngược lại theo lối Mỹ như Nguyễn Thái Kỳ thành Ky Thai Nguyen thì* first name *là Ky được nhưng gọi tên cúng cơm chưa hẳn đúng. Học thuyết chủ nghĩa cộng sản dịch là* Communist doctrine *là đủ và đúng rồi can chi phải thêm chữ* accept *là* chấp nhận *vừa thừa vừa sai nghĩa.* Gạo tám *dịch là* high quality rice) *(gạo thật ngon),* tám xoan *dịch là* perfume rice *(gạo có mùi thơm) thì quá mơ hồ. Nếu tác giả vào Nam sinh sống đi chợ sẽ gặp vài chục thứ gạo: Nàng Hương, Nanh Chồn, Sóc Nâu, Chợ Đào... thì tác giả có khả năng nào để kiếm đủ từ để dịch các loại gạo hay lại chung chung. Cũng như* hoa quả *và* bông trái *là hai từ Nam, Bắc nhưng đồng nghĩa mà sao khi thì có hoa ((flowers and fruits) khi thì có quả chẳng có hoa (fruits).*

Về chính tả soạn giả đã quá dễ dãi trong một cuốn từ điển. Chúng ta thấy ông dùng những từ như anh mấy tôi *(you and me),* gái giá *(widov)* răng há *(whore),* săn seo *(wrinkled),* hoi hóp *(very weakly) v.v... Phát âm "mấy" chỉ là phát âm sai của từ* với *mà đồng bào miền quê hay mắc phải. Trong truyện* Lụa, *Tô Hoài tả đôi nhân tình miền quê dùng từ "mấy lý" thay cho "với lại" nhưng ông đã cẩn thận cho in chữ nghiêng. Khi nói tới các chị em ăn sương người ta mỉa mai là "giang hồ, giang há" chứ không viết là* răng há. *Da người khi ngâm nước có thể săn lại và người già thì da* nhăn nheo *chứ không nói* săn seo. *Người ta cũng nói* thoi thóp *chứ không dùng "hoi hóp." Từ sau này dùng trong cổ văn hoặc ở vài địa phương hẹp. Người có chồng hay vợ chết gọi là* góa, *đôi khi chấp nhận từ "hóa." Ở miền Nam có khi đồng bào gọi là "ở giá, gái giá, giá chồng" nhưng phải viết chữ V mặc dầu phát âm là "dá."* Việt Ngữ Chính Tả Tự Vị *của Lê Ngọc Trụ (Nxb Thanh Tân, Sài Gòn 1959) và* Từ Điển Chính Tả Thông Dụng *của Nguyễn Kim Thản (Nxb Đại Học Và Trung Học Chuyên Nghiệp, Hà Nội 1984) đã ghi rõ điều này.*

Khi mượn được cuốn *Từ Điển Việt Anh* tái bản lần thứ tám chúng tôi tra ngay những *ý* mà chúng tôi nghĩ là sai lầm ghi ở đoạn trên xem có được "chỉnh lý" như tác giả nói chưa?

Chỉ có nhóm từ *học thuyết chủ nghĩa cộng sản* đã bỏ chữ *accept* mà lần trước ông giảng là *accept the Communist doctrine* và từ *phim hoạt họa* thêm một định nghĩa *animated film.* Còn lại tất cả những từ mà chúng tôi phê phán như *tầm chương trích cú, hoa quả, hoa trái, thược dược, Hán học, Á đông, lung tung, răng há, gái giá, anh mấy tôi, hạ sĩ, bí danh v.v...* đều còn y nguyên không thay đổi một chữ.

Cuốn sách tái bản năm 1998 , tác giả không ghi "chỉnh lý" nữa mà ghi là "cố gắng sửa chữa và bổ xung" thì không hiểu ông sửa chữa ở những chỗ nào? Chúng tôi hoài nghi và tra cứu thêm thì lại tìm ra quá nhiều nhược điểm mới, đếm ra không xuể.

Trước hết nói về danh từ sử địa ông sử dụng cả những từ kiểu phiên âm của Hà Nội như Philíppin, Ixraen, Indonêxia đồng thời vẫn dùng Cao Ly, Nam Hàn, Triều Tiên, Cao Miên tuy rằng vẫn còn thiếu Lào, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Liên Xô, Ca Na Đa hay Gia Nã Đại v.v... Nhưng ông không thống nhất cách viết hoa các danh từ sử địa. Trong khi Sơn Tinh, Mỹ kim, Mỹ la tinh viết hoa thì *thủy tinh* và *mỹ quốc* lại viết chữ thường .

Đó có thể coi là những lỗi ấn loát nhưng trường hợp hai từ cùng nghĩa *tằm* để chỉ con tằm nhả tơ, Bùi Phụng khi thì viết với chữ ă (tằm tơ) khi thì chữ â (tầm tang) không thể đổ lỗi cho nhà in được. Cũng có nhiều lỗi khác không thể chấp nhận được như những từ *yêng hùng, ba tui, ba tăng, hĩm...* mà từ điển nghiêm trang ghi nhận như tiếng nói đứng đắn không chú thích đó là tiếng lóng, tiếng tục.

Những từ định nghĩa không thỏa đáng còn nhan nhản chỉ xin ghi một vài từ mà thôi:

- *han:* ask.
- *hoa hồng bán:* selling commission.
- *đại hồ cầm:* large Chinese violin.
- *hai mắt:* binocular.
- *quả hạnh:* almond.
- *me tây:* Vietnamese woman married to French man.
- *thủy:* beginning.

Từ *han* đứng một mình có nghĩa là rỉ sét, chứ ngày nay không dùng với nghĩa là *hỏi* nên không thể giảng là *ask*; bán hàng thuê từng món để chia lấy công thì chỉ gọi là *ăn hoa hồng* chứ không ai dùng từ kép *hoa hồng bán*. *Đại hồ cầm* mà nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát gọi đùa là *đàn trâu* và người Mỹ gọi là *double bass* khác với vĩ cầm, trung hồ cầm không phải là một nhạc cụ gốc Tàu nên không thể gọi là *large Chinese violin*. Nhóm từ *hai mắt* không thể giảng là *binocular* có nghĩa là *ống nhòm* vì không ai nói một câu tiếng Việt là "Tôi mang cái *hai mắt* đi xem đá banh cho rõ." Cũng như không ghi *quả hạnh* khi dịch là *almond* mà phải ghi *hạnh nhân*. Không ai nói "chè quả hạnh" mà chỉ nói "chè hạnh nhân." Từ *thủy* muốn có nghĩa là *beginning* thì phải viết là *khởi thủy* và cũng không thể giảng nghĩa *thủy chung* là *beginning and end* như trong cuốn từ điển đang nói.

Với tiếng Việt từ *me tây* có một hàm ý xấu thường để chỉ những phụ nữ Việt lấy chồng Pháp thường không cưới xin, tạm bợ, không vì tình yêu chứ không thể nói chung tất cả phụ nữ lấy chồng Pháp là *me Tây* được. Nếu dùng từ như vậy thì tất cả phụ nữ Việt lấy chồng Mỹ cũng là *me Mỹ* sao? Và bà tổng thống Cao Ly Lý Thừa Văn là người Áo chẳng lẽ trong từ

HỒ TRƯỜNG AN

ĐỐI DIỆN

Bước lặng thầm trong cuộc viễn trình
Đi hoài không tới ánh quang vinh
Tìm không quán trọ, không nương đỗ
Từ đó, người tô đậm bóng mình

Bóng vẫn theo người, nhưng vẫn bóng
Buồn như sân khấu khép màn nhung
Vẫn là ảo ảnh, trăng lồng nước
Sự thật rời xa đến vạn trùng

Từ đó, người vào cõi quạnh hiu
Đợi xem bóng hiện suốt bao chiều
Trái khô rụng xuống trong lòng giếng
Còn ngỡ bên trời vọng tiếng kêu

Gối mỏi, còn xa thẳm lộ trình
Đêm dài chưa lọt ánh bình minh
Bóng nhòa giữa đất trời đen tối
Người hãy ngồi đây, đối diện mình

Bỗng thấy vinh quang không chỗ khác
Không tách rời xa, ở chính người
Có tới hay lui đều ảo vọng
Đều làm phai úa dáng xuân tươi

Nhìn suốt vào mình đôi mắt khác
Bàng hoàng khiếp đảm một cơn mê
Ở người sẵn nắng hồng vô lượng
Nếu tới phương xa, bặt lối về.

điển Áo gọi bà là *me Cao Ly*? Dùng chữ như thế có thể bị coi là mạ lỵ.

Có những trường hợp ông phân chia ra ba bốn từ khác nhau nhưng khi giảng tiếng Anh thì chỉ có một từ mà thôi như ba từ *quạ, quạ cái, quạ khoang* chiếm ba giòng riêng biệt nhưng bên phần Anh ngữ ba từ đó chỉ gọn ghẽ lặp lại ba lần một tiếng *crow*. Cũng tương tự ông kê ra đủ thứ *khoai lang, khoai ngà, khoai nghệ, khoai ngọt, khoai từ* nhưng tất cả đều giảng bằng một tiếng Anh thống nhất *sweet potato*.

Có những từ không cần phải tách bạch ra làm nhiều từ , nhiều giòng như trường hợp các từ *thủy lợi lớn, thủy lợi nhỏ, thủy lợi vừa* để rồi cũng giảng chung là *conservancy projects* với những tĩnh từ chỉ khối lượng đặt phía trước. .

Có lẽ muốn cho từ điển được dày ông đã cho ghi những từ lạ.

Chẳng hạn trong hai trang 1248 và 1249, tác giả liệt kê tới 47 từ có từ *mỹ* đứng đầu trong đó có *mỹ cảnh, mỹ chất, mỹ chính, mỹ hiệu, mỹ mục, mỹ sắc, mỹ tài, mỹ tú*. Hoặc ở mục *cà* có *cà nát, cà vơ*. Những từ này rất xa lạ với miền Nam, ngoài Bắc có dùng không nhưng không thấy ghi trong cuốn từ điển mới nhất là *Đại Từ Điển Tiếng Việt* do Bộ Giáo Dục Và Đào Tạo (Trung Tâm Ngôn Ngữ Và Văn Hóa Việt Nam) chủ trương, phó tiến sĩ Nguyễn Như Ý chủ biên cùng với ba phó tiến sĩ khác và nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội in năm 1998, dày gần 2000 trang khổ lớn 19 và 27 phân.

Ở ba trang 1913 - 1915 có đến 132 từ bắt đầu bằng chữ *thủy*. Ta không thể so sánh tất cả 132 chữ ấy mà chỉ bắt thăm chín từ *thủy cần, thủy cầm, thủy cầu, thủy chuẩn, thủy công, thủy hiểm, thủy hoạn, thủy ngọc, thủy quốc* thì tới tám từ không có trong *Đại Từ Điển Tiếng Việt*. Riêng từ *thủy công* trong từ điển Bùi Phụng giảng là *matelot* nghĩa là lính thủy nhưng ở *ĐTĐTV* lại có nghĩa là công trình thuỷ lợi.

Cũng trong mục đích làm cho có nhiều từ để có thể trưng ra bìa trong *Từ Điển Việt Anh* có những từ kép như *hai tay:* both hands, *ba cuộc cách mạng:* three revolutions, *hai mắt:* two eyes, *bốn bánh:* four wheel, *quả bơ:* avocado, *quả hạnh:* almond, *quả bưởi:* grapefruit...

Trong tiếng Việt có những từ đứng một mình cũng đủ nghĩa nhưng cũng có những từ nếu không có loại từ đi kèm sẽ mang một nghĩa khác. Ví dụ nếu viết *mực* người Việt hiểu là một *chất có màu, voi* cũng hiểu là con thú lớn có vòi và ngà nhưng ở vần C ta phải có từ kép *cá mực, chó mực* hay *cá voi* để cho rõ nghĩa nhưng trường hợp những từ như *rô, diếc, chép, trắm, lờn bơn* thì dùng một mình là đủ.

Trường hợp từ *cam* người ta hiểu là trái hay cây gì rồi khỏi cần phân tách rõ ràng bằng những cụm từ riêng để giảng nghĩa riêng rẽ trong từ điển như *hoa cam, quả cam, nụ cam, rễ cam, cành cam* nữa.

Nếu muốn làm giàu từ bằng cách đó thì tác giả nên thêm vào những từ *ba mắt, bốn mắt, năm mắt, năm bánh, sáu bánh, bảy bánh, tám bánh, quả đào, quả chanh, qủa quýt*... cứ thế mà đếm (riêng từ *bốn mắt* còn có thể giải nghĩa thứ hai là tiếng lóng *mắt đeo kính,* và ngoài những *quả đào, quả chanh* ông còn có thể thêm các từ trái đào, trái chạnh nữa để khỏi mang tiếng kỳ thị "thổ ngữ" miền Nam).

Ngôn ngữ thường đàm của người Việt còn có những dạng như nói lái (*sạn cổng*, cộng sản; *hối xạ*, xã hội), lặp lại bằng vần *iếc* (cơm *kiếc*, nhà *nhiếc*, vợ *viếc*), giản lược hai tiếng của miền Nam (*ảnh, bả* thay cho anh ấy, bà ấy) mà đem ghi tất cả vào từ điển thì biết bao nhiêu cho hết.

Phải chăng vì muốn cho cuốn từ điển 50.000 từ năm 1986 biến thành cuốn từ điển 220.000 từ năm 1998 nên ông Bùi Phụng đã đặt ra nhiều tiếng mà người Việt không ai biết, không ai dùng hoặc nhiều từ trùng lặp. Với cái kiểu làm *con vỏi con voi cái vòi đi trước* ấy thì trong lần tái bản thứ chín ông Bùi Phụng có thể hãnh diện là người làm phong phú cho tiếng Việt và có thể ngang nhiên ghi ngoài bìa 500.000 từ hay một triệu từ nếu đủ giấy để in.

Tóm lại cuốn *Từ Điển Việt Anh* tái bản lần thứ tám của Bùi Phụng chỉ có thể coi là một cuốn từ điển dày, đẹp mà thôi. Về nội dung sách được biên soạn thiếu khoa học, quá tắc trách, cẩu thả.

Từ lần tái bản năm 1986, Bùi Phụng đã viết rằng mục đích từ điển của ông nhằm phục vụ sinh viên và những người nước ngoài. Thử hỏi nếu người ngoại quốc tra *Từ Điển Việt Anh* và tin vào những từ sai nghĩa, sai chính tả lẫn những từ ngọng, từ tục mà cho rằng đó là ngôn ngữ đứng đắn thì họ sẽ nghĩ sao về tiếng Việt mà Hà Nội vẫn luôn luôn nói là trong sáng, là ngôn ngữ của một dân tộc có bốn ngàn năm văn hiến.●

Tháng 9. 1999

MỘT VÀI NHẬN ĐỊNH VỀ CUỐN SÁCH TRUYỆN KIỀU CHỮ NÔM VÀ KHẢO DỊ CỦA NHÀ BIÊN KHẢO NGUYỄN BÁ TRIỆU

ĐÀM TRUNG PHÁP*

Những niềm vui thường đến bất ngờ. Đã từ lâu, tôi thầm ao ước được học hỏi thêm về chữ nôm và nhất là được thấy nguyên một áng văn chương hoàn toàn viết bằng loại chữ ấy. Thật là một cơ duyên đã không mong mà đến, khi tôi được cụ Nguyễn Bá Triệu tặng một cuốn *Truyện Kiều Chữ Nôm Và Khảo Dị* mà cụ vừa xuất bản tại Ottawa, Gia Nã Đại vào đầu tháng 4, 1999. **

Sau khi đọc Lời Giới Thiệu và bài Tựa trong phần đầu của cuốn sách, tôi lại được thêm một niềm vui và tự nhủ "thế giới này nhỏ thật!" Tôi vui thêm vì thấy người viết lời giới thiệu rất lưu loát cho cuốn sách (nhà giáo Đỗ Danh Tầm) cũng là một người mà tôi đã gặp tại Hoa Kỳ khi tôi còn là một sinh viên mới sang du học cách đây đã 40 năm, và nhất là vì thấy hai nhân vật đã cung cấp cho tác giả Nguyễn Bá Triệu "một bản chữ nôm đáng tin cậy" để làm nòng cốt cho cuốn sách cũng chính là hai người bà con trong họ của tôi: Giáo sư Đàm Quang Hưng và con trai của ông là Đàm Quang Trứ. Thú vị thay, cuốn Kim Vân Kiều Truyện là một bản chữ nôm chép tay của người chép ký tên Lâm Nhu Phu, hoàn tất năm 1870 tức là đúng 50 năm sau khi cụ Nguyễn Du qua đời. Và may sao, ông Đàm Quang Trứ đã mua được cuốn sách cũ vô giá này tại vỉa hè Sài Gòn trong đám giấy lộn sau năm 1975 khốn khổ!

Bản chép tay của họ Lâm này chưa hề được ai nói đến, và cũng đồng thời với ấn bản chữ nôm Liễu Văn Đường (1871), trước các bản nôm khác như Kiều Oánh Mậu (1902), Quan Văn Đường (1906), vân vân. Tiện đây xin nói thêm là Truyện Kiều cũng được ghi bằng chữ nôm trong "bản Kinh" do Vua Tự Đức và triều thần sửa lại cũng như trong các "bản Phường" mà bản của cụ Nghè Phạm Quý Thích được nhiều học giả nhắc đến. Khi đọc bản của cụ Lâm Nhu Phu mà nhà biên khảo Nguyễn Bá Triệu đã phát hiện và công bố cho chúng ta, tôi không khỏi thắc mắc là cụ đã chép tay từ bản nào hay cụ đã thuộc lòng Truyện Kiều rồi chép lại theo trí nhớ? Cụ Trương Vĩnh Ký là người đầu tiên có công phiên âm Truyện Kiều từ chữ nôm sang chữ quốc ngữ vào năm 1875, và cuốn Truyện Thúy Kiều do hai cụ Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim hiệu khảo năm 1925 là cuốn được dùng làm sách giáo khoa trong nhiều năm nhất.

Trước khi nói đến giá trị cuốn *Truyện Kiều Chữ Nôm Và Khảo Dị*, xin được nói qua về chữ nôm là lối chữ mà các cụ ngày xưa dùng để viết tiếng Việt, trước khi có chữ quốc ngữ dùng mẫu tự la-tinh. Gọi văn tự ấy là "nôm na mách quế" thì chẳng đúng chút nào, vì chữ nôm khó học lắm. Trước khi học chữ nôm, các cụ đã phải biết chữ nho rồi. Mà học chữ nho đòi hỏi rất nhiều trí nhớ và ôn tập, nếu không thì người học sẽ bị cái nạn chữ "tác" đánh chữ "tộ" ngay. Rồi khi học chữ nôm, các cụ lại phải vận dụng trí nhớ nhiều hơn nữa! Theo học giả Dương Quảng Hàm, chữ nôm là thứ chữ hoặc dùng nguyên hình chữ nho, hoặc lấy hai ba chữ nho ghép lại, để viết tiếng Việt. Các cụ dùng nguyên hình chữ nho để viết những tiếng gốc ở chữ nho mà âm và nghĩa không đổi (như chữ *tài* và *mệnh*); những tiếng gốc ở chữ nho, âm hơi sai nhưng nghĩa không đổi (cô = côi, cục = cuộc); những tiếng có lẽ cũng gốc ở chữ nho, nhưng âm khác nhiều chỉ

có nghĩa là giống (kỷ = ghế, quyển = cuốn); những tiếng khác hẳn nghĩa nhưng đồng âm với chữ nho (một [chữ nho có nghĩa là "chết"] = một [chữ nôm có nghĩa là "con số một"]); và những tiếng khác hẳn âm nhưng cùng nghĩa với chữ nho (vị = mùi, dịch = việc). Để viết những chữ hoàn toàn Việt Nam, các cụ cho ghép hai chữ nho thành một ký hiệu riêng, một phần chỉ ý và một phần chỉ âm, thí dụ chữ nôm năm (12 tháng) gồm chữ nho nam (phương nam) chỉ âm và chữ nho niên (12 tháng) chỉ ý. Người Tàu không thể đọc được những ký hiệu có vẻ "tân kỳ" này do các cụ phát minh. Chữ nôm đã rất thịnh hành dưới đời nhà Trần (1225-1400), và người ta ước lượng có hơn 10 ngàn chữ nôm được dùng trong *Quốc Âm Thi Tập* của cụ Nguyễn Trãi (1380-1442). Nhiều cụ ngày xưa, kể cả vua Tự Đức, rất mê "nôm Thuý Kiều" là áng văn chương rực rỡ mà cụ Tiên Điền Nguyễn Du (1765-1820) viết hoàn toàn bằng chữ nôm. Tiếc thay, nguyên bản chữ nôm với thủ bút của thi bá Nguyễn Du, một quốc bảo của dân Việt, không biết ở đâu bây giờ!

Trọn vẹn bản nôm chép tay, với nét chữ chân phương của cụ Lâm Nhu Phu, đã được tác giả Nguyễn Bá Triệu làm sạch sẽ, thu nhỏ còn 80%, in lên giấy trắng trông rất mát mắt, và chuyển âm sang quốc ngữ. Điều vô cùng thú vị là hai thứ văn tự nôm và quốc ngữ được in đối chiếu, nôm bên trái, quốc ngữ bên phải. Người đọc được thấy hai văn tự song song, in trên hai mặt giấy đánh cùng một số trang. Để không ai có thể nhầm lẫn được, cụ Triệu còn cho đánh số các câu nôm và câu quốc ngữ rất minh bạch. Dưới con mắt tôi, những trang giấy sáng sủa này là một thứ tự điển chữ nôm tuyệt vời! Chỉ việc liếc mắt sang bên trái là thấy ngay cách viết chữ nôm cho các chữ Việt tương đương, trong cùng một ngữ cảnh. Riêng điều này thôi, cuốn biên khảo của Nguyễn quân đã là một món quà văn hóa dân tộc đáng ôm ấp, đáng ngợi ca cho chúng ta rồi.

Lối trình bày cuốn sách khá minh bạch khiến người sử dụng phải hài lòng. Nội dung các phần bài tựa, phàm lệ, những chữ viết tắt đều súc tích và nhất quán. Các mục chú giải, khảo dị ở cuối các trang sách cũng ngắn, gọn, và dễ hiểu. Cuốn sách được in công phu, kỹ lưỡng, thấy rất ít lỗi ấn loát. Những chữ nho, chữ nôm viết tay trong các mục chú giải đều được viết đẹp mắt. Các tranh phụ bản khá ưa nhìn, làm tăng phần hấp dẫn cho người đọc.

Tóm lại, lối làm việc của Nguyễn quân được coi như rất có hệ thống, rất là "nói có sách, mách có chứng."

Tôi khâm phục sự kiên trì của tác giả trong nỗ lực "khảo dị" bản văn của các cuốn Truyện Kiều khác nhau, từ các bản nôm như của Lâm Nhu Phu, Quan Văn Đường, Kiều Oánh Mậu, vân vân, đến các bản quốc ngữ như của Trần Trọng Kim, Đào Duy Anh, Lê Mạnh Liêu... Chúng ta hãy tưởng tượng ra cái công lao, ngày này qua tháng nọ, đem hơn 3200 câu thơ của gần một chục cuốn Kiều khác nhau mà so sánh từng chữ, từng câu, để rồi giải thích tại sao có sự khác biệt, đánh giá từng khác biệt, và đôi khi còn đề nghị một "version" riêng của tác giả nữa. Có một số câu cụ Triệu đề nghị sửa nghe được lắm, chẳng hạn câu số 2896, bản Lâm Nhu Phu chép "Đã nghề đàn lại đủ nghề văn thơ" trong khi đó các bản Trần Trọng Kim, Nguyễn Thạch Giang, Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Anh, Nguyễn Văn Vĩnh viết "Có nghề đàn lại đủ nghề văn thơ." Sau khi nhận định rằng "ĐÃ, CÓ hoặc ĐỦ NGHỀ chưa tả hết được tài năng của Kiều," cụ tự hỏi tại sao không viết thành "Hay nghề đàn lại giỏi nghề văn thơ" (trang 207). Mãnh lực phân tích và lý luận của cụ đã phát giác ra một số chi tiết phi lý trong Truyện Kiều cũng như một số câu cụ cho là rất dở, những điều mà trước đây có lẽ đa số người đọc không mấy lưu ý tới. Chẳng hạn, ý nghĩa câu số 0874 "Vương ông gánh tiệc tiễn hành đưa theo" (Lâm Nhu Phu) hoặc "Vương ông mở tiệc tiễn hành đưa theo" (Trần Trọng Kim, Nguyễn Thạch Giang) thực quái gở. Về câu này, cụ phát biểu: "Vừa mới tai nạn chưa xong, con gái phải bán mình, còn vui sướng nỗi gì mà Vương ông MỞ TIỆC hay GÁNH TIỆC tiễn hành, rồi chủ khách lại dật dìu vui vẻ nữa. Ông già này quả thật lẩm cẩm hay chính cụ Nguyễn Du đã sơ ý." (trang 63)

Cụ Triệu thực trào lộng. Những ai có định kiến cho rằng khi nói chuyện văn chương ta phải đạo mạo thì chắc chắn sẽ chau mày, nhăn mặt khi đọc một số bình luận trong cuốn sách. Thí dụ, khi lượng giá chữ đầu tiên của câu số 0461 "THA (LNP)/ ĐỪNG (TTK, NTG, ĐDA, NVV)/ XIN (Kiều Oánh Mậu) điều nguyệt nọ hoa kia," cụ Triệu phán: "THA, XIN hay ĐỪNG thì cũng chỉ là cái cách EM CHÃ nhõng nhẽo của nàng mà thôi. Chỉ buồn cho công tử Kim Trọng ngây thơ hoặc nhát quá, không dám tiến tới để phải tiếc hùi hụi

suốt mười lăm năm trời" (trang 33). Vì không thuộc thành phần "đạo mạo," tôi không nhăn mặt mà chỉ cười xòa vì cái hài hước hồn nhiên của cụ. Rồi tôi tò mò muốn xem cụ nói gì về một trong những câu mà những vị đạo mạo như Huỳnh Thúc Kháng và Ngô Đức Kế có lẽ đã lên án là "ai, dâm, sầu, oán": đó là câu số 0848 "Con ong đã mở đường đi lối về" (LNP) hoặc "Con ong đã tỏ đường đi lối về" (NTG). Cụ Triệu hý lộng như thế này: "Theo Tản Đà thì chữ TỎ cũng hay nhưng có lẽ không đắc ý bằng chữ MỞ vì TỎ có thể chỉ là mới trông thấy, chỉ ngó suông mà có thể chưa đụng tới. MỞ có ý là đã toang ra (*Mở toang ra cho thiếu nữ đón xuân vào* - Hồ Xuân Hương). Với Mã Giám Sinh trong hoàn cảnh này chắc chắn là hắn MỞ chứ không TỎ" (trang 61).

Khoa tâm lý giáo dục hiện đại phân biệt hai khuynh hướng nhìn vào sự vật. Một là "phân tích" (analytic) hai là "tổng thể" (global). Khuynh hướng phân tích thích mổ xẻ từng chi tiết, trong khi đó khuynh hướng tổng thể chỉ thích đi tìm cái hình ảnh lớn (the big picture) mà thôi. Cụ Triệu thuộc khuynh hướng phân tích, và cụ phân tích quá sắc bén những lỗi trùng phức như trong câu 1625 "Dặn dò hết các mọi đường;" những lỗi cường điệu như trong câu 2908 "Hơn đời trí dũng, nghiêng trời uy linh;" những lỗi cú pháp như thiếu chủ từ như trong câu 3012 "Buồng trong vội dạo sen vàng bước ra;" và cả lối hành văn dở hoặc tối nghĩa của câu 3006 "Bộ hành một lũ theo liền một khi" hoặc câu 1895 "Loanh quanh cua rụt bò càng."

Là một cá nhân dùng khuynh hướng tổng thể trong khi thưởng lãm văn chương, tôi e ngại khuynh hướng phân tích có nguy cơ làm giảm đi cái thú này. Vì vậy tôi đồng ý với một nhà thơ nào đó đã viết "Ngọc nhìn kỹ sẽ tìm ra vết / Hoa ngửi gần sẽ hết cả hương." Nếu coi Truyện Kiều là ngọc, là hoa thì tôi nghĩ chúng ta nên thưởng ngoạn tuyệt tác phẩm ấy qua lối tổng thể hơn là qua lối phân tích từng chi tiết. Chúng ta chẳng nên suy luận quá kỹ càng, mà ngược lại phải tiếp đón cái hay cái đẹp bằng trực giác, bằng tâm, bằng thần.

Tôi cũng xin mạo muội biện hộ cho cụ Tiên Điền một chút ở đây. Những khuyết điểm trong một số rất ít của 3258 câu thơ Truyện Kiều nên được bỏ qua. Xét cho cùng, thi nhân mọi nơi trên trái đất đều có quyền phạm những lỗi mà "quyền đặc miễn thi ca" (poetic license) đã dành cho họ. Cái đặc quyền này cho phép họ nhào nặn ngôn ngữ sao cho đáp ứng được những nhu cầu trong bài thơ, qua cách sử dụng ngôn từ khuếch đại, ngữ vựng độc đáo, và ngay cả cú pháp lạ đời chẳng giống ai. Nói về cú pháp lạ đời thì cụ Đồ Chiểu đã để lại một câu thơ khó quên, đó là "Vợ Tiên là Trực chị dâu," nghe giống cú pháp tiếng Anh quá đi, như thể cụ Đồ Chiểu mượn sở hữu cách (possessive case) trong tiếng Anh để viết tiếng Việt: Trực chị dâu = Trực's chị dâu! Còn nói về cường điệu hay ngôn từ khuếch đại thì ai qua mặt nổi thi hào Victor Hugo, khi ông dám "lộng ngôn" với một cô Jeanne nào đó rằng "anh yêu nụ hoa nhỏ nhoi trên váy em / còn hơn tất cả tinh tú trên trời" (j'aime mieux la moindre fleur de ta jupe / que tous les astres des cieux)? Hoặc ở bên trời Trung Hoa đời Đường, thi thánh Lý Bạch đã cường điệu trong bài nhạc phủ "Thục đạo nan" rằng "Đường Thục khó, khó hơn cả lên trời xanh!" (Thục đạo chi nan, nan ư thướng thanh thiên), mà có ai chê trách gì đâu. Còn như về trùng phức, thì đó là một hiện tượng đại đồng rồi, nhan nhản trong lời nói hàng ngày cũng như trong văn chương, tức là cái kiểu nói "nửa đêm giờ tý canh ba" hoặc "I myself personally." Nếu bị truy lùng tỉ mỉ thì ngay cả những văn thi sĩ hàng đầu của nhân loại, tự cổ chí kim, cũng khó lòng thoát khỏi lỗi trùng phức.

Dù ấn loát đã khá kỹ càng, tôi thấy cuốn biên khảo cũng có một vài điều cần chỉnh đốn. Cách chấm câu trong phần quốc ngữ dùng quá nhiều dấu chấm, khiến cho quá nhiều câu trở thành câu cụt; tôi xin đề nghị tác giả lưu tâm đến việc này khi tái bản cuốn biên khảo. Cuối trang 47 và 212 trong phần chú giải, tác giả đã quên không viết hai chữ nôm sau chữ "vâng" và chữ "chu/châu."

Trong cái nóng bức khủng khiếp của Texas cuối mùa hạ, tôi thực thích thú được đọc một công trình biên khảo rất công phu và rất đáng ngợi khen của cụ Nguyễn Bá Triệu. Tôi biết chắc những ai còn thiết tha với văn hóa dân tộc, còn yêu mến Truyện Kiều, còn hoài cổ muốn học chữ nôm sẽ trân quý cuốn biên khảo Truyện Kiều Chữ Nôm Và Khảo Dị như một món quà văn hóa tuyệt diệu.●

21-8-1999

* Giáo Sư Ngữ Học, Texas Woman's University

** Liên lạc điện thoại với tác giả Nguyễn Bá Triệu: (819) 684-9855

QUẬN CAM

Sinh hoạt kỷ niệm 100 ngày mất của nhà báo Lê Đình Điểu

Tối thứ sáu 10 tháng Chín 1999 tại phòng Sinh hoạt của nhật báo Người Việt thành phố Westminster, một số bạn bè và gia đình của nhà báo Lê Đình Điểu đã tổ chức một buổi sinh hoạt để đánh dấu 100 ngày mất của ông. Chương trình gồm hai phần: phát biểu về người quá cố và hòa nhạc thính phòng do ban Vietnamese-American Philharmonic phụ trách.

Ban Hiếu Nhạc Việt Mỹ đang trình diễn

Phần phát biểu chỉ có hai người. Lý Kiến Trúc, chủ nhiệm nguyệt san Văn Hóa, tự nhận là đứa em tinh thần và là học trò của Lê Đình Điểu trong nghề báo, đã nói về sự dìu dắt và tấm lòng của anh Điểu đối với lớp sau. Và một người bạn thời trung học, Phạm Phú Minh, đã nói về khía cạnh văn nghệ trong con người Lê Đình Điểu.

Phần hai, trình diễn âm nhạc là một chương trình xuất sắc. Ban Hiếu Nhạc Việt Mỹ do nhạc sĩ Nguyễn Khánh Hồng điều khiển, cũng là một tay violin, với Cao Thanh Tùng đàn cello, Nguyễn Mỹ Lệ, Bùi Thái Bảo piano, Nguyễn Liên Phương An, Nguyễn Thị Thanh Nhàn, Nguyễn Xuân Quang violin... đã chơi các tác phẩm của Massenet, Purcell, Debussy, Bach, Grieg, Tchaikovsky và Mozart. Nguyễn Bích Liên với giọng soprano cao vút đã trình bày tác phẩm của Purcell và Grieg. Một buổi hòa nhạc rất đẹp, đầy vẻ thanh khiết, mà theo Cao Thanh Tùng trong lời mở đầu, là để nhớ đến công ơn của người đã khuất một đời hết lòng với các hoạt động nghệ thuật.

Trong đời sống của mình về sau này, vì bận bịu với công tác truyền thông, anh Lê Đình Điểu ít khi để lộ nét tài hoa của riêng mình trong lãnh vực nghệ thuật. Bài nói của người bạn về khía cạnh này giúp mọi người hiểu rõ về con người của anh hơn. Sau đây là vài trích đoạn của bài nói ấy:

Chúng ta thường hay nhắc nhở đến Lê Đình Điểu như là một nhà báo, một người hoạt động văn hóa xã hội, nhưng ít khi để ý đến đời sống tình cảm nơi Điểu, nhất là khi tình cảm ấy biểu lộ ra trong sáng tác văn thơ và các hoạt động văn nghệ khác.

... Tôi thì không biết Điểu xa như Lê Tất Điều, vì mãi đến năm Đệ nhất, niên khóa 1959-60, tôi mới học chung với Điểu, và lúc bấy giờ thì vai vế của Điểu trong hoạt động văn nghệ của trường Chu Văn An đã vững chắc lắm rồi: bạn đang làm trưởng ban báo chí của trường. Và Tết năm đó, 1960, chúng tôi được biết tài văn nghệ của Lê Đình Điểu qua cuốn báo Xuân CVA. Mới trước đó một năm, khi còn học Đệ nhị C ở Petrus Ký, chúng tôi cũng làm một tờ báo Xuân cho trường với trưởng ban báo chí Đỗ Ngọc Yến, cũng rất là hào hứng vui vẻ, nhưng rõ ràng không khí văn nghệ của CVA tài hoa hơn, phóng khoáng hơn. Sau bao nhiêu biến đổi, tôi tiếc không tìm đâu ra số báo Xuân năm Đệ nhất C

ấy, trong đó tôi nhớ có bài phóng sự quanh các hoạt động trong trường của Lê Đình Điểu viết theo giọng đùa cợt, thường mượn các câu thời danh của Vũ Trọng Phụng như "Biết rồi khổ lắm nói mãi" hoặc "Em chã, em chã", hoặc các câu đùa chỉ có trong môi trường CVA như "Người ta sống ở đời, đầu đội trời, chân đạp xe máy" hoặc "Bonjour tristesse, ấy chết quen mồm," một bài phóng sự hồi đó ai đọc cũng thích, và ngay bây giờ nhớ lại tôi cũng vẫn còn cho là viết với một bút pháp rất già dặn. Ngoài tài viết văn làm thơ, Điểu vẽ rất đẹp, tôi nhớ cả tờ báo do Điểu trình bày, kể cả vẽ bìa.

Sau năm ấy thì chúng tôi lên đại học, phần nhiều từ giã chuyện viết lách văn nghệ của tuổi học sinh để làm người lớn, làm sinh viên đại học. Nhưng Điểu vẫn sinh hoạt văn nghệ, ngay năm 1960 Điểu tham gia ban kịch Đại Học, cùng với Đặng Tiến và các bạn khác như Đức ở Y khoa, Tùng ở Quốc gia Âm nhạc, Hoàn ở Dược v.v... dựng vở Thành Cát Tư Hãn của Vũ Khắc Khoan vừa mới xuất bản. Được tác giả cho phép dựng và mời được Hoàng Anh Tuấn đạo diễn, ban kịch tập dợt ráo riết trong hai tháng với Tùng thủ vai Đại Hãn, Điểu vai Dương Bân, Thụ Sương vai Giang Minh, Đức vai Sơn Ca. Sắp tới ngày diễn ra mắt tại Quốc Gia Âm Nhạc thì Viện trưởng viện đại học Sài Gòn gọi Đặng Tiến lên bảo: "Không được diễn vở Thành Cát Tư Hãn của Vũ Khắc Khoan." Trước đó ít lâu xuất hiện bài báo của Mỹ Tín, cũng một người trong kịch nghệ, phê phán Thành Cát Tư Hãn của Vũ Khắc Khoan rất nặng: có nội dung thân Cộng, chống Thiên Chúa Giáo, chống chính phủ. Thế là vai Dương Bân Lê Đình Điểu không bao giờ được xuất hiện dưới ánh đèn sân khấu. Nhưng ngay sau đó chính giáo sư Vũ Khắc Khoan đã đứng ra đạo diễn vở Giao Thừa của ông cho nhóm kịch Đại học này, và theo lời tâm sự của Điểu thì trong hai tuần tập dợt đó, thầy Khoan đã rút ruột để truyền cho Điểu những kỹ năng của nghệ thuật sân khấu, mà bình thường chắc phải xách túi theo hầu ba năm mới được lĩnh giáo. Dĩ nhiên ông thầy phải nhìn thấy thiên tư của học trò như thế nào mới hết lòng như thế được.

Rõ ràng Điểu giàu tài năng về văn nghệ. Vẽ đẹp, hát hay, đóng kịch, làm báo, viết văn, môn nào bạn của chúng ta cũng chứng tỏ tài hoa của mình. Nhưng có một môn mà theo tôi Điểu để tâm hồn của mình vào nhiều nhất, đó là thơ. Điểu bắt đầu làm thơ từ thời trung học ký bút hiệu Y Dịch, và thời gian sung mãn nhất của thi ca Y Dịch là vào khoảng 1957 đến 1962. Với những tài liệu có được hôm nay, tôi có thể tạm chia thơ của Điểu ra làm hai thời kỳ: thời lãng mạn chung chung của tuổi trẻ (1957-60) và thời làm thơ tình yêu (60-62). Bây giờ xem lại những bài thơ Điểu làm thời chưa tới hai mươi tuổi, thấy ngôn ngữ và ý tứ trưởng thành một cách không ngờ.

... Nhưng phải đợi chàng lên học ở đại học Văn Khoa vào năm 1960 chàng mới say sưa làm thơ tình yêu, vì từ đây chàng mới tìm thấy tình yêu thật. Mật độ thơ tình trong khoảng thời gian 60, 61, 62 có thể nói là dày đặc. Có thể nói đối với một người làm thơ không có một thời kỳ nào trong đời mà cảm hứng thi ca lại dồi dào bằng thời kỳ này. Nếu một mai tập thơ Y Dịch có được xuất bản thì quý vị có thể tìm đọc để thưởng thức tiếng nói muôn thủa của tình yêu.

... Ngày 15 tháng Năm năm ngoái, 1998, trong bức thư báo tin cho bạn bè biết mình bị bệnh ung thư, Điểu có viết:

Thành ra vấn đề vẫn là giá trị của đời sống, chứ không phải là chiều dài của đời sống, mới là điều quan trọng. Mỗi người có một thước đo giá trị riêng. Thước đo của tôi là niềm vui của người khác khi mình còn ở với họ. Hôm qua nhẩm nhẩm trong đầu mấy câu thơ sau đây, gửi các bạn đọc chơi:

Vừa tròn sáu mươi tuổi
"Tri chỉ" cũng đủ rồi
Chia tay mong để lại
Nụ cười bạn mình thôi.

Đó có lẽ là những câu thơ cuối cùng của Điểu. Điểu đi chỉ mong để lại cho chúng ta nụ cười. Hôm nay kỷ niệm một trăm ngày bạn mất, tôi muốn tất cả chúng ta đều tiễn bạn đi xa một lần nữa với một nụ cười trên môi. Đó là lợi lạc của chúng ta, và cũng là đúng với ý muốn của bạn chúng ta.

Ký giả Phan Trần Hiếu của nhật báo O.C Register ra mắt tác phẩm Cội Nguồn Bất An

Anh Phan Trần Hiếu, một ký giả trẻ tuổi gốc Việt Nam của nhật báo Hoa Kỳ Orange County Register đã viết một thiên phóng sự dài sau một chuyến đi trở về quê hương nơi mà anh đã ra đi từ gần hai mươi năm nay. Thiên phóng sự đăng trong một số báo đặc biệt trên nhật báo Orange County Register đã tạo nên một số tranh luận trong cộng đồng, và nay được xuất bản song ngữ Anh Việt nhan đề *Roots of Unrest/ Cội Nguồn Bất An*. Chiều

ngày Chủ Nhật 26 tháng Chín Phan Trần Hiếu đã ra mắt cuốn sách với Cộng Đồng Việt Nam tại hội trường Trung Tâm Nguyễn Bá Học, với sự hiện diện của hơn 200 đồng hương. Về phía người Hoa Kỳ có sự hiện diện của nữ Dân Biểu Loretta Sanchez.

Luật sư Phạm Đào Bạch Tuyết đã giới thiệu chương trình và mời một số vị phát biểu ý kiến về cuốn sách. Nhà thơ Du Tử Lê cho biết ông đã cảm động khi đọc thiên phóng sự của Phan Trần Hiếu trên nhật báo O.C Register nhưng ông lại xúc động nhiều hơn sau khi đọc bản chuyển ngữ tiếng Việt của nhà thơ Viên Linh. Ông đã cảm ơn tác giả và dịch giả đã cho ông nhìn thấy lại quê hương mình qua thiên phóng sự.

Ông Lưu Trung Khảo đã chỉ rõ những ưu điểm của tác giả Phan Trần Hiếu qua những hình ảnh và những ghi nhận của tác giả về một xã hội Việt Nam khốn khổ dưới chế độ Cộng Sản cho dù chiến tranh đã chấm dứt từ hơn 20 năm nay. Nhà thơ Viên Linh nói rằng qua thiên phóng sự này, Phan Trần Hiếu không những là một ký giả mà anh còn là một nhà văn nữa.

Ký giả Phan Trần Hiếu, mới 26 tuổi, gương mặt thư sinh, nụ cười chân thật với giọng nói Việt Nam cứng và không trôi chảy, đôi khi phải pha tiếng Anh. Thỉnh thoảng, lúng túng trong diễn tả, anh phải cầu cứu đến Luật sư Phạm Đào Bạch Tuyết, và sự chân thật của anh được mọi người thông cảm.

Phan Trần Hiếu đã cảm ơn mọi người đã giúp thành hình buổi ra mắt tác phẩm hôm nay. Anh nói thiên phóng sự viết ra chính là dành cho cộng đồng, nhằm tìm hiểu nguyên ủy của sự hiện diện của hai triệu người Việt Nam lưu vong khắp thế giới từ hơn 20 năm nay trong khi quê hương đã hòa bình và thống nhất. Cội Nguồn Bất An dầy hơn 230 trang, giá $4.99, bên cạnh bài viết còn in nhiều hình ảnh do phóng phiên Eugene Garcia chụp khi đi cùng Phan Trần Hiếu về Việt Nam. Phan trần Hiếu là một biên tập viên lãnh vực Văn Hóa & Truyền Thống tại nhật báo Orange County Register. Anh tốt nghiệp thủ khoa Ngôn Ngữ Anh, Triết và Tôn Giáo tại Đại Học Chapman. Liên lạc: (714) 796-7811.

SAN JOSE

Hai buổi nói chuyện của nhà thơ Du Tử Lê tại hí viện The Stage

Với sự đóng góp một phần tài chánh của các cơ quan văn hóa như The Arts Commsission, City of San Jose, The Arts Council Silicon Valley và California Arts Council, cùng sự bảo trợ của nhật báo San Jose Mercury News, chương trình Hội Ngộ giữa Thơ và Nhạc / When a Poet Meets the Musicians do Hội Việt Arts / Association for Việt Arts (AVA) tổ chức tại Hý viện The Stage, San Jose, đã diễn ra một cách tốt đẹp trong hai ngày Thứ Bảy và Chủ Nhật 21 và 22 tháng 8 vừa qua.

Nhà thơ Du Tử Lê, đến từ miền Nam California, đã làm nhiều khán giả không cầm được nước mắt khi ông nói về cuộc đời ông, tập chú vào đề tài: "Du Tử Lê, Ấu Thơ, Mẹ Và Tác Phẩm." Dùng nhiều trích đoạn từ Trường Khúc "Mẹ Về Biển Đông," họ Lê đã vẽ lại khá chi tiết chân dung thơ ấu, cuộc đời người mẹ góa bụa đã mất của ông.

Du Tử Lê đã gọi một đời làm thơ, viết văn của ông là "lộ trình nước mắt." Đó là lộ trình của một người đàn bà Việt Nam, không một ngày vui, tới lúc nằm xuống, sau non thế kỷ làm người, lại "truyền thừa" con đường tang thương ấy, cho đứa con út còn sống sót của bà.

Hồi-ký-bằng-lời của Du Tử Lê, được điểm xuyết bằng phần trình diễn thơ và các ca khúc phổ thơ của ông, với các nghệ sĩ Bích Thuận, Vũ Anh, Lucie Hoàng... Vì chương trình nhắm vào cử tọa người Mỹ cho nên, tất cả phần nói chuyện, thơ cũng như lời hát đều được chuyển dịch sang Anh ngữ, và chiếu trên một tấm màn ảnh lớn. Nhờ phần thông dịch sang tiếng Anh của quý vị như Lê Chính Long, Đỗ Đình Tuân, Hanna Phương, Mẫn Bùi, Hoa Glassey mà buổi trình diễn đã gây xúc động sâu xa cho nhiều người Mỹ và thanh niên Việt lớn lên ở quê người.

Phần thứ hai của chương trình là phần trình diễn của đôi nhạc sĩ Khắc Chí & Ngọc Bích, đến từ Van Couver, Canada. Họ sử dụng một số nhạc khí cổ truyền của đồng bào thiểu số, như đàn T'rưng, Ko Ni, và K'longput đã gây thích thú to lớn cho cử tọa.

Về hai buổi trình diễn vừa nói, không kể báo chí, đài phát thanh Việt ngữ, có ít nhất ba tờ báo lớn Hoa Kỳ ở miền Bắc California là *San Jose Mercury News, San Jose Chronicles và Asian news* đã đăng tải tin tức, hình ảnh về cuộc trình diễn.

Được biết trước hai buổi nói chuyện này, nhà thơ Du Tử Lê đã vừa có các buổi nói chuyện tương tự tại Âu châu.●

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Khai Quật Kho Tàng Cổ Sử Hùng Việt

biên khảo của Nguyễn Xuân Quang, Y Học Thường Thức xuất bản, 617 trang, giá trong Hoa Kỳ US$30.00, ngoài Hoa Kỳ $40.00 (gửi đường hàng không). Liên lạc với nhà xuất bản: P.O. Box 18983 Anaheim CA 92817-8983 USA; tel: (714) 897-9413. Hoặc nhà phát hành: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683 USA; tel: (714) 527-5761.

Tập biên khảo dày hơn 600 trang là công trình biên khảo sáng tạo mười năm của tác giả Nguyễn Xuân Quang, chủ nhiệm nguyệt san Y Học Thường Thức. Đây là một tảng đá lớn đánh dấu chặng đường nghiên cứu cổ sử Việt Nam, tiếp theo những khai phá của Lý Đông A, Nguyễn Đăng Thục, Kim Định, Bình Nguyên Lộc...

Gọi là mốc lớn vì đây là lần đầu tiên cội nguồn sâu xa hơn 5000 năm được khia quật bằng phương pháp tỷ giáo cổ ngữ học, để mang ra gốc rễ văn hóa dân tộc liên hệ ruột thịt với Vũ Trụ Giáo, Đạo Thờ Mặt Trời và Việt Dịch Nông Nọc.

Người đọc càng chú tâm theo dõi ngòi bút sắc bén của tác giả càng thấy nẩy ra những xuyên phá độc đáo, những chi tiết khảo cổ học và những kết quả không thể gọi là mơ hồ hay cường điệu, vì tác giả luôn luôn kiểm chứng lại như một thí nghiệm sinh vật học.

Đi từ Thượng cổ sử, dựa trên biến âm o=a, thí dụ như *hột* hay *hạt*, tác giả tìm ra *Nông* là *Nang* là cái túi, cái bọc, Thần Nông là Thần Bọc thần trứng vũ trụ... tới Viêm Đế là lửa Việt, là Việt Mặt trời Hừng Rạng, tới chữ viết Nòng Nọc, tới Nọc là Việt khi so chữ Việt đời Thương với cái rìu việt Quốc Oai in hệt nhau..., tác giả đã lần lần dẫn tới cổ sử như vật tổ chim bổ nông bồ cắt, vật tổ hươu là bổn mạng của Lộc Tục Kinh Dương Vương... chi Lạc ruộng nước (nước, nác, lạc), Âu Cơ là Thái Dương Thần Nữ, Hùng Vương — phải gọi đích danh là Hừng Vương vì là vua Mặt trời Mọc, Hồng bàng là họ Hừng, họ Mặt Trời của nước Văn Lang - co Lang, cò Việt... nhh còn dấu tích rõ ràng trên trống đồng khắc hình hươu, cò...

Xuyên phá đặc sắc nhất theo chúng tôi là việc tìm ra giống chim nông mỏ to, đầu to, đuôi ngắn, cổ có túi đang đạp mái chứ không phải đang tha mồi, trên trống đồng Hoàng Hạ. Điểm này chứng tỏ cặp mắt quan sát tinh tế của tác giả, một nhà biên khảo có căn bảnY khoa sinh vật học.

Công trình độc đáo khác phải kể là việc sắp xếp các khám phá về tên đất, tên tổ, tên vật tổ... vào một nguồn mạch ăn khớp nhau mà tác giả gọi là Việt Dịch Nòng Nọc khởi đầu bằng trứng vũ trụ Thần Nông vòng tròn O, lưỡng nghi Bổ Nông Bồ Cắt, tới một vòng bát quái Đế Minh - Vụ Tiên - Âu Cơ - Lạc Long... với tứ hành Chim Di Lửa, Sáo Sậu Đá, Sáo Đen Nước, Tu Hú Gió... quán chiếu này chứng minh người viết đạt được mức tổng hợp mà không bị sa lầy vào chi tiết rậm rạp phức tạp.

Việc nghiên cứu cổ sử Việt khởi đầu với khơi động tâm thức dân tộc của Lý Đông A thời 1940, tới khoảng 1950-60 các giáo sư Văn Khoa Sài Gòn như Nguyễn Đăng Thục, nghiêng về tư tưởng triết lý văn hóa dân tộc, Kim Định nghiêng về luận giải huyền thoại và Việt Nho, nhà văn Bình Nguyên Lộc thời 1970 lại sôi nổi đưa ra các phân tích nguồn gốc Mã Lai trong Việt ngữ..., các học giả miền Bắc tìm tòi được nhiều chi tiết khảo cổ học và nhân chủng học vào thời đại Hùng Vương trong khoảng 1960-80. Phải chờ tới thập niên 1990 mới có công trình nghiên cứu cổ sử tổng hợp đầy đủ, nhiều xuyên phá rất khoa học, nhiều đối chiếu đa văn hóa: Âu, Á, Việt, Ấn, Ai Cập, Maya... mở rộng kích thước cổ sử và đào sâu được cả chục ngàn năm của Nguyễn Xuân Quang, tác giả Khai Quật Cổ Sử Hùng Việt. Đây là một cuốn sách không thể thiếu trong tủ

sách nghiên cứu nguồn gốc văn hóa và lịch sử Việt Nam và người đọc chờ đợi những xuyên phá khác của tác giả trong những khảo cứu sắp xuất bản.

(Lưu Văn Vịnh)

Văn Học Miền Nam, truyện 1, 2, 3

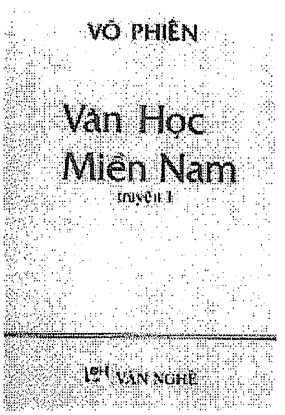

phê bình văn học của Võ Phiến, Văn Nghệ xuất bản, gồm ba tập, tập một 436 trang, tập hai 430 trang, tập ba 470 trang, giá mỗi tập US$18.00, ngoài nước Mỹ $20.00. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Ba quyển này là mở đầu cho một bộ đồ sộ phê bình, giới thiệu văn học miền Nam gồm các bộ môn truyện, ký, kịch, tùy bút và thơ. Từ lúc tác giả bắt tay soạn bộ này đến lúc hoàn tất năm 1998 là 18 năm. Tuy nhiên, vào đầu thập niên 90, nhà Văn Nghệ cũng đã xuất bản một số các tập *Văn Học Miền Nam* với khổ nhỏ. Sở dĩ có việc đó là vì có lúc sức khỏe tác giả không được khả quan, ông sợ mình không kịp hoàn tất bộ sách, nên "thôi thì viết đến đâu hãy cho ấn hành đến đó, phòng khi lỡ xảy ra điều bất trắc sẽ khỏi uổng phí công phu." Bây giờ thì công việc coi như đã hoàn tất, sau ba tập về truyện với số trang ngót hai ngàn, sẽ xuất hiện nốt các tập còn lại về những bộ môn khác.

Văn học miền Nam là một nền văn học xuất hiện trong vòng hai mươi năm từ 1954 đến 1975 tại vùng phía nam vĩ tuyến 17. Chế độ chính trị của miền Nam bắt đầu sau hiệp định Genève 1954 đến năm 1975 là chấm dứt, và làm chấm dứt theo mọi sinh hoạt văn nghệ tự do không theo sự chỉ huy của cộng sản. Đối với dân trong nước, nền văn học ấy sau 75 trở thành một thứ cấm kỵ, và được thay thế bởi những thức ăn tinh thần có một vị khác gọi là hiện thực xã hội chủ nghĩa. Cả một thành tựu về sáng tác tươi tốt trong hai mươi năm trên một nửa nước có cơ mãi mãi chìm vào quên lãng.

Trong hoàn cảnh tị nạn ở hải ngoại, nhà văn Võ Phiến đã nghĩ đến điều ấy, và quyết tâm dựng lại chân dung của nền văn học mà ông đã tham gia tích cực từ đầu, đã góp phần xây dựng và hiểu biết nhiều về nó. Nhưng trong đời sống tị nạn ở xứ người làm sao có đủ tác phẩm của hàng trăm tác giả đủ mọi bộ môn văn học? Phải làm việc để mưu sinh, làm sao có thì giờ để đọc, nghiên cứu tỉ mỉ từng tác phẩm, từng tác giả? Cái khó khăn thật mênh mông. Thế mà từng bước một, ông vượt qua các khó khăn, kể cả mấy lần vào bệnh viện để giải phẫu tim, để sau 18 năm ông đã hoàn tất công trình. Bộ Văn Học Miền Nam ra đời đánh dấu một thành tựu không chỉ về tài năng và tấm lòng của một người mà còn là đúc kết lòng mong ước thiết tha của tất cả mọi người yêu mến văn học Việt Nam, bất kể là ở trong nước hay ngoài nước, miền Nam hay miền Bắc. Kẻ thắng trận ra tay hủy diệt các thành tích văn hóa một thời của miền Nam, thì cũng có kẻ giành suốt cuộc đời còn lại của mình để sắp xếp, nhận định, phê bình hầu giữ gìn, giới thiệu các thành tích đó cho bây giờ và mai sau. Lịch sử văn học Việt Nam sẽ biết ơn cố gắng vô song ấy.

Nghệ Thuật Viết Văn và Đọc Văn

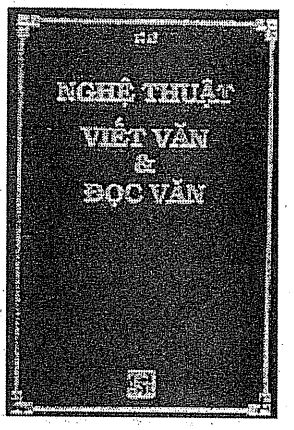

khảo luận của Vũ Ký, Nguồn Sống xuất bản, 796 trang, giá US$35.00 (cộng cước phí nếu mua qua bưu điện). Liên lạc: Nguồn Sống, 766 South 2nd Street, San Jose CA 95112 - USA. Tel: (408) 295-2436. Hoặc: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Av. Léopold F. Lambin 2, Bte 1, 1160 Bruxelles - Belgium. Tel: 32-2/675 63 96.

Viết khảo luận với một giọng văn trong sáng, một kiến thức uyên bác và khối tài liệu sưu tầm đồ sộ luôn luôn được cập nhật, điều đó cắt nghĩa tại sao một cuốn sách viết và xuất bản cách đây nửa thế kỷ ngày nay vẫn còn tiếp tục được tái bản. Trung bình cứ mười năm cuốn sách này lại được sửa chữa và in lại một lần, và lần nào cũng đáp ứng một nhu cầu của người Việt Nam: nhu cầu tìm hiểu cách viết và đọc văn.

Cách sắp xếp nội dung cuốn sách có tính cách giáo khoa, đọc bản mục lục người ta có cảm tưởng đây là giáo trình của một lớp dạy

viết văn: phần thứ nhất là Phương pháp viết văn với những lời dặn về sưu tầm, sắp đặt, phô diễn ý tứ, phần thứ hai nói về thể Miêu tả, phần ba về thể Tự sự, phần bốn thể Thư tín v.v... Nhưng có đọc vào nội dung mới thấy đây là một công trình tim óc, người đọc được cống hiến một kiến thức tổng hợp cổ kim đông tây về sự viết lách liên quan đến từng vấn đề đang được đề cập, phong phú, dễ hiểu, dễ cảm. Điều quan trọng là tác giả không chỉ đề cập đến kỹ thuật với cái lạnh lùng của lý trí, mà đã trình bày tất cả hiểu biết qua con người của mình, một con người đã lặn sâu vào thế giới văn nghệ, đã rung cảm, đã vật vã, đã sống thực những phút giây của một người cầm bút, vì thế người đọc dễ tìm thấy trong sách này những truyền đạt vừa phong phú vừa chân tình. Đó là điều mang lại thú vị khi đọc, độc giả cảm thấy được học hỏi rất nhiều nhưng không có cảm giác đang cố gắng theo dõi một bài giảng dạy khô khan. Trái lại, đây là một quyển sách biên khảo mang đầy cảm hứng.

Có phải chỉ những kẻ có ý định viết văn mới nên đọc những cuốn sách như thế này không? Không. Trong đời mỗi người chúng ta luôn luôn có dịp phải viết một cái gì đó. Một lá thư, một trang nhật ký cho chính mình, lời dạy dỗ con cái, hay cao hứng hơn, những giòng nghi nhận một nỗi rung động với người khác phái, sự biến đổi của thiên nhiên quanh mình... viết luôn luôn là nhu cầu biểu đạt. Thế thì tại sao không tìm hiểu cái sự thể phải viết ra làm sao để có những bài viết hay hơn? Biết đâu khi nắm vững cách thức và kỹ thuật thì chúng ta mới khám phá ra rằng mình cũng có năng khiếu về viết lách, và từ đó có cái ham muốn đi hẳn vào cái thế giới tuy nhọc nhằn nhưng rất kỳ thú này?

Nếu người Việt hải ngoại đang quan tâm mở những lớp Việt ngữ để dạy cho lớp trẻ, thì những cuốn sách như *Nghệ thuật viết văn và đọc văn* của Vũ Kỳ sẽ cần cho những người trẻ ấy, để họ thực tập một cách hữu hiệu những gì đã học được.

Hoa Trong Vườn

tập truyện phóng tác từ kịch Shakespear của **Đỗ Khánh Hoan**, Ba Vì xuất bản, 391 trang, giá US$20.00, hoặc 25.00 đôla Canada. Liên lạc: Đỗ Như Hằng, 27 Maitland Dr. Markham, ON. L3R 4M6 Canada.

Từ thập niên 60 ở Việt Nam, Đỗ Khánh Hoan đã là giáo sư Anh Văn chuyên về văn

học Anh. Ngoài việc dạy học tại Trung học, rồi Đại học Văn Khoa, ông đã viết nhiều sách biên khảo về văn học, văn chương Anh, đồng thời dịch nhiều thơ và truyện nước ngoài sang tiếng Việt, trong đó có một số vở kịch của W. Shakespear, một tác giả mà ông cho là:

Người đương thời nhìn thấy giá trị nghệ thuật của ông. Người đời sau nhìn thấy giá trị nhân bản của ông. Qua biết bao thăng trầm của lịch sử, dù đeo kính khác, đứng ở chỗ khác, người người đều nhìn thấy giá trị đặc biệt của ông trong văn chương, văn hóa nhân loại. Giải thích giá trị ấy thế nào, mệnh danh giá trị ấy ra sao xem ra cũng không đủ, nhất là khi xét tương quan (chênh lệch đến mức khó hiểu) giữa cuộc đời tầm thường về nhiều mặt, và sáng tác phong phú về nhiều mặt, họ bèn mệnh danh ông là thiên tài.

Qua quá trình dịch thuật của mình, ông rất muốn giới thiệu các tác phẩm kịch của thiên tài Shakespear cho người Việt Nam, nhưng ông lại nhận thấy người mình không mấy thích đọc kịch bản văn học. Ông bèn nảy ra ý chuyển các kịch bản ấy sang một dạng khác. Dựa vào hai mươi hài kịch và bi kịch của Shakespear, ông viết thành hai mươi truyện vui buồn, theo thể truyện ngắn. Khi viết lại như thế, tác giả giữ nguyên cốt truyện và tên nhân vật, đôi khi thêm thắt cảnh trí vào, và luôn luôn tạo một câu chuyện có mở đầu, có diễn tiến, có kết thúc. Dù chưa hề đọc kịch của Shakespear, độc giả cũng có thể hiểu câu chuyện thế nào, ý nghĩa ra sao, nhất là vẫn cảm được cái bi cái hài cùng thông điệp mà tác giả kịch bản đã gửi gắm trong tác phẩm của mình từ mấy trăm năm về trước.

Đa số chúng ta đã biết hoặc nghe qua về các vở Romeo & Juliet, Hamlet, Othello... nhưng nói chung thế giới kịch của Shakespear vẫn còn xa lạ với người Việt Nam. Với các phóng tác này, Đỗ Khánh Hoan dẫn độc giả làm quen dần với thế giới ấy, và mặc dù không được trực tiếp đọc những câu văn súc tích, uẩn áo, lạ lùng của Shakespear, người đọc cũng thừa hưởng được các câu truyện mà ông dựng

nên, qua bút pháp của một tác giả người Việt Nam đã để cả đời mình nghiên cứu văn học, đặc biệt là văn học Anh và kịch Shakespear.

Qua Mấy Trời Sương Mưa

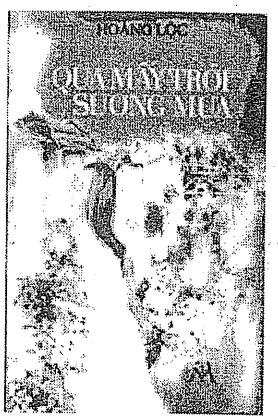

thơ của Hoàng Lộc, Văn Mới xuất bản, 201 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Văn Mới, 1528 S. La Cienega Blvd. Los Angeles, CA 90035, USA. Tel: (310) 559-0413.

Bài đầu của tập thơ ghi năm làm 1969, bài cuối năm 1999. Ba mươi năm trải dài từ giữa những năm hai mươi đến giữa thập niên 50 của cuộc đời thi nhân, thơ đeo dính với người, và người không bỏ thơ. Nguyễn Mộng Giác nhận xét đúng: *Thơ Hoàng Lộc vẫn y nguyên cái phong thái ngày xưa nhưng đậm hơn thời anh viết cho Bách Khoa.* Chỉ đậm đà hơn thôi, chứ vẫn một vẻ tài hoa ấy, sự thao thức ấy, và tấm lòng sẵn sàng rung động.

Mỗi địa phương có giọng nói riêng, và hình như, cũng có giọng thơ riêng. Thơ Hoàng Lộc phảng phất khí vị Quảng Nam, lãng mạn pha với chút khẳng khái tráng sĩ thời xưa, tang bồng mà lòng lúc nào cũng nhớ đến phố xá xưa, dòng sông cũ. Ba mươi năm, tình yêu, đời lính, cải tạo, ra tù, sang Mỹ... cuộc đời thế là đã nếm đủ vinh nhục sướng khổ nhưng con người thơ của anh không hề bị nghiêng ngả trong bất cứ giai đoạn nào, thời điểm nào. Thơ như là một cõi riêng nơi anh, lúc nào nó cũng nhìn ngắm, rung động, mô tả cuộc đời nhưng cuộc đời thì chẳng bao giờ làm gì được nó. Đó là vùng bất khả xâm phạm của Hoàng Lộc. Nhờ thế mà có những vần thơ hào sảng với men rượu của thời chinh chiến, cũng như thấm thía cái đói vô cùng tận của những đêm dài trong tù, hay điềm đạm nhìn đời dần xế bóng *Mây qua đầu mỏi bạc, Dưới chân ngày thu phai...*

Con người là chứng nhân của cuộc sống, thơ là chứng nhân của lòng người. Thơ Hoàng Lộc giống như dòng trôi của lịch sử, giai đoạn nào của đời anh nó cũng có mặt, nhưng dĩ nhiên nó chỉ ghi lại những nét tinh vi nhất của lòng anh trước bao biến thiên, để gửi lại cho thiên thu...

Quảng Đà

đặc san biên khảo, văn học nghệ thuật do Ái Cầm và Thái Tú Hạp chủ trương, 528 trang, giá US$10.00 (cộng $2.00 cước phí nếu mua qua bưu điện trong nước Mỹ). Liên lạc: Saigon Times, P.O. Box 428 Rosemead CA 91770, USA. Tel: (626) 288-2696.

Những đặc san về các địa phương trong nước do đồng hương lưu vong xuất bản tại hải ngoại thoạt đầu nhằm đáp ứng nhu cầu tình cảm thương nhớ quê hương, nhưng với thời gian qua, khi lòng thương nhớ phần nào đã bão hòa thì những người chủ trương cũng như người cộng tác đều thấy phải nâng nội dung lên một mức cao hơn. Đó phải nơi để đồng hương và thân hữu góp phần nghiên cứu, tìm hiểu sâu về văn hóa, lịch sử, địa lý thiên nhiên cũng như nhân văn của tỉnh nhà, đồng thời cũng là giai phẩm cho các sáng tác văn nghệ có giá trị. Đặc san Quảng Đà năm 1999 đã đạt một bước tiến rất lớn về giá trị bài vở, để đúng danh nghĩa là một đặc san biên khảo, văn học, nghệ thuật về một vùng đất xưa nay vốn nổi tiếng nhiều mặt.

Bạn đọc sẽ gặp ở đây các bài khảo cứu công phu về cây quế Trà My, về các công trình khảo cổ học trên địa bàn Quảng Nam, về cây thuốc lá Quảng Nam, về các nhân vật Ông Ích Khiêm, Châu Thượng Văn, Nguyễn Tường Tam, Bùi Giáng, Vũ Hân, về nghệ thuật và nguồn gốc hát bội xứ Quảng... và rất nhiều bài vở giá trị thuộc nhiều dạng khác. Riêng về thơ, có thể nói *Quảng Đà* đã tạo nên một hợp tuyển vô cùng phong phú mà ngay các ấn bản chuyên về thơ cũng chưa chắc đã thực hiện được. Khi một đặc san địa phương đã đạt được một giá trị vượt khỏi biên địa của một tỉnh thì nó sẽ có giá trị cho tất cả mọi người. Ở trong cái riêng người ta sẽ tìm ra cái chung, và riêng người tỉnh ấy thì càng hào hứng thấy các đặc sắc của địa phương mình đã trở thành phổ biến. *Quảng Đà* đã đạt được điều ấy, đó là một đóng góp đáng kể vào sinh hoạt văn hóa nói chung.●

Trân Trọng Giới Thiệu Buổi Nhạc Hòa Tấu & Hợp Xướng Cuối Thế Kỷ 20

Đêm NGÀN KHƠI

NGÂN KHƠI

ĐÁNH DẤU 10 NĂM HOẠT ĐỘNG CỦA BAN HỢP XƯỚNG NGÀN KHƠI

Đúng 4 giờ 30 chiều Chủ Nhật 17 tháng 10 năm 1999 tại
LA MIRADA THEATRE For the Performing Arts
14900 La Mirada Blvd., La Mirada, CA 90638

Đến với **NGÀN KHƠI 1999** để nghe Trường ca **CON ĐƯỜNG CÁI QUAN** và **MẸ VIỆT NAM**, các bản **Hùng Sử Ca, Dân Ca, Tình Khúc** lồng trong một chương trình hòa nhạc công phu và đặc sắc với sự góp mặt của:

- Hai Nhạc trưởng **LÊ VĂN KHOA** và **TRẦN CHÚC** điều khiển giàn nhạc giao hưởng **FESTIVAL SYMPHONY ORCHESTRA**
- Ban Hợp Xướng **NGÀN KHƠI - Tứ Ca NGÀN KHƠI**
- Nhạc sĩ **NGUYỄN MỸ LỆ** đàn dương cầm
- **KIM TƯỚC - MAI HƯƠNG - QUỲNH GIAO - BÍCH LIÊN - LEAH NORTHCOTT**
- **NGA MI - TRẦN LÃNG MINH**
- **ANH DŨNG - NGUYỄN THÀNH VÂN - LÊ HỒNG QUANG - TRẦN THÁI HÒA**
- **MC PHẠM LONG & NGỌC HÀ**
- Đặc biệt **TRẦN LÃNG MINH** sẽ diễn ngâm thi phẩm Hồ Trường với sự phụ họa của giàn nhạc giao hưởng.

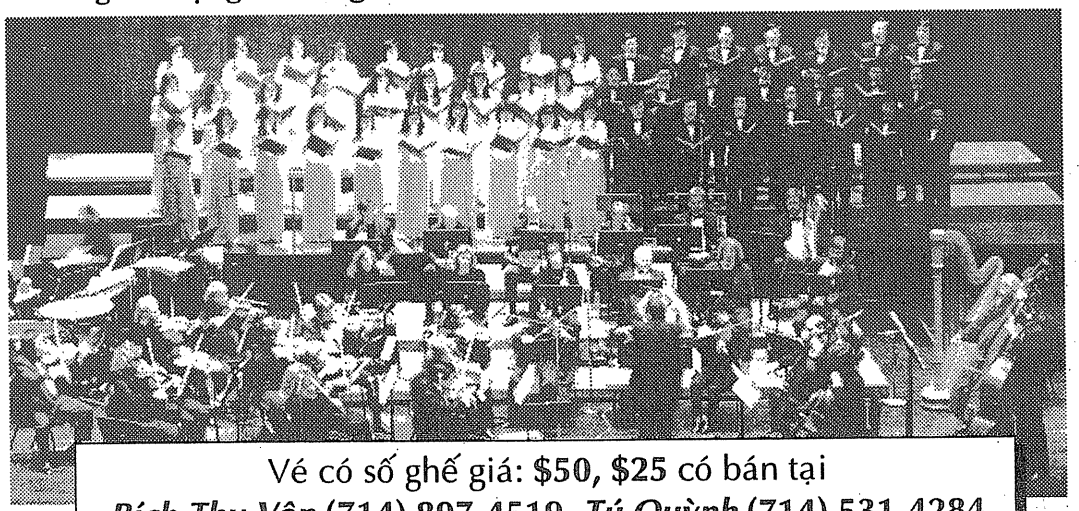

Vé có số ghế giá: **$50, $25** có bán tại
Bích Thu Vân **(714) 897-4519**, ***Tú Quỳnh*** **(714) 531-4284**
và ***BHX Ngàn Khơi*** **(714) 531-2773**
14265 Brookhurst, Garden Grove, CA 92843

Sponsored in part by ORANGE COUNTY Los Angeles Times

Tờ báo duy nhất trên thế giới chuyên về Sấm Ký

TIẾNG LOA CẢNH BÁO

Tràn ngập những bài về Sấm Ký Đông Tây, nhất là Sấm Truyền Thiên Chúa Giáo. Thí dụ:
Sấm Trạng Trình và Kinh Thánh Cựu Ước trùng hợp trong câu sấm đáng sợ :
"Mười phần chết bảy còn ba" (TLCB số 3)
Tiên tri I-sa-i-a : "Vì tội lỗi của mọi tầng lớp chúa chiên và con chiên:
Thiên Chúa sắp đập tan Giáo Hội Công Giáo" (TLCB số 10)
Bài sấm huyền bí nhất trong Sấm Truyền: Người Phụ Nữ sách Khải Huyền (TLCB số 10)
Tiên tri tổng hợp : Ngày Tận Thế đã gần kề (TLCB số 8)
Tiên tri A-mos : Sẽ có một cuộc đại trừng phạt *"Mười phần chết chín"* (TLCB số 3)
Tiên tri tổng hợp : Một trận Tắm Máu vô cùng khủng khiếp sắp xảy ra (TLCB số 4, 5, 6,7,8,9)
Thánh tiên tri Hildega: Mỹ sẽ bị tàn phá bởi sóng thần do Sao chổi rớt xuống biển (TLCB số 1)
Tại sao Bí Mật Fatima Thứ Ba bị bưng bít: động cơ bí ẩn (TLCB số 3)
Tổng hợp Sấm Truyền Kinh Thánh về Cộng Sản :
"Đêm Giữa Ban Ngày" (TLCB số 4)
" Bão nổi lên rồi " (TLCB số 6)
Góc-ba-chóp trong Sấm Kinh Thánh từ 28 thế kỷ trước (TLCB số 5)
Nước Nga là chiếc Roi Sắt trong tay Thiên Chúa (TLCB số 4)
Đế Quốc Cộng Sản, một trại tù khổng lồ (TLCB số 8)
Cộng Sản chỉ giả vờ chết (TLCB số 3)
Tiên tri Đa-ni-en : Chủ nghĩa Cộng Sản: **"Thú Vật Xã Hội Chủ Nghĩa"** (TLCB số 5)
Thủ đô nước Nga là hang sư tử khát máu (TLCB số 7)
Sấm Kinh Thánh nói gì về vụ Thành phố Saigon mất tên (TLCB số 7)
Cộng Sản sẽ bất thần vùng dậy tấn công và tiêu diệt Tây Phương (TLCB số 10) :
Cộng Sản sẽ bá chủ thế giới trong một thời gian ngắn (TLCB số 11)
Rồi Cộng Sản sẽ bị Thiên Chúa tiêu diệt trọn vẹn, không một tên nào thoát (TLCB số 12)
Phần thưởng tối hậu Thiên Chúa dành cho CS : đáy Hỏa Ngục (TLCB số 12)
Quỷ Vương đã thực sự ra đời (TLCB số 4)
Sấm ngôn Dozulé : Sẽ không có Năm Thánh 2000 (TLCB số 8).
Tượng gỗ tại Nhật Bổn khóc chảy máu và nói tiên tri: **Trận tắm máu vĩ đại sắp xảy ra** (TLCB số 9) v.v.

Xuất bản mỗi tháng. Chủ biên : TRƯƠNG TIẾN ĐẠT, cựu Thượng Nghị Sĩ VNCH, nguyên Thẩm Phán các tòa Saigon,Biên Hòa,Chánh Án các tòa An Xuyên và Bình Dương,Luật Sư Tòa Thượng Thẩm Saigon. Là người đầu tiên trong lịch sử đã tìm ra được định luật giải thích các sấm ngôn bí ẩn trong Kinh Thánh, đã tìm ra được một bộ chìa khóa cần thiết, nhờ đó, đã khám phá ra hai bộ sấm ký quan trọng là sách Gióp và sách Thánh Vịnh xưa nay chưa ai biết đó là sách Sấm Ký. Tác giả nhiều sách nổi tiếng trên thế giới như CON RỒNG ĐỎ (giá $15.), THE RED DRAGON ($15.), TRƯỚC CƠN GIÔNG TỐ (Giáo Hội C.Giáo trước cơn khủng hoảng và tan rã: giá $10.), BIẾN CỐ ĐẠI CẢNH BÁO (giá $5.), SẤM KINH THÁNH MẬT VĂN (giá $5.).

PHIẾU MUA BÁO.- Tên _____Điện thoại _____
Địa chỉ : _____
Xin mua báo kể từ số _____.Một năm 12 số : $35. Nửa năm 6 số : $20. Canada một năm:US$45; nửa năm:US$25. Âu Châu một năm:US$70;nửa năm:US$40. Úc và Á châu: một năm US$80. nửa năm: US$45.
[ ] Tôi là độc giả mới xin mua một năm và xin được tặng một cuốn Con Rồng Đỏ.
[ ] Tôi là độc giả xin gia hạn một năm và xin được tặng một cuốn Con Rồng Đỏ.
Chi phiếu xin trả cho TRUONG TIEN DAT, gửi về : P.O.Box 59039,San Jose,CA 95159.Phone:408-289-1252.Fax:408-289-1254.

CẦN CÓ CĂN BẢN ANH VĂN VỮNG CHẮC ĐỂ ĐƯỢC

TĂNG LƯƠNG TIẾN CHỨC

TRAU GIỒI ANH NGỮ NHANH NHẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP TÂN TIẾN

MODERN ENGLISH

Bộ sách **Modern English** sẽ giúp quí vị có một căn bản vững chắc về phát âm (*pronunciation and word drills*), ngữ vựng và thành ngữ (*vocabulary and idioms*), văn phạm và cú pháp (*grammar and syntax*) và rất nhiều điểm thiết yếu mà chỉ có giáo sư **Lê Bá Kông** với 40 năm kinh nghiệm trong việc dậy Anh văn cho người Việt mới hiểu tường tận các khía cạnh tỉ mỉ và cần thiết.

THÍCH HỢP NHẤT CHO NGƯỜI VIỆT

Những phương pháp thính thị (*audio-visual*), tranh ảnh (*flash cards*), video, ..., chỉ loanh quanh vài trăm ngữ vựng với một số rất hạn chế về cách đặt câu. Như thế chỉ có thể dậm chân tại chỗ với trình độ tiếng Anh sơ đẳng (*elementary English*). Học Anh văn để mỗi ngày tiến bộ lên trình độ cao hơn để đọc, nói và viết ngôn ngữ này chuẩn xác, chứ không phải nói liến thoắng, nhưng sai be bét, là mãn nguyện. Quí vị sẽ phải dùng tiếng Anh suốt đời, vậy phải trau giồi Anh văn, cần biết tường tận ngôn ngữ này, không nên tự mãn với vài câu nói thường đàm.

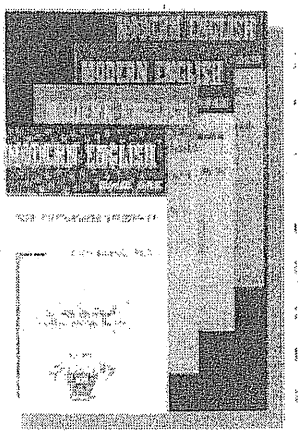

Bộ sách và băng cassettes **Modern English** gồm:

- **4 cuốn sách giáo khoa**, trình độ Sơ cấp tới Hoàn bị (có thể đọc sách, báo chí, đơn từ).
- **4 cuốn sách hướng dẫn**, dịch ra Việt ngữ toàn bộ 160 bài học trong bộ sách, phần hướng dẫn sửa hơn 1,000 bài tập, giúp người học trả lời các câu hỏi sau mỗi bài học.
- **8 cuộn băng cassettes C-90** với giọng cô Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York.

KẾT QUẢ NHANH CHÓNG

Sau 30 ngày dùng phương pháp **Modern English** quý vị sẽ thấy tiến bộ ngay.

CĂN BẢN ANH NGỮ VỮNG CHẮC

Đặc điểm của bộ sách:

- Bài học vui, ý nghĩa, thích hợp, thực tế.
- Đặc biệt chú ý phát âm tỉ mỉ, chi tiết, phân biệt âm dài ngắn, vần nhấn mạnh (*stress*), lên xuống giọng (*intonation*).
- Phần vấn đáp nhằm luyện đàm thoại.
- Phần văn phạm và cách đặt câu (*grammar and syntax*) được dẫn giải kỹ lưỡng, giúp người Việt học dễ hiểu và thực hành nhanh.
- Mỗi bài học gia tăng số ngữ vựng và thành ngữ để người học dễ diễn đạt ý tưởng.

CÔNG PHU MỸ THUẬT

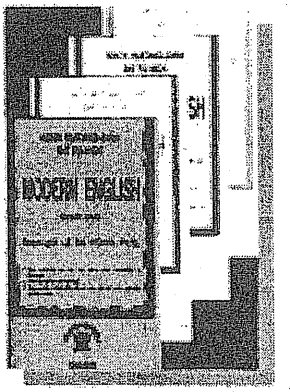

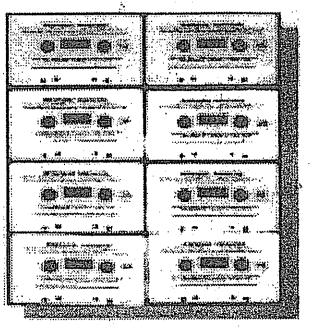

Giá cho toàn bộ Modern English là US$99.
Giá đặc biệt khi mua chung bộ Modern English và bộ TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT & VIỆT-ANH, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Ziên Hồng (phát âm tiếng Anh theo vần Quốc ngữ ta), bìa bọc plastic, là US$120.
Canada xin thêm 10%, các nước khác 20% cho cước phí.

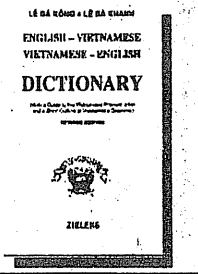

Zieleks Company Inc.
(Ban Tu Thư Ziên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783
Xin gửi check hay money order
Có nhận credit card

Xin gửi về: **Zieleks Company Inc.**, 2109 Kilkenny Drive - Dept. TK, Pearland, Texas 77581, USA - phone (281) 481-3783
Xin gửi cho chúng tôi: ☐ Bộ Modern English - US$99. ☐ Bộ Modern English và bộ Tự Điển Anh-Việt & Việt-Anh - US$120.
Kèm theo đây là: ☐ check ☐ money order ☐ chi tiết cho credit card (*Canada xin thêm 10%, các nước khác 20% cho cước phí*)
Tên _____ Địa chỉ _____ Tỉnh _____ Tiểu bang _____ Zip _____
Nếu dùng credit card:
Số _____ Tháng/năm hết hạn _____ Chữ ký _____ Điện thoại _____

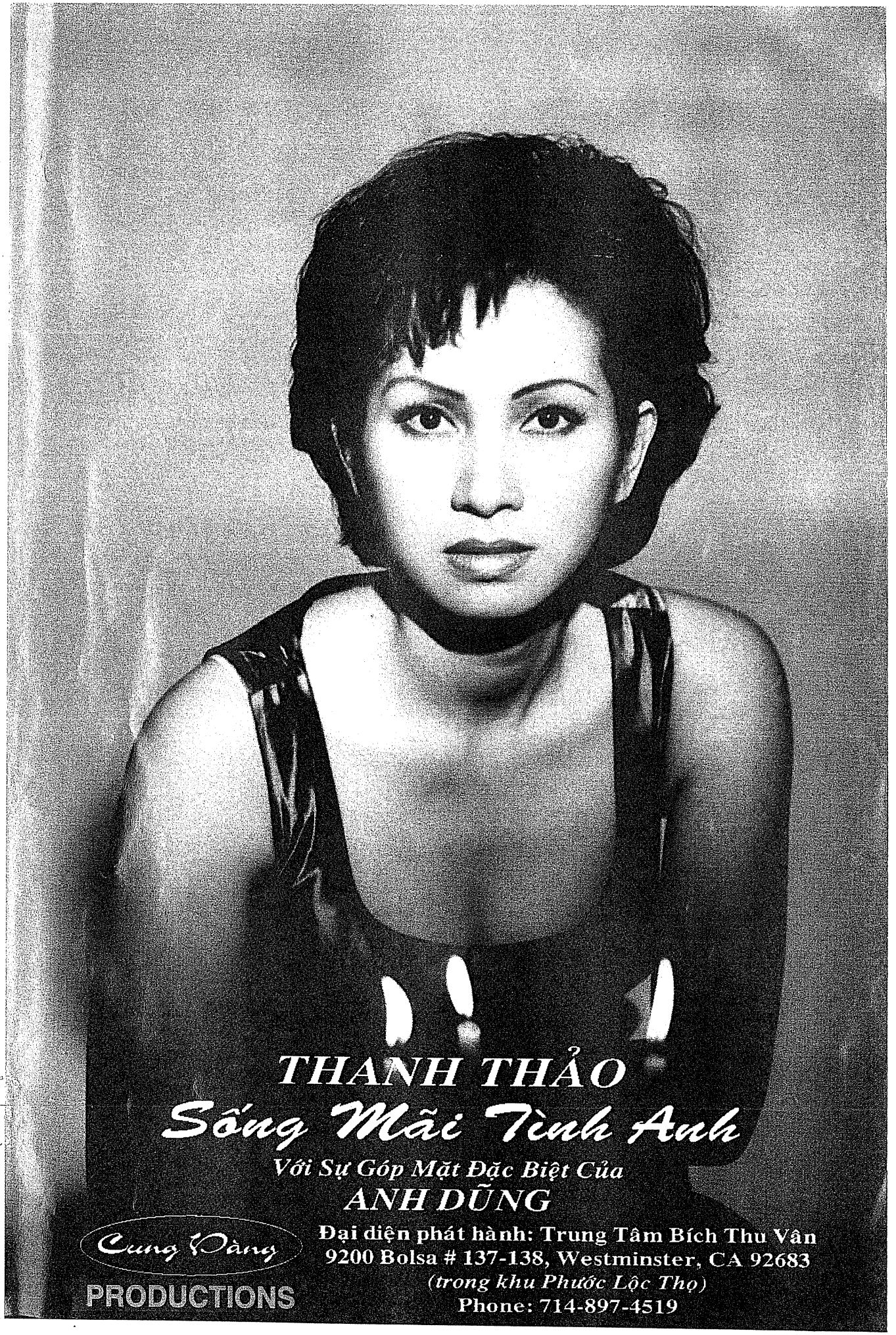
THANH THẢO
Sống Mãi Tình Anh
Với Sự Góp Mặt Đặc Biệt Của
ANH DŨNG
Cung Đàng
PRODUCTIONS
Đại diện phát hành: Trung Tâm Bích Thu Vân
9200 Bolsa # 137-138, Westminster, CA 92683
(trong khu Phước Lộc Thọ)
Phone: 714-897-4519

Những chuyến du lịch tuyệt vời nhất trong năm dành riêng cho người Việt.

RẺ KHÔNG NGỜ

Hội Ngộ Trùng Dương

5PM Friday Dec 17.99

Tour 1

$397 (+tax-tips-trans)

RỜI CẢNG SAN PEDRO, LOS ANGELES
ĐẾN VỊNH ENSENADA, MỄ TÂY CƠ

Bao gồm: Vé tàu - 3 ngày ăn, ở - Xem tất cả chương trình văn nghệ!

Đây là chuyến du lịch trên mặt biển lần thứ 5 được V-Travel tổ chức bằng du thuyền của Carnival. Là dịp để quý vị hội ngộ người thân, gia đình, bạn bè, và thưởng thức những thú vui, những chương trình văn nghệ đặc sắc do các nghệ sĩ Việt Nam và Hoa Kỳ trình diễn liên tục. Ngoài ra, còn có sòng bài nổi để quý vị thử thời vận.

Tour 2

SAN FRANCISCO/LOS ANGELES/SEATTLE/PORTLAND
đến BẮC KINH - THƯỢNG HẢI - HÀNG CHÂU - TÔ CHÂU

$989 (+tax-tips-trans)

Bao gồm: Vé máy bay - 8 ngày du lịch - Khách sạn 5 sao - Ăn 1 ngày 3 bữa

Thăm viếng nhiều thắng cảnh và những di tích lịch sử:
Vạn Lý Trường Thành, Miếu Thiên Vân, Cung điện Mùa Hè Từ Hy Thái Hậu,
Cung Điện Vua Phổ Nghi, Nơi từ biệt Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài, Chùa Phật
Ngọc, Bến Thượng Hải, Xem ca múa, xiếc...

Tour 3

SAN FRANCISCO/LOS ANGELES/SEATTLE
đến ĐÀI LOAN hoặc HONGKONG - PATTAYA - BANG KOK

$989 (+tax-tips-trans)

Đặc biệt: Từ BangKok đi Việt Nam và từ Việt Nam trở về Hoa Kỳ chỉ trả thêm một ít tiền.

Bao gồm: Vé máy bay - 8 ngày du lịch - Khách sạn sang trọng - Ăn 1 ngày 3 bữa

Thăm viếng những di tích lịch sử, thắng cảnh, phim trường, xem cá sấu - voi biểu diễn, chợ nổi trên sông, chợ trái cây, chợ hoa, nhạc kịch...

Tất cả chuyến đi đều có hướng dẫn viên Việt Nam.
Vé rất giới hạn. Xin gọi ngay V-Travel để đặt chỗ.

V-Travel 408.925.9395 Ngoài San Jose **1-800-595-2555**

posted by Linn Pham 99